

TRẦN QUỐC VƯỢNG
NGUYỄN TRẦN ĐẢN
NGUYỄN TỬ CHI

3

NGHỊN
XƯA
VẪN
HIỆN



KIM ĐÔNG

TRẦN QUỐC VƯỢNG
TRẦN ĐẢN - NGUYỄN TỬ CHI

NGHĨN
XƯA
VĂN
HIỆN

Tập 3

(In lần thứ 3)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Bìa và minh họa: **Vũ Xuân Đông**

Trình bày bìa: **Phạm Quốc Cường**



Phần 8

Triều Trần đổ nát Núi Lam Sơn dựng
cờ cứu nước

Sớ chém bảy người



Chu Văn An người làng Quang Liệt nay là xã Thanh Liệt huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Thuở nhỏ, An sớm là người có nghị lực, ngày đêm chuyên cần học tập, lại chăm sửa mình cho trong sạch, không cầu danh lợi. Lớn lên đi thi, Chu Văn An đậu Thái học sinh (tiến sĩ) đời Trần. Ông là người ham đọc sách hơn ham mũ cao áo rộng nên ông không chịu ra làm quan mà lui về mở trường dạy học ở làng Huỳnh Cung, giáp làng Quang Liệt. Cái học của ông chủ ở thực hành, cốt xét cho rõ lẽ, giữ ngay chính lòng mình, trừ gian tà, bỏ thói bại. Học trò trong nước nghe danh đổ về theo học ông đông lắm. Trọng đạo làm thầy, giữ mình ngay thẳng, ông rất nghiêm nghị với học trò. Nhiều người sau này thành đạt rồi, như Phạm Sư Mạnh người ở Hiệp Sơn (Hải Dương) và Lê Quát người huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) đều đỗ Thái học sinh, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển (Tể tướng) mà khi về thăm thầy cũng phải quỳ lạy dưới giường. Hễ được thầy bảo ban cho mấy lời thì lấy làm hân hạnh lắm. Bả́ng có điê`u gì không phải, thầy liền quở trách ngay, có khi còn quát mắ`ng đuổi đi, không cho vào gặp. Khắ`p

thiên hạ từ quan đế n dân đế u tôn quý ông, kính trọng ông như bậc thầy.

Tiêng tăm ông lòng lẫy động đế n tận cung câ m. Vua Trầ n Minh Tông hâm mộ, liề n vời ông ra làm Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, giảng sử sách cho thái tử. Đáp lại thành lý của vua, ông đành rời Huỳnh Cung vào kinh thành nhận chức. Khanh tướng trong triề u, nho sĩ bô n phương hay tin â y đế u hoan hỉ. Quan tư đô Chưong Túc Hầ u Trầ n Nguyên Đán⁽¹⁾ làm bài thơ mừng ông, trong có câu:

Học hải hồ i lan tục tái thuầ n

Thưòng trường Sơn Đầ u đấ c tư nhân.

(Bể học xoay chiề u sáng, phong tục trở lại thuầ n hậu.

Trường cao câ p nhầ t nước mời đưọc ông thầy sáng như sao Bắ c Đầ u, vững tựa núi Thái Sơn).



Vua Minh Tông mất, Trần Dụ Tông lên ngôi, chơi bời hư hỏng, phung phí của kho, tàn hại sức dân. Năm Quý Mão (1363), Dụ Tông sai đào hồ lớn ở vườn ngự nơi hậu cung; trong hồ chắt đá giả làm núi, bốn mặt khai sông cho nước chảy vào. Trên núi trồng tùng trúc cùng nhiều thứ hoa thơm cỏ lạ, lại thả chim quý, thú hiếm. Phía tây hồ trồng hai cây quế, lập một toà điện gọi là Lạc Thanh điện và gọi hồ ấy là Lạc Thanh Trì. Lại đào một hồ nhỏ khác, bắt nhân dân Hải Đông chở nước biển về đổ vào đó để nuôi các hải vật như đồi mồi, ba ba, cá bễ; buộc dân chúng Hoá Châu (Thừa Thiên) chở cá sấu đem về thả. Dụ Tông còn dung túng bọn nịnh thần lộng hành; nghe viên Ngự y Trâu Canh giết trẻ con lấy mật hoà với rượu làm thuốc uống cho khoẻ người; rủ bọn hào phú Đình Bảng (Bắc Ninh), Nga Đình (Hà Tây) vào cung đánh bạc mỗi tiếng bạc đến ba trăm quan để mua vui. Khi ấy, dân bị lụt lội mất mùa, người chết đói đầy đường. Thế mà Dụ Tông vẫn cứ nhơn nhơn, miệt mài hoang chơi không hề lo nghĩ; lũ quỳn thần ra sức che đậy, bày trò mua vui xu nịnh nhà vua. Việc triều chính đổ nát, lòng người li tán, dân tình oán hận, nhóm nhau nổi dậy như ong. Đau lòng vì việc nước, Chu Văn An mách phèn mặc triều phục đội mũ, cầm hồ t đến trước bệ rồng giập đầu can ngăn. Dụ Tông vẫn không mảy may động lòng, lại có ý lánh tránh, không cho gặp. Chu Văn An bèn viết một tờ sớ dâng vua, xin chém bảy tên nịnh thần để trừ kẻ lộng quỳn, giữ yên phép nước. Người đời vẫn gọi biểu ấy là *Thất trăm sớ* (sớ xin chém bảy người). Sớ đệ vào, Dụ Tông nể bảy người quỳn quý đó nên bỏ qua. Chu Văn An thất vọng liền treo trả áo mũ vua ban ở ngoài cửa khuyết⁽²⁾, bỏ về quê, mở lại trường dạy học. Ít lâu sau, nhân ra chơi vùng Chí Linh (Hải Dương), thấy phong cảnh núi Phượng Hoàng đẹp, ông dời nhà đến ở, tự mệnh danh là *Tiêu Ân*⁽³⁾ làm thơ, dạy học.

Dụ Tông có lần tỏ ra hối tiếc, muốn mời ông lại trao cho chức quỳn. Ông thấy Dụ Tông vẫn hư hỏng thì cố từ chối, nhất định

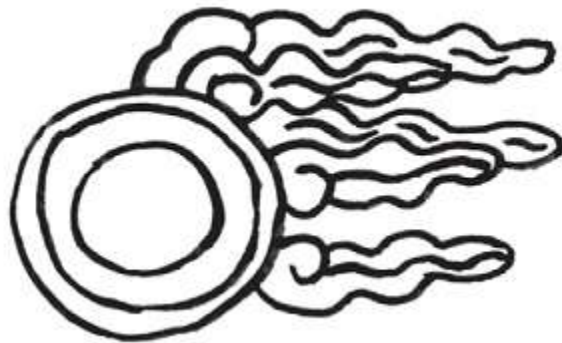
không chịu ra. Bà Huệ Từ Thái hậu biết chuyện, mới bảo Dụ Tông:

- Người ấy là bậc cao hiền. Nhà vua không thể bắt người ta làm bề tôi được thì làm sao có thể giao chính sự cho người ta.

Vua giữ lòng kính trọng, thường sai người đem lễ vật đến ban tặng. Ông đều kiêu có chổ i từ. Lần nào khó từ tạ phải nhận, ông liền đem cho hết.

Năm Canh Tuất (1370), ông mất tại nhà riêng ở Chí Linh. Vua Trần Nghệ Tông mới lên ngôi, nhưng vốn mê n tài đức ông, nên sai quan đại thần về tận quê ông để tế, lại ban tên thụy là Văn Trinh và cho thờ ở Văn Miếu.

Bức thư vạn lời



Năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly cướp ngôi vua Trần. Một viên quan nhà Trần là Bùi Bá Kỳ, bỏ trốn sang nhà Minh, Bá Kỳ xưng là Nam Triều Trung Nghĩa dâng tờ biểu lời lẽ rất thông thiết xin đem quân sang cứu lập lại ngôi vua cho con cháu họ Trần.

Bấy giờ vua Minh đang muốn thu phục cả thiên hạ, nay nhân có ấy mới bảo bọn Chu Năng, Trương Phụ, Mộc Thạnh:

- Cha con Hồ` Đê⁽⁴⁾ can tội bội nghịch, quỷ thần không dung. Thế` mà thần dân trong nước giấ`u giế`m che chở, vậy thì tất cả nước đê`u là kẻ có tội, không thể nào tha thứ được.

Chu Năng, Trương Phụ đê`u nói:

- Họ Trầ`n được phong, đời đời lo giữ chức phận tiế`n công. Cha con Hồ` Đê làm việc thoán nghịch. Nạn của công thần không thể không cứu; tội của cuồ`ng tặc không thể không trị. Vì nghĩa mà xuấ`t binh, ai dám không theo! Và chẳng, dân nước Nam đời đời đội ơn họ Trầ`n, cái tình đang còn; nay ta ra hịch giúp Trầ`n diệt Hồ`, dân Nam tất nhóm nhau bỏ theo thiên triề`u⁽⁵⁾. Họ diệt Hồ` xong, tìm bọn kì lão trong nước xưng lên là họ Trầ`n đã tuyệt, ta nhân đấ`y mà nhập Giao Chỉ vào nội địa. Thế` là tồ`n một công mà lợi hai việc vậy.

Vua Minh thấ`y hợp ý bèn y lời. Cuồ`i năm Bính Tuất (1406) bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh dẫn hơn hai chục vạn quân ô`ạt vào nước ta. Bùi Bá Kỳ cũng theo chân về`. Đế`n ải Pha Luỹ, Trương Phụ treo bảng kế`t tội Hồ` Quý Ly giế`t vua, nêu danh diệt Hồ` giúp Trầ`n, Phụ lại viế`t lời lẽ xảo trá ấ`y vào ván gỗ thả xuồ`ng sông cho theo dòng về` xuôi. Bởi thế`, nhiề`u người nhẹ dạ đã ngã lòng tin theo. Quân nhà Hồ` tan vỡ, cha con họ Hồ` đê`u bị bắ`t. Đầ`u năm Đinh Hợi (1407), Trương Phụ vờ ra chiế`u tìm con cháu họ Trầ`n. Lũ ngụy quan Mạc Thuý giả danh là kì lão nước ta làm tờ biểu tâu lên vua Minh: "*Họ Trầ`n không còn ai nữa, mà đầ`t An Nam vô`n là đầ`t Giao Châu ngày xưa. Vậy xin đặt làm quận huyện như cũ*". Vua Minh vội xuồ`ng chiế`u đổi An Nam làm Giao Chỉ và sát nhập vào bản đồ` nhà Minh. Bùi Bá Kỳ thì được bỏ chức Tham Nghị, làm quan cai trị ở ty Bô` Chính⁽⁶⁾.

Việc bạo ngược ấ`y của giặc làm người nước ta ai nấ`y đê`u căm giận. Khi ấ`y ở làng Mộ Trạch, phủ Bình Giang (Hải Dương) có một

người tên là Lê Cảnh Tuân. Cảnh Tuân ngày trước vô n chơi thân với Bùi Bá Kỳ thấ y vậy bèn viế t một bức thư dài vạ n lời gửi cho Kỳ. Người đời quen gọi là *Vạ n ngôn thư*. Thư đại lược viế t:

1- Nhà Minh đã có sắ c ban cho Các hạ⁽⁷⁾ theo quân (Trương Phụ) tiế n đánh, đợi khi bắ t được họ Hồ` thì chọn lập con cháu họ Trầ n làm vua; lại gia thêm tước cho Các hạ ở lại giúp nước. Thế` mà nay họ Hồ` đã bị bắ t, con cháu họ Trầ n không thấ y lập, lại thấ y đặt ti Bô` Chính, cho Các hạ làm quan cao; còn họ Trầ n thì chỉ được cái đề`n thờ với mấ y người đề`n quét tước đèn hương. Vậy Các hạ có thể tâu lại với vua Minh nói lời của quan lại kì lão nước ta kể rằ ng con cháu họ Trầ n chưa tuyệt, đề` nhà Minh ban chiế u sắ c khác lập lại ngôi nhà Trầ n: *ấ y là thượng sách*⁽⁸⁾.

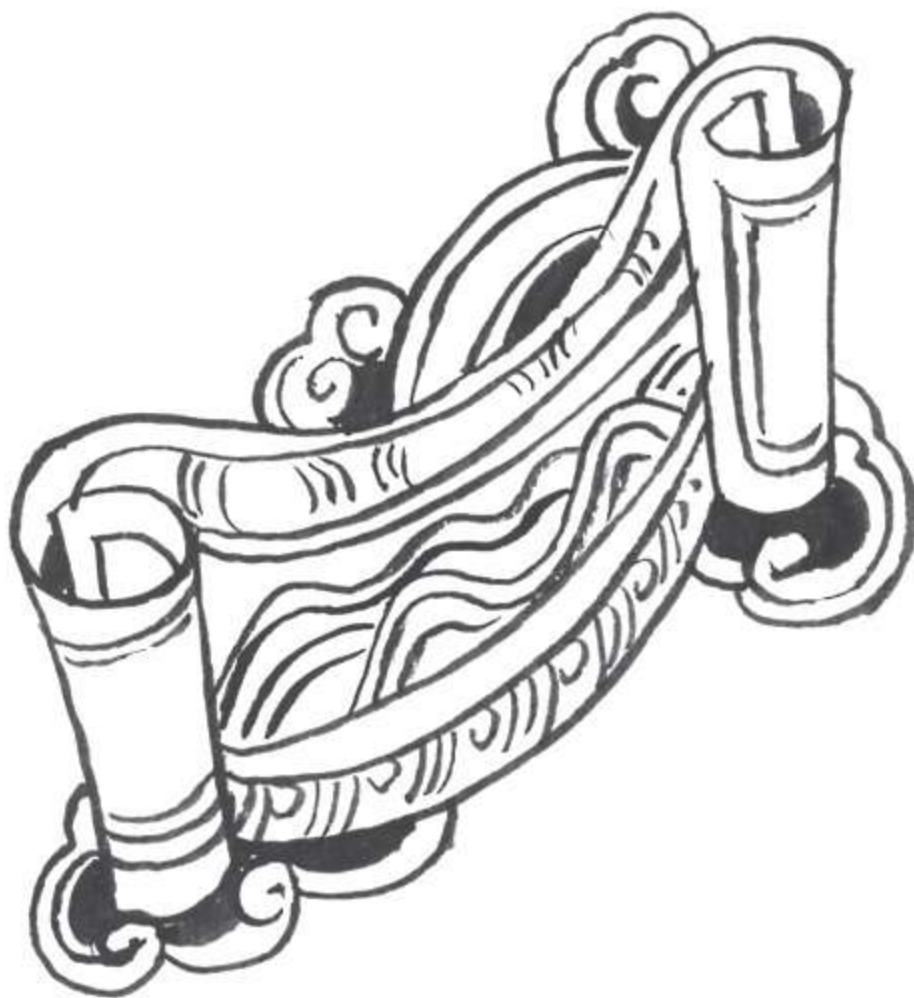
2- Không thế` nữa, xin Các hạ thôi quan chức quay về` tình nguyện làm viên quan coi giữ đề`n thờ họ Trầ n: *ấ y là trung sách*.

3- Nhược bắ`ng Các hạ cứ tham chức quan cao, tiế c bổng lộc nhiề u: *ấ y là hạ sách* vậy.

Nế u như Các hạ theo thượng sách thì tôi đây tự ví như những vị nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trầ n bì đựng trong giỏ thuố c, đề` tùy Các hạ lấ y dùng⁽⁹⁾. Các hạ mà theo trung sách, tôi xin làm một kẻ bung khay chén đi theo đề` Các hạ sai bảo. Còn như Các hạ theo hạ sách, thì tôi xin lui mà tìm nơi vắ ng về` đề` câu, kiế m chỗ thanh nhàn đề` cày cho qua đi cái tuổi số`ng thừa... Bá Kỳ được thư thì giật mình hổ` thẹn. Nhưng Kỳ cũng không theo được như trong thơ của Lê Cảnh Tuân đề` dâng biểu xin vua Minh lập lại nhà Trầ n. Tuy nhiên, từ bắ y giờ, Kỳ cũng không ra nha môn dự việc với bọn quan lại, chỉ ở nhà, thu nạp các triề`u thầ n cũ nhà Trầ n phần chí đi ẩ n. Tháng Mười năm ấ y (Đinh Hợi - 1407), Trầ n Nguyệt Hồ` và Phạm Chấ n dấ y quân xưng là con cháu nhà Trầ n, trương cờ *Trung Nghĩa* nổi lên ở Bình Than (Hải Dương). Trương Phụ ngờ Bá Kỳ hai lòng ngắ m

giúp nghĩa quân, liền hạ lệnh tổng ngục giải về Kim Lăng (Nam Kinh). Quân Minh đến nhà Kỳ tịch biên gia sản, bắt được bức thư của Lê Cảnh Tuân. Phụ lập tức sai truy lùng ráo riết. Cảnh Tuân phải thay họ đổi tên trốn tránh.

Đến năm Giáp Ngọ (1414), nhà Minh đánh dẹp xong các cuộc khởi binh của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng, mới cho mở trường học ở các phủ, huyện, châu để kén người cho làm nguy quan. Cảnh Tuân muốn nhân cơ hội ấy tìm người xứng nghĩa, mưu việc phục quốc, mới dấn thân ra làm chức giáo thụ. Chẳng ngờ, ít lâu sau, việc làm của Cảnh Tuân không lọt qua mắt bọn tay chân giặc. Có kẻ tìm đến cáo cấp với Trương Phụ:



- Người ấy lời lẽ khác thường, không chịu rửa bỏ hết ý nghĩ cũ, không phải là kẻ thực lòng quy phục. Nếu không tra xét rõ tông tích, khám phá hết mưu đồ, e sau này khó tránh khỏi tai họa.

Phụ vôi sai người ngậm láp bút tích Cảnh Tuân để so, mới biết Tuân chính là người viết bức *Vạn ngôn thư*. Phụ túc khấn cho quân đến vây bắt giải sang Trung Quốc. Ba con Cảnh Tuân đưa cha đến biên giới đều khóc xin được theo để hậu hạ báo hiếu. Ông ung dung gọi các con lại, bảo nhỏ:

- Thái Diên là con trưởng nên theo ta. Còn hai con Thúc Hiến và Thiệu Đĩnh phải về phụng thờ tổ tiên mưu việc báo nước!

Thúc Hiến, Thiệu Đĩnh vâng lời, vái lạy cha và anh rồi quay về Đông Quan⁽¹⁰⁾, Thượng thư Hoàng Phúc coi cả hai ti Bộ Chính và Án Sát muốn thu phục Hiến và Đĩnh, bèn gọi đến cho đi học, hứa nếu thực lòng theo sẽ trao cho chức tước làm quan. Thúc Hiến, Thiệu Đĩnh bậm nhau giả nghe lời để tạm náu mình chờ đợi thời cơ. Được vài năm, nghe tin Lê Lợi dấy binh, hai anh em lập tức bỏ trốn vào Lam Sơn ứng nghĩa, lập được nhiều công.

Lê Cảnh Tuân và con là Thái Diên sang Kim Lăng. Nghe Lê Cảnh Tuân, người viết bức *Vạn ngôn thư*, có tiếng là “*trung quán nhật nguyệt*” (trong suốt cả hai vầng mặt trăng, mặt trời), vua Minh muốn biết mặt liên cho gọi lên Yên Kinh (Bắc Kinh). Cảnh Tuân vào gặp cứ đứng trân trân, nhất định không chịu quỳ lạy. Vua Minh đỏ mặt quát hỏi:

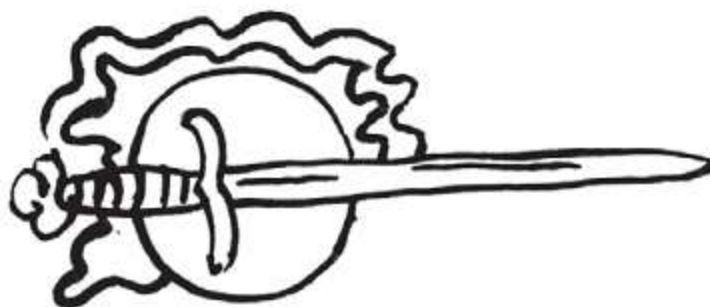
- Người xui Bá Kỳ lập con cháu họ Trần âm mưu làm phản, thế nghĩa làm sao?

Cảnh Tuân điềm nhiên đáp:

- Ta là người nước Nam, chỉ lúc nào cũng nghĩ là nước Nam còn!
Kẻ lạ vào nhà không phải là chủ thì chó phải cắn. Đó là lẽ đương nhiên, còn hỏi làm gì nữa!

Vua Minh giận dữ, tức khắ c ra lệnh tống Lê Cảnh Tuân và Thái Diên xuống ngục Cẩm Y. Hai cha con mặt không biế n sắc, ung dung bước vào ngục tồ i, sau đê`u nhin ăn mà chề t.

Gác thù riêng báo đền nước



Đặng Tấ t, người huyện Thiên Lộc, phủ Nghệ An (Cao Lộc, Hà Tĩnh), có ba người con trai: Đặng Dung, Đặng Doãn, Đặng Thiế t. Tháng Mười năm Đinh Hợi (1407), con thứ vua Trầ n Nghệ Tông là Trầ n Quĩ xung là Giản Định Đê` dắ y quân ở Trường Yên (Ninh Bình). Vừa nhóm binh, Quĩ liề n bị quân Minh kéo đê`n vây đánh phải chạy về` Nghệ An. Đặng Tấ t vô`n là quan nhà Hồ`, giặc bức bách quá phải trá hàng, nhận ra làm đại tri châu ở Hoá Châu; nay nghe tin Quĩ khởi nghĩa liề n giế t sạch bọn quan lại nhà Minh ở đấ t á y, đem cả ba con cùng quân sĩ ra tôn phò. Tấ t gả con gái cho Quĩ và đưoc phong làm Quố c công. Một cựu thầ n nhà Hồ` khác là Nguyễn Cảnh Chân cũng hưởng ứng, đem con là Nguyễn Cảnh Dị về` theo. Bởi thế`, quân lực của Trầ n Quĩ dầ n dầ n mạnh lên. Năm sau, Đặng Tấ t, Nguyễn Cảnh Chân cùng Trầ n Quĩ dẫn quân tiế n vào chiế m Thuận Hoá, trở ra lắ y Tân Bình, Nghệ An,

Diễn Châu, Thanh Hoá rồi ruổi binh ra Bắc. Dân các lộ đều nổi lên, thanh thế to lớn.

Vua Minh vội điều động bốn vạn binh, sai Kiêm Quốc công Mộc Thạnh, Binh bộ thượng thư Lưu Tuân sang cứu viện. Đặng Tất, Cảnh Chân đắp lũy rào chông ở hai bờ và đóng cọc giữa dòng sông Bô Cô (Ý Yên - Nam Định) để chờ giặc. Mộc Thạnh, Lưu Tuân cùng bọn Lữ Nghi, Hoàng Phúc đem đại quân thủy bộ xuống quyết chiến một trận để phân thắng bại. Hai bên đánh nhau dữ dội suốt một đêm một ngày. Cha con Đặng Tất, Cảnh Chân và các tướng đều dốc lòng trở sức cự địch, chém được đầu Đô ti Lữ Nghi, Thượng thư Lưu Tuân, Tham chính Lưu Dục, Đô chỉ huy Liễu Tôنگ. Mộc Thạnh thua to, trốn thoát được vào tháng Chạp năm Mậu Tý (1408).

Trần Quý muôn tràn lên vây đánh Cổ Lộng rồi thẳng tiến về Đông Quan, Đặng Tất can:

- Xưa Đường Thái Tông dùng binh hay lấy thế chế tre để giành thắng lợi vì Thái Tông có quân đông tướng mạnh, binh sĩ được luyện tập, chiến khí lương thực đầy kho. Nay nhà vua đem quân từ xa tới, đánh giặc liên tay không nghỉ, người ngựa đều hao hụt, lương thực vũ khí chưa tiếp tới, binh lính các lộ chưa nhóm xong. Lấy quân mệt nhọc ngoài đường đánh quân liên u chốt trong thành sao tránh khỏi thất bại! Xin hãy bắt hết giặc còn sống sót trốn tránh để trừ hậu họa trước đã, rồi sau sẽ chỉnh đốn quân lực, sửa sang chiến khí tiến ra Bắc cũng không muộn.

Vua tôi bàn cãi dùng dằng chưa quyết. Mộc Thạnh được viện binh từ Đông Quan tới đón, liền bỏ thành Cổ Lộng chạy thoát. Việc ấy làm Trần Quý phật ý, sinh ra nghi ngờ Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. Dưới trướng Trần Quý bấy giờ có Nguyễn Quý và Nguyễn Mộng Trang. Nguyễn Quý, Mộng Trang vốn là kẻ bất tài, theo Trần Quý chỉ là hóng hớt hư danh nên bấy lâu vẫn có ý ghen

ghét tị hiềm với Đặng Tất, Cảnh Chân. Nay nhân thế liền ỏn thót gièm pha:

- Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân chuyên quyên định đoạt, nếu không sớm tính liệu đi thì sau này khó mà chế (11) được.

Trần Quý là người hèn kém nhu nhược, chí khí thấp như ngọn cỏ. Khi nhà Hồ bị diệt, Quý vội ra hàng nhà Minh. Nhưng vì Quý cũng được họ Hồ phong tước vương nên lại sợ giặc Minh vin có đó mà bắt giải về Kim Lăng, bèn bỏ trốn. May sau được Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân tôn phù, ra công giúp rập, Quý mới có được cơ ngơi to lớn. Bởi thế, khi nghe bọn Quý, Trang nói vậy, Trần Quý chột lo sợ, vội nghe theo. Quý giả vờ mời Đặng Tất, Cảnh Chân đến bàn việc quân. Tất, Chân lòng ngay dạ thẳng được vua gọi thì về. Vừa vào đến thuyên, Trần Quý sai người mai phục sẵn, đổ ra chém chết Đặng Tất ngay trên thuyên. Cảnh Chân đi sau, thấy vậy kinh hoàng vội quay đầu chạy. Quý hô tay chân đuổi theo, giết nốt.



Đặng Dung nghe tin dữ thì bung mặt khóc oà lên ba tiếng rồ ì lau ráo nước mắt, bảo tướng sĩ dưới quyên:

- Vận nước không may, anh hùng ôm hận. Thương thay, thương thay!

Tướng sĩ Hoá Châu nhiê`u người tức giận, muô`n tính chuyện trả thù cho chủ soái, nói:

- Việc nước chưa xong lại nghe lời xu nịnh mà giê`t bê` tôi trung, vua thê` để sao được!

Đặng Dung nghiêm sắc mặt mắ`ng:

- Hiê`u nhưng phải lâ`y trung làm trọng. Nợ nước chưa đê`n, giặc thù còn kia, sao lại xui ta nghĩ đê`n chuyện nhà mà quên nợ nước. Thê` sao gọi là hiê`u được!

Đoạn dụ giọng bảo:

- Nhà vua câ`m cương mà không biê`t ngựa nào là ngựa hay. Dẫu có nhọc lòng đê`n má`y cũng chỉ tô`n sức. Ta đi thôi, tìm minh chúa⁽¹²⁾ mà tôn phù!

Dứt lời, cùng hai em dẫn quân bản bộ bỏ đi ngay. Cảnh Dị cũng kịp đê`n họp quân theo về` Nghệ An. Đầ`u năm Kỷ Sửu (1409), Đặng Dung, Cảnh Dị ra Thanh Hoá rước cháu nội vua Trầ`n Nghệ Tông là Trầ`n Quý Khoáng vào Chi La (Hà Tĩnh) và lập làm vua. Quý Khoáng lên ngôi đặt niên hiệu là Trùng Quang Đê`, phong Đặng Dung làm Đô`ng binh Chương sự, Cảnh Dị làm Thái bảo, Nguyễn Suárez làm Thái phó. Bắ`y giờ, ngoài Bắ`c thì có Trầ`n Quý, ở Nghệ An thì có Trầ`n Quý Khoáng. Thắ`y thê`, Đặng Dung mới bàn với Cảnh Dị và Nguyễn Suárez:

- Một nước mà hai vua thì lòng người khó theo. Giản Định và Trùng Quang tuy là hai nhưng đê`u là con cháu một họ Trầ`n. Nên

đưa Giản Định về hợp lại cùng lo toan việc nước cho dân biết tất mọi quy tụ mà chuyên tâm tôn phò.

Dị và Suý cũng nói:

- Giản Định là con thứ tiên đế, Trùng Quang là cháu nội. Ta nên tôn Giản Định làm Thái Thượng Hoàng, Trùng Quang thì giữ ngôi vua. Thế là vừa đúng theo thường điển bản triều⁽¹³⁾ lại vừa hợp với tôn ti hoàng tộc.

Mọi người đều khen phải, cử Nguyễn Suý dẫn đoàn du binh đi đường tắt ra Ngự Thiên (Thái Bình) bất ngờ đánh úp, bắt được Giản Định Trần Quý đưa về Nghệ An. Đặng Dung, Cảnh Dị được tin, vội đem quân ra ngoài thành lạy chào. Trần Quý thấy Đặng Dung, Cảnh Dị mặc võ phục đeo gươm, oai phong lẫm liệt thì sợ hãi không yên. Đặng Dung, Cảnh Dị biết ý, sau này mỗi khi có việc vào chầu đều bỏ hết võ phục, khí giới không mang. Tướng sĩ biết chuyện, ai cũng khen lắm.

Từ khi thu về một mọi, quân lực nghĩa quân càng mạnh, thanh thế càng lớn. Minh Thành Tổ phải hai lần cử Trương Phụ làm tổng binh cầm bốn năm vạn quân sang cứu khổn cho Mộc Thạnh, Hoàng Phúc. Đặng Dung khi thì giữ cửa Hàm Tử, cùng với Cảnh Dị trấn ở Bình Than quyết chiến với giặc, khi lui về đóng cọc lầy đá lấp cửa bể Thôn Đầu để cự địch, lại hợp với Cảnh Dị nhiều phen tung quân thủy ra Bắc đánh phá. Giặc Minh bị tổn hại rất nhiều, vất vả và lao đao mà vẫn không làm gì được Đặng Dung, Cảnh Dị. Bởi thế, khi bị vua Minh gọi về, Trương Phụ lo lắm, vội dâng biểu tâu rằng: *“Nay vì thủ lĩnh giặc là Trần Quý Khoáng, đảng giặc là Nguyễn Suý, Hồ Cự, Nguyễn Cảnh Dị còn ở Diễn Châu, Nghệ An bức gần Thanh Hoá; Đặng Dung lãnh quân lấp cửa bể Thôn Đầu, cửa sông Phúc Thành, chiếm giữ các đường xung yếu ở Thanh Hoá, ra vào cướp phá cửa bể Đại An. Nay điếu hết quan*

quân về, sợ rằng Kiêm Quốc công Mộc Thạnh binh ít không địch nổi”.

Mãi sau này, xong việc Bắc chinh đánh Thát Đát (Mông Cổ), đầu năm Quý Tỵ (1413), Trương Phụ mới dồn hết đại binh cùng bọn Mộc Thạnh, Hoàng Phúc, Phương Chính, Tiết Tụ, Chu Vinh, Trần Húc, Chu Quảng, Hoa Anh, Sư Hựu, Dương Hồng, quân đông tướng mạnh chia hai đường thủy bộ đánh tràn vào Thanh Hoá, Nghệ An, Hoá Châu. Nghĩa quân tan vỡ dần. Đặng Dung, Cảnh Dị, Nguyễn Suý rước Quý Khoáng lui về Thuận Châu (Quảng Trị), bày trận ở sông Ái Tử (một nhánh sông Thạch Hãn) để cự địch. Giặc tung hết quân kị, quân thủy bộ ồ ạt tiến đánh. Quân ta chống lại quyết liệt. Một đêm, Đặng Dung dẫn quân cảm tử dùng thuyền nhỏ tiến thẳng vào đại bản doanh của Trương Phụ đánh úp. Quân Dung phóng lửa đốt thuyền giặc rồi vác dao kiếm trèo lên chém giết. Dung cuội một chiếc thuyền nhẹ xông trận, dùng cung tên bắn ngã nhiều tên. Thấy một chiếc thuyền rất to, trên có lá cờ suý, biết là thuyền Trương Phụ, Đặng Dung xách gươm nhảy sang định bắt sống. Tiếc thay, Đặng Dung không nhận được mặt Trương Phụ. Trong lúc Đặng Dung đang ngỡ tìm, Trương Phụ nhanh chân lên ra, nhảy vội xuống một chiếc thuyền con trốn thoát.

Sau bữa đó, Phụ cảm tức thâu xương, càng thúc quân cố chết mà đánh. Nghĩa quân thế yếu, quân ít, sau tan vỡ hết, bị bắt bị giết rất nhiều. Đặng Thiệt, em Đặng Dung cũng bị giặc bắt ở trận Ấy. Đến tháng Chín, Trương Phụ xua quân đánh dồn nghĩa quân lên rừng sâu. Quân Trương Phụ bủa vây bốn phía, Đặng Dung và em là Đặng Doãn, Nguyễn Cảnh Dị và Nguyễn Suý liều chết phá vây, song không thành, đều lần lượt bị giặc bắt. Cảnh Dị bị thương nặng vẫn chỉ vào mặt Trương Phụ mắ ng:

- Chính ta muốn giết ngươi bây giờ lại bị ngươi bắt!

Đoạn, không ngớt lời chửi Trương Phụ. Phụ tức điên người bèn sai moi gan, chặt đầu Cảnh Dị để trả thù. Ít lâu sau, Quý Khoáng cũng bị bắt nộp t. Trương Phụ đưa tất cả về Đông Quan.

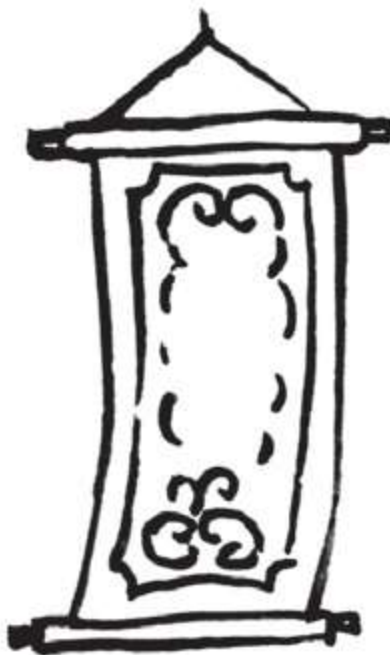
Tháng Tư năm Giáp Ngọ (1414), Phụ sai người giải Quý Kháng, Đặng Dung, Nguyễn Suý sang Yên Kinh. Giữa đường, đánh lừa quân canh, Quý Khoáng nhảy xuống sông tự tử. Đặng Dung cũng gieo mình theo xuống nước. Còn Nguyễn Suý, quân canh thấy thế thì giữ chặt. Nguyễn Suý bị giam cầm ngặt quá, không làm gì được bèn giả bộ thản nhiên nói cười, ngày ngày cùng quân canh đánh cờ vui vẻ. Dần dần quen nhờn, quân canh vô ý, Suý vác bàn cờ đập vỡ đầu quân canh rồi cũng trầm mình xuống dòng nước.

Trước đó ít lâu, sau mấy trận giao phong thất bại, thấy việc nước khó thoát khỏi cảnh đẫm máu, Đặng Dung ngậm ngùi gửi nỗi hận vào thơ:

Thù nước chưa xong đầu đã bạc

Gươm mài mấy độ bóng trắng soi.

Ăn cỗ đầu người



Bây giờ là vào mùa hạ năm Quý Ty (1413), Trương Phụ cùng lũ Mộc Thạnh, Trần Húc, Dương Hồng, Chu Quảng... dồn hết quân hùng tướng mạnh vào đánh Nghệ An. Thanh thế giặc lớn lắm. Quân ta địch không lại. Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị. Nguyễn Súy phải rước vua Trùng Quang lui về Hoá Châu (Quảng Bình) định dựa vào thế hiểm trở của đất ấy mà cố thủ. Trương Phụ chiếm Nghệ An nhưng chỉ được toà thành không, còn vua tôi Trùng Quang thì đã cao bay xa chạy nên Phụ tức lắm, quyết đuổi theo vây bắt. Mộc Thạnh can:

- Hoá Châu núi cao biên rộng, chưa dễ mà lấy được.

Trần Húc cũng bàn thêm:

- Từ khi thủ lĩnh giặc là Quý Khoáng nổi lên, quan quân đã mãi y lần vào đánh dẹp, chưa lần nào chiếm được Hoá Châu vì chỗ ấy đất hiểm, dễ bị phục binh.

Trương Phụ vẫn khẳng khái:

- Tôi sống được là ở Hoá Châu, tôi có chết cũng là ở Hoá Châu. Hoá Châu chưa bình xong thì tôi còn mặt mũi nào trông thấy Chúa thượng nữa.

Khi ấy, dưới trướng Phụ có tên ngự quan là Phan Liêu, con Phan Quý Hựu. Hựu trước cũng vác gươm theo hầu Trùng Quang được phong làm Thiệu u bảo. Đến năm Nhâm Thìn (1412), Hựu làm phản, đem Liêu ra hàng. Cha chết, Liêu được Trương Phụ cho thay cha làm tri phủ Nghệ An. Nay thấy bọn Mộc Thạnh, Trần Húc can ngăn, Liêu sợ Phụ nghe theo mà rút quân về Bắc, nghĩa quân từ Hoá Châu lại ra, tất Liêu không thoát khỏi tội mất đầu như bọn Trần Nhật Chiêu, Phạm Thế Căng năm nọ. Liêu vội vàng đem tất cả binh tình của nghĩa quân và địa thế núi sông miền Thuận Hoá nói hết với Trương Phụ. Bởi thế, Phụ càng nhất định đánh Hoá Châu.

Tin Trương Phụ đang sửa soạn gập để tràn tới Hoá Châu làm kinh động vua tôi Trần Trùng Quang. Nhà vua vội triệu tướng sĩ lại bảo:

- Việc nước phải khi bất lợi, quân số hao hụt, mười phần không còn đến ba bốn, lương thực khí giới đều voi cạn. Tình thế bức bách, các khanh có kế gì cứu nguy, cứ nói.

Thái bảo Nguyễn Cảnh Dị tâu:

- Bấy lâu Minh Thành Tổ vẫn có ý muốn chiêu dụ. Nay nên cử người đi sứ dâng biểu cầu phong, giả xin thần phục làm kế hoãn binh để nói bớt sự kiêu căng của Trương Phụ.

Vua hỏi:

- Ai vì ta làm việc ấy?

Quân thần đang chọn người để tiến cử thì một viên quan bước ra nói:

- Thần tuy bất tài, nhưng cũng xin được làm việc ạ y.

Mọi người đều nhìn xem ai, hoá ra Nguyễn Biểu. Biểu là người xã Bình Hồ, huyện Chi La, phủ Nghệ An (Đức Thọ, Hà Tĩnh) đậu Thái học sinh cuối đời Trần, làm quan đến chức Điện tiền thị ngự sử. Giặc Minh sang cướp nước, Biểu lui về quê nhà ngấm ngấm chiêu mộ hương binh chờ dịp dấy quân. Năm Kỷ Sửu (1409), nghe tin Đặng Dung, Cảnh Dị lập cháu Trần Nghệ Tông là Trần Quý Khoáng làm Trùng Quang Đế, xướng nghĩa căm vương ở huyện nhà, Biểu tức khắ c dẫn hương binh đến hưởng ứng. Từ bấy giờ Biểu luôn ở bên vua dốc sức giúp rập, một lòng trung trinh báo đền nợ nước. Trùng Quang thân ý Biểu nhận đi sứ thì mừng lắm, thân đến bên cầm tay nói:

- Khanh đi sứ, trăm còn mong mọi gì hơn nữa. Hiếm một nỗi, Trương Phụ là kẻ hung ác bạo ngược lại đang đắ c chí, tất sẽ ý thể làm càn. Bởi vậy, khanh đi chuyế n này lành ít dữ nhiề u, nên thận trọng giữ mình. Nế u như trời còn phù hộ nước Nam ta, việc nước mà thành, công ấ y quả là hiế m có vậy.

Nguyễn Biểu tâu:

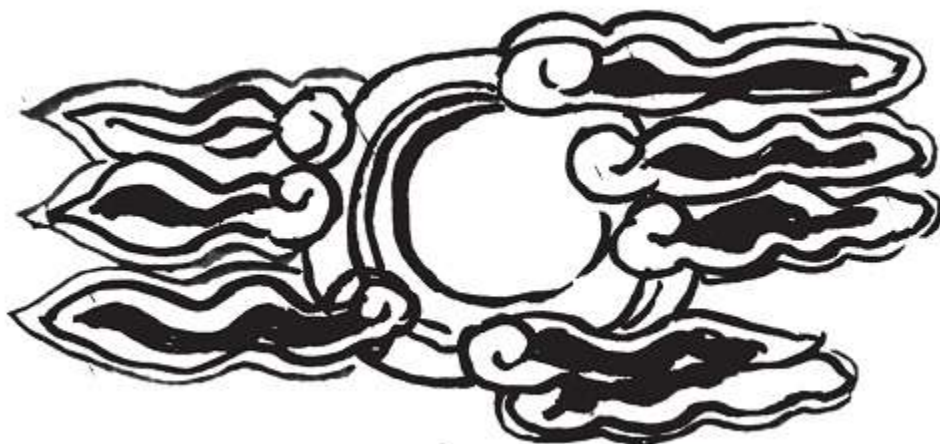
- Nước địch đề lấ n, vua phải lo thì bê` tôi có lỗi. Thần chịu ơn dày của nước, nghĩa phải ra đi, lo việc ứng đớ i, dầu có ché t chắ c sẽ không để nhục mệnh vua.

Dứt lời, Nguyễn Biểu xin sửa soạn đi gấ p. Vua tôi đề u bịn rịn. Nhà vua cảm khắ i vì lòng trung nghĩa của Nguyễn Biểu sắ p dấ n thân vào hang hùm để lo việc nước, mới làm một bài thơ quốc âm tiễn biệt:

Mây vờn thơ cũ ngợi hoàng hoa
Trịnh trọng rày nhân mở khúc ca
Chiều phượng mười hàng tơ cận kẽ
Vó câu ngàn dặm tuyền xông pha
Tang bôn đã bảm lòng khi trẻ
Khương, quê thêm cay tính tuổi già
Việc nước một mai công trọn vẹn
Gác Lân danh tiếng rọi lâu xa.⁽¹⁴⁾

Nguyễn Biểu ứng khẩu hoạ lại đề tạ ơn:

Tiếng Ngọc từ vầng trước bệ hoa
Ngóng tai đồng vọng thuở âu ca
Đường mây vó kí lân lân trái
Ái tuyền cờ mao thức thức pha
Há một cung tên đồng chí trẻ
Bội mười vàng sắt đúc gan già
Hổ mình và thiếu tài chuyên đồ i
Dịch lộ ba ngàn dặm ngợi xa.⁽¹⁵⁾



Nguyễn Biểu đến Nghệ An, quân Minh ra giữ lại, đưa Biểu vào gặp Trương Phụ. Phụ dàn quân bản bộ hai hàng, gươm tuốt trần, đứng suốt dọc đường từ cổng thành vào quân trướng. Nguyễn Biểu đi người không, theo sau chỉ có một quân hầu bung hòm sắc đựng tờ biểu. Quân giặc đưa nào cũng trừng mắt nhìn, sát khí đầy mặt. Nguyễn Biểu vẫn thản nhiên đi đứng đường hoàng. Phụ ngạo nghễ ngò i trên ghê cao tiếp Biểu, định bắt Nguyễn Biểu đứng ngoài sân để làm nhục. Nguyễn Biểu biết ý, khoát tay gạt hàng gươm của lũ vệ sĩ, ung dung bước lên ngang bàn Phụ. Phụ quát lớn:

- Vào gặp đại thần của thiên triều sao không lạy?

Nguyễn Biểu bình thản như không, đáp:

- Ông vâng mệnh thiên tử mang chiếu sang đây để tìm họ Trần. Ta cũng vâng mệnh vua Trần cầm biểu đi sứ để cầu phong. Ông là bề tôi, ta cũng là bề tôi mà lại buộc nhau lạy, xưa nay có việc ấy không? Và lại, nếu ta cư xử với ông theo lễ vua tôi, e rằng tội chiếu m đoạt ngôi vua vượt ra ngoài phạm bề tôi của ông khó tránh.

Biết Nguyễn Biểu dẻo dẽ, chẳng phải tay vừa, Trương Phụ lảng qua chuyện khác. Phụ hạch:

- Sao chúa người dám phản nghịch, lỗi đạo với thiên tử?

Nguyễn Biểu nói:

- Thiên tử xuống chiế u xuấ t binh sang đây, nói là để phù giúp vua Trầ n nước tôi diệt nhà Hô` chiế m đoạt. Nay nhà Hô` đã dẹp xong, vua nước ta là con cháu họ Trầ n ứng mệnh thiên tử ra nhận chiế u để lấ y lại nước cũ. Thế` sao gọi là nghịch được?

Phụ túc lắ m đập bàn quát tháo:

- Được. Để xem người còn làm phách nói cứng nữa không?

Nói đoạn hầ m hầ m bỏ vào. Lát sau, quân Minh dọn cơm rượu mời Nguyễn Biểu:

- Quan tổng binh tôi thế` t tiệc ông.

Nhìn mâm cơm chỉ có chai rượu với liễn sứ lớn đựng một đầ u người nước ta bị giặc giế t đem nầ u chín, Nguyễn Biểu hiểu ý. Ông nén giận, mặt không biế n sắ c, điề m nhiên thò đũa khoét hai con mắ t bỏ vào miệng ăn như không. Đoạn, nâng chén rượu cười ha hả:

- Mắ y khi ta được xoi thịt người Ngô⁽¹⁶⁾!

Rồ i gậ gù vuồ t râu, lớn tiế ng ngâm vang một bài thơ quồ c âm túc cảnh:

Ngọc thiệt trầ n tu đã đủ mùi

Gia hào thêm có cồ đầ u người

Nem công chả phượng còn thua béo

Thịt gu gan lân vẫn kém tươi

Cá lồi lộc mình so cũng một

Vật bày tỏ thủ bội hơn mười

Kia, kia ngon ngọt tày vai lợn

Tráng sĩ như Phan tiêng đề` đời⁽¹⁷⁾

Trương Phụ không khuấ t phục được Nguyễn Biểu thì càng tức nhưng cũng thầ m phục Biểu, bèn thả cho đi, Phan Liêu biế t tin vội vàng đề`n xin ra mắ t, ton hót với Phụ. Liêu nói:

- Biểu đề`n gặp tướng quân: trước uy vũ mà không chịu khấ t, không lay tướng quân như lay chủ, không chịu hạ chủ là kẻ phản nghịch, lại giỏi ứng đố i, khí phách ngang tàng. Biểu chính là bê` tôi nanh vuố t của Quý Khoáng. Sao tướng quân lại thả hồ về` rùng?

Trương Phụ nghe vậy thì giật mình tỉnh ngộ, vội sai quân kị tức khắ c đi đường tắ t đuổi theo. Thắ y quân Minh hùng hổ lao tới, Nguyễn Biểu biế t không thoát bèn ung dung đứng lại bên bờ sông Lam, cắ n ngón tay lắ y máu viế t lên thành câ`u bảy chữ: “*Thắ t nguyệt, sơ nhắ t nhật, Nguyễn Biểu tử*” (Ngày mô`ng Một tháng Bảy, Nguyễn Biểu chề t).

Đề`n quân trưởng của Trương Phụ, Nguyễn Biểu phần uấ t giận tròn xoe đôi mắ t, chỉ vào mặt Phụ mắ ng luôn:

- Trong bụng toan tính việc đánh chiế m nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa; trước nói lập con cháu họ Trầ n, bây giờ lại đặt quận huyện; không những cướp bóc của cải lại còn giế t hại nhân dân, bọn mày thật là lũ giặc bạo ngược.

Trương Phụ tức điên người, hét võ sĩ lôi Nguyễn Biểu ra trước cửa chùa Yên Quố c dưới chân núi Thành Sơn để chém đầ u. Trên đường đi, Nguyễn Biểu vẫn không ngó t lời chửi mắ ng giặc...

Vua Trùng Quang hay tin thì vật mình than khóc và thân làm bài văn tế tế Nguyễn Biểu, một tấm gương nghĩa liệt đời Hậu Trần.

Truyện thuyết về chiếc gương thần của Lê Lợi



Ông tổ của Lê Lợi là Lê Hồ i vốn người làng Như Áng, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa⁽¹⁸⁾. Một hôm, Lê Hồ i đến chơi Lam Sơn thấy chim bay hàng đàn, liệng quanh dưới núi Lam Sơn như vẽ dòng người hội họp, liền nói rằng:

- Chỗ này tốt đây!

Rồi nhân đó dời nhà đến ở. Ba năm gây nên sản nghiệp, con cháu ngày một đông, tôi tớ ngày một nhiều. Từ bấy giờ, họ Lê đời đời làm quân trưởng một phương.

Đến đời ông Lê Lợi là Lê Đình và đời cha là Lê Khoáng thì cơ nghiệp đã bề thế giàu có. Hai anh chết sớm, Lê Lợi một mình thừa kế tất cả cơ nghiệp của ông cha để lại. Sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên giữa buổi gian nan, cảm giặc Minh cuồng bạo lấn hiếp, Lê Lợi chuyên tâm đọc sách thao lược, lại dốc hết tiền của để hậu đãi khách khứa, chiêu nạp kẻ hiền tài. Quân Minh biết tiếng, nhiều lần lách tay quan tước để dụ dỗ. Lê Lợi đều từ chối và càng nuôi chí bền, ẩn giấu vào núi rừng, chăm nghề cày cấy. Ông thường nói với mọi người xung quanh:

- Làm trai sinh ra ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời. Chứ đâu lại chịu bo bo làm đày tớ người ta!

Hiềm một nỗi, bấy giờ quân thù đương mạnh. Họ Trần ở ngôi cầm quyền gần hai trăm năm. Con cháu nhà vua là Trần Quý và Trần Quý Khoáng đều xưng đế hưng binh, mưu lách tay lại nước, có lúc đã oanh liệt. Thế mà cũng không khỏi thất bại, ngôi báu nát chìm. Huống chi, Lê Lợi lực lượng phong có là bao, anh hùng hào kiệt theo về nào đã có mấy! Bởi thế, ông còn dấn đo suy xét lẽ hưng phế, nghiên ngâm kỹ binh thư, đợi thời cơ giết giặc.

Tương truyền, có người em họ của Lê Lợi là Lê Thận một hôm đi đánh cá ở sông Chu. Thận chèo thuyền ra sông thả lưới. Lát sau kéo lên, thấy nặng nặng Thận đã có ý mừng. Tưởng được mẻ cá lớn, không ngờ chỉ có một thanh sắt nặng trong lưới. Lê Thận bực mình bèn quăng xuống sông rồi chèo ra chỗ khác quăng lưới. Lại kéo phải thanh sắt ấy. Đến lần thứ ba, Thận lại thả, cầm thanh sắt lên xem. Té ra một lưỡi gươm trên khắc bốn chữ, hai chữ đã mờ không rõ, còn hai chữ kia Thận đọc được là *Thuận Thiên*. Lê Thận nghĩ thầm:

- *Thuận Thiên* là tuân theo mệnh trời. Cứ như ý này tất sắp có minh chúa ra giúp dân dẹp loạn.



Nghĩ đoạn, Thận vội giắt u lưới grom đem về, không nói với ai. Hôm Lê Lợi đến chơi, Lê Thận kéo tay vào buồng kín kể lại và lấy cho xem. Lưới grom bỗng tỏa hào quang lấp lánh, lộ lộ hiện ra đủ bốn chữ *Thuận Thiên Lê Lợi*. Thận vừa sợ vừa mừng, hai tay nâng grom đưa cho Lê Lợi. Lê Thận nói:

- Không ngờ mình chúa lại là tôn huỳnh. Thật là đại hồng phúc cho họ Lê ta. Trời đã muốn, xin tôn huỳnh dấy nghĩa cứu muôn

dân, trước rửa mồ i thẹn nghìn thu cho nước, sau là dựng nên công oanh liệt ngàn năm.

Lê Lợi cũng thấ y trong lòng phấ n châ n, mới lựa lời cảm tạ, nhận gươm ra về . Đế n nhà, thấ y vợ là bà Trầ n Thị Ngọc Trầ n đêm khuya vẫn chưa đi ngủ, Lê Lợi hỏi:

- Có chuyện gì đấ y?

Bà vợ đáp:

- Lạ lắ m. Trên cây đa trước nhà có cái gì sáng như đèn, lại có tiế ng chân người rậm rịch.

Lê Lợi trèo lên xem, hoá ra một chuỗi gươm nam ngọc. Dem xuố ng đóng vào lưỡi gươm kia thấ y vù như đúc, Lê Lợi càng khấ p khởi mừng thầ m:

- Hả n là trời cho ta gươm báu!.

* * *

Mười mấ y năm nế m mật nắ m gai, một gươm đại định dẹp phắ ng giặc giã, mở nề n thái bình muôn thuở. Ngày 15 tháng Tư năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi hoàng đế tấ tại điện Kính Thiên ở thành Đông Đô (Thắ ng Long). Nhớ lại chuyện xưa, mới đặt niên hiệu là *Thuận Thiên*. Một ngày kia, nhân buổi đẹp trời, nhà vua ngự giá ra chơi hồ Tả Vọng ở kinh thành. Thuyề n rồ ng đi đế n giữa hồ . Bỗng từ dưới nước nổi lên một con rùa vàng rấ t to. Rùa bơi đế n trước thuyề n rồ ng cúi đầ u như có ý bái lạy. Đoạn, cứ hướng về phía nhà vua mà chầ u. Lấ y làm lạ, vua rút gươm ra, chỉ Rùa Vàng phán hỏi. Bỗng Rùa Vàng câ t tiế ng nói như người :

- Việc nước đã xong, xin bệ hạ hoàn lại kiề m thầ n.

Vua tung gươm, Rùa Vàng há miệng đớp ngang lưỡi kiếm rồi lặn xuống nước, biến mất. Vua sai tát hồ thử tìm, song cả rùa và gươm đều không thấy. Từ bây giờ mới gọi hồ Tả Vọng là hồ Hoàn Kiếm (hồ Trả Gươm). Ấy là vì dân gian quá sùng kính người anh hùng và sự nghiệp của người đã cùng toàn dân đuổi giặc cứu nước nên mới đặt ra truyền thuyết đó.

Núi Lam Sơn đầy nghĩa



Vùng Lam Sơn xưa lắm rừng rậm, nhiều đồi cao núi hiểm. Phía tây bắc Lam Sơn có núi Dâu. Núi Dâu có rừng cây chàm màu lam sum sê che phủ, bởi thế dân mới gọi là núi Lam (Lam Sơn). Việc dựng nước mở đất của nhà Lê phát tích từ núi ấy.

HỘI THỀ LỮNG NHAI

Bây giờ là vào đầu năm Bính Thân (1416). Trang trại của Lê Lợi ở Lam Sơn tập nập người ra vào. Nghĩa sĩ các nơi nhiều người đã lục tục kéo đến, xin làm môn khách⁽¹⁹⁾. Bà con gia đình Lê Lợi, như Lê Thạch, Lê Khôi, Lê Khang, Lê Khiêm là cháu nội; Đinh Lễ, Đinh Liệt là cháu ngoại; Trần Hoàn, Trần Vận là bố vợ và anh vợ cùng hợp với đám môn khách hăm hở mưu việc lớn. Ngặt vì khi ấy, bọn ngục quan đã bắt đầu nghi ngờ, thường tung thám tử đến Lam Sơn để dò xét, hoặc giả làm người có nghĩa khí trà trộn vào đám môn

khách để dò la. Lại hiềm một nỗi nghĩa sĩ bốn phương kẻ sang người hèn, mỗi người mỗi nết, hoặc vốn là quý tộc như Trần Nguyên Hãn; dòng dõi khoa bảng như Nguyễn Trãi, Phạm Văn Xảo; có tiếng văn học như Lê Văn Linh hoặc là con người thứ dân đi buôn như Nguyễn Xí, Lưu Nhân Chú; làm người ở chẵn trâu như Trịnh Khả, Nguyễn Chích; chài lưới trên sông như Nguyễn Thận... Đám Lê Lai, Lê Sát, Lê Ngân, Lê Lý, Lê Văn An, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Trịnh Võ, Trương Lôi, Trịnh Đô... cũng về quê tu. Lê Lợi đều hậu đãi ân cần, ngày đêm dò xem ý tứ nhưng vẫn chưa thật tỏ tường. Bèn hội cả lại, ước hỏi:

- Tôi bấy lâu ôm tài chứa khí, bức bối mà không được cởi mở, mới phải trốn vào rừng núi khản hoang dựng nghiệp. Các ông mệnh tiếng mà lặn độn về đây hợp sức. Giờ nên làm gì có ích?

Có người nói:

- Tôi nghe Lam Sơn đất hiểm dân giàu, trại chủ là người biết đồ c của nhà mà đãi khách một cách nhún nhường, lại lấy việc của thiên hạ làm trách nhiệm của mình, đó là tư cách của bậc đế vương nên mới họp nhau lại tôn phù làm minh chủ.

Lê Lợi thủng thỉnh đáp:

- Ý ông thì thế. Chỉ sợ nhiều người khác chí.

Mọi người đều nói:

- Không phải. Lũ chúng tôi tâm đã đồng, chí đã quyết, xin minh chủ cho lập đàn thề để rõ lòng thành thực, dứt mọi hồ nghi.

Lê Lợi cả mừng nói:

- Được như vậy thì trời cũng giúp vì, việc nước hẳn có cơ hưng khởi, nghiệp lớn chắc có thể thành được.

Đoạn, bàn cách chọn nơi lập đàn thề cùng nhau mưu việc nổi binh. Có tiếng người nói:

- Bên kia Như Áng có núi Đồi Đá, trên đỉnh có khoảng đất rộng và bằng, dân bản địa gọi đất ấy là Lũng Nhai. Có thể lên đó mà tế cáo trời đất được. Mọi người nhìn xem ai, hoá ra Lê Lai và các con là Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lâm. Nhóm Lê Sát, Lê Ngân, Lê Lý, Lê Văn An, Nguyễn Thận vốn người vùng Lam Sơn nên quen thạo địa hình đểu đồ nên thanh khen:

- Phải đất ấy, phải đất ấy!

Mùa xuân năm ấy, Lê Lợi cho đắp đất làm đàn cao một trượng⁽²⁰⁾, trên có bàn thờ hương khói nghi ngút, cờ xí cắm la liệt; gia binh lực sĩ gươm tuốt trần dàn hàng đứng xung quanh; lại có bốn thớt voi trực hai bên tả hữu, nghi vệ rất oai nghiêm. Giờ Ngọ, Lê Lợi khấn áo chỉnh tề, thiên tư tuấn tú khác thường, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, bước đi như rồng, dáng đi như hổ dẫn đầu một đoàn mười tám nghĩa sĩ thay mặt mấy trăm người có mặt ngày ấy, tiến lên đàn cao. Lê Lợi đứng giữa, các nghĩa sĩ sắp xếp thứ tự đứng sau. Ngài thắp hương làm lễ tế cáo trời đất, hướng về bốn phương lạy tám lạy. Đoạn, cao giọng đọc lời thề, tiếng nói như chuông:

- Trại chủ Lam Sơn là Lê Lợi cùng bọn Lê Lai, Nguyễn Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lô, Trịnh Đồ, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Chích, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Võ, Trần Nguyên Hãn, Lê Lý, Lê Sát, Lê Ngân họp nhau kết nghĩa ăn thề nguyện đồng cam cộng khổ, sống chết có nhau quyết trừ loạn lớn, cứu trăm họ khỏi hãm tai vạ. Nếu ai manh tâm phản trắc, làm sai lời ước thì trời đất, quỷ thần tru diệt, làm cho chết đến cả họ hàng thân thích. Nếu chúng tôi lòng thành một dạ, sắt son một chí, xin trời đất quỷ thần đểu phù hộ, khiến cho

nghiệp lớn chóng thành, muôn dân sớm được thấy lại uy nghi nước cũ.

Kính trời, đất, quý, thần cùng soi xét.

Dứt lời, các quân tượng giống một hồ i công âm vang cả một vùng. Lê Lợi cùng mười tám nghĩa sĩ đều lần lượt uống mỗi người một li rượu hoà máu đỏ, để tỏ lòng giữ lời thề ước. Sử gọi đó là hội thề Lũng Nhai.

DỤNG CỜ KHỞI NGHĨA

Từ bữa ấy, mười tám nghĩa sĩ Lũng Nhai chia nhau đi sắm sửa khí giới, luyện tập quân sĩ, chinh đồn hàng ngũ, mưu việc nổi binh. Nhân tài tuấn kiệt kéo đến ngày một đông, quân lực ngày một mạnh, thanh thế ngày một lớn. Ngụy quan Lương Nhữ Hốt tham chính phủ Thanh Hoa lo sợ, mới lên thành Tây Đô mật báo với Nội quan nhà Minh là Mỹ Kỳ.

- Chúa Lam Sơn chiêu vong nạp bạn, đãi ngộ quân sĩ rất hậu, chí nó không phải nhỏ. Nếu giao long được gặp mây mưa thì tất không phải là vật trong ao đâu. Nên sớm trừ đi, chớ để lo về sau.

Mỹ Kỳ vốn là đứa kiêu căng, nghe Nhữ Hốt cáo cấp thì vênh mặt nói:

- Đám củi mục ấy liệu làm gì được ta mà ông đã vội cuống quýt? Cứ để chúng nhóm lại cho đông như cá theo đàn chui vào lưới, bầy giò chỉ việc cắt vó một mẻ là xong hết!

Đoạn, tung thám tử ráo riết đi dò la, lại ngầm sửa soạn động binh, chờ được dịp là cắt quân. Lê Lợi biết vậy bèn họp tướng sĩ lại bàn việc hưng binh khởi nghĩa. Lê Lợi nói:

- Bọn ta sinh ra gặp thời loạn lớn, giặc quân giặc cường bạo lắ n hiế p nên ả n nấu vào núi rừng nuôi chí bê ̣n, gây binh lực, lo cứu nạn nước, mưu việc yên dân. Nay xem xét kĩ mọi lẽ hưng vong, thấ y đã đế ̣n lúc ra tay cứu khố n phò nguy, nên hiệu gậy làm cờ dấ y nghĩa. Ta dấ y quân đánh giặc không phải vì tham phú quý, mà vì muố n cho ngàn đời sau biế t rằ ng ta không chịu thầ n phục quân giặc tàn ngược. Các ông nghĩ thế ̣ nào?



Tướng sĩ đờ ng thanh hưởng ứ ng. Lê Lợi lại nói:

- Vận nước đang nghiêng ngửa, muôn dân thì khố n cùng chẳng khác gì kẻ chề t đườ i mong người đế ̣n cứu. Kẻ thức giả nở lòng nào mà điề m nhiên nâng chén cười đùa, ngắ t ngưỡng vui xuân, chờ hế t ngày khai hạ mới động đế ̣n việc cứu nước, vớt dân. Người xưa nói: “Người quân tử thấ y co⁽²¹⁾ thì làm, không chờ đế ̣n cuố i ngày”. Tề t Nguyên đán năm nay, ta định ăn tề t một hôm. Mộ ̣ng Hai sẽ làm lễ tề t cờ xuấ t quân. Có nên không?

Mọi người đề u nói:

- Nên lắ m, nên lắ m!

- Xin theo, xin theo!

Nguyễn Trãi đứng lên nói:

- Từ khi giặc Minh tràn sang lắ n hiế p, nước Nam ta thành không có chủ, người nước ngày đêm nóng lòng mong tìm được chúa. Xin minh chủ hãy làm lễ tắ n tôn trọng thể để làm sáng rõ danh nghĩa đố i với cả nước, mà dân chúng thì được vui mừng biế t nước Nam đã có chúa để tôn phò.

Lê Lợi nói:

- Ta là người mặc áo vải chuyên nghề cày cá y, nay vì trừ bạo mà nổi binh, lòng không nghĩ đế n việc xưng bá, xưng vương.

Mọi người đê u khấn khoản nài ép. Hồ i lâu, Lê Lợi đành chiê u ý nhận lời. Tướng sĩ vui mừng bái lạy.

Đúng ngày mô ng Hai Tề t năm Mậu Tuấ t (7 - 2 - 1418), Lê Lợi cho lập đàn cao dưới chân núi Dầ u, dựng cờ tề cáo trời đấ t. Trước lễ đàn, ba mươi nhăm tướng sĩ chia hai ban văn võ đứng trực hai bên; bên dưới, hai phía tả hữu là hai đội nghĩa binh, dũng sĩ, mỗi đội hai trăm người dàn hàng, gươm giáo sáng loà. Giờ thìn (7 giờ - 9 giờ), Lê Lợi cưỡi voi trắ ng, mặc áo vàng dẫn đội tượng binh tắ t cả mười bớ n thốt voi chiế n tiế n vào lễ đàn. Theo sau là đội thiế t kị hai trăm lực sĩ kiế m tuố t trầ n đi hộ vệ. Lê Lợi rời voi, bước lên đài cao, rút gươm chỉ lên trời mà truyề n rắ ng:

- Thuận theo ý trời, đáp ứng lòng dân, trại chủ Lê Lợi làm lễ tự tôn hiệu là Bình Định Vương. Từ khắ c này, tự nhận trách nhiệm trừ bạo ngược lắ y lại nước. Tướng sĩ dưới cờ, nhân dân bớ n cõ i hãy cùng ta đờ ng tâm hiệp lực, trên dưới một lòng lắ y đại nghĩa mà thắ ng

hung tàn, đem chí nhân để thay cường bạo để rửa nỗi nghìn thu hổ thẹn, để mở nên muôn thuở thái bình, dựng nên công oanh liệt ngàn năm, cùng các triêu u Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước.

Tướng sĩ quân binh ngót hai ngàn người dưới cờ đề u “Đại” ran rầm trời.

Bây giờ, quân Vương tuy ít nhưng đề u là quân hùng gấu, tướng sĩ đề u là tướng vuốt nanh, một người có thể địch trăm người. Bởi thế, chỉ mười ngày sau, quân Bình Định Vương khai binh ở Lạc Thủy, tung gươm chớp mắt chém ba ngàn đầu giặc. Nội quan Mỹ Kỳ cầm năm vạn quân trong tay mà phải dẫn tàn quân chạy thực mạng.

Lê Lai liều mình cứu chúa



Bây giờ là tháng Tư năm Kỷ Hợi (1419) Bình Định Vương lại bị hãm lãn thứ hai ở núi Chí Linh. Lãn này, quân Minh bao vây ráo riết, quyết bắt Vương bằng được. Quân chúng trùng trùng điệp điệp, ngày đêm sục sạo, đến con chim sẻ cũng khó lòng bay lọt. Quân của Vương cùng đường hết lối, lương thực cạn dần. Thế bại vong chỉ còn trong gang tấc. Bình Định Vương vội họp tướng sĩ lại mà rằng:

- Vận nước nghiêng ngả ngàn cân treo sợi tóc. Ai có kế gì hay, cứ nói. Mưu sĩ có kẻ bàn:

- Chúa công còn, sơn hà xã tắc còn. Bởi thế, giặc Ngô cứ nhắm bóng mặt trời⁽²²⁾ mà dõn tìm vây bắt, mong triệt nguôn tai hoạ. Bây giờ tìm được người hao giông, ăn mặc giả Chúa công, gióng trống mở cờ tháo chạy. Giặc bắt ngờ tưởng thực, đổ xô nhau đuổi bắt lĩnh thưởng. Ta nhân đó lén chạy ngược đường, tấ t thoát.

Vương khen phải, nói:

- Ai có thể làm như Kỷ Tín⁽²³⁾ ngày xưa, để ta ẩn nấu trong núi rừng mưu tính việc nước về sau?

Tướng tá đương bàn định, ai nãy đề u hăng hái, bỗng có người đứng phấ t lên nói:

- Chỉ sợ Chúa công không tin cậy. Tôi xin làm việc đó!

Mọi người đề u sừng sồ t, cùng nhìn xem kẻ vừa nói là ai. Thì ra Lê Lai, một nghĩa sĩ người Mường trong đám thập bát (18) anh hùng tể cờ tại hội thề Lũng Nhai mấ y năm trước. Lê Lai người làng Dụng Tú, sách⁽²⁴⁾ Đức Giang, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hoá. Anh ruột là Lê Lam và ba con của Lê Lai đề u ra ứng nghĩa, tôn phù Lê Lợi.

Bình Định Vương thấ y Lê Lai xin nhận thì ứa nước mắ t nói:

- Tướng quân không tiể c cái chế t để ta được yên, đó là công của tướng quân để lại muôn đời.

Đoạn, cứ ôm lấ y Lê Lai không nở rời. Tướng tá quân thầ n ai cũng khóc. Lê Lai vái lạy Bình Định Vương mà thưa:



- Tình thế gập lá m rô i, để tôi đi. Xin Chúa công gắ ng chí khắ c phục gian nan, cứu muôn dân, lắ y lại nước thì tôi dẫu chắ t, xương vẫn không nát. Vương đành gạt nước mắ t, cởi mũ áo thân mặc cho Lê Lai. Lai quỳ xuố ng lạy tạ rô i lĩnh mệnh lui ra, điềm lắ y năm trăm quân cảm tử và hai thót voi, lập tức lên đường. Vương và các tướng tiễn ra tận ngoài doanh trại, mới quay vào.

Lê Lai cưỡi voi, thúc quân, trồ ng giông cò mở, nhắ m thẳng hướng đại binh giặc xông tới, thét lớn:

- Chúa Lam Sơn chính là ta!

Quân Minh các ngắ đang sục sạo lòng kiế m, thắ y thế mừng rỡ đề u đồ xô lại vây bắ t. Lê Lai không ham đánh chỉ chồ ng đỡ qua quýt, đoạn hô cướp đường tháo chạy. Giặc trúng kế tin thật, đuổi theo ráo riế t, không kịp cắ t đặt nhau ở lại vây hãm. Lê Lai cùng quân sĩ vừa chạy vừa đánh trả dữ dội. Quân giặc chắ t nhiề u, nhưng quân Lê Lai cũng bị thiệt hại to. Sau ông bị giặc bắ t. Biế t bị lừa, giặc giế t ông ngay tại trận để trả thù.

Dân địa phương kể rắ ng giặc chém chắ t ông ở một cái câ u bên sông rô i đem bêu đầ u ở cây đa, để dân chúng lắ y đó làm gương mà sợ hãi. Chẳng dè, đêm đế n, dân làng Mơ bên cạnh câ u rủ nhau ra lắ y trộm đầ u và thắ y ông, đem vào rừng mai táng. Người đi đưa đắ m ông đông như nê m cô i, chen chúc nhau mà đi. Vùng á y sau

dân đến ở, họp thành làng, gọi là Làng Chen. Còn chiếc cá ở nơi Lê Lai mất, dân làng gọi là cá Lai.

Lê Lai mất vào ngày 21. Mười lăm năm sau, Lê Lợi mất vào ngày 22. Hằng năm, cứ đến hai ngày ấy, ở Thanh Hoá dân gian nói là trời đất đều u ám như sấm thương nhớ tiếc hai vị anh hùng. Bởi thế mới lưu truyền câu:

Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi để ghi lòng tạc dạ.

Chuyện ông Hầu, Bà Hầu



Lê Lợi khi còn ở Lam Sơn có lần đánh nhau với quân Minh bị thua, quân tướng bỏ chạy tán loạn cả. Quân Minh đuổi theo rất gấp. Lúc chạy qua một cánh đồng, thấy một ông già đang cùng vợ lom khom tát nước bắt cá ở trên bờ ruộng, vua liền chạy tới, cởi ngay áo, xuống ruộng bắt cá với hai ông bà già. Quân Minh đuổi đến nơi hỏi ông lão:

- Lão già kia, có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão đáp:

- Lê Lợi nào? Không thấy!

Nhà vua ngảnh tai lên nghe. Bà lão liền mắ ng:

- Thằ ng kia sao không bắ t cá đi? Việc gì đế n mằ y!



Quân Minh thấy thế không nghi hoặc gì nữa bèn bỏ đi. Đến chiều tối, ông bà già mời vua về nhà nghỉ. Nhà nghèo không có gà vịt, chỉ nuôi được một con hằ u (khi), hai ông bà mới đem giế t thịt để làm cơm. Lúc bung cơm lên chỉ có đĩa cá giế c nướng và bát canh thịt hằ u. Hai ông bà cung kính nói:

- Khi sớm, tình thế bức bách phải tùy cơ ứng đố i nên trót lời phạm thượng⁽²⁵⁾, xin Chúa công tha lỗi. Giờ xin tạm dùng cơm kẹo đỏi. Tiế c rằ ng nhà nông thanh bạch giản dị không có gì kính dâng.

Vua đáp:

- Đa tạ chủ nhân. Tâm lòng trung nghĩa của chủ nhân ta đã rõ, không cần phải thanh minh nữa. Công ơn tôn phù này tất có ngày đền đáp.

Về sau, khi đã lấy lại được nước, vua sai sứ giả đi tìm thì ông bà lão đã mất. Vua Lê thương tiếc bèn xuống dụ cho nhà Thái miếu khi làm lễ tế thì khấn hai ông bà lão về cùng hưởng, tục vẫn gọi là Ông Hâu, Bà Hâu. Cổ tế hai ông bà già, ngoài những thức tam sinh⁽²⁶⁾ ra, thế nào cũng làm thêm một đĩa cá nướng và một bát canh thịt hâu, giống như bữa ăn khi xưa đã dâng vua.

Múa hát đuôi được giặc



Làng Đặng Xá trước thuộc về phủ Kiến Xương (nay là xã Trung Nghĩa, Tiên Lữ, Hưng Yên). Bây giờ, làng có con sông con chảy quanh uốn éo như dải lụa trắng. Điểm xuyết trên tấm lụa là những chiếc thuyền câu đi lại an nhàn. Đôi bờ tre xanh rủ bóng, trẻ đến chăn trâu gõ sừng, thổi sáo. Ngoài ruộng, chim đồng bay lượn,

ngô lúa tô t tươi. Nước non phong cảnh thật hữu tình. Đặng Xá lại nổi tiế ng là đấ t vũ nhạc. Những đêm trăng, gương treo đầ u càn, trai gái trong làng họp nhau hát múa. Tiế ng trồ ng bậ bùng, tiế ng đờn khoan nhậ câ m nhịp cho điệu múa uyển chuyể, ứng hoà với điệu hát thanh nhấ. Trội nhấ t trong đấ m là một cô gái xinh đẹ nế t na, người làng quen gọi là Á Đầ (có sách chép tên là Đầ Thị Huệ).

Đưong khi thanh bình vui vẻ, thình lình một hôm giặ Minh kéo về cắ m đầ n dựng trại. Giặ tung quân bắ t người cướp của, tàn hại cả cỏ cây gia súc. Đặng Xá bỗng chồ c trở nên tiêu điề u xơ xác. Đầ n ông trai trắ ng trong làng trôi nổi đi hế t: họ đi tìm minh chúa để cứu làng giữ nước. Chỉ còn đầ n bà con gái ở lại. Biế t Đặng Xá nổi danh về ca múa, giặ bắ t gái làng đánh đầ n hát múa hầ u rượu. Đầ n bỡn chán, say rượu, giặ đầ u chui vào túi màn ngủ, chỉ để một tên ở ngoài thắ t túi, xong thì ngô ì canh gác. Chắ ng là giặ sợ vùng á y lắ m muối nên mới thế .

Dân Đặng Xá họp nhau lại bàn bạc. Một người khơi mào:

- Giặ Ngô đế n cướp nước cướp làng. Nay phải đêm ngày đầ n hát hầ u hạ chúng thì còn mặt mũi nào!

Có người nói:

- Đầ n ông trai trắ ng bỏ vắ ng cả. Bọn ta là phậ gái chân yế u tay mê m biế t xoay xử làm sao?

Bàn tính chưa ngã ngũ thì có một người lên tiế ng nói:

- Tôi có cách!

Mọi người nhìn xem ai, hoá ra là Á Đầ. Á Đầ ra ngoài ngó trước ngó sau, rô ì vào vắ y mọi người lại nói cho nghe, bảo: “Cứ thế , cứ thế !” Ai cũng hớn hở, gậ đầ u khen phải.

Từ bữa ấy, Á Đào trở sức đàn ngọt hát hay, bung com chuộc rượu cho giặc tỏ ra rất ân cần chiều chuộng. Quân Minh say rượu ngon, mê sắc đẹp đều xiêu lòng, bèn cho Á Đào được tự tiện ra vào đồn trại, bất kể ngày đêm. Lại tin cần sai thắt túi cho cả bọn, không cắt quân canh gác nữa. Ít hôm sau, quãng nửa đêm. Á Đào dắt mấy người bạn gái vào, lẳng lặng khiêng đi một túi có tên giặc đã chuộc rượu say, ngủ như chết. Họ đem quẳng xuống con ngòi, cho chết trôi ra sông Cái mất tăm. Cứ thế, mỗi đêm một tên; giặc không hay biết gì hết. Lính chết nhiều. Sau, tướng giặc thấy hao hụt quá, vội sai lừa quân vào một mảnh ruộng, bốn bên có đắp tường đất cao thành một khuôn vuông (gọi là đất đóng quân) cho xếp hàng ken lại để xem thiếu đủ. Hấn giật mình, thấy mỗi ngày quân xếp thưa dần rồi voi hẳn. Không biết nguyên có thế nào, cho là Đặng Xá dữ đất, giặc vội vã nhổ trại rút đi. Đặng Xá thoát nạn.

Sau này, khi việc nước đã xong, bốn phương thái bình, dân làng Đặng Xá nhớ công ơn người con gái tài sắc trí dũng ấy liền đặt tên thôn làng ở là thôn Á Đào. Đến khi nàng mất, lại lập ngôi đền để thờ, nay vẫn còn ở làng Đào Xá. Và xã Trung Nghĩa nay cũng vẫn còn di tích đất đóng quân giặc không kịp phá khi bỏ chạy, in dấu vết kinh hoàng để lại ngàn năm.



Tay không cũng đoạt thành



ừ năm Đinh Hợi (1407), tướng Minh là Mộc Thạnh sai lã y đấ t ở núi
Bô và phá tháp Chương Sơn ta xây từ thời Lý để đấ p thành Cồ
TLộng bên bờ sông Đáy, giữa cánh đò ng Lai Cách, huyện Ý Yên
(Nam Định). Thành rộng hơn trăm mẫu, hào lũy kiên cố ,
trấ n giữ con đường trọng yế u từ thành Đông Quan vào
Thanh Hoa. Giặc từ thành Cồ Lộng thả quân ra quanh vùng tha hồ
cướp phá, lại bày đặt ra phép trình báo để hạn chế việc đi lại, đề
phòng dân Đại Việt nhóm nhau nổi dậy. Lại nghiêm câ m rấ t ngặt
việc đánh rèn giáo mác, câ t giữ gươm đao, chế tạo thuyề n xe, để
triệt nguồ n vũ khí của dân ta. Pháp luật hà khắ c, tội ác không cùng
của chúng làm người người đề u că m giận, chỉ lăm le tính việc khởi
sự, rình khi hời tội.

Bấ y giờ, gầ n thành Cồ Lộng có làng Chuế Câ u. Ở đấ y có một
người đàn bà có nhan sắ c, lại có chí lớn mưu mẹo hơn người. Bà á y
họ Lương lã y chồ ng cùng làng tên là Đinh Tuấ n. Thấ y giặc Minh
mỗi lúc một rộng rồ , bạo ngược, bà Lương giận lắ m mới bảo chồ ng:

- Tang bồ ng giúp nước là chí con trai, canh cử tảo tâ n là phận
con gái. Nhưng ngày xưa đã có Bà Trung, Bà Triệu là nhi nữ mà vượt
cả đàn ông, đế n nay còn truyề n tụng. Nay nước mấ t, thứ người bỏ
đi còn biế t lo nạn nước. Tôi thiế t tướng gái cũng như trai, đề u phải
mưu việc nước.

Ông Đinh thấ y vợ có chí khí thì mừng lắ m, mới bảo:

- Nế u nàng quả có chí theo đuổi như Bà Trung, Bà Triệu, tôi đây
cũng được thom lây.

Bà Lương nói:

- Ông hãy ngầ m chiêu tập nghĩa sĩ, sửa soạn vũ khí sau này tâ t
có phen dùng đế n. Còn tôi sẽ tìm cách lọt vào thành mua chuộc lã y
lòng, dò xét binh tình, để mai kia làm nội ứng.

Ít hôm sau, ngoài thành Cổ Lộng thấ y dựng lên một quán hàng. Chủ quán là một người đàn bà xinh đẹp. Người đó chính là bà Lương. Có nhan sắc, lại chào mời vô n vĩa trà quý rượu ngon đề u sẵn, nên quán bà Lương tấ p nập khách ra vào, số đông là quân Minh. Bà rấ t chiề u khách, khách hàng ai cũng thích. Chẳng mấ y chố c, bà được lòng khắ p mặt tướng sĩ thành Cổ Lộng. Giặc cho bà ra vào tự ý, không chút gì nghi hoặc. Bởi thế , bao nhiêu kho tàng lương thực, vũ khí, chỗ nào giặc thả chông rào lũy, đờ n trại quân tướng giặc ở đâu... bà đề u biế t hế t, rõ như lòng bàn tay.

Khi á y, vua Lê đã lấ y xong Thanh Nghệ, Tân Bình, Thuận Hoá. Nhà vua đóng quân ở Lỗi Giang (Thanh Hoá) sửa soạn tiế n ra Đông Quan nên tung thám tử đi do thám dò xét tình hình. Một hôm, quân canh vào báo có một người đàn bà ở Cổ Lộng muố n xin ra mắ t hiế n việc cơ mật. Vua mừng lắ m, vội bảo cho vào. Người đàn bà toan sụp lạy, Lê Lợi xua tay cho miễn. Vua hỏi:

- Bà lặn độn trèo đèo lội suố i vào đây có việc gì thế ? Người á y đắ p:

- Tôi người làng Chuế Cầ u giáp thành Cổ Lộng. Nghe nói Ngài sắ p ra Đông Quan. Đánh Đông Quan tấ t không bỏ qua được thành Cổ Lộng. Bởi thế , tôi lặn lội vào đây xin giúp Ngài một tay lấ y thành.

Người á y chính là bà Lương. Bà kể hế t sự tình đầ u đuôi. Bà lại cho Lê Lợi biế t quân Minh còn tin cậy giao cho bà tồ i tồ i vào thắ t túi mìn cho chúng chui vào ngủ khỏi muỗi. Bà nói:

- Đêm á y tháng á y, tôi sẽ bỏ thuố c ngủ vào rượu cho chúng uố ng, lại thắ t chặt túi để phòng xa; đoạn đố t lửa mở cổng thành. Bấ y giờ, Ngài kíp đem quân đề n hưởng ứng tấ t đoạt thành dễ như thò tay lấ y đờ vật trong túi.



Lê Lợi đang nửa tin nửa ngờ; vừa lúc, thám tử về nói rõ binh tình giặc ở Cổ Lộng và lòng dân trong vùng. Vua thấy hợp với lời bà Lương thì cả mừng, thật bụng tin theo. Vua bảo:

- Ta không ngờ trong đám phụ nữ lại có người chí khí thế, mưu lược thế. Ví bằng đánh úp được giặc, để ta có lối tiến ra Bắc, tất có trọng thưởng.

Bà Lương nói:

- Tôi là phận gái, chuyên này nếu may giết được giặc dữ thì cũng là do uy đức của đại vương, tôi nào có công trạng gì.

Đến ngày mật ước với vua Lê, bà Lương cùng với một số bạn hàng vẫn ra vào phục dịch trong thành Cổ Lộng, đem thịt béo rươi ngon đến hết quân Minh, nói là quà biếu nhân ngày giỗ. Giặc vẫn thường được biếu xen nhiều lần nên không nghi hoặc, nay vợ được bữa thịnh soạn, vội bỏ cả tuấn phòng chúi đầu vào chèn chén. No say bí tỉ, lại ngấm thuốc ngủ, giặc chui cả vào túi lè nhè sai tất. Chớp mắt doanh trại giặc trong thành Cổ Lộng đều vang âm tiếng ngáy. Bà Lương vội làm ám hiệu. Tức thì, toán quân sĩ do Đinh

Tuấn chôn bà chỉ huy phục sẵn bên ngoài, bèn trèo vào, chặt củi đốt lửa, đoạn mở toang cổng thành đón quân tướng vua Lê. Lê Khôi, Đinh Liệt, Đinh Lễ, Nguyễn Xí cùng năm nghìn quân được Lê Lợi phái đến, ung dung tiến vào. Chuyên ấy, vua lấy được thành Cổ Lộng, phen giậu của Đông Quan, mà không tốn một hòn tên mũi đạn. Vua bèn giao cờ kiêu cho vợ chôn bà Lương ở lại giữ thành, lại sai Nguyễn Trãi ghi công, đợi khi đánh đuổi hết quân Minh sẽ định thưởng.

Sau này, khi lấy xong được nước, đầu năm Mậu Thân (1428), vua Lê hội quân thân ở điện Giảng Vũ để thưởng công lao đánh giặc. Vua bảo:

- Trẫm khởi binh tự Lam Sơn dẹp quân Minh, cứu sinh linh, chỉ mong cho chóng thành công. Sở dĩ lâu ở Thanh Hoá, không thắng ra lấy Đông Quan được là vì có thành Cổ Lộng ngăn lối. May có một người đàn bà bày mưu giúp sức khiến trẫm sớm phá được thành, để quân ta có lối ra Bắc. Thật là một kỳ công hiếm có. Vậy ý trẫm muốn thưởng trước. Các khanh bàn nên thế nào?

Vua truyền gọi bà Lương đến tỏ ý phong thưởng. Bà Lương lay tâu:

- Thân thiếp phận hèn bần liễu, vốn người thôn dã. May mà làm nên công trạng cũng là do uy trời của đức vua, thân thiếp nào có tài cán gì. Và lại, thân thiếp vốn người chắt phác quê mùa, không dám dự quan cao chức trọng. Chỉ xin dân áo vải nước Nam từ nay được thái bình yên ổn, thế là mãn nguyện.

Vua bảo:

- Con gái có công to mà không khoe khoang thật còn hơn con trai một bậc! Nhưng khanh đã tự nhận là thôn, dã, trẫm cũng lấy cảnh

thôn dã mà thưởng lộc cho, lại phong thêm tước lộc nữa, ý khanh thế nào?

Bà Lương tâu:

- Bệ hạ đã ân tứ mà phong thưởng, thần thiếp nào dám trái ý thánh thượng. Nay sinh quán thần thiếp, đất hẹp dân nhiều, cúi xin bệ hạ cho mở rộng ruộng đất, miễn sai dịch cho dân xã quê hương để tạ ơn mưa móc của bệ hạ mãi về sau.

Vua khen ngợi và chuẩn y, bèn phong cho chồng bà làm Kiến Quốc công Trung dũng công thần, phong cho bà làm Kiến Quốc Trinh liệt phu nhân, ngôi ở trên tước hậu bá. Lại cấp cho bà hai trăm mẫu ruộng tốt ở phía đông thành Cổ Lộng, để dân làng Chuế Cầu có thêm ruộng cày cấy.

Năm Thuận Thiên thứ năm (1432), bà Lương mất. Vua Lê Thái Tổ sai quan về tận quê bà, làm lễ tế theo tước vương, lại cấp thêm một trăm mẫu ruộng để dân làng Chuế Cầu dùng vào việc thờ cúng. Sau, vua Thánh Tông lại lập đền thờ ở làng. Đền ấy nay vẫn còn. Vua sai viết một bài minh mười hai câu ghi công đức của bà. Bài minh ca ngợi:

Vĩ đại thay, người đàn bà giỏi

Chí khí mạnh ngang vạn quân!...

Chiến thắng Tốt Động, Chúc Động



Đầu năm Bính Ngọ (1426), tin bất lợi ở Nghệ An, Thanh Hoa, Thuận Hoá, Tân Bình từ Giao Chỉ do tổng binh Trần Trí báo về Yên Kinh, làm náo động cả triều đình. Minh Tuyên Tông nhận biểu cáo cấp và xin viện binh của Trần Trí thì tức giận, hạ lệnh cách chức bọn Trần Trí, Phương Chính, đoạn hội triều thần lại nhất định cử viện binh đi đánh dẹp. Tuyên Tông chọn Vương Thông, phong chức tổng binh, lĩnh ấn Chinh đi tướng quân; cho Đô đốc Mã Anh làm tham tướng, Binh bộ thượng thư Trần Hiệp làm tham tán quân vụ, cả năm vạn quân từ Quảng Tây kéo sang. Lại sai Đô ti Vân Nam là Vương An Lão dẫn một vạn quân từ Vân Nam xuống trước.

Vương Thông là người thế nào? Thông vốn dòng dõi võ tướng. Cha là Vương Chân giữ chức Đô chỉ huy sứ sau thăng đến chức Đô đốc thêm sự. Cha chết trận, Thông được tập phong tước Vũ Nghĩa bá. Năm Vĩnh Lạc thứ mười một (1413), Minh Thành Tổ phong cho Thông tước Thành Sơn hầu. Đến năm Hồng Hi thứ nhất (1424), Minh Nhân Tông lại phong thêm cho Thông hàm Thái tử thái bảo. Đường công danh của Thông thuận lợi như diều gặp gió. Nay được vua Minh cử đi chinh phạt, Thông mừng thắm, chặc mồm:

- Mừng vương, công là ở trận này!

Bởi thế, Vương Thông hăm hở trẩy quân. Ra đi cuối tháng Chín năm Bính Ngọ, đầu tháng Mười đã đến Đông Quan. Dọc đường gặp

Bùi Bị, Nguyễn Khuyển dẫn hai ngàn quân và một voi ra chặn lại, năm vạn binh của Thông ỷ thế đông, ô ạt đánh tràn tới. Quân Bùi Bị đành chịu, không sao cự nổi. Thông càng được thế kiêu căng, kéo thẳng một mạch vào thành. Bọn Trầ n Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính, Lý An đê n trước quân doanh của Thông nộp á n kiê m xin chịu tội. Thông mắ ng luôn:

- Lúc các ông câ m mười vạn tinh binh đánh dẹp một bọn giặc cỏ, tướng sĩ lao khổ đã má y năm mà càng đánh càng thua, chỉ còn lo giữ thành chờ quân cứu viện. Quân sĩ lừa ngựa tổn hại hàng vạn, vận chuyển chi phí tô n kém hàng chục ức mà vẫn bỏ đấ t má t thành làm nhục quô c thể. Các ông tội đáng chê t. Nhưng hoàng đê mở lượng hiê u sinh tha cho, giáng làm sự quan⁽²⁷⁾. Vậy gắ ng mà lập công chuộc tội, báo đê n ân đức của nhà vua.

Bọn Trầ n Trí đê u rập mình vọng về phương Bắ c vái lạy nhận mệnh. Vương Thông nói tiế p:

- Nay ta đem viện binh sang đây, chỉ một trận là bắ t hê t quân man. Trước hãy dọn sạch bọn Văn Xảo, Lý Triện ở Ninh Kiê u⁽²⁸⁾, sau theo đường núi tiế n thẳng vào Thanh Hoa trói cổ Lê Lợi giải về kinh!

Đoạn, Thông họp quân lại, cả thảy mười vạn chia làm ba đạo kéo đi. Năm ngày sau, quân Minh đã dàn xong thế trận, doanh trại đóng liê n nhau đê n vài mươi dặm suô t từ bê n Cổ Sở (xã Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội đê n câ u Thanh Oai (xã Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội). Cờ xí rợp đô ng, giáo mác rục trời. Thanh thế lớn lắ m. Bữa đó là vào ngày mô ng bảy tháng mười, năm Bính Ngọ. Khi á y ở Ninh Kiê u, quân ta chỉ có vài nghìn người. Phạm Văn Xảo, Lý Triệu, Trịnh Khả, Đỗ Bí họp tướng sĩ lại bàn kế phá giặc. Triện nói:

- Quân địch đông, quân ta ít. Nhưng quân địch phân ở phương Bắc mới sang, đi xa mệt mỏi, phân Đông Quan vừa bị thất bại; thế là địch tuy đông mà hoá yếu. Quân ta tuy ít nhưng trên dưới một lòng, anh hùng hết sức, lại vừa thǎng liên mã y trận, sĩ khí càng hăng; thế là ta ít mà hoá mạnh. Nay nhân lúc quân địch chân chưa đứng vững, tay chưa kịp trở, ta nên đánh ngay để chế được người, chứ không để cho người chế mình.

Văn Xảo nói:

- Tôi xem ba cánh quân giặc: cánh Vương Thông ở Cổ Sở quân đông tên cứng, không nên đánh; cánh ở Sa Đồi tuy không được như thế nhưng đằng sau có Đông Quan làm chỗ dựa, hai bên tả hữu có hai cánh kia che chở, cũng không nên đánh; duy cánh ở Thanh Oai là yếu hơn cả, tướng chỉ huy là Mã Kỳ, Sơn Thọ là bọn hoạn quan tầm thường vô mưu, chỗ ấy nên đánh. Thế là ta bỏ chỗ vững đánh chỗ hở, tránh chỗ chắc, đánh chỗ hư, như vậy chỉ dùng sức có một nửa mà thành công gấp đôi.

Tướng sĩ đều khen phải. Lý Triện, Văn Xảo lập tức chia quân làm hai, Lý Triện, Đỗ Bí đi trước đem binh đến giǎu sẵn ở cánh đồng ruộng nước bùn lầy, lại lǎm lùm cây gò cao ở làng Cổ Lãm⁽²⁹⁾. Xong, Phạm Văn Xảo dẫn quân đến trước thành réo tên Mã Kỳ, Sơn Thọ đòi đánh. Mã Kỳ, Sơn Thọ tức điên người, lại thǎy bên ta ít, bèn đánh luôn. Văn Xảo cười thǎm càng chọc tức, vừa đánh vừa nói khích, dứt lời thì tháo chạy.

Bọn Mã Kỳ dẫn quân kị ráo riết đuổi theo. Đến Ba La⁽³⁰⁾ vừa qua cầu, phục binh của Lý Triện, Đỗ Bí đổ ra đánh tạt sườn, quân Văn Xảo từ đằng trước đánh quặt lại. Người và ngựa quân Minh mất ruộng nước sa lầy bị chém hơn một nghìn người. Bọn Mã Kỳ dẫn tàn quân căm đầu quay về Thanh Oai. Đến nơi thǎy công

thành đóng chặt, ngẩng nhìn lên, cò Nam đã cắ m la liệt, tướng Trịnh Khả đứng lên lầ u giương cung thét lớn.

- Giặc dữ kia, còn dẫn xác về` đây làm gì!

Dứt lời, buông tên bắ n xuố ng. Bọn Mã Kỳ không còn hô`n vía, tạt ngựa nhắ m thành Đông Quan cướp đường chạy thục mạng. Quân ta tràn lên đánh tới, đuổi tới Cầ u Mộc (ngoại thành Hà Nội) bắ t số`ng năm trăm tên. Dọc đường, thây giặc rải rác tới vài mươi dặm. Mã Kỳ chỉ kịp một người một ngựa tro`n thoát vào thành. Trời đã nhá nhem tô`i, Lý Triện cười bảo Đỗ Bí:

- Quan hoạn có khác, chạy nhanh góm! Ta muồ`n nhân lúc này chặn đánh dinh sau của Phương Chính.

Bí khen phải, cùng Triện quay lại đánh úp mặt sau cánh quân Minh ở Sa Đồi (Từ Liêm, Hà Nội). Đế`n nơi, doanh trại giặc đã tro`ng không. Té ra, Phương Chính, Lý An nghe tin bọn Mã Kỳ bị vây hãm ở Ba La thì cả sợ, vội dẫn quân chạy trước về` Đông Quan.

Ở Cổ Sở, nghe tin thắ t trận của bọn Mã Kỳ, Sơn Thọ và Phương Chính, Lý An, tổng binh Vương Thông vừa sợ vừa tức, ngay tô`i hôm đó cho lệnh gọi tá`t cả đế`n. Bọn Mã Kỳ, Phương Chính sợ tội, đổ tại quân Nam có voi nên không sao đánh được. Vương Thông mắ`ng:

- Thật là vũ dũng vô mưu. Có khó gì mà không trị được! Hãy lắ y tre đan thành lá chắ n, bên trong cài chông sắ t. Hễ giặc đế`n đánh thì giả vờ thua, bỏ lá chắ n chạy. Voi giẫm lên, trúng phải chông sắ t tá`t phải chịu lép; bắ y giờ, quay lại dùng tên cứng giáo dài mà đâm thì voi nào chịu được, quân man tá`t vỡ!



Bọn Mã Kỳ, Phương Chính phục lấ m. Sáng hôm sau, mề ng Tám tháng Mười, Lý Triện dẫn voi đén Cổ Sở khiêu chiến. Quân Minh theo kế của Thông, quả nhiên, quân của Triện bất lợi phải lui binh. Vương Thông được thể càng lên mặt kiêu căng không thềm nghe ai. Trưa hôm ấy, Thông thừa thắ ng xưa cả hơn chín vạn quân ở ạt đánh thẳng tới Ninh Kiề u. Đén nơi, thắ y cửa doanh trại quân Nam đóng chặt, Thông thúc quân phá cửa tràn vào. Bất đồ chỉ còn doanh trại không, quân Nam đã biề n đầu mắ t. Bôn bê , ruộng nước cỏ lác ngập đầ u. Nhìn về phía tây, núi Ninh, núi Chúc, núi Ngọc Giả rùng cây rậm rạp, cảnh vật âm u, tham tán quân vụ Trầ n Hiệp chợt thắ y thề nguy, vội can ngăn Vương Thông:

- Chỗ này địa thề hiểm trở, sợ có phục binh, nên đóng quân lại cho đi do thám.

Thông không nghe, bảo:

- Việc binh cốt phải mau chóng như thầ n. Sao lại bỏ lỡ thời cơ?

Vừa lúc, thám tử về báo quân Nam rút chạy xuồ ng Cao Bộ, cách Ninh Kiề u có chục dặm. Thông mừng lấ m, nhắ t định sớm hôm sau sẽ phát binh đánh tới, mới hội tướng sĩ lại nói cho nghe mật kế . Đoạn, Thông cử viên tùy tướng dẫn một toán thám báo đi ngay, để dọn đường ngày mai Thông bày trận đánh. Chẳng ngờ, toán quân này lọt vào ổ mai phục của ta, bị ta bắt hế t ngay tới hôm đó. Quân ta giải chúng về quân doanh. Khi ấy, Đinh Lễ, Nguyễn Xí đang giấ u quân ở Thanh Đàm (Thanh Trì, Hà Nội) được tin cấp báo của Lý Triện, Văn Xảo, vội dẫn ba ngàn quân và hai voi chiến kịp về Cao

Bộ hợp binh. Tướng tá đang nghị bàn thì quân canh điệu viên tướng Minh vào. Lý Triện, Đinh Lễ thân cởi trói, mời ngồi, lựa lời chiêu dụ. Tướng giặc được tha tội chết, mừng rỡ vội khai hết:

- Sớm mai, Vương Tổng binh sẽ thân cầm đại quân làm cánh chính binh từ Ninh Kiều qua cầu sông Ninh, theo đường cái quan đánh thẳng vào doanh trại các ông. Các ông vì mãi lo đồ i phó trước mặt, tất không phòng bị mặt sau. Quân kỵ tinh nhuệ làm kì binh sẽ đi đường tắt lên đến sau lưng phục sẵn, đặt súng bắn hoả pháo làm hiệu. Bấy giờ, chính binh đánh mặt trước, kì binh bất ngờ tập kích phía sau, quân các ông tất tan vỡ.

Biết phương lược lợi hại của Vương Thông. Lý Triện, Đinh Lễ đều nói:

- Cái nó dùng để hại ta, ngược lại, lại hại nó; cái nó muốn dùng để đánh úp ta, ngược lại, lại đánh nó. Thế mới là kế hay!

Tướng sĩ lập tức chia nhau dẫn quân đi mai phục. Đêm ấy, trời giá lạnh; nửa đêm về sáng lại có mưa nên càng rét. Canh tư, quân các ngả đều đã giã xong. Canh năm, từ Ninh Kiều, Vương Thông phát cờ cho quân sang sông. Cánh kì binh đi trước theo đường tắt lên về phía sau Cao Bộ. Thông dẫn cánh chính binh rầm rộ kéo thẳng đến trước mặt doanh trại quân ta. Ngót chục vạn quân Minh đi chật đoạn đường dài mười dặm, thanh thế lớn lắm. Giờ ty (khoảng 9 đến 11 giờ) ngày mùng Chín, tháng Mười, tiền quân của Thông đến địa phận làng Tô Động. Bỗng nghe tiếng hoả pháo nổ ở phía Cao Bộ, Thông tưởng là ám hiệu của cánh kì binh thì cả mừng, vội xua đại quân kịp xông tới. Quân Minh đều đổ xô lên chiếm lấy điểm thuận lợi, theo đường tắt mà vào, lợi ruộng mà đi, bỏ cả đội ngũ. Thành linh, quân Nam từ sông Yên Duyệt phía trước, từ đồng cỏ lác lau sậy, từ bờ đầm Rót phía tây, từ các làng xung quanh bỗng hiện ra, tràn tới chặn đầu và đánh tạt vào hai bên, khí thế cực kì

dũng mãnh. Quân Nam được voi dẫn đầu lại quen thạo địa hình nên đi lại như bay, sức mạnh như thần. Khi ấy, trời đổ mưa to, quân Minh bị hãm ở chỗ lội, người và ngựa bị ruồng sâu bùn lầy làm vướng chân, trở tay không kịp, đành phơi mình chịu chết. Quân Nam dùng cung tên giáo mác lao vào mà bắn giết, thấy giặc gổ i lên nhau ngập đầu. Thượng thư bộ binh Trần Hiệp thúc ngựa tiến lên, định chinh đầu quân ngũ đang rối loạn thì bị một mũi giáo đâm trúng, ngã lộn nhào xuống đất. Thông trông thấy, xô tới cứu nhưng không kịp. Quân Nam nhanh hơn, xông vào chém chết. Thông khiếp đảm ngựa mặt lên trời, kêu thất thanh:

- Trời hại ta!

Vừa dứt lời, Thông liền bị một mũi tên bắn vào cạnh sườn. Cả sợ, Thông vội quay ngựa chạy thục mạng.

Cánh kị binh vừa đến Cao Bộ chưa kịp bắn hoả pháo, đã thấy tiếng pháo hiệu nổ, lại thấy quân Nam từ bốn phía đổ ra đón đánh thì biết là mắc mưu. Quân tướng đều rụng rời chân tay, vội vã trốn về Chúc Động, hợp với cánh chính binh vừa tan vỡ chạy tới. Không ngờ, từ chân núi Ninh, núi Chúc, từ các cánh rừng ven lộ, từ những bờ lau ven đầm, quân Nam lại hiện ra chặn đánh, Vương Thông, Mã Kỳ chẳng còn bụng dạ nào cự chiến, bỏ mặc quân lính lao qua cầu Ninh Kiều chạy một mạch về Đông Quan. Quân Nam đuổi theo chặt gãy cầu. Giặc bị chết chém, chết chìm dưới sông nhiều không kể xiết. Nước sông Ninh (sông Đáy) vì thế tắc nghẽn, không chảy được. Quân Minh còn sống, chạy tản vào các làng, dân binh nổi lên bắt giết không sót một tên. Lý An, Phương Chính chận chân, đến Ninh Kiều thì cầu đã mất, tất đường không qua được sông Ninh. Cả bọn hết hồn vội theo dọc sông Ninh ngược lên phía Bắc lần về Cổ Sở. Không ngờ lại bị dân binh trong làng xông ra chặn bắt. Phương Chính, Lý An phải cướp đò lên qua sông mà về Đông Quan.

Chiều hôm đó, Vương Thông kiểm lại quân tướng mới biết Nội quan Lý Lượng, chỉ huy Lý Đảng đã mất xác. Hơn chín vạn quân hùng hổ kéo đi, giờ còn chưa đầy ba vạn, về đến thành mà vẫn tim đập chân run. Thông sợ lắm, từ bây giờ hét lên mặt kiêu căng, đóng chặt cửa thành cố thủ.

Giải phóng Đông Quan



Đến đầu tháng Chín năm Đinh Mùi (10 - 1427), giặc Minh chỉ còn giữ được mấy thành: Tây Đô, Chí Linh, Cổ Lộng, Đông Quan, trong đó riêng ở Đông Quan, mấy vạn quân của Vương Thông vẫn liều chết cố thủ để chờ viện binh.

Sau chín, mười tháng bị vây hãm, giặc ở thành Đông Quan ngày một trí cùng sức kiệt. Nguyễn Trãi mấy phen vào thành thuyết hàng, lại năm lần bảy lượt viết thư gửi Vương Thông, Sơn Thọ chiêu dụ khiến giặc càng hoang mang nao núng. Quân Minh nhiều tên đã họp nhau thành từng nhóm, lên ra ngoài thành xin cho được sống. Viên Bách hộ Hà Vương nhân chuyên được cử ra lấy trộm củi cỏ cũng đem binh đến trước đại bản doanh Lê Lợi ở Bồ Đề (Gia Lâm - Hà Nội) quy hàng. Bọn Vương Thông tuy bề ngoài vẫn làm vẻ điềm nhiên, song trong bụng đã ròi ròi. Chúng luôn miệng phao

tin viện binh sắp sang để cô nuôi lòng quân sĩ. Nay tin Liễu Thăng, Mộc Thạnh cùng bọn Lương Minh, Lý Khánh, Thôi Tự, Hoàng Phúc... đều là những tướng mà vua Minh Tuyên Đức tin tưởng, là bậc lão thành, tài giỏi, cùng mười lăm vạn quân, ba vạn ngựa chia hai đường, đang hùng hổ kéo sang, làm bọn Vương Thông ở Đông Quan khấp khởi mừng thầm, ngày đêm ngهن cổ mong chờ. Thông họp bọn tướng tá dưới trướng lại, bảo:

- Nay hoàng đế đã cử thái phó Kiêm Quốc Công (Mộc Thạnh) và Thái tử thái phó An Viễn Hậu (Liễu Thăng) đem đại binh sang chinh phạt. Ngài lại mật truyền cho ta phải cố giữ Đông Quan, bảo toàn quân lực, lại phải gấp rút, chinh động hàng ngũ đợi quan quân sang thì hai mặt trong ngoài cùng đánh.

Đoạn, cắt đặt bọn Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính, Lý An, Trần Trí... chia nhau đi đốc thúc quân sĩ đào hào cắm chông, dựng rào đắp lũy, sắp sẵn chiến cụ, sửa đóng ngựa xe, chờ cơ hội đến sẽ tung ra đánh phá. Tướng sĩ ta thấy vậy nhao nhao đòi Lê Lợi cho đánh Đông Quan, nhả mũi giáo sau lưng, để yên tâm đợi phó với viện binh giặc đang trước. Nguyễn Trãi vội can, Lê Lợi khen phải:

- Đánh thành là hạ sách. Viện binh giặc kéo đến thì trước mặt sau lưng đều bị đánh, đó là con đường nguy. Viện binh bị phá, thành tất phải hàng. Thế là làm một mà được hai, đó mới là kế vẹn toàn vậy!

Rồi Lê Lợi hạ lệnh khép chặt vòng vây, canh giữ cho nghiêm, ngày đêm tuần xét, chặn tuyệt đường đi lại giữa Đông Quan với viện binh giặc. Mặt khác, Lê Lợi sai Nguyễn Trãi tiếp tục dụ hàng giặc ở Đông Quan. Nguyễn Trãi bả những thư đã gửi cho Vương Thông sao thành nhiều bản tung vào trong thành cho quân Minh cùng biết:

“... Người vẫn còn ngày ngày mong đợi viện binh mà nói phao lên là viện binh sắp đến... Người sao không nghĩ: ngày nay, đâu có mười vạn viện binh thì có dám vượt cửa quan không? Ví bằng dốc quân cả nước kéo sang, hoặc độ ba bốn mươi vạn... người sao không nghĩ là binh tượng ta nhiều, tâm lực ta đều, thuyề n chiến ngất mây, áo giáp rực sáng, tên đạn chát đống, thuốc súng đầy kho so trước với giờ, ta mạnh hay yếu, các người chắc rõ... Nay những nơi quan ải hiểm yếu, đều có quân và voi ta đồn giữ, nếu viện binh đến, thế tất phải thua; viện binh đã thua, các người tất sẽ bị bắt... Bởi thế, ta tính giùm họ các người; chỉ bằng cùng Thái đô đốc⁽³¹⁾ đem quân về nước là hơn cả. Bằng không, một khi cờ ta trở, tro ng ta nổi, các người có ăn năn cũng không kịp đâu!”.

Bọn Vương Thông thấy thế thì chột dạ. Chính Thông bụng cũng hoang mang, nghi ngờ quân cứu viện không khéo chỉ đem dầu chữa cháy. Cho nên, Thông càng sợ quân sĩ nhất là từ bọn Đô ti trở xuống mà đọc thư ấy thì dễ chán nản thất vọng sinh ra biến loạn, bèn hạ lệnh thu nhật hết, cấm ngặt không cho bàn tán. Mặt khác, Thông sai đóng chặt cổng thành, ngày ngày ghé mắt nghe ngóng binh tình. Được ít hôm, thỉnh linh quân canh sợ hãi vào báo tin:



- Quân Nam đến trước thành réo tên quan Tổng binh Thái tử thái bảo Vương Thông ra mà nhận viện binh!

Bọn Vương Thông kinh hoàng kéo cả lên mặt thành xem xét. Nhìn xuống, quả nhiên thấy Đô đốc Thôi Tự và Thượng thư Hoàng Phúc đang bị trói tay đứng đó. Xung quanh lúc nhúc một lũ quân nội địa⁽³²⁾ bị bắt cùng giải đến. Viên tướng của Lê Lợi thấy bọn Thông xám mặt thì cả cười, vẫy thông sự Đặng Hiếu Lộc đến lấy trong tráp ra mấy thứ giờ cho xem, bảo:

- Ngài Tổng binh coi: đây là song hổ phù của Chinh lỗ phó tướng quân Liễu Thăng, đây là hai quả ấn bạc của Binh bộ thượng thư Lý Khánh và của Công bộ thượng thư Hoàng Phúc đứng kia. Còn đây là cờ, trống, số quân mà viện binh của ngài đem đến nộp cho ta!

Nói đoạn liền bắt lên một bức thư và bảo:

- Thư quan hành khiển vâng lệnh Chúa công ta gửi các người. Xem thư khá rõ.

Bọn Vương Thông, Sơn Thọ đều xanh mặt. Cầm thư, bọn Thông dặt dít nhau về quân trưởng mở xem. Thư viết:

... “*Chỗ trông cậy của các ông chỉ là quân cứu viện. Ngày tháng Giêng năm nay, có sách cho bọn An Viễn hầu (Liễu Thăng), Bảo Định bá (Lương Minh), Thôi đô đốc (Thôi Tự), Hoàng Thượng thư (Hoàng Phúc), Lý ngự sử (Lý Khánh) cùng thổ quan⁽³³⁾ là Nguyễn Huân đem quân sang hẹn trong tháng Tư tiến binh vào cõi Giao chỉ. Rồi trong một tháng, quân ấy⁽³⁴⁾ đến cửa ải của ta. Quân sĩ ta ở biên giới dụ quân ấy đến ải Chi Lăng. Ngày tháng Hai năm nay, quân ta chỉ đánh một trận mà quân ấy tan vỡ: binh mã tiên phong một lúc bị ta quét sạch, còn Tổng binh An Viễn hầu thì chết ở trận tiền. Đến ngày hai mươi năm, quân ta lại đánh trận nữa*

thì quân ấy hoàn toàn tan hết. Bảo Định bá thì tử trận, còn bại quân chạy tản vào rừng đều bị quân ta bắt được. Việc đến như thế, các ông còn trông cậy vào đâu?... Nay lấy một thành Đông Quan còn con, đem cả nước lại vây đánh là việc rất dễ, song tôi không làm...Nếu các ông coi giúp mở thành, lại theo lời ước trước⁽³⁵⁾ thì các ông sẽ được bảo toàn quân lực đem nhau về nước... Thế chẳng là tốt đẹp hay sao?..."

Lâu nay, bọn Thông chỉ trông chờ viện binh đến cứu sông. Nay viện binh đã tan tành, chúng cố ấy cả bọn vừa nhìn tận mắt. Thư của Nguyễn Trãi kịp mở cho Thông lối thoát; trong bọn kẻ nào bụng cũng nghĩ thế nhưng chẳng ai dám nói ra. Quân tướng lạng như tờ.

Ít hôm sau, mới sáng dậy, quân canh đã hô t hoảng vào báo:

- Quân Nam đã kéo đến sát chân thành.

Thông sai Đô đốc Mã Anh ra xem. Bên mặt thành, quân Lê Lợi trùng điệp, gươm giáo sáng loà, xe đánh thành đẩy đến chật đường. Mới hôm rồi, quân Nam đã đắp một lũy vây ngoài Cửa Nam. Nay chỉ qua một đêm, không ngờ họ lại đắp xong lũy đất nữa chạy từ phường An Hoa đến Cửa Bắc. Mã Anh cả sợ, vội quay vào trình báo. Bọn Vương Thông càng hoang mang cùng quẫn.

Bấy giờ, Lê Lợi cũng họp tướng tá lại bàn cách hạ thành.

Tướng sĩ nhiều người đều xin cho quân đánh tràn lên để rửa hờn.

Nguyễn Trãi can:

- Tình hình quân giặc trong lúc này mình muốn phá vào sào huyệt, ăn gan uống máu để rửa mọi thâm thù không phải là việc khó. Nhưng thân trộm e như vậy sẽ kết mọi thù với triều Minh

quá sâu. Vì sự trả thù, vì cứu vớt lấy thể diện của một nước lớn, vua nhà Minh tất phải binh sang. Như thế, cái vạ binh đao biết đến bao giờ cho dứt được? Chi bằng ta nên thừa lúc này, kẻ kia lâm vào thế cùng mà cùng họ hoà hiếu, để tạo phúc cho cả sinh linh hai nước.

Lê Lợi nghe theo, bảo:

- Quan hành khiển có thể vì ta vào thành Đông Quan chuyể n nữa, mà gặp ngòi lửa chiế n tranh?

Nguyễn Trãi lĩnh mệnh, vái lạy lui ra, sửa soạn đi ngay. Vương Thông được tin báo thì mời vào. Thông vô n chẳng ưa gì Nguyễn Trãi, nhưng thấ y Trãi ung dung tay không, theo sau chỉ có má y quân hầ u mà đi đứng rấ t đàng hoàng, ăn nói đĩnh đạc, thì bấ t giác thầ m kêu lên trong lòng:

- Nước Nam có người như Trãi, ta làm sao lấ y được!

Chủ khách phân nhau chỗ ngô ì i, Nguyễn Trãi nói luôn:

- Trước đây đã giao ước hoà giải, không những lòng của chúng tôi và của các ông đầ u được yên mà cả đầ n lòng quân sĩ hai nước đầ u thế . Ai cũng vui mừng nhảy nhót, tự bảo rằ ng: cả Nam lẫn Bắ c từ nay trở đi đầ u được vô sự. Tại sao các ông Phương, Mã⁽³⁶⁾ cô ớ giữ ý riêng của mình, đầ n nỗi làm ngăn trở việc hoà ước của hai bên? Ví bằng việc hoà giải đã xong thì ngày nay tất Liễu Thăng không đem thân đầ n đây mà bỏ mạng. Thế là hoà hay đánh, lợi hại đã rõ ràng. Nay nế u các ông lại theo đúng giao ước xưa, chúng tôi sẽ xin lui quân về Thanh Đàm, Ái Giang; lại sửa sang đường sá, cung cấp lương thực không thiế u thứ gì, để cho các ông thung dung trở về nước. Đấ y chính là lòng thành của chúng tôi muồ n mưu việc lâu dài, trên thì thuận lòng hiếu sinh của trời, dưới thì cứu nhân dân khỏi nước sôi lửa bỏng.

Vương Thông hỏi:

- Nói hoà sao lại đắp thêm thành lũy, sắp sẵn xe thang. Việc làm như thế là thành thực chẳng?

Nguyễn Trãi bảo:

- Vừa rồi, các ông không thấy vạ cháy thành đến nơi mà sợ, lại còn lấy gạo múc nước hòng làm voi biển cả nên đã u mê dùng quân sắp chết đánh ra. Bởi thế, quân tôi phải đắp đê quai nhỏ ngăn lũ nước rò. Việc ấy có gì là lạ? Hễ hoà giải đã định thì mọi việc khác đều không phải để ý lo ngại nữa.

Thông lại nói:

- Tôi làm tướng triều đình đem quân đi đánh dẹp, mọi việc tiến lui đều phải có lệnh của thiên tử. Hoà ước là việc trọng, phải chờ mệnh của hoàng đế, tôi không dám một mình tự quyết.

Nguyễn Trãi đáp:

- Ông mang ân đi chuyên việc đánh dẹp thì mọi việc quân ở cõi ngoài xa có thể tùy tiện mà xử trí, sao cứ phải nhất nhất đợi lệnh triều đình? Thế thì câu nói: “Đại tướng ở bên ngoài, mệnh lệnh của vua có thể có việc không tuân theo cũng được”, ông không thấy tin ư? Lại có câu nói: “Tướng là người giữ vận mệnh của quân”. Nay bọn ông giữ một thành còn con con trợ trợ, lương thực voi cạn, quân sĩ mỗi một nhao nhao thất vọng sẽ giết lẫn nhau mà tìm đường sống; lại tuyệt đường viện binh không phương kế gì cứu khỏi diệt vong. Chết như thế có bổ ích gì cho nước không? Nếu cứ bo bo cái khí tiết nhỏ mọn mà chết uổng, làm hại cả tính mệnh mấy vạn quân trong thành thì lỗi ấy ở ai? Nay thuận theo tình thế, chịu nhận hoà hiếu, bảo toàn quân lực mà về, hoàng đế có thêm quân mà giữ phương

Bắc chồ́ng lại quân Nguyên, công ấ́y của các ông triề`u đình sao lại xem là nhỏ?

Cả bọn Vương Thông, Sơn Thọ đê`u nín lặng, vẻ ưu tư lộ rõ trên nét mặt. Nguyễn Trãi biế́t bọn chúng đã xiêu lòng nhưng vẫn chưa thật yên tâm, bèn tiế́p:

- Xin các ông cử thái giám Sơn sang sông nói chuyện cho lời ước thêm chắ́c chắ́n. Chúa tôi sẽ cho Lưu Nhân Chú và tôi vào trong thành ở với các ông để làm con tin. Thê` thì mộ`i ngờ vực của đôi bên đê`u tan, lòng mọi người đê`u yên cả.

Biế́t không làm sao khác, bọn Vương Thông đành nghe lời thuyế́t phục của Nguyễn Trãi. Ngày hăm hai, tháng một, năm ấ́y (10 - 12 - 1427), Vương Thông dẫn bọn võ quan là các đô đố́c Mã Anh, Phương Chính, Trầ`n Tuấ`n, các thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ, các bá tước Trầ`n Trí, Lý An, và Đô chỉ huy Trầ`n Hữu cùng bọn quan văn là Chu Kỳ Hậu, Quách Vĩnh Thanh, Dục Khiêm, Lục Quảng Bình, Hồ`ng Bình Lương... mở cửa thành ra hàng. Cả bọn họp nhau ở phía nam thành Đông Quan mà thê` rắ`ng:

- Tổng binh Thành Sơn Hậ`u Vương Thông nê`u không lập tức đem quân về` nước, còn kéo dài năm tháng để đợi viện binh hoặc cho quan quân đi cướp bóc nhân dân thì trời đắ́t và quỷ thầ`n các xứ tá́t đem bọn quan tổng dinh Thành Sơn Hậ`u là Vương Thông từ bản thân cho đế`n cả nhà thân thích làm cho ché́t hế́t và cả đế`n quan quân cũng không một người nào về` được đế`n nhà!

Y lời hẹn khoan hồ`ng, Lê Lợi và Nguyễn Trãi tha cả mười vạn quân Minh ở các thành cho về` nước. Việc ấ́y là vào ngày Mười Hai, tháng Chạp, năm Đinh Mùi (29-12-1427).

Thật Là:

Giặc cùng đường kiệt sức, bó tay chờ chết đến nơi

Ta mưu phạt tâm công,⁽³⁷⁾

không đánh mà người phải khuất.

(Bình Ngô đại cáo)

Chiến thắng Chi Lăng, Xương Giang



Từ khi Vương Thông vượt ải băng rừng vào nước Nam vua Minh ngày đêm trông ngóng. Qua ải Pha Luỹ, Thông đi một mạch, đến ngày mùng hai tháng mười thì vào Đông Quan. Tin ấy làm Minh Tuyên Tông mừng rỡ, thắm khen Thông là khá. Thành linh tin sét đánh bay về Yên Kinh: chỉ ba ngày đêm, chớp mắt mười vạn quân các đạo dưới quyền Thông bị giết, bị bắt, chỉ còn chưa đầy ba vạn! Triều đình trăm quan đều xanh mặt, vua Minh thì hét hồn, sợ lắm. Nhân nhận đọc biểu cầu phong⁽³⁸⁾ của Lê Lợi gửi sang, Tuyên Tông có ý vin cơ ấy để chữa thẹn mà lui binh. Tuyên Tông nói:

- Nếu họ Trầ̃n quả còn con cháu, chọn lập một người cho giữ chức phiến thầ̃n, ba năm một lần tiến cống như chế độ đời

Hồ`ng Hi để yên dân á`y (Đại Việt) mà Trung Quố`c cũng bớt được sự mệt nhọc về` binh thú, thế` chẳng phải là hay sao?

Đại thầ`n là Kiên Nghĩa và Trương Phụ đề`u tâu:

- Điề`u á`y không nên theo. Tướng sĩ lao khổ đã má`y năm mới chiế`m được Giao Chi⁽³⁹⁾. Biểu này là quý kế` của Lê Lợi. Vậy nên phát thêm quân sang giế`t chế`t bọn giặc á`y đi.

Dương Tử Kỳ và Dương Vinh là hai đại thầ`n đang có ý muố`n bãi binh thầ`y thế` mới vặ`n Trương Phụ:

- Thì triề`u đình cũng đã phát thêm viện binh?

Phụ nói:

- Quân thua tại tướng. Vương Thông vô`n không có chiế`n công, do cha là Vương Chân chế`t vì việc nước, mà được tập phong, triề`u đình không biế`t là người hèn kém nên dùng nhầ`m. Nay kén tướng tài quen thạo việc Giao Chi đem đại binh đi cứu viện tấ`t đẹp xong. Ở phương Nam, Giao Chi mà yên thì quân Thát Đát ở phương Bắ`c phải lấ`y đó làm răn sợ, không dám chố`ng lại.

Tuyên Tông hỏi:

- Ai làm được việc á`y?



Trương Phụ tâu:

- Kiêm Quốc Công và An Viễn Hầu làm được việc ấy.

Kiêm Quốc Công Mộc Thạnh, An Viễn Hầu Liễu Thăng là hai viên tướng lão luyện, dưới triều Minh Thành Tổ đã từng theo Trương Phụ sang Giao Chi diệt nhà Hồ, đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trần Quý và Trần Quý Khoáng. Riêng Liễu Thăng lại đã ba lần Bắc chinh lập nhiều công lớn.

Tuyên Tông nghe bọn Trương Phụ bàn vậy thì ưng ý, bèn hạ chiếu sửa soạn đưa mười lăm vạn quân, ba vạn ngựa chia hai đường sang cứu viện. Đại quân do Liễu Thăng lĩnh chức tổng binh, mang ấn Chinh lỗ phó tướng quân dẫn mười vạn binh theo đường Quảng Tây tiến sang. Cánh kia do thái phó Kiêm Quốc Công lĩnh chức tổng binh mang ấn Chinh Nam tướng quân cầm năm vạn quân theo đường Vân Nam tràn xuống. Việc ấy là vào cuối mùa xuân năm Đinh Mùi (1427).

Bấy giờ, ở nước ta, được tin Minh Tuyên Tông sắp sửa điều binh sang cứu bọn Vương Thông, Lê Lợi lập tức hội quân tướng lại, mở cuộc duyệt binh ở Vĩnh Động (Hải Dương). Trên bờ sông, Lê Lợi sai đắp đàn cao. Dưới chân đàn là đội thị vệ mới tuyển, hai trăm lực sĩ gươm tuốt trần trần giữ. Mấy vạn quân bộ, quân nào vệ ấy hàng ngũ chỉnh tề, giáo mác rực trời. Lại có các xe đánh thành mới đóng theo kế của người ở Đường An (Hải Dương) là Võ Cự Luyện cũng sắp sẵn thành hàng. Dưới sông, mấy trăm chiến thuyền đậu kín cả một khúc sông, buồm giương cờ cắm, nghi vệ rất oai nghiêm. Lê Lợi lên đàn cao hiệu dụ tướng sĩ:

- Xưa kia họ Hồ lỗi đạo, giặc Minh thừa cơ sang xâm lược, bắt dân ta phải chịu sưu cao thuế nặng, hình phạt hà khắc. Các người đều mắc vòng bọ ngược của chúng nên mới cùng nhau đứng dậy

chống quân giặc nước. Bây giờ công việc đã gần thành, các người nên cố gắng đắp tròn quả núi, đừng để thiếu một sợi đất mà núi phải dở dang! Nay nước Minh cậy lớn mạnh không lấy bánh xe đổ trước làm răn, lại cử mười lăm vạn binh, ba vạn ngựa, sai tổng binh Liễu Thăng cùng Mộc Thạnh, Lương Minh, Thôi Tụ, Lý Khánh, Hoàng Phúc chia hai đường tiến sang nước ta. Các người đã biết chưa?

Quân sĩ dạ ran, Lê Lợi tiếp:

- Viện binh giặc sang ta chuyển này chẳng qua là kẻ đem đầu thừa chày, chỉ thêm mua cười cho thiên hạ. Phương lược bình Ngô⁽³⁹⁾ ta đã tính sẵn cả rồi. Các người hãy chỉnh đốn đội ngũ, tập rèn trận mạc, một lòng một dạ đánh giặc, đừng ngại vất vả khó nhọc. Vả lại, chỉ phải dùng sức khó nhọc một năm mà được vui hưởng thái bình muôn thuở, các người có thấy nên không? Hãy cố đi!

Quân sĩ lại dạ rầm trời. Nói đoạn, Lê Lợi phát cờ ra lệnh, các chiến tuyến lập tức rẽ thành hai đội tập thủy chiến: khi tiến khi lui, thế trận biến hoá, quân sĩ đều thông thạo. Duyệt xong quân thủy, Lê Lợi rời đàn cao bước lên mình voi đi duyệt quân bộ. Quân nào vệ ấy đều tinh nhuệ, khí giới nghiêm trang. Lê Lợi rất đẹp lòng.

Mùa thu năm ấy, từ ả Lê Hoa (Lào Cai, giáp Vân Nam), Pha Luỹ (Hữu Nghị quan), phòng ngự sứ Trần Ban và các tướng Lê Bôi, Trần Lựu đưa thư về cáo cấp: giặc đang ngấp nghé ở biên thủy. Tướng sĩ nhiều người đến trước đại bản doanh Bồ Đề (Gia Lâm, Hà Nội) nói với Lê Lợi:

- Cứu binh giặc đi hai đường, phương lược tiến đánh thế nào, xin đợi mệnh?

Lê Lợi bảo:

- Mộc Thạnh tuổi già, trải việc đời đã nhiều, vốn đã nghe tiếng ta, tất ngờ ỉ xem Liễu Thăng thành bại, chứ không dám khinh động.

Đoạn, gọi Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Nguyễn Khuyến, Lê Trung để trao lệnh:

- Các người dẫn quân tinh nhuệ kịp lên ngay ả Lê Hoa, cùng với phòng ngự sứ Trần Ban giữ lấy nơi hiểm yếu, chẹn quân Vân Nam của bọn Thạnh. Hãy đặt phục binh để chờ, không nên đánh nhau với giặc vội, đợi lệnh ta hẵng hay! Các tướng đều lĩnh mệnh, điểm quân đi ngay. Kế đó, bàn đến việc đánh Liễu Thăng, Lê Lợi nói:

- Quân đi cứu cấp cốt phải nhanh chóng nên giặc ắt phải gập đường đi suốt ngày đêm. Binh pháp nói: đi hàng năm trăm dặm mà chỉ vội nhả m lấy lợi, thì thượng tướng tất phải què. Nay Liễu Thăng sang đây, đường sá xa xôi, quân lính mỏi mệt. Ta lấy sức thong thả mà đánh quân mệt nhọc, thì lẽ nào không thắng?

Rồi Vương quay sang Nguyễn Trãi bảo:

- Quan hành khiển kịp sai người chạy thư mật truyền cho các tướng Trần Lựu, Lê Bôi ở ả Pha Luỹ chớ ham đánh thật, mà phải giả cách thua để làm kiêu lòng giặc. Lại truyền cho tổng tri Bắc đạo, Tây đạo lệnh cho các trấn Lạng Sơn, Lạng Giang, Tuyên Quang, Tam Đái, Quy Hoá hãy di dân dời nhà làm kê thanh dã⁽⁴⁰⁾ để giặc tuyệt nguồn cướp bóc lương thực.

Dặn xong, Vương vẫy các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Linh, Đinh Liệt, Lê Thụ, Lê Lỗ, Phạm Văn Liễu, Lê Lý và Lê Văn An đến cắt đặt:

- Các người hãy điểm một vạn quân tinh nhuệ, chọn lấy một trăm ngựa hay, năm voi chiến đến Chi Lăng mà bày trận mai phục, đập gãy quân tiên phong của Liễu Thăng. Còn Lê Lý, Lê Văn An - Vương

nói tiếp - ta giao cho các người ba vạn quân đi sau bọn Lê Sát, đến Cấn Trạm (Lạng Giang, Bắc Giang) giấu quân cho kín mà đợi giặc.

Các tướng đều hơn hở vái lạy lĩnh mệnh lui ra. Duy có Thái úy tư đồ Trần Nguyên Hãn khi ấy vẫn chưa thấy Vương sai phái thì lấy làm bồn chồn. Bỗng Lê Lợi rời ghế hồ, bước lại bên mà rằng:

- Thành Xương Giang là nơi hiểm ải. Bọn Lý Nhậm có thể từ Xương Giang một ngày một đêm là kịp về ứng cứu cho giặc ở Đông Quan. Nay Liễu Thăng sắp sang, nếu Chi Lăng, Cấn Trạm không diệt trừ hết viện binh để chúng tràn xuống hợp với quân ở Xương Giang thì tai vạ ấy không nhỏ. Quân ta đã vây hãm liên sáu tháng mà vẫn chưa hạ được thành. Việc ấy phi thái úy không ai làm nổi.

Trần Nguyên Hãn chắp tay nói:

- Thâu quyết lấy Xương Giang, sai lời xin chịu tội búa rìu.

Lê Lợi và Nguyễn Trãi đều cả mừng, giục Hãn đi ngay. Mờ sáng ngày mười tám, tháng chín năm Đinh Mùi, Liễu Thăng xua quân vượt biên vào nước ta. Đến trước ải Pha Luỹ, Trần Lựu đem quân ra nghênh chiến. Thấy quân Lựu có vài nghìn, lại chưa đánh đã chực quay đầu chạy, Thăng thúc quân tràn lên đánh tới. Quả nhiên, Lựu thua, phải bỏ ải đó lui về giữ thành Khâu Ôn. Hôm sau, quân Thăng thừa thắng đánh gập, chiếm luôn Khâu Ôn và ráo riết đuổi theo Trần Lựu đến tận ải Lưu. Lựu cho quân đóng chặt cổng thành rồi sai người đưa cho Liễu Thăng thư của Lê Lợi do Nguyễn Trãi viết. Thăng gạt đi, tức khắc ra lệnh đánh thành. Quân Lựu cự lại hăng lắm nhưng không giữ nổi, nhân lúc trời nhá nhem tối, phải phá vây cướp đường chạy về ải Chi Lăng. Liễu Thăng vào thành, cho quân nghỉ lại. Tả hữu lại đưa thư của Lê Lợi, Thăng không thèm đọc, hỏi:

- Lợi nói gì?

Tả hữu thưa:

- Lợi đã gửi liên hai thư đề u nói sẽ đú c người vàng, cô ng thỏ sản địa phương, xin tướng quân lui binh.

Liễu Thăng cả cười:

- Ta cũng lấ y làm lạ cho quân man. Ta phụng mệnh hoàng đế sang đây đánh dẹp, chớp mắ t hạ ba thành, không tên nào dám cự lại. Thế mà Lợi dám ngạo mạn đòi ta lui binh!

Tả hữu nói thêm:

- Thư Lợi quả ngạo mạn. Lợi nói: nếu tướng quân cứ đem binh đi sâu vào nước nó, tấ t mang hoạ, hớ i sẽ không kịp.

Thăng ðùng ðùng nổi giận quát:

- Ta sẽ giết sạch bọn này, xem ai không hớ i kịp!

Liễu Thăng là võ tướng, trải ba triề u vua Minh đề u vác gươm cưỡi ngựa đi đánh nam đánh bắc lập nhiề u công to nên được thăng thưởng lớn. Nay câ m mười vạn quân băng rừng vượt ải vào nước ta, đi một mạch từ Pha Luỹ đế n Ải Lưu, suồ t mấ y chực dậm như vào chỗ không người, lại nhận được thư Lê Lợi tỏ ý sợ hãi câ u xin rút quân thì Thăng càng kiêu lắ m. Nhấ t ðịnh sáng mai sẽ kéo quân vượt Chi Lăng xuôi về Đông Quan!

Hôm sau, mới canh năm (mờ sáng) Liễu Thăng đã ra lệnh trắ y quân nhắ m hướng Chi Lăng tiế n phát. Thăng thân dẫn một trăm quân kị hãm hờ đi mở đường. Vừa đi được một ðoạn, đã thấ y Trầ n Lự đem binh đế n chặn ðường khiêu chiế n. Thăng tức lắ m, chẳng nói chẳng rằ ng khua ðao xông vào đánh luôn. Được mười hiệp, Lự tỏ ra núng thé , ðâm bậy một giáo rô i quay ðầ u chạy. Lập tức, Liễu Thăng thúc ngựa ðuổi theo, thét lớn:

- Thằng giặc kia, mày định chạy lên trời hả?

Đến một hẻm núi, Lộ biến mất. Bây giờ, tướng sĩ của Thăng cũng vừa kịp lên với chủ tướng. Chỗ ấy, đường thì hẹp, hai bên vách núi dựng đứng, địa thế cực kì hiểm trở như dẫn vào túi sâu khó thoát. Sắp sang giờ tị (9 - 11 giờ trưa) mà sương mù vẫn mờ mịt, cảnh vật thật bí hiểm. Bộ hạ của Liễu Thăng thấy thế sợ lắm nhưng đều khiếp oai Thăng nên chưa dám can ngăn. Lang trung bộ Lại Sử An mới ghé tai chủ sự Trần Dung bảo:

- Bọn ta nên cáo cấp với Lý thượng thư. Ông ta là tham tán quân vụ nói, chắc chủ soái sẽ nghe.

Lúc ấy, Lý Khánh vừa dứt con số tét tháy vậy thì giật mình, đến nói với Liễu Thăng:

- Chỗ này đất hiểm, sợ có phục binh. Tướng quân chớ nên khinh suất tiến quân. Trước hãy cho quân đi do thám rồi sau hãy hay.

Thượng thư Hoàng Phúc cũng bàn vào:

- Giao Chỉ có Chi Lăng là hiểm hơn cả.

Liễu Thăng nín lặng, tỏ ý không theo. Đô sử Phan Nhân đánh liêu u nói thêm:

- Lợi có Trãi là quân sư nơi màn tướng mưu lược như thần, giặc u quân lừa người rất giỏi, lại thạo đánh phục binh. Năm trước, Vương Tổng binh bị bắt lợi ở Tô Động, Ninh Kiều; thượng thư Trần Hiệp, nội quân Lý Lượng, chỉ huy Lý Đăng phải tử vong cũng là do bị hãm vào chỗ đất hiểm.

Nghe vậy, Liễu Thăng bụng cũng hơi sợ. Vừa lúc, Trần Lộ bỗng lù lù dẫn đến, múa giáo chỉ mặt Liễu Thăng thách đánh. Thăng tức nổ ruột, gươm thét quân kỵ đuổi theo. Trần Lộ chạy đến

Chi Lăng thì chui tọt vào cửa ải phía bắc. Thăng cùng đội quân kỵ cận vệ bám riết vượt qua cửa đó, lại băng qua núi Đâu Quỳ, núi Phượng Hoàng đổ xuống thung lũng Chi Lăng, nhất định bắt bằng được Trần Lựu. Đuổi gần đến núi Mã Yên, Thăng dẫn quân kỵ phi ngựa qua cầu. Chẳng ngờ, cầu ấy bị quân ta ngấm mưu nên giữa chừng cầu gãy, người và ngựa quân Thăng đều rơi xuống ruộng lầy, không đi được. Phục binh của ta từ bên phía đó ra. Các tướng Lê Sát, Lê Thị cười voi chiến xông vào chém giết. Chớp mắt, cả trăm quân kỵ của Thăng đều bỏ mạng. Liễu Thăng thúc ngựa cố vượt qua dòng lầy. Vừa đến chân núi Mã Yên, quân ta từ trong khe núi xông ra phóng lao đâm trúng. Liễu Thăng ngã gục xuống, chết ngay. Cùng lúc ấy, các tướng Lưu Nhân Chú, Lê Linh, Đinh Liệt, Lê Lỗ, Phạm Văn Liễu cũng tung quân ra chặn giặc. Xúc giặc gồ i lên nhau trải khắp mấy dặm đường suốt từ núi Mã Yên đến bắc cửa ải Chi Lăng. Đội quân tiên phong của giặc bị tan vỡ sạch; một số thoát chết chạy tán vào rừng, lại bị các đội tuấn đỉnh tuấn tráng do người làng Đông Mỏ là Lý Huệ cầm đầu, tìm bắt bằng hết. Hôm ấy là ngày Hai Mươi tháng Chín năm Đinh Mùi (10 - 10 - 1427).

Tin chủ tướng Liễu Thăng và hơn một vạn quân tiên phong bị giết làm kinh động cả chín vạn quân cứu viện đi sau. Phó tổng binh Bảo Định Bá Lương Minh lên thay, vội vã ra lệnh đóng quân để trấn an tinh thần, chấn chỉnh đội ngũ.

Ngày hôm năm tháng chín, bọn Lương Minh liền chết xua quân đánh tràn vào ải Chi Lăng. Dè dặt, quân Nam đã biến hết. Minh vừa mừng thầm vừa nghi hoặc nên dè dặt tiến quân. Qua được hiểm ải bậc nhất ấy, mà không phải đổ máu, bọn Lương Minh bụng đã hơi yên, cho là quân Nam thấy đất hiểm đặt phục binh đã lộ nên phải lui về xuôi, đắp thành cao cự chiến. Chẳng ngờ, đến Càn Trạm, ba vạn quân của các tướng Lê Lý, Lê Văn An đổ ra, hợp với

cánh quân của Lê Sát, Lưu Nhân Chú từ Chi Lăng kéo về cùng sấn vào chém giết. Lương Minh vừa lâm trận thì bị ngay một mũi phi lao đâm chết. Giặc hoảng sợ, xô đẩy nhau mà chạy. Quân Minh chết thảm hại. Đô đốc Thôi Tụ lên thay chức tổng binh, cùng bọn Hoàng Phúc, Lý Khánh vội vã thu nhặt tàn quân, sắp xếp lại quân ngũ rồi kéo nhau tìm đường xuống thành Xương Giang. Ba ngày sau thì đến Phố Cát. Phố Cát cách Xương Giang chưa đầy chục dặm, chỉ chốc lát là đến. Bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc, Lý Khánh đưa mắt nhìn nhau, gật đầu đầy ý. Thành linh, phục binh ở đâu lại xông ra đón đánh. Quân Minh chết nhiều lắm, chắt thành đống (dân ta sau đem chôn gọi là đống Mã Ngô). Quân còn sống thì hoảng loạn tan tác. Viên Thượng thư Lý Khánh được vua Minh cử đi để bày mưu tính kế cho cánh quân Quảng Tây nay thấy binh tình cùng quẫn, bức bách quá, mới ngửa mặt kêu lớn:

- Không ngờ ta lại bỏ mạng nơi này!

Đoạn, trốn vào một đống cây treo cổ mà tự vẫn. Bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc cố sống cố chết dẫn quân chạy về thành Xương Giang. Đến chân thành, Thôi Tụ định cất tiếng gọi, nhìn lên đã thấy cờ xí quân Nam căm la liệt. Trên thành, Trần Nguyên Hãn chông gươm cười ngất, mừng bọn Tụ:

- Thành còn đâu nữa mà vào!

Bọn Tụ rụng rời chân tay, đành lui binh ra ngoài đống cách thành Xương Giang hai dặm, lấy đất đắp lũy đào hào để đóng quân phòng vệ. Đêm đêm, Thôi Tụ sai bắn pháo hiệu lên trời, báo tin cho các thành Chí Linh, Đông Quan đem quân lên đón. Thôi Tụ có biết đâu khi ấy, bọn Vương Thông ở Đông Quan và Chí Linh cũng đang ngهن cổ mong chờ Tụ đến cứu nguy!

Bây giờ, ở Bô Đê, tin thắng trận bay về, quân tướng đều vỗ tay nhảy nhót, hăm hở nói với Lê Lợi:

- Bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc vừa thoát họa đả m thủyên, tướng sĩ còn khiếp sợ chưa hết đồm hôi. Xin cho đánh gáp để tuyệt nguôn hi vọng của giặc ở Đông Quan.

Nguyễn Trãi can:

- Chưa nên. Người xưa nói: chim cùng thì mổ, thú cùng thì cắn. Huống chi giặc ở Xương Giang còn tới sáu, bảy vạn quân, càng không thể khinh suất đánh tràn. Và lại lưới dăng chưa kĩ sao có thể bắt hết được cá. Bởi thế, trước hãy điê u binh giữ chặt các nơi hiểm yếu không cho giặc các thành ứng cứu lẫn nhau, sau đưa quân tinh nhuệ các đạo cùng về, tướng sĩ kén người hùm gâu, chiến khí chọn đồ tinh xảo, ngày đêm bôn mặt vây thành, hăm giặc vào chỗ trí cùng lực kiệt. Bây giờ chỉ một trận là xong. Xin hẹn đế n giữa tháng Mười thì đánh.

Lê Lợi khen phải, bèn truyê n cho các cánh quân của Lê Sát, Lưu Nhân Chú và Lê Lý, Lê Văn An kịp tiế n xuông vây chặt hai hướng Đông, Bắc; quân thủy thì theo sông Thương tiế n gáp lên sông Xương Giang chặn hướng Tây Nam; lại điê u các tướng Nguyễn Xí, Lê Khôi, Phạm Ván, Trương Lôi đem ba ngàn quân Thiết đột và bôn voi chiến lên thành Xương Giang hợp với Trầ n Nguyên Hãn sẵn sàng đồ ra cùng đánh. Vòng vây siết chặt, quân đông chật sông chật đồ ng.

Bọn Thôi Tụ biê t thế nguy, nhân nhận được thư chiêu dụ của Lê Lợi do quân sư Nguyễn Trãi gửi đế n mới bàn nhau:

- Bọn ta đóng đồ n ở đây chẳng khác gì neo thủyên chơi vui giữa biển cả, họa đả m chìm tăt khó lòng tránh khỏi. Nay nên giả cách hoà, nhận lui về Long Châu, Bắ ng Tường như Lợi nói, khiế n bọn

chúng chuyên tâm đến mặt ấy, mà buông lỏng phía sau. Ta nhân đó phá vây về Chí Linh, dựa vào thành ấy kiên cố, đợi quân Thành Sơn hậu ở Đông Quan và quân Vân Nam của Kiềm Quốc Công cùng hợp binh đánh sau.

Tướng sĩ đều gật đầu, xoa tay. Chẳng ngờ, đồn Xương Giang nằm giữa cánh đồng; quân bao vây đã đắp đất dựng chòi cao bốn phía, ngày đêm trông vào dò xét. Bởi thế, việc điểu chỉnh sửa soạn phá vây của bọn Thôi Tu đã không che được mắt quân ta. Tu đành bỏ ý định chạy về Chí Linh.

Bây giờ là vào thượng tuần tháng Mười, Lê Lợi bảo Nguyễn Trãi:

- Lữ Tu, Phúc gian trá, không chịu lấy sự bại vong của bọn Liễu Thăng, Lương Minh, Lý Khánh làm răn sợ, vẫn cố tình mưu việc ác. Phải đánh gấp thành Chí Linh cho chúng tuyệt vọng; lại kịp sửa soạn cho xong để rằm tháng Mười sẽ cho quân bốn mặt tràn lên lấy đồn.

Nguyễn Trãi nói:

- Để mở đường hiếu sinh, thần xin viết thư lên nữa chiêu dụ. Nếu chúng còn tham công danh, cố chuốc lấy tai vạ; khi ấy, có chết cũng không oán ta không rộng lượng.

Lê Lợi khen phải. Ngày mười tháng mười năm ấy, Trãi viết thư bảo bọn Tu, Phúc là sẽ ra lệnh cho quân sĩ dẹp lối bắt cáu cho chúng dẫn quân đương tuyệt vọng cùng đường đem nhau về nước. Lại hẹn trong ba ngày phải thu xếp đi ngay; quá hạn ấy, nếu còn dưng dẳng ở lại không đi, sẽ cho quân đánh đồn, bây giờ có hối cũng không kịp nữa! Bọn Thôi Tu, Hoàng Phúc nhận được thư thấy lời lẽ quyết liệt thì vừa sợ hãi, vừa nghi hoặc. Tướng sĩ dưới trướng nhiều người bàn nên lui binh. Lại có kẻ hung hăng nói:

- Thành Đông Quan nhỏ bằng cái bát, quân không đầy ba vạn mà Vương Tổng binh còn giữ được một năm, giặc vẫn chưa làm gì nổi. Đô n Xương Giang tuy không kiên cố bằng nhưng quân đông gấp đôi; bảy vạn đại quân ta cự địch chưa đầy một tháng, sao đã tính chuyện ra hàng?

Thôi Tụ, Hoàng Phúc nghe vậy, bụng chưa thật yên nhưng lại sợ rút quân mà chưa có lệnh vua, sẽ làm Minh Tuyên Tông mất thể diện, giận cá chém thớt, thì có toàn tính mạng về đến nước, cũng không thoát khỏi tội chém đầu. Cho nên, bọn Tụ đành liều chết giữ chặt đồn, không đi. Cùng với lũ tùy tướng mấy trăm tên, Thôi Tụ, Hoàng Phúc ngày đêm thay phiên nhau đốc thúc quân sĩ đắp thêm lũy cao, rào chông sắt, đặt hoả pháo ráo riết tuần tra. Sau ba ngày ba đêm mất ăn mất ngủ vì lo lắng canh phòng, sang ngày mười bốn tháng mười quân Minh càng nom nớp sợ hãi bị cướp đồn. Lạ thay, cho đến chiều tối, hết ngày mà vẫn chẳng thấy quân ta động tĩnh. Quân tướng giặc như trút được gánh nặng thở phào mừng rỡ. Thành linh, mờ sáng hôm sau, rằm tháng mười, giữa lúc giặc đang mệt mỏi ngủ yên, việc canh phòng có phần trễ nải thì quân ta nhát tề tràn tới, đẩy xe đánh thành đến phá đồn, bắc thang treo vào, lại lừa voi chiến xông lên. Tiếng hò reo tưởng vỡ trời. Từ các chòi cao, tiếng loa đồng loạt truyền xuống:

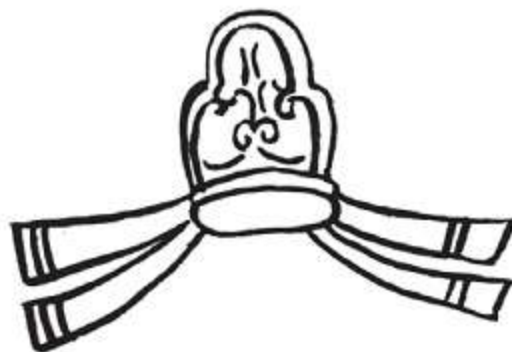
- Ai hàng thì không giết!

Quân Minh kinh hoàng, không còn bụng dạ sức lực đâu mà chống lại, bỏ chạy tán loạn, bị bắt bị giết không biết bao nhiêu mà kể. Tướng giặc khiếp vía đề u vút gươm xuống ngựa, tự trói tay mà xin hàng. Thấy chủ tướng Thôi Tụ, Hoàng Phúc và ba trăm tướng khác đã cúi đầu chịu tội, mấy vạn quân giặc sóng sót vội quẳng hết dao kiếm xin quy phục. Tên nào nhanh chân lẫn vào rừng vào núi, sau cũng bị người nước ta đi chặn trâu hái củi lưng bắt

hết. Duy chỉ có một viên chủ sự là Phan Hậu trà trộn vào đám loạn quân chạy trước nên thoát được về nước.

Mười vạn quân Quảng Tây đã tan tành, tướng sĩ bị bắt bị giết ở Chi Lăng - Xương Giang chỉ sót một tên. Mộc Thạnh đang lẩn quẩn ở biên giới nghe ngóng, nhận được tin ấy vô cùng khiếp đảm, kinh hoàng. Lại tận mắt nhìn thấy lũ tùy tùng của Liễu Thăng bị Lê Lợi bắt làm tù binh sai đưa bằng, sách, ấn tín của chủ soái để n cho xem thì Thạnh không kịp nghĩ, một mình một ngựa nín thở trốn về nước. Thế là, ta không đánh mà cả năm vạn quân Vân Nam khắ c tan, xéo lên nhau mà chạy!

Nguyễn Trãi



Nguyễn Trãi hiệuỨc Trai, người làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn (Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (Thường Tín, Hà Nội). Ông đỗ thái học sinh (tiến sĩ) năm Canh Thìn (1400) đời Hồ Quý Ly, làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh Chương⁽⁴²⁾.

BỀ N GAN NUÔI CHÍ LỚN

Năm Đinh Hợi (1407) tháng Bảy, sau khi chiếm được nước ta, Trương Phụ sai bọn Liễu Thăng, Lỗ Lân giải cha con Hồ Quý Ly và

gia quyê`n, tướng tá vê` Kim Lăng (Nam Kinh). Cha ông là Nguyễn Phi Khanh làm chức Tự Khanh cũng bị bắt đem đi chuyê`n ấy. Ông và em là Nguyễn Phi Hùng lẽo đẽo đưa cha đê`n ải Pha Lũy (Hữu Nghị quan), khóc lóc xin theo chân đê` phụng dưỡng. Nguyễn Phi Khanh vẫy tay gọi Nguyễn Trãi, úa nước mắ`t nói:

- Con là người có học, có tài nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha, như thế` mới là đại hiê`u. Lọ là cứ phải theo cha khóc lóc mới là có hiê`u sao!

Nguyễn Trãi nghe rô`i lạy hai lạy xin vâng lời.

Vê` đê`n Đông Quan, quân Minh biê`t Nguyễn Trãi từng là triê`u quan⁽⁴³⁾ của Hồ` Quý Ly bèn bắt điê`u đê`n Án sát ti. Viên thượng thư Hoàng Phúc coi cả Đô ti và Án ti đang nghị bàn công việc với viên Tổng binh Trương Phụ. Thấ`y lính giải Nguyễn Trãi đê`n trước mặt, Phụ giật mình, liê`n ghé tai Hoàng Phúc nói nhỏ:

- Tên này mặt mũi khôi ngô ra người có tài đức, văn hay học rộng, am hiểu thư toán. Gân sức nó cứng rắ`n, chí nó không phải nhỏ, nê`u không sớm trừ đi, sau này tắ`t sẽ là mớ`i hoạ khôn lường.

Đoạn, thét quân lôi ra chém. Hoàng Phúc cả cười, nhìn Nguyễn Trãi rô`i bảo với Trương Phụ rắ`ng:

- Một tên học trò trời gà không chặt thế` kia sao có thể là mớ`i lo của nước đượ`c! Tổng binh quá lo xa. Nay Giao Chi mới nhập vào bản đô`, việc phủ dụ chiêu an đê` yên lòng dân man là việc trọng. Tha tội chết cho nó, giam lỏng ở Đông Quan, lắ`y danh lợi quan tước mà vớ` về` chiêu dụ là kê` hay hơn cả. Sau này, nê`u nó không chịu quy phục lại theo đảng nghịch, bắ`y giờ lắ`y pháp luật mà trị tội cũng chưa muộ`n.

Trương Phụ cực chẳng đã đành nghe theo. Hoàng Phúc thả Nguyễn Trãi ra, cho ở góc Nam bên ngoài thành Đông Quan. Ông dựng một túp lều tranh bên cái ao nhỏ. Nhà lều một căn tuềnh toàng, đạm bạc; chó không càn nuôi, người hầu không có. Ông sống như thế ngọt chực năm trời. Quân Minh năm lần bảy lượt đem tiền bạc, quan tước rất hậu đến như, ông đều ôn tồn từ chối. Bây giờ ông có thơ rằng:

Góc thành Nam, lều một gian

No nước uống, thiếu cơm ăn...

Đông Quan là đất xung yếu của giặc ở Đại Việt. Lòng dạ ý đồ giặc thế nào, giặc xử sự động tĩnh ra sao đều ở đây mà ra. Đông Quan cũng là nơi phơi bày rõ nhất mọi điều rông rờ bạo ngược của giặc, cũng như mọi gan ruột dân tình chốn kinh sư. Chỗ mạnh yếu của giặc đều ở trong con mắt lỗ tai của Nguyễn Trãi. Ông ngày đêm ngẫm nghĩ suy xét và bí mật viết sẵn phương lược, gọi là *Bình Ngô sách*⁽⁴⁴⁾.

Biết Nguyễn Trãi không chịu nhận chức ngụy quan, cũng chẳng phải là người phản chí ngã lòng đi ở ẩn như Bùi Ứng Đẩu, Lý Tử Cáp, mà ngấm ngấm nuôi chí lớn, Hoàng Phúc luôn miệng dặn bọn thủ hạ phải canh chừng:

- Trãi không phải là người tầm thường. Lỡ ra để sống, sau này tai vạ tất không thể tránh khỏi!

ĐI TÌM MINH CHỦ

Một hôm, theo lời mật hẹn với người em họ ngoại là Trần Nguyên Hãn, bây giờ đang cầm đầu toán nghĩa quân ở Lập Thạch (Vĩnh Phúc). Nguyễn Trãi lên ra ngoại thành, lên Thụy Hương, tục gọi là làng Chèm (Từ Liêm, Hà Nội). Ông vào ngõ đợi Hãn ở đền thờ Hy

Khang Đại Vương Lý Ông Trọng. Vừa lúc, Hãn giả làm người bán dầu cũng đén. Hai anh em bàn tính:

- Bây giờ, người nổi binh dầy nghĩa thì nhiều nhưng dều là hạng tầm thường cả. Đén như Giản Định, Trưng Quang tuy là tôn thất xung đứ dựng cờ vì không biết năm quyề, chưa qua sông đã chặt cầu, giết hại đại thầ (45) nên tốn sức mà không thành công. Nghe nói có ông Lê Lợi ở trại Lam Sơn, đầt Thanh Hoa là người có chí lớn, biết chiêu hiề ãi sĩ. Ai cũng bảo ông là rô ãg vàng đang chờ hội mây mưa, ta nên tìm đén mà tôn phù.

Anh em gặt gù đắ c ý, bắ m nhau đi nắ m, chờ sớm mai cùng đi.

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, hai anh em vội kéo nhau đi ngay. Trèo đèo lội suối, trồ ã tránh quân Minh gắ ãn thắg trời thì đén trại Lam Sơn, xin ra mắ t. Trại chủ Lê Lợi tiế p đón ân cầ ã và giữ lại làm khách trong nhà. Hai anh em ở ít lâu, đêm ngày để tâm dò xét, vẫn chẳng thắ y Lê Lợi đắ động gì đén chuyện dầy binh. Chỉ thắ y Lê Lợi hay vắ ãg nhà mà khách khứa bắ ãn phương vẫn ra vào tá p nặp; dầu thắ p, gạo ăn còn đầ y kho vẫn thắ y Lê Lợi sai mua; cầ c cuố c đắ đủ, đắ nhiều vẫn thắ y Lê Lợi sai người tìm thêm sắ t. Lại thắ y Lê Lợi hay sai người đэм lễ vật lo lót với quan quân nhà Minh quanh vùng. Bởi thế, Nguyễn Trắi và Trầ ã Nguyễn Hãn bụng rắ t phân vân.

Một hôm, Nhà Lê Lợi có giố. Hai anh em có việc xuồ ãg bê p, bắ t ngờ gặp Lê Lợi quầ ã vén lên tận đầi đang gồ ãi thái thịt, vừa thái vừa ăn chẳng ra tinh tướng một vị thiên tử. Anh em đều thờ dài bảo nhau:

- Ta nhầ m rô ãi!

Đoạn, bắ m nhau hẹn ngày bỏ đi. Đém á y, chợt thắ y Lê Lợi xách gươm lén ra khỏi nhà, Nguyễn Trắi và Trầ ã Nguyễn Hãn nghi

hoặc bèn lảng lạng theo chân. Đến núi Du Sơn, Lê Lợi lên vào một hang rộng có ánh đèn. Trong hang, người đông lố nhố, xúm quanh tảng đá lớn làm bàn, cùng Lê Lợi nhỏ to bàn bạc. Lê Lợi giờ cuồn binh thư đọc, giọng sang sảng, dõng dạc, sau lại cùng mấy người chụm đầu bàn tính. Hồi lâu, Lê Lợi nói:

- Phải đến năm Hợi (1419) mới nổi binh được.

Võn là người giỏi mưu lược, sát binh tình, nay thầy Lê Lợi dự kiến sai, Nguyễn Trãi quên mình đang nghe trộm, buột miệng vọng vào nói lớn:

- Chúa công tính lầm rồi!

Lê Lợi giật mình, tuốt gươm xông ra toan chém. Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn vội phục xuống nói:

- Chúng tôi từ xa lặn lội tìm đến, chỉ vì Chúa công là người có thể lấy lại được thiên hạ.

Lê Lợi đỡ hai người dậy, rồi vội vàng cầm tay dắt vào trong hang. Nguyễn Trãi xin hiến *Bình Ngô sách* còn Trần Nguyên Hãn thì dâng thanh bảo kiếm gia truyền của ông tổ bảy đời là Tướng quốc Thái úy Thượng tướng Trần Quang Khải. Lê Lợi mừng rỡ khôn xiết, cả cười mà rằng:

- Thực là trời không muốn cho dân Đại Việt ta mất nước nên mới đem các ông đến đây ban cho ta!

Đoạn, lưu hai người lại, mưu việc khởi binh.

TƯỚNG ĐÁNH TÂM CÔNG

Ít hôm sau, người khắp vùng xôn xao về một chuyện lạ. Nhiêu thân cây, lá cây đều có hàng chữ *Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm*

tôi. Dân chúng ai nấy đều mừng thầm, ghé vào tai nhau bảo nhỏ:

- Trời đã cho nước Nam có chủ. Ta đi tìm ông Lê Lợi mà tôn phò thôi.

Việc sửa soạn dấy nghĩa nhân thế gặp nhiều thuận lợi. Người các nơi ùn ùn theo về, đông lắm.

Lê Lợi biết chuyện rất đẹp lòng, mới bảo tướng tá:

- Biết đánh vào lòng người như vậy tất không ngoài mưu kế của Nguyễn Trãi.

Sau, gọi lên hỏi quả nhiên như vậy: Nguyễn Trãi đã lấy mật viết vào lá cây, kiến theo đó đục thành chữ, người người không biết tướng thần bảo, đều tin lắm.

Từ dấy cho đến khi lấy xong được nước, Lê Lợi rất yêu quý Nguyễn Trãi. Đánh đông dẹp bắc, đi đâu ông cũng giữ Nguyễn Trãi bên mình làm quân sư. Mọi việc mưu lược, viết thư, thảo hịch hết thảy đều do Nguyễn Trãi trừ tính.

Bây giờ là vào năm Quý Mão (1423), tổng binh Trần Trí chỉ huy đại binh từ Đông Quan kéo vào đánh nghĩa quân đang hoạt động ở vùng Khôi và Xa Lai (giáp giới Hà Nam - Hoà Bình - Ninh Bình). Thế giặc rất mạnh, quân đông có tới trăm ngàn. Nghĩa quân phải lui về núi Chí Linh lần thứ ba. Giặc đuổi theo, rải quân bủa vây kín bốn mặt. Suốt hai tháng trời bị vây hãm, lương thực kiệt dần, măng non rau củ trong rừng cũng cạn. Lê Lợi phải cho giết cả bốn thớt voi để nuôi quân. Có con ngựa vua cưới cũng đem thịt nấu. Quân sĩ đói quá, đã có người bỏ trốn. Một viên tướng tên là Khanh cũng bỏ trốn. Lê Lợi bắt được phải đem chém rao cho mọi người biết để làm răn. Tình thế cực kỳ bức bách. Tướng sĩ mới nói với Lê Lợi:

- Giặc mạnh ta yếu, thế như trứng chọi với đá tất không tránh khỏi hoạ diệt vong. Nay giặc đang muốn dụ hàng, bất nhược ta hãy nhân đó mà tạm hoà ít lâu để có thì giờ nghỉ ngơi sửa soạn, sau lại đánh cũng không muộn.

Lê Lợi nói:

- Ta cũng đã tính tới chuyện đó. Hiềm vì nổi, giặc mười phần năm chắc chín phần thắng ta, nên không dễ chịu lui binh giảng hoà. Bởi thế, phải có người ăn nói thật khéo, viết thư thuyết phục, mới may thoát khỏi thế quần bách này. Việc ấy phi Nguyễn Trãi không ai làm nổi.

Nguyễn Trãi bước ra lĩnh mệnh thảo *Thư tỏ oan* (tức thư giả xin hàng). Lại viết riêng một thư gửi Tổng binh Trần Trí, một thư gửi Thái giám Sơn Thọ, trung sứ của vua Minh sang dụ hàng. Lê Lợi sai anh vợ là Trần Vận và tướng Lê Trân đem các thư ấy và năm đôi ngà voi làm lễ vật cầu hoà. Tổng binh Trần Trí tiếp thư mới đem cho tướng tá nghị bàn. Thư viết: “...*Tri huyện Đỗ Phú là người đônghương cùng tôi có hiềm khích. Nó đút lót với tham chính Lương Nhữ Hốt nói vu cho tôi. Nhữ Hốt báo với quan quân binh. Nội quan Mã Kỳ nhân đó cho quan quân đến đánh úp bộ chúng tôi, không kể trẻ già đều chém giết bất bớ; họ hàng tôi đều tan tác, vợ con tôi đều chia lìa; lại khai quật mồ mã tổ phụ tôi mà phơi bày hài cốt...*”

Nghe thư, Mã Kỳ bị chàm nọc đập bàn quát lớn:

- Xin hàng gì mà toàn nói lời tô cáo láo xược!

Trần Trí can:

- Chấp gì chuyện ấy. Ông chó vì một lời nói mà để hỏng việc lớn. Nay nội địa đang bị khốn đói: trong thì thiên tai dân biếng; ngoài

thì liền năm xuất chinh cự quân Ngôã Thích ở phía tây, chống quân Thát Đát ở phía bắc. Hoàng đế đã truyền phải cố sức dụ hàng Lê Lợi cho Giao Chỉ tạm yên, để chuyên tâm lo việc nội địa. Tôi xem thư thầy viết: *“Xin hoặc cho đi đánh bắc để lập công hoặc cho theo dẹp tây để chuộc tội, dù chết cũng không từ”*. Như thế là Lê Lợi biết rõ chuyện nội địa. Nay nếu bị bức bách quá, bọn chúng tất phải liều chết đánh mãi; quan quân phải đi đánh dẹp hao binh tổn tướng, nạn ấy không biết bao giờ mới dứt, còn ta thì thêm mang tội trái mệnh dụ hàng của hoàng đế.

Son Thọ cũng nói:

- Xem thư viết: *“Tôi từ sinh ra, thích danh tiết mà trọng trung nghĩa, ghét tiểu nhân mà dấn mình vào hoạn nạn tuy ở trong cảnh gian nan nguy hiểm mà không nhụt chí bình sinh”*. Đủ biết Lê Lợi không phải là kẻ lầy uy vũ mà khuất phục được. Nên cho hàng.

Mã Kỳ đành nghe theo. Thế là, chỉ một khắc xắn tay múa bút, Nguyễn Trãi đã đánh lui cả mười vạn quân Minh để nghĩa quân rảnh tay sửa soạn, đợi thời cơ, chờ dịp tốt sẽ rửa sạch thẹn cũ, lầy lại bờ cõi xưa.

Từ bây giờ, theo chân nghĩa quân, Nguyễn Trãi tung thư chiêu dụ gửi khắp mặt các tướng suý nhà Minh từ bọn Trần Trí, Sơn Thọ, Phương Chính, Lý An, Vương Thông, Thái Phúc, Đả Trung, Mã Anh, Mã Kỳ đến bọn Lương Minh, Hoàng Phúc, Mộc Thạnh, Liễu Thăng cùng bọn ngục quan. Văn chương của ông đánh mạnh vào lòng người, thu phục được nhân tâm quân Minh. Không mất một hòn tên mũi đạn mà giặc ở các thành Trà Long, Diễn Châu (Nghệ An), Diêu Diêu (Gia Lâm, Hà Nội), Thị Cầu (Bắc Ninh), Tam Giang (Vĩnh Phúc) đều lần lượt cởi giáp ra hàng.

MỘT ĐỜI VÌ NƯỚC VÌ DÂN

Khi lấ y xong thiên hạ, Lê Lợi lên ngôi báu. Tháng Một năm Mậu Thân (1428), Lê Thái Tổ thiết t triề u, hội các quan văn võ lại luận bàn ân thưởng, phong Trầ n Nguyên Hãn là Tả tướng quố c⁽⁴⁶⁾, ban Nguyễn Trãi tước quan Phục Hầ u và cho giữ chức Nhập nội hành khiển⁽⁴⁷⁾.

Tuy được phong thưởng quan cao chức trọng nhưng cả hai anh em đề u không thật yên lòng. Một lâ n, Trầ n Nguyên Hãn nói với Nguyễn Trãi:

- Vua ta có tướng như Việt Vương Câu Tiễn, không thể cùng hưởng phú quý được.

Nguyễn Trãi bảo:

- Ta cũng sợ nhà vua đố i đấ với bê ` tôi như Hán Cao Tổ với Hàn Tín ngày xưa.

Anh em đề u thở dài. Bấ y giờ, vua Lê Thái Tổ hay bệnh tật ô m đau, con trưởng là Tư Tề thì ngu đố t nông cuồ ng, con thứ là Nguyên Long thì còn nhỏ tuổi. Bởi thế , vua đem lòng lo sợ cho ngôi báu mà nghi kị các công thầ n danh tiể ng. Quả nhiên, năm sau, Lê Thái Tổ sai bớ n mươi hai lực sĩ về ` trại Sơn Đông (Vĩnh Phúc), nơi Trầ n Nguyên Hãn cáo quan lui về ` ở ẩn, bắ t về ` kinh trị tội. Phạm Văn Xảo cũng là một khai quố c công thầ n nhưng Xảo người gồ c ở kinh đô, lại có danh vọng đố i với mọi người, vua Thái Tổ sợ sau sinh biể n nên cũng ra lệnh giế t nố t. Nguyễn Chích thì bị cách chức về ` làm dân thường. Còn Nguyễn Trãi thì bị tước hế t quan tước tồ ng ngục.



Ít lâu sau, áng chừng thấ y Nguyễn Trãi lòng dạ ngay thẳng khó đem xử tội, vua Thái Tổ mới tha ra, cho phục chức như cũ. Nguyễn Trãi nhận chức nhưng trong bụng không vui, nhân nói với người thân:

- Ta theo Hoàng thượng nề m mật nắ m gai, hơn mười năm một lòng tôn phầ. Giờ việc nước đã thành, vua thì ngờ vực bê` tội, giết hại công thầ n, kẻ thân yêu thì cho vinh hiển, người xu nịnh thì được tin dùng. Khanh tướng thì lập đảng riêng tây, triề u đình thì thiế u người can gián, ai nắ y chỉ lo sướng thân lợi nhà, không nghĩ đế n khổ dân hại nước. Nhớ xưa ở Lam Sơn đọc sách binh; đang lúc đó, chí ta đã để nơi dân đầ u xanh kia. Bởi thế, ta ra dự việc nước, gắ ng sức chèo chồ ng, may ra dân lành bớt phầ n khổ nhục.

Một hôm, vua Thái Tổ cho vời Nguyễn Trãi đế n hỏi:

- Nghĩa lớn mới thành, việc nước việc quân đầ u chưa quen thạo, làm cách nào để yên dân mở nước?

Nguyễn Trãi tầ u:

- Hoà thuận trong nhà nhờ giữ một lòng thân ái, thương yêu dân chúng hãy làm những việc nhân đức; đừng vì ơn riêng mà thưởng bậy, chớ vì mình giận mà phạt bừa; đừng thích tiền của mà xa xỉ bừa bãi, đừng gạ`n thanh sắc mà suô`ng sã hoang dâm, cho đế`n việc dùng nhân tài nghe can gián, ra một chính sách một mệnh lệnh, phát một lời nói một việc làm đê`u phải đúng mực, hợp với lẽ thường, có thể` , trên mới đáp ứng được ý trời, dưới mới thoả mãn được lòng dân, quố`c gia mới yên ổn bền vững lâu dài.

Đoạn, Nguyễn Trãi lại tâu:

- Mé`n người có nhân là dân, mà như con sông chở thuyê`n và lật đổ thuyê`n cũng là dân. Giúp người có đức là trời, nhưng khó tin và rá`t hay thay đổi cũng là trời. Dám mong bệ hạ siêng năng giữ gìn những việc kính trời chăm dân, chớ nên xem thường.

Lê Thái Tổ gật đầ`u khen phải rồi hỏi:

- Nay đắ`m đại thầ`n tổng quản và quan lại ở các Viện, Sảnh, Cục tham ô lười biế`ng nên răn dạy thế` nào?

Nguyễn Trãi tâu:

- Phàm người có chức vụ coi quân trị dân đê`u phải dùng phép công bắ`ng, làm việc câ`n mẫn, hế`t lòng thờ vua, hế`t sức chăm dân, bỏ thói tham ô, trừ tệ lười biế`ng, bè đảng riêng tây phải bỏ, thái độ cô` phạm phải chừa, coi công việc nước như công việc của chính mình, lâ`y điê`u lo của dân làm điê`u lo của bản thân. Xin bệ hạ xuô`ng chiế`u răn bảo nghiêm câ`m; nế`u ai không nghe không sửa á`y là kẻ đó tự huỷ diệt mình.

Lê Thái Tổ rá`t vừa ý, thầ`m khen Trãi thẳng thắ`n cương trực. Nhưng bắ`y giờ, vua hay ô`m đau mệt mỏi, bọn Lê Sát, Lê Vắ`n dèm pha xu`nịnh, lâ`n lượt người ngay, thâu tóm quyê`n hành, lập vây

cánh. Nguyễn Trãi thấ y thê ðành thờ dài. Có lâ ãn, nhân đạo chơi ngoài thành chột nghe dân nhỏ to bàn tán; một người nói:

- Trên thì tể tướng, dưới thì trăm quan hùa nhau kiế m lợi, hô i lộ công hành⁽⁴⁸⁾.

Một người tên là Cao Su Đắng cũng nói:

- Thiên tử thì thấ t đức, ðại thầ ãn thì hô i lộ, dùng toàn là kẻ vô công, có làm điề u thiện nào ðâu!

Nghe vậy, Nguyễn Trãi bèn quay gót, biế t thê ð không thể ðùng ðược, mới ðang biểu xin cáo quan lui về Côn Sơn (Hải Dương) số ng cuộc ðời thanh ðạm giản dị. Ngày ðêm ðọc sách ngâm thơ, thưởng trăng ngắ m hoa nhưng lòng Nguyễn Trãi vẫn không vui, hể nghĩ ðế ãn non sông mờ mịt, muôn dân sầ u khổ thì khôn câ m nước mắ t, nên có thơ rắ ãg:

...Say mùi ðạo, trà ba chén

Tả lòng phiề ãn, thơ bô ãn câu.

Đồ Mộng Tuân, người bạn ðồ cùng khoa với Nguyễn Trãi, có lâ ãn ðế ãn Côn Sơn thăm ðã nói:

- Nhà quan tri tam quán sự⁽⁴⁹⁾ sao mà lạnh lẽo như một ðòng nước. Bô ãn vách tường nghèo trố ng trái xơ xác, chỉ ðược cái giàu sách vở.

Nguyễn Trãi tuy ðem thân gửi chồ ãn suồ i rừng nhưng cũng là miễn cưỡng. Bởi thê , chí ông vẫn ðể ở nơi dân nước. Tầ m lòng ưu ái á y chẳng lúc nào khuây. Ông thường mượn thơ ðể gửi niề m trung phần:

Ao quan⁽⁵⁰⁾ thả một bè rau muồ ãng

Đã t bại⁽⁵¹⁾ xong nhờ một luô ng mừng

Còn có một lòng âu⁽⁵²⁾ việc nước

Đêm đêm thức nhắ nẻo sơ chung.⁽⁵³⁾

Lê Thái Tổ mất. Trước khi băng hà, chùng hô i tiế c về lỗi lâ m đớ i với Nguyễn Trãi nên vua di mệnh⁽⁵⁴⁾ lại cho Thái tử Nguyễn Long nên dùng Nguyễn Trãi. Nguyễn Long nô i ngôi, tức Lê Thái Tông bèn xuô ng chiế u với Trãi về kinh. Ông lập tức tiế n triề u, vào chầ u trước bệ tâu rắ ng:

- Thầ n tài sớ sức mỏng, tóc bạc lòng son, tướng gửi nắ m xương tàn nơi quê cũ, may đợc dịp mây trời ban xuô ng truyề n gọi trở ra. Bệ hạ thương thầ n như con ngựa già còn kham đợc roi quấ t, dầ n bước phi lên. Chí thầ n những muố n bắ t chước người xưa lập chí, lòng thầ n yêu dân chúng nên thường hay lo việc thiên hạ chưa lo. Nguyễn đớ c lòng phơi tắ m gan trung, xin bệ hạ cứ bề n tín nhiệm.

Tiế c thay, Thái Tông mới mười tuổi, việc nước đầ u do Lê Sát chấ p chính chuyên quyề n định đợc khiế n Nguyễn Trãi không sao thi thớ tài năng để mưu việc ích nước lợi dân. Năm á y (1434), Thái Tông sai Nguyễn Trãi viế t biểu sang nhà Minh câ u phong. Viên Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước ỷ thế là tay chân của Đại tư đờ (tể tướng) Lê Sát, đòi đờ mắ y chữ. Nguyễn Trãi quắ c mắ t mắ ng luôn:

- Việc chăm dân sao không lo làm? Hiện nay trong nước đợc hạn hán, mà có tai nạn á y chính là tự lữ các ông. Các ông chỉ là đờ thích sưu cao thuế nặng, vợ vét của dân cho nhiề u nên trời mới giáng tai tở y trừng phạt!

Thúc Huệ khi làm tham tri Bắ c đạo⁽⁵⁵⁾ đã bòn rút vợ vét của dân, làm cho dân một lộ xơ xác hế t cả tiề n của. Nay Huệ thắ y Trãi nói

vậy thì giết mình, cầm lăm mới đem câu nói ấy mách với Lê Sát, Lê Văn. Văn tức tối, hạch Nguyễn Trãi:

- Gây ra tai nạn không phải lỗi tại bọn ti thuộc, mà chính là bởi vua và tướng. Sao ông lại nặng lời như thế?

Nguyễn Trãi đáp:

- Thúc Huệ là kẻ tài thì tầm thường mà lại hay có thói bòn vét. Hấn ở địa vị then chốt, mỗi khi có việc tâu bày sự đục khoét của dân cho nặng để làm giàu cho kho, cốt làm vui lòng vua.

Bọn Lê Văn biết Nguyễn Trãi chẳng phải tay vừa, đành bằm bụng làm ngơ. Mấy năm sau, Thái Tông sai Nguyễn Trãi và viên quan hoạn Lương Đăng soạn lễ nhạc dùng trong các nghi lễ của triều đình. Đón được ý vua, Đăng bày vẽ nhiều thứ nhã nhạc, chế định lăm thứ nghi thức, yến tiệc, phiên hà tôn kém. Nguyễn Trãi bèn vào triều gặp vua can gián:

- Thời loạn dùng võ, thời bình dùng văn. Nay chế định lễ nhạc thật là đúng thời vậy. Nhưng nếu cội gốc không vững thì lễ nhạc không dựa vào đâu mà đứng được. Nguyên xin bệ hạ yêu thương nuôi dưỡng lấy dân chúng, khiến cho trong xóm làng, không có tiếng oán hận sâu than. Đó chính là cái gốc của nhạc vậy.

Vua nín lặng không nói sao, vẫn để Lương Đăng chế định. Nguyễn Trãi và một số triều thần như Đào Công Soạn, Nguyễn Truyên, Nguyễn Liễu thấy thế mới họp nhau cùng dâng sớ can vua. Vua không nghe. Đăng càng được lăm lướn. Liễu giận quá chỉ mặt Đăng mắng:

- Từ xưa tới nay, chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên làm nát thiên hạ như vậy!

Chẳng ngờ, Đấng là tay chân của bọn Lê Sát nên Sát bệnh, mới đem pha xúc xiêm, khiến Thái Tông bắt tội Liễu thích chữ vào mặt đầy đi nơi xa. Nguyễn Trãi thấy chính sự đổ nát, không sao cứu trăm họ cho khắp được, đành dâng biểu cáo quan, lại xin lui về Côn Sơn. Việc ấy là vào năm Thiệu Bình thứ sáu (1438).

VỤ ÁN VƯỜN VẢI

Nguyễn Trãi có người vợ trẻ tên là Nguyễn Thị Lộ, người Tây Hồ ngoài thành Đông Kinh (Hà Nội). Nàng là người có nhan sắc, nề t na, lại nổi danh về tài văn học nên Nguyễn Trãi đặc biệt yêu dấu. Lê Thái Tông khi đến tuổi trưởng thành mê n tiếng sai vời vào cung, cho làm Lễ nghi nữ học sĩ, luôn cho đi theo bên mình và thường đem nhiê u việc ra bàn bạc với nàng.

Năm Đại Bảo thứ nhấ t, Nguyễn Thị Anh, vợ thứ tư của Lê Thái Tông sinh con trai là Bang Cơ. Lê Thái Tông bèn tước ngôi Đông cung Thái tử của con trai người vợ trước, lập Bang Cơ lên thay. Cũng trong năm đó, vợ thứ năm của vua là Ngô Thị Ngọc Dao có mang. Nguyễn phi (Thị Anh) sợ Ngọc Dao sinh quý tử thì Bang Cơ con mình có thể mất quyền nớ i ngôi báu, mới cùng một số quyền thầ n vu cáo hãm hại. Lê Thái Tông tin theo, bắt tội đi đày. Thấy việc oan trái, Nguyễn Trãi bảo nữ học sĩ:

- Ngô phi tội tình gì mà hoàng thượng đố i đãi như vậy. Chẳng qua là Nguyễn phi quá lo xa đến ngôi Đông cung nên mới có sự ấy. Nàng hãy tìm cách giải bày với Hoàng thượng, gỡ oan cho người ngay.

Nguyễn Thị Lộ vâng lời, nhân lúc vua bàn chuyện, mới chen vào che chở cho Ngọc Dao. Thái Tông nể vì, đổi tội đi đày đem giam lỏng Ngô phi ở chùa Huy Văn (gầ n Văn Miế u, Hà Nội). Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ thương tình, thường sai người ngầ m mang thức ăn

đế n cho. Sau thấ y để ở đấ y khó yên, lại tìm cách đưa Ngọc Dao ra ở ẩn trong dân chúng ngoài trấ n An Bang (Quảng Ninh). Đế n kì sinh nở, Ngọc Dao sinh con trai tên là Tư Thành⁽⁵⁶⁾. Việc ấy đế n tai bà Nguyễn phi. Bà này giận lắ m nhưng nén lòng chờ dịp báo thù. Hai năm sau, năm Đại Bảo thứ 3 (1442), Lê Thái Tông rời đông Kinh ngự giá đi duyệt võ ở Chí Linh (Hải Dương). Tiệp đường, vua ghé lại vãn cảnh Côn Sơn nhân đi qua thăm vị khai quố c công thầ n. Nguyễn Trãi cung kính đón rước xa giá theo đúng lễ vua tôi. Thấ y vị lão thầ n đầ u tóc bạc phơ mà tinh thầ n còn quắ c thước, vua ướm hỏi:

- Khanh có nghĩ đế n tôn xã mà tạm rời chồ n suồ i rừng, ra gánh vác việc triề u chính?

Nguyễn Trãi tâu:

- Chỉ sợ Thánh thượng không dùng. Trãi này dẫu chề t dám rời lòng son.

Vua Thái Tông rấ t đẹp lòng bèn cho nhậm chức cũ, lại gia phong làm Tham tri cai quản quân dân Đông, Bắ c hai đạo⁽⁵⁷⁾. Nguyễn Trãi vái lạy nhận mệnh. Các trung thầ n và Lễ nghi nữ học sĩ đi theo hộ giá đầ u đế n chúc mừng. Sau đó, vua rời xa giá lên đường. Nguyễn Trãi theo xe loan đưa tiễn má y dậm, vua truyề n bảo má y lầ n, mới chịu lui về , sửa soạn lên kinh nhậm chức.

Đọc đường, vua dừng xe nghỉ đêm ở Lệ Chi viên, tục gọi là Trại Vải, làng Đại Lai (Bắ c Giang). Thành linh nửa đêm, vua bạo bệnh băng hà⁽⁵⁸⁾. Các quan hộ giá và Nguyễn Thị Lộ mật rước thi hài vua về kinh. Tin dữ ấy loan ra. Triề u đình lập Đông cung Thái tử Bang Cơ lên nồ i ngôi, tức vua Lê Nhân Tông. Bắ y giờ, Nhân Tông mới hai tuổi. Bà Nguyễn phi làm Hoàng thái hậu trông nom việc nước thay con. Bọn quyề n thầ n theo bà tức khắ c cho bắ t Nguyễn Thị

Lộ đưa đén Đình Cúc⁽⁵⁹⁾ kể tội giết vua. Nữ học sĩ ngày đêm bị tra khảo rất tàn nhẫn. Thái hậu Nguyễn Thị Anh ngồi sau rèm sai hình quan trước sau chỉ hỏi:

- Có phải người dâng thuốc độc cho đức vua? Nguyễn Trãi chủ mưu xui người có phải không?

Nguyễn Thị Lộ không chịu nổi nhục hình, đành nhận xuống như vậy. Thế là Thái hậu bèn truyền chỉ cho các lực sĩ hoá trang về Côn Sơn nã Nguyễn Trãi, đóng cũi giải về. Lực sĩ gươm tuốt trần điệu Nguyễn Trãi đén trước sân đình. Lũ quyên thân theo lệnh của Thái hậu được dịp hòa nhau luận tội:

- Cứ xét theo thường điển, kẻ chủ mưu thí nghịch thiên tử tất ghép tội giết cả ba họ, tước hết quyên, tịch biên gia sản. Nay nạn nước mới dẹp yên, kỉ cương chính sự mới lập, bọn loạn thân hãy còn nháp nhòm ngáp ghé nên phải nghiêm trị để làm răn!

Hai quan hoạn Đình Phúc, Đình Thảng vốn là tay chân của Lê Sát, Lê Vân nên chẳng ưa gì Nguyễn Trãi nhưng thấy việc hồ đồ như vậy, cũng không nín được, buột miệng bảo nhau:

- Trời không có mắt để quan Hành khiển mắc oan!

Chẳng ngờ, Thái hậu nghe tiếng bèn khép tội tử hình, sai giết luôn để thị oan. Các quan trong triều còn có lòng trung nghĩa biết không thể cởi oan cho Nguyễn Trãi, đành nuốt hận bó tay. Lúc sắp bị chém, Nguyễn Trãi ứa nước mắt, ngựa lên trời kêu lớn:

- Con xin cháp tay lạy thầy, lạy cha. Chẳng may con mắc oan nên thầy, cha phải nhục lây, mà con cháu cũng bị tàn hại. Lòng này xin trời đất soi xét.

Đoạn, ung dung chịu chết. Ai nghe thấy đều thương xót không căm được nước mắt.

Sau này, con bà Ngô phi Ngọc Dao lên làm vua, tức vua Lê Thánh Tông, biết rõ tâm lòng trung nghĩa ngay thẳng của Nguyễn Trãi có khen rằng:

- Lòng Úc Trai sáng tựa sao khuê!

Rồi thương ông vô tội, Thánh Tông bèn xuống chiếu rửa oan, truy tặng ông làm Thái sư Tuệ quốc công và cấp cho con cháu một trăm mẫu ruộng để dùng vào việc thờ cúng.



Phần 9
Phong kiến suy tàn Tây Sơn diệt thù
trong giấc ngoài

Quan nhỏ khí tiết lớn



Lê Thái Tổ làm vua trị nước được sáu năm thì mất. Năm Giáp Dần (1434), Thái tử Nguyên Long mới mười tuổi lên ngôi, tức là vua Lê Thái Tông. Vua còn bé, việc nước rơi vào tay tể tướng Lê Sát và lũ quỳ n thần Lê Văn, Lê Văn Linh, Lê Thụ... Phải năm đại hạn, nhân dân đói khổ thế mà trên thì tể tướng, dưới thì trăm quan đua nhau kiếm lợi, lộng quỳ n tham nhũng. Năm ấy, quan Tư đồ tổng quản Lê Thụ đang có tang vẫn cưới vợ lẽ, bắt dân phu binh lính đến xây cất phủ đệ linh đình, lại sai người nhà giao du với nước ngoài buôn bán hàng lậu. Có viên quan nhỏ làm ở Đài Giám (giữ việc can ngăn) thấy thế mới dâng vua tờ biểu vạch tội. Người ấy tên là Phan Thiên Tước ở Võ Giàng (Bắc Giang). Tước có tiếng văn học, tính tình cương trực khảng khái; khi Thái Tổ còn sống trọng khí tiết của Tước nên cho làm giám quan. Bây giờ, các đại thần nhiều người cũng lấy dân phu binh lính xây cất phủ đệ, bọn tổng quản lắm kẻ cũng gian trá ẩn lậu buôn bán. Thái Tông sai Thiên Tước đi khắp nơi tra xét. Lúc về tâu lại. Thái Tông trách rằng:

- Mọi đại thần tổng quản đều làm như thế, sao Khanh lại hạch riêng mình Thụ?

Thiên Tước tâu:

- Thụ là bậc cô ́ mệnh⁽¹⁾ đại thầ ̀n nên phải tự giữ lòng mình ngay thẳng trước để răn dẫn trăm quan. Nay xem má ́y việc á ́y rõ là Thụ khinh nhờn phép nước quá lắ ́m; bởi thế ́, hạ thầ ̀n không dám lặng im. Còn các đại thầ ̀n khác, vâng sắ ́c chỉ bệ hạ, hạ thầ ̀n đã đi khắ ́p các phủ đệ, thâu thập hế ́t mọi việc, nay xin tâu trình cho tròn chức phận.

Nói đoạn, Thiên Tước rút trong tay áo tờ sớ viế ́t sẵn, liệt kê khắ ́p lượt; từ quan tham tri Đông đạo Lê Định, Tham tri Bắ ́c đạo Nguyễn Thúc Huệ và Tướng hiệu các đạo khác đế ́n các quan Tổng quản, Tuyên phủ sứ... trên dưới năm chục người.

Thái Tông không ngờ Thiên Tước cương trực đế ́n thế ́, đành làm ngơ không nói đế ́n những người á ́y, chỉ xét nguyên tội Lê Thụ. Vua giao xuô ́ng để Pháp ti⁽²⁾ bàn và ra sắ ́c chỉ bắ ́t Thụ phải bỏ vợ lẽ, tịch thu sớ ́ hàng hoá trị giá năm chục lạng vàng và một trăm lạng bạc sung làm của công.

Năm sau Ấ ́t Mão, tháng Tư (1435), tể tướng Lê Sát cùng các đại thầ ̀n tâu xin cử hành khiển Thừa chỉ Nguyễn Trãi và sáu văn thầ ̀n khác thay phiên nhau vào toà Kính Diên giảng sách hầ ̀u vua học tập. Thái Tông cho hoạn quan ra trả lại tờ tâu, không nhận, Phan Thiên Tước bèn đế ́n gặp vua, tâu rắ ́ng:

- Đẻ ra đã biế ́t thì không ai được như vua Nghiêu, vua Thuấ ́n⁽³⁾ thế ́ mà Nghiêu, Thuấ ́n còn phải lắ ́y Quân Trụ, Thành Chiêu làm thầ ̀y. Từ xưa, đế ́ vương làm sáng thánh đức không ai là không do học vắ ́n mà nên. Huô ́ng chi, bệ hạ tuổi xuân đang độ, đạo làm vua chưa dễ đã biế ́t hế ́t; các đại thầ ̀n xin kén người tài giỏi vào chầ ̀u đọc sách là có ý mong bệ hạ thành Nghiêu, Thuấ ́n. Bệ hạ nữ ̀ nào khinh bỏ việc lớn của tông xã mà không xét đế ́n lòng thành của các

bê` tôi. Xin bệ hạ nghĩ đén gánh nặng coi dân trị nước mà tiên đế (Lê Thái Tổ) đã uỷ thác cho, thì khắ`p bớ`n bê` được ơn nhờ phúc lớn vậy.

Thái Tông nghe nói có ý không bắ`ng lòng nhưng cũng không trách cứ gì được Thiên Tước. Khi ấy, vua thường cười voi rong ruổi nghịch ngợm ở nội đình. Một hôm, có người tién con sơn dương. Vua thả sơn dương cho đánh nhau với voi. Voi khoẻ, sơn dương đuổ`i sức đén lúc cùng đường dùng sừng húc mạnh vào voi. Voi sợ chạy lùi, chợt sa chân ngã xuố`ng giề`ng chề`t. Thiên Tước được tin lập tức đén tận nơi dùng lời can trách. Vua nể sợ, ngô`i im.

Thái Tông vẫn ngày một mãi chơi rộng rãi. Vua cha Thái Tổ trước đã chọn bà mẫu sư ngày ngày đén trông nom dạy dỗ. Thái Tông khinh nhờn không chịu nghe, lại lắ`y quyề`n vua thường quở mắ`ng luôn. Bà Thầ`n phi và Huệ phi⁽⁴⁾ thắ`y vậy thân đén rắ`n dạy. Tông tìm cách lảng tránh không cho gặp mặt. Suố`t ngày, Thái Tông lêu lổng chơi bời với lũ hoạn quan xu nịnh, bỏ ngoài tai mọi điề`u can gián. Thiên Tước không chịu khoan tay sợ hãi, cứ viế`t tờ biểu dâng vua. Biểu viế`t đại lược:

“Tiên đế` trái gió gọi mưa, mình mặc giáp trụ, khô`nhọc tinh thầ`n hơn mười năm mới định xong thiên hạ. Bệ hạ nớ`i cái nghiệp đã thành, đáng lẽ phải chuyên tâm vào học thuật, chăm chỉ tìm người hiề`n, để mưu làm nước được thịnh trị.

1- Nay đại thầ`n xin kén bậc văn nho vào chầ`u điện Kính Diên để hầ`u việc học tập cho bệ hạ, bệ hạ lại đứng dậy đi không xét: ấy là một điề`u không nên.

2- Tiên đế` chọn người làm mục dạy để giữ việc giáo huấ`n nơi cung câ`m, bệ hạ lại khinh nhờn quở mắ`ng: hai điề`u không nên.

3- Hai bà Thầ n phi và Huệ phi lấ y địa vị làm dì thay mẹ để vào dạy khuyê n, bệ hạ sai người đố ng cửa không cho vào: ba điề u không nê n.

4- Nhữ ng kẻ quâ n lĩ nh hầ u hạ ở nội cung thầ y bệ hạ không đọ c sách mà bỏ đi chơi, câ m cung bắ n chim, thì dâ ng lời can ngắ n, bệ hạ không nghe lại quay cung bắ n vào người họ: bô n điề u không nê n.



5- Tiên đê kén lấ y con em các công thầ n cho vào chầ u học để bệ hạ có người cùng học cho vui, bệ hạ lại xua đuo i ruồ ng rẫ y họ, để mặc sức vui chơi với lũ cậ n thầ n rồ ng rồ : năm điề u không nê n.

6- Phầ m làm ông vua nhân nghĩa tâ t phải tìm kẻ hiề n tài biế t nói thắ ng can ngắ n đế n cùng, kiế m người có công lao hế t lòng trung trìn h báo nước để mà ân thườ ng. Nay bệ hạ đạ i thầ n thì không biế t, chỉ thườ ng lũ hoặ n quan hàng ngày cùng mình chơi đũa nô giồ n: thề là sáu điề u không nê n.

Hạ thầ n giữ chừ c nói, mà không dắ m thực tâ u bày là có tội. Xin bệ hạ trong lúc làm việc triề u đìn h nê n giữ vể tôn nghiê m, biế t kính trồ ng đạ i thầ n, ú y lạo kẻ có công, nhận lời can thắ ng, khuyế n khích tô i trung. Như thề thì cái tiế ng đạ i hiế u nô i đượ c chí của tiên đê , theo đượ c việc người xưa hắ n sẽ thồ m mắ i đế n muồ n đờ i”.

Thái Tông xem biể u cả giậ n, sai học sĩ Lê Chườ c cùng bọ n hoặ n quan Đìn h Hố i đế n tậ n nhà Thiên Tườ c gọi vào cung trắ ch hỏi:

- Kẻ nào tô giác mọi việc â y?

Trước họa búa rìu sấm sét, Tước không biếm sắc mặt, vẫn điềm nhiên râu rắng:

- Đầy là quan Đông tổng quản Hạ vệ Bắc Giang Lê Linh bảo hạ thần. Hạ thần dốc lòng thờ vua, được bề hạ cho giữ việc can ngăn thì phải làm hết chức phận, dầu chết có tiếc gì.

Thái Tông chưa hết giận, mắng luôn:

- Bề tôi sao lại bắt bẻ thiên tử, việc ấy xưa nay có thể không?

Tước tâu:

- Nghiêu, Thuấn là bậc vua thánh, thế mà Bá Ích còn răn vua chớ hoang lười biếm nhạc. Đường Thái Tông là bậc chúa hiền, thế mà Ngụy Trưng còn tâu vua phòng mười sự hư hỏng. Hạ thần được làm chức quan nói, sợ vua có lỗi cho nên cũng bắt chước người xưa dâng lời nói thẳng. Bề hạ nghe cho, tức là hạ thần hèn mọn cũng được tỏ hết hoài vọng mà thánh đức bề hạ lại càng thêm sáng rộng vậy.

Thái Tông nghe lời không bắt tội nhưng giáng Thiên Tước đang từ chức Thị ngự sử xuống làm Ngự sử Trung thừa.

Đến tháng Tám năm ấy, vua ban chiếu xuống, phạm đất bãi, đất công đều đem cấp phát, binh quân mỗi đầu binh lính năm sào, dân thường được bốn sào làm đất thế nghiệp⁽⁵⁾, không phải đóng thuế. Đàn ông không vợ con, đàn bà góa chông thì không được dự cấp...

Thiên Tước bèn tâu vua:

- Thương xót đến người cô độc góa bụa là việc đầu tiên của đức thánh nhân. Nay ơn mưa móc của nhà vua thấm đến khắp quần dân trong thiên hạ, mà riêng lũ người ấy bị khô héo không được dự

phân. Thế là người ấy không phải dân con của nhà vua ư? Như vậy há đâu phải là nhân nghĩa của đức thánh nhân.

Vua nghe ra, xuống chiếu sắc cho những kẻ cô độc, góa bụa mỗi người được ba sào ruộng miễn thuế.

Ấy vì Phan Thiên Tước gặp việc thì nói thẳng nên nhiều khi phạm đến vua và các bậc đại thần quyên thế. Từ vua đến trăm quan đều trọng ông khí tiết cao dám nói nhưng trong bụng chẳng mách ý người ư. Bởi thế, đến cuối đời, Phan Thiên Tước vẫn chỉ là một viên quan nhỏ.

Trạng Lương



Ông tên thật là Lương Thế Vinh, người làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, đạo Sơn Nam (nay là huyện Vụ Bản, Nam Định). Thuở nhỏ, Vinh học giỏi thông minh lanh lợi lạ thường. Người đời vẫn xem Vinh là thần đồng.

Một hôm. Vinh đang thả diều ngoài đồng. Có một bà lão gánh hàng đi trên lộ chẳng may trượt chân ngã, đánh đổ cả hai thùng bưởi. Bưởi lăn hết xuống hố bên đường. Thấy bưởi chắt kín bên dưới. Tụt xuống lấy thì giẫm lên bưởi, mà cũng khó cúi xuống cầm lên được. Lũ trẻ bàn cãi mãi vẫn chưa tìm ra cách gì giúp bà lão. Vừa lúc, Vinh thu diều chạy đến. Vinh cười bảo:

- Khó gì. Về lấy thùng gánh nước ra đây.

Lũ trẻ chưa hiểu sao nhưng nghe Vinh, cứ làm. Vinh ung dung đổ cả gánh nước xuống hố. Nước dâng cao, bưởi cũng theo nước nổi lên. Lũ trẻ thích chí đều vỗ tay cười, phục lắm.

Vinh đã sáng dạ thông minh, lại tập được tính hễ đã cầm đến kinh sách là buộc chặt mình vào, chuyên tâm mà học. Bởi thế, Vinh nổi tiếng là chăm học mà vẫn ung dung nhàn nhã. Một hôm, Vinh đến thăm người bạn là Quách Đình Báo cũng khét tiếng học giỏi ở làng Phúc Khê, bên Sơn Nam hạ, định bàn việc cùng lên Đông Kinh ứng thi. Đến đầu làng, Vinh ngó nghiêng chân bên quán nước, nghe thiên hạ kháo chuyện về Báo đang ngày đêm mài kinh sử thì phì cười, bảo:

- Kỳ thi đã đến mà còn chúm đầu vào quyển sách, cố học rón láy vài chữ, như thế sao gọi là biết học. Ta có vào thăm cũng chẳng ích gì!

Nói đoạn, Vinh bỏ về. Chuyện ấy đến tai Báo, Báo nói:

- Người ấy hẳn là Lương Thế Vinh.

Rồi Báo tất tả sắm hành trang đến Cao Hương thăm Vinh đáp lễ. Đến nơi, Vinh đi vắng. Người nhà bảo:

- Vinh ở ngoài bãi.

Quách Đình Bảo ra bãi tìm, thầy Vinh đang thả diều nom thư thái ung dung lắm. Bảo giật mình, bảo tiểu đồng đi theo:

- Vinh đáng mặt khôi nguyên. Ta có học mấy cũng không hơn được.

Khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ tư, đời vua Lê Thánh Tông (1463), quả nhiên Lương Thế Vinh đỗ đầu, tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh, tức Trạng nguyên; Quách Đình Bảo đậu Thám hoa, đệ tam danh, đỗ thứ ba. Năm ấy, Lương Thế Vinh hai mươi hai tuổi.

Vua Lê Thánh Tông cho Trạng Vinh làm Hàn lâm viện thị giảng kiêm quản viện Hàn lâm, được vào chầu ở điện Kính Diên giảng thơ văn hầu vua. Thánh Tông chiêu nạp những văn thân nho sĩ lừng danh nhất nước, lập hội Tao Đàn để vua tôi làm thơ xướng họa. Trạng Vinh không được vua kén làm một trong hai mươi tám hội viên, gọi là hai mươi tám ông sao của Hội thơ ấy, mà chỉ được chọn làm chân “sái phu” (quét dọn). Đó là vì tính ông ưa châm biếm, khôi hài, không chịu câu thúc. Trạng Vinh thường mượn việc để răn dạy cả từ vua đến quan.

Một hôm, Trạng vào chầu. Thánh Tông vui vẻ bảo:

- Trẫm có nhiều con trai, việc thiên hạ không lo gì nữa.

Trạng tâu:

- Lắm con trai là lắm giặc. Không lo sao được!

Vua lấy làm lạ, hỏi:

- Sao vậy?

Trạng ngay thẳng tâu:

- Ngồi báu chỉ có một. Bệ hạ càng lắm con trai ắt càng khoẻ tranh giành nhau để nối ngôi. Như thế không lo sao được?

Về sau, quả nhiên như lời Trạng nói: con cháu nhà vua tranh giành ngôi báu, giết hại lẫn nhau, làm cho triều chính đổ nát, trăm họ lâm than. Nhân cơ hội ấy, chỉ ba chục năm sau khi Thánh Tông mất, chóp mác Mạc Đăng Dung đã cướp được ngôi nhà Lê.



Năm năm năm tuổi, Lương Thế Vinh xin về chí sĩ. Vô n là người thích cảnh tình nơi thôn dã, Trạng đang ngồ i nghỉ chân trong quán nước bên đường thì một đoàn người rước quan huyện hạt á y đi qua. Mọi người sợ phải khiêng vồng đê u bắ m nhau trố n hế t. Trạng Vinh không biế t lệ á y cứ điề m nhiên ngồ i lại. Quan huyện liề n sai lính bắ t Trạng ra khiêng vồng. Trạng cũng ghé vai khiêng. Được một thôi đường dài, nhân có người quen qua đường. Trạng gọi lại và lớn tiế ng nhờ nhắ n về :

- Gọi họ học trò tôi là Thám hoa Vân Cát ra khiêng vồng hầ u quan huyện thay thầ y!

Viên quan huyện nghe vậy thì giật mình, chỉ kịp kêu lên:

- Chê t chề t, quan Trạng Lương Thế Vinh!

Đoạn hô t hoảng tụt khỏi vồng xuố ng đấ t, quỳ lạy xin tạ tội. Lương Thế Vinh nhẹ nhàng lắ y lời răn dạy và bắ t viên quan huyện từ nay phải chừa thói hách dịch với dân, rô i cho đi.

Khi Trạng Vinh còn làm quan trong triề u, một lâ n sứ nhà Minh là Chu Hy sang ta. Thánh Tông sai Trạng ra tiế p. Hy nghe đờ n nước Nam có ông Trạng nguyên đã nổi tiế ng trong nghề vắ n chương, âm nhạc⁽⁶⁾, mà còn tinh thông cả toán học nên mới hỏi Vinh:

- Có phải ông làm sách *Đại thành toán pháp*, định các thước đo ruộng tính đấ t, chề ra bàn tính của nước Nam đó không?

Trạng đáp:

- Dạ, phải.

Nhân thầ y con voi to lắ m đang kéo gổ ở sông lên, Chu Hy liề n bảo:

- Trạng thử cân xem coi voi kia nặng bao nhiêu?

Trạng biết sứ Minh muốn thử tài thì trả lời ngay:

- Dạ được!

Dứt lời, cầm cân xăm xăm đi cân voi. Đến bên sông, Trạng chỉ chiếc thuyền bỏ không, sai lính dắt voi xuống. Voi nặng, thuyền đang nổi thì đắm sâu. Trạng cho quân lội xuống sông, đánh dấu mép nước trên thuyền, xong lại sai dắt voi lên. Kế đó, Trạng ra lệnh đổ đá học xuống thuyền, đến đúng dấu ấy thì ngừng tay. Bây giờ, Trạng ung dung cho quân bắc cân lên cân đá. Trạng bảo sứ Minh:

- Ông ra mà xem cân voi!

Chu Hy ngửa mặt lên than:

- Danh động quả không sai. Nước Nam thật lắm bậc kì tài!

Ấy vì Lương Thế Vinh giỏi cả về toán pháp đo lường, nên người đời còn gọi trạng nguyên Lương Thế Vinh là Trạng Lường.

Trạng Trình



Dó là tên người đời vẫn gọi Nguyễn Bình Khiêm vì ông đỗ Trạng nguyên, sau được phong đến tước Trình Quốc Công.

Ông người làng Trung An, huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng). Thân phụ ông là Thái bảo Nghiêm Quận công Văn Đình, thân mẫu là bà Từ Thục, con gái quan Hộ bộ Thượng thư Nhữ Văn Lân. Khiêm sinh năm Tân Hợi (1491) đời vua Lê Thánh Tông, mặt mũi khôi ngô, tư cách khác người. Một tuổi, Khiêm đã nói sõi; lên năm tuổi, bà Từ Thục dạy cho kinh sách, truyền miệng cho thơ chữ nôm, Khiêm học đâu nhớ đấy không quên chữ nào. Lớn lên, có ông bảng nhãn Lương Đắc Bằng mở trường dạy học ở làng Lạch Triêu, huyện Hoá Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Học trò bốn phương đến học đông lắm. Bà mẹ liền cho Nguyễn Bình Khiêm vào theo học. Khiêm đã sáng dạ thông minh lại nết na chăm chỉ nên được thầy rất khen. Bảy giờ, vua Lê Thánh Tông đã mất (1497). Trải qua các đời vua Hiên Tông⁽⁷⁾, Túc Tông⁽⁸⁾ đến Lê Uy Mục thì nhà Lê đã suy đồi quá lắm. Uy Mục ngày thì bắt quân lính đánh giết lẫn nhau làm trò giải trí, đêm thì rượu chè tuý lúy, chém người hầu rượu để mua vui. Sứ Minh sang phong đã làm thơ gọi Uy Mục là “vua quý”. Uy Mục còn bắt dân phu binh lính xây cung điện nguy nga, lại dung túng cho họ hàng bên ngoài chuyên quyền, vợ vét khiếm cho trăm họ điêu đứng, kẻ trung thần thì bực tức. Lương Đắc Bằng đã có lần bảo Khiêm:

- Nhà vua yêu thương kẻ ngoại thích⁽⁹⁾ để cho bọn xu nịnh tung hoành, xa rời người ngay thẳng làm cho kẻ cương trực bỏ trốn; tước đã hết sạch mà muốn ban thưởng nữa chưa thôi, dân đã khổ cùng mà muốn vợ vét thêm chưa thoả; thuế má thu nhặt từng cái tóc, tiền bạc thì phung phí như đất như bùn; đãi công thần như chó ngựa, coi dân chúng như cỏ rác; bạo ngược như thế sao giữ được ngôi báu!

Quả nhiên, Uy Mục làm vua chưa đầy năm năm, các công thần cũ của nhà Lê từ Thanh Hoá đã đem quân ra kinh giết chết. Lương Đắc Bằng cùng khởi binh trong chuyên ấy. Lê Tương Dực được tôn lên nối ngôi. Chẳng ngờ, Tương Dực với Uy Mục cũng một phường bạo chúa như nhau. Làm vua chưa đầy một năm, Lương Đắc Bằng đang làm quan Lại bộ tả thị lang đã phải dâng *mười bốn cách bình ổn đất nước (Tri binh thập tứ sách)* can Tương Dực chớ phung phí của công, đổ tiền vào xây Đại Điện bắt dân chúng phải sưu cao thuế nặng phục dịch khiến cho trăm quan lớn nhỏ đua nhau vợ vét, ngang nhiên tham nhũng. Tương Dực không nghe. Được vài năm, Tương Dực bị triều thần giết nốt. Từ bây giờ, quan lại trong triều chia bè phái mưu tính việc phế lập vua, đem quân đánh lẫn nhau. Dân chúng cùng cực không biết thế nào nói hết được.

Nguyễn Bình Khiêm là người giỏi xét đoán việc đời, thầy bốn biển dẫm chìm trong con li loạn thì đau lòng thương cho dân cho nước. Lương Đắc Bằng mất. Ông thay thầy trông nom con thầy là Lương Hữu Khánh và tiếp tục việc truyền dạy học trò, chứ nhất định không chịu ra thi làm quan, mưu đục nước béo cò như người khác. Đầu năm Quý Mùi (1523), bọn Trịnh Tuy ở Thanh Hoá chống nhau với Mạc Đăng Dung ngoài Bắc. Hai bên đều có ý đem vua Lê Chiêu Tông ra làm mồi để đánh nhau. Bình Khiêm giận lắm bảo đám học trò:

- Bọn ta sinh ra phải thời loạn lạc. Núi xương sông máu trăm họ đã đầy khắp, thế mà triều người vẫn muốn mượn gió bẻ măng, giao tranh hỗn chiến mãi chưa thôi. Giận thay!

Năm Đinh Hợi (1527), sau khi diệt trừ xong các phe phái không ăn cánh, Mạc Đăng Dung lên ngôi vua lập ra nhà Mạc. Việc nước tạm ổn được ít lâu. Triều đình mở khoa thi kén nhân tài. Bọn bè đều khuyên Nguyễn Bình Khiêm ra ứng thi đem tài học giúp ích cho dân nước. Trông chừng thế sự vẫn suy đồi, triều thần đầy rẫy lũ

tham quan ô lại nên ông lưỡng lự chưa nghe. Sau vì cha mẹ già muố n con đề tiế ng với đời, ông không đành lòng trái ý, miễn cưỡng lê u chố ng lên đườ ng. Năm Canh Dầ n (1530), đời Mạc Đắ ng Doanh, ông thi Hương đầ u Giải nguyên. Năm sau, ông đi thi Hội, vào đế n kì đặ tam thì đượ tin mẹ ô m bèn bỏ thi cáo về . Năm năm sau đế n khoa Ấ t Mùi (1535), ông mới lại vào thi Hội đố Hội nguyên, thi Đình đố Trạ ng nguyên. Bắ y giờ, ông đã bắ n mươi tư tuổ i. Vua Mạc trọng ông lắ m bỏ ngay làm Hình bộ tả thị lang, sau đố i sang Lại bộ tả thị lang kiêm Đố ng các đặ học sĩ. Làm quan ở triề u đượ tám năm, đế n đời Mạc Phứ c Hải, thắ y đặ thầ n lắ m kẻ lố ng quyề n, rồ ng rờ đặ khoế t, ông bèn dâng sớ xin chém mươi tám lố ng thầ n đề u là nhữ ng kẻ quyề n quý cả. Vua Mạc không nghe. Ông trả lại mũ áo, cáo quan về làng mở trường dạy học.

Ông đự ng một cái am con bên hồ đặ tên là am Bạch Vân và lắ y tên hiệ u là Bạch Vân cư sĩ. Ông cho bắ c hai câ u gỗ làm chố chơi mát gọi là câ u Nghề nh Phong và câ u Trườ ng Xuầ n. Lại lập một quán bên bờ sông Tuyế t Giang đặ tên là quán Trung Tâm, đự ng bia nói rồ ý mình.

Ông vô n là người tha thiế t với việc dân việc nước. Hiề m vì nổi triề u đình đố nát, trắ m quan hư hỏ ng, ông không muố n đem thân vào chố n đũa chen nị nh hót, dầ n sa mình vào đắ m bùn như ô uế . Bởi thế , tuy buộ c lòng phải xa lánh công danh về ắ n dậ t, ông vẫn đem hế t tài trí truyề n cho đắ m học trò, ngầ m mong họ sẽ thay ông ra giúp đời cứu nước. Nhiề u học trò danh tiế ng của ông như Lương Hữ u Khá nh, Phùng Khắ c Khoan, Nguyễn Dữ , Trương Thờ i Cử sau này quả đầ nô i đượ chí thầ y.

Nguyễn Bính Khiề m về chí sĩ. Vua Mạc tiế c lắ m, nhiề u lầ n cô vờ i. Nhưng thắ y trong nước lắ m bè đắ ng xầ u xé tranh quyề n gây nạn đầ o binh tàn hại muồ n dân, ông nhắ t đặ chố i từ không

ra. Nghĩ giận lũ quyê`n quý á`y chỉ nghĩ đê`n lợi riêng mà gây hoạ cho thiên hạ, ông ngụ ý vào bài thơ *Giế`t chuột* để bày tỏ lòng mình:

... Sao dám khinh mạng dân

Phá hoại thật tàn khô`c

Rình mò dưới lỗ hang

Thâ`n dân đê`u căm tức

Quá`y nhiều mấ`t lòng người

Tấ`t bị người xé xác

Thây phơi khắ`p thị thành

Thịt quạ điê`u rửa bóc...



Quận He



Nguyễn Hữu Cầ u người làng Lôi Động (Làng Nổi), giữa một vùng nước trắ ng đò ng thuộc huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Mồ côi cha từ nhỏ, nhà nghèo, Cầ u phải đi ở cho kẻ hào phú trong làng. Ngày ngày chắ n trâu, Cầ u ngồ i trên mình trâu lắ y sáo ra thổi, tiế ng véo von. Cầ u còn ham đánh vật, chuộ ng võ nghệ, thường cùng trẻ chắ n trâu tập đánh trận giả. Có sức khoẻ hơn người. Cầ u lại mưu trí can đảm và có tài lội dưới nước như đi trên cạn nên chú ng bạn đề u tôn làm chủ tướng. Sau, bà mẹ nghĩ thương con bèn cô xìn cho Cầ u được đi học chữ. Cầ u học đâu nhớ đầ y, thông minh khác thường khiế n cho nhiề u công tử con nhà quyề n quý giàu có phải ghen tức. Trong đắ m â y có Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn cùng trắ n Hải Dương. Trọng tiế p tục học, sau thi đậ Tiề n sĩ năm Kỉ Mùi (1739). Còn Cầ u thì bỏ vắ n sang học võ, nổi tiế ng là Hạng Võ nước Nam. Mỗi khi lâm trận, Cầ u cầ m hai thanh siêu đao múa như chớp, phi ngựa như gió, một mình đị ch nổi ngàn người.

Năm Canh Thân (1740) do con cháu họ hàng một cung phi của chúa Trịnh bắ t dân xứ Hải Dương đi lắ y đá vồ xây nhà từ đườ ng⁽¹⁰⁾, nạn phu dịch nặng nề , dân kham không nổi. Lại gặp năm mắ t mùa đói kém, ruộng đắ t bỏ hoang thành rừng rậm, dân chề t nhiề u lắ m. Người nào số ng sót phải đi bóc vỏ cây, bắ t chuộ t

đồng mà ăn. Dân xứ Đông mới nổi dậy theo anh em ông Nguyễn Cừ bên làng Ninh Xá, huyện Chí Linh vác cò *Ninh dân* (yên dân) kéo nhau đi đốt phá nhà tù đường của vợ Chúa. Nguyễn Hữu Cầu cũng về theo, trở tài đánh thủy trận, lập nhiều công lớn.

Nguyễn Cừ tin yêu, mới đem con gái gả cho. Năm sau, Tân Dậu (1741), anh em Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ bị hại. Nguyễn Hữu Cầu lên làm thủ lĩnh, nhận là “Đông đạo thống quốc bảo dân đại tướng quân”, đem quân đi đánh phá các phủ đường, các nhà quyền quý giàu có; lại dùng thuyền nhẹ ra biển chặn bắt các thuyền buôn, lấy được bao nhiêu thóc gạo tiền bạc đều đem về phát hết cho dân. Bởi thế, dân cả một vùng ven biển Đông đều hưởng ứng, người theo đông đến hàng vạn. Thanh thế lớn lắm. Cậu của chúa Trịnh Doanh là Bính Quận công phụng mệnh đi đánh Cầu, đem bảy cơ binh, bảy con voi mà vẫn trù trù không dám tiến quân, phải lùi về làng Mao Điền, thuộc huyện Cẩm Giàng cách kinh đô một ngày đường để chờ viện binh.

Chúa Trịnh thấy vậy vội sai tướng Đô đốc lĩnh thủy đạo là Trịnh Bảng thống suất thủy quân đi đánh dẹp. Dò ra chỗ đóng quân của Bảng, Nguyễn Hữu Cầu đem mười chiếc thuyền từ đại trại Đồ Sơn bất ngờ đến đánh úp rồi rút chạy. Bảng thấy Cầu quân đã ít lại giả ý thì khinh thường thúc đuổi ráo riết, theo đến Cửa Giai. Hữu Cầu vẫn giả vờ sợ hãi quẳng khí giới chèo thuyền trốn gập vào Cửa Bạc. Trịnh Bảng càng yên trí hô quân tràn tới. Vừa lúc gió nổi thổi mạnh, nước ngược lên to, chiếc thuyền của Bảng to lớn công kênh không đi được, phải giạt vào bờ đậu lại. Bất ngờ, từ các bụi lau lách hai bên sông, quân Cầu đã phục sẵn, cởi thuyền nhẹ đổ ra vây chặt. Hữu Cầu từ phía trước cũng quật lại, đánh ập vào. Chiếc thuyền của Bảng đã mứm quá nửa, quân lính phần bị giết, phần sợng sót đều tìm đường tẩu thoát. Trịnh Bảng biết trúng kế thì hết hồn, nhảy vội xuống sông trốn chạy. Chẳng dè,

Nguyễn Hữu Cầ u nom thấ y lập tức rẽ nước rượt theo nhanh như cá he ngoài biển, chớp mắ t đã bắ t sô ng được Trịnh Bắ ng cắ p nách bơi về , ném lên thuyề n cho quân sĩ tró i lại. Việc á y là vào năm Nhân Tuấ t (1742). Sau trận Cát Bạc, danh Nguyễn Hữu Cầ u nổi như sóng cô n, một mình trá n giữ một dải biển Đông từ Đô ` Sơn đế n Vân Đô ` n. Quan quân Trịnh phục tài thủy chiế n của Cầ u, đế u gọi Cầ u là Quận He...

Tin Trịnh Bắ ng thấ t trận, bị bắ t sô ng làm kinh động cả triề u đình. Chúa Trịnh vội họp quầ n thầ n bàn việc đố i phó, sai đại tướng Hoàng Công Kỳ thố ng lĩnh hai đạo thủy bộ cùng bọn đố c lĩnh Trầ n Cảnh, Vũ Tá Liên điề u hế t hai mươi tám cơ thuyề n đánh Cầ u. Tuy vậy, Công Kỳ vẫn lo ngại bèn tâu xin tướng thủy đạo là Nguyễn Đắ ng Hiế n coi quân Tứ Trạch cùng theo Kỳ đi đánh Cầ u. Chúa Trịnh ưng thuận. Năm Quý Hợi (1743), Kỳ đem quân đế n đóng ở Thanh Hà, Cầ u bắ t thầ n đang đêm đem đại quân đế n đánh úp. Kỳ thua to, Cầ u tiế p tục tung binh vây khố n Hoàng Công Kỳ. Cầ m cự được hơn mười ngày, Kỳ cho thám tử lên về triề u đình cáo cá p. Chúa Trịnh cả sọ , vội điề u tướng giỏi nhấ t triề u đình là Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc cho làm thố ng lĩnh, cho Công bộ hữu thị lang Phạm Đình Trọng làm Hiệp thố ng lĩnh đem quân kì đạo đi ứng cứu. Quân Phúc vừa đế n huyện Vĩnh Lại thì gặp quân Cầ u mai phục sẵn đổ ra chẹn đánh, không sao tiế n được phải đóng lại ở làng Tranh Xuyên. Tán lí Vũ Khâm Lân bàn với Hoàng Công Kỳ:

- Nay giặc đương phải chố ng với quân của Việp Quận công chắ c đờ n nhiề u lực lượng lên mặt trước. Vậy ta nên thừa dịp đánh phá mặt sau tá t thoát được.

Kỳ nghe theo, nhân đương đêm liề u chề t phá vây đánh ra cửa Ngư Đại, huyện Thanh Hà, cướp đường mà trố n về Tranh Xuyên, họp binh với Hoàng Ngũ Phúc cùng đánh lại Cầ u. Nguyễn Hữu Cầ u núng thề phải lui về Đô ` Sơn. Bọn Phúc, Kỳ thúc quân rượt theo.

Tuỳ tướng của Hoàng Ngũ Phúc là Trịnh Bá Khâm được lệnh đi tiên phong, dẫn quân hăm hở tràn tới. Không ngờ, Đô` Sơn hiềm trở, thủy quân của Câ`u vô`n thiện chiến lại dùng thuyề`n nhẹ nên thoả`t ẩn thoả`t hiện. Khâm không biế`t hướng nào mà đuổi. Thành linh, quân Câ`u từ phía sau đánh thúc lại, Khâm chưa kịp trở tay, bị một mũi giáo chề`t ngay. Quân Trịnh hoang mang sợ hãi, gọi quân Câ`u là “Giặc ma trời”. Bọn Ngũ Phúc, Công Kỳ phải lui binh để chấ`n chỉnh đội ngũ. Chúa Trịnh được tin, xuô`ng chỉ khiển trách Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng và triệu Hoàng Công Kỳ về` kinh hỏi tội. Phúc và Trọng bị khiển trách thì tức lắ`m, năm sau Giáp Tý (1744) lại đô`c hế`t đại binh ra Đô` Sơn quyế`t chiế`n với Nguyễn Hữu Câ`u.

Trọng gửi cho Câ`u một vế` câu đố`i chữ Hán đe` dọa:

- *Thổ diệt bán hoành: thuận giả thượng, nghịch giả hạ.*

(Nghĩa là chữ “thổ” cắ`t đi một nửa nét ngang: khi để xuôi là chữ “thượng”, khi để ngược sẽ thành chữ “hạ”. Ý bảo: nếu Câ`u chịu quy thuận thì sẽ để yên, bắ`ng chồ`ng lại tắ`t sẽ bị diệt).

Câ`u gửi câu đố`i lại để tỏ thái độ:

- *Ngọc tàng nhấ`t điếm: xuấ`t vi chúa, nhập vi vương.*

(Nghĩa là chữ “ngọc” giấ`u trong mình một chấ`m: nếu đưa ra sẽ là chữ “chúa”, bắ`ng cắ`t đi sẽ thành chữ “vương”. Ý nói: một là làm chúa, hai là làm vua, chứ không thêm hàng).

Bọn Ngũ Phúc, Đình Trọng tức giận xua quân ô`ạt tiế`n đánh. Quân Nguyễn Hữu Câ`u dựa vào núi vào biển làm thế` cô` thủ, khi tiế`n khi lui. Bọn Phúc, Trọng tuy quân đông thuyề`n nhiề`u mà đánh liề`n mắ`y trận vẫn chưa làm gì được. Đã thế`, ban đêm, Câ`u dẫn quân bản bộ lặn xuô`ng nước tìm tới đực thuyề`n quân Trịnh cho

đắm hoặc bắt ngờ leo lên giết chết. Quân Trịnh bủa lưới dưới nước để cản bắt, Cầu xé lưới chui vào lẹ như không. Một lần, Trọng đang ngủ trong soái thuyền, bỗng thuyền khẽ động, chớp mắt thấy một người xách đao từ dưới nước vọt lên, chém tên lính canh một nhát chết tươi rồi sấn tới. Trọng nhận ra Cầu thì hét hòan, may vợ kịp gươm chống đỡ và hô hoán rầm rĩ cho vệ sĩ cùng xông vào ứng cứu mới thoát chết. Từ bây giờ, quân tướng Trịnh sợ lắm, càng khiêu khích vĩa Quận He. Bọn Phúc, Trọng phải cho trái chèo che kín mặt sông quanh nơi thuyền đóng để phòng ngừa.

Cứ thế, Cầu cầm cự liên năm sáu tháng trời. Quân Trịnh bị thua thiệt nhiều mà vẫn chưa dẹp xong. Chúa Trịnh lại xuống dụ khiển trách, thúc bọn Phúc, Trọng phải liên u chết mà đánh. Sau Ngũ Phúc và Trọng chia quân làm hai ngả cùng tiến, cốt chiếm lấy núi cao lập đồn lũy nhòm xuống thủy trại của Cầu. Kế đó, sai quân chặt mấy trăm cây thông đục rỗng ruột, nhồi sỏi đá và thuốc súng vào, bên ngoài đánh đai sắt rồi châm ngòi từ trên cao lăn xuống. Cầu cho quân dùng ván làm mộc để che. Quân Trịnh lại dùng nhựa thông trộn với vải vụn, sỏi đá và thuốc súng ném xuống đốt cháy ván. Quân Cầu bị bắt lợi chết nhiều, thua to. Bọn Phúc mừng lắm, truyền quân bổ vây chặt. Trọng bảo:

- Phen này thả ng He có chui xuống biển cũng không thoát!

Dứt lời, thấy Cầu cười thuyền thách đánh. Trọng hô lớn:

- Ai chém được đầu giặc He sẽ trọng thưởng!

Quân Trịnh thấy Cầu một mình một thuyền thì đổ xô lại vây bắt. Cầu giương buồm chạy. Bọn Phúc, Trọng ào ào đuổi theo. Mấy trăm quân còn lại của Cầu thừa cơ cướp đường, thoát hết. Cầu chỉ chờ có thế, bèn nhảy ùm xuống biển, biến mất. Bọn

Phúc, Trọng không biết thực hư thế nào, phải đóng quân lại tìm kiếm.

Ít lâu sau, thành lĩnh Nguyễn Hữu Cầu xuất hiện ở Kinh Bắc (Bắc Ninh). Quân lại đông, có đến hàng vạn. Cầu đánh Nhã Nam (Yên Thế), tướng Trịnh là Nguyễn Đức Ánh cưỡi voi đốc chiến. Cầu phóng ngựa như bay xộc tới phóng một đao trúng tay phải Ánh, gãy gãy. Ánh xé áo toan buộc. Cầu kịp quay lại tung đao giết chết. Em Ánh là Hữu tướng quân Nguyễn Đức Thân liều mạng thúc quân lại cướp xác, cũng bị Cầu chém đầu tại trận. Quân Trịnh tan tác như đàn ong vỡ tổ. Trấn thủ Kinh Bắc là Trần Đình Miên nghe tin chẳng lành vội đem binh lên đóng ở Chợ Chay (Yên Dũng, Bắc Giang) để cản nhưng không lại, phải lui về Thị Cầu đắp thành cao, rào chông có thủ. Cầu dẫn quân tràn tới, chỉ một trận chiến ngay Thị Cầu. Bọn Trần Đình Miên tháo chạy về trấn thành Kinh Bắc. Rồi trấn thành Kinh Bắc cũng mất nốt. Miên và Đốc đồng Vũ Phương Đề phải bỏ cả ấn tín để thoát thân.

Thanh thế của Quận He càng hùng lẫy. Đường Quận He thông đến tận bến Bờ Đê (Gia Lâm, Hà Nội) bên bờ bắc sông Nhị Hà.

Chúa Trịnh lại một phen bở vía, vội cử Đinh Văn Giai làm Thống lĩnh Thượng tướng quân coi cả bốn đạo binh. Bờ i tưng Ngô Đình Oánh làm tán lý cùng theo đi đánh Cầu. Giai vượt sông Nhị Hà sang bờ bắc, thấy thế Quận He lớn quá nên cứ chùng chình chưa dám tiến ngay. Sau, chúa Trịnh phải xuống chỉ thúc giục, Giai mới đem quân tiến lên. Bây giờ, Nguyễn Hữu Cầu đang đóng ở Xương Giang biết chuyện ấy thì gọi tướng tâm phúc lại bảo nhỏ, dặn cứ thế, cứ thế. Hôm sau, có tin truyền đi cho các quân tuấn tiêu:

- Hễ có chiến công võng nào vào trại ta thì cứ để mặc cho vào. Không được hỏi han cản trở.

Chiều hôm ấy, quả có một chiếc võng sang trọng tiêng vào đại bản doanh của Nguyễn Hữu Cầu, lát sau mới trở ra. Liên đó, Nguyễn Hữu Cầu họp quân tướng lại, nói cho khắp cả cùng biết.

- Tướng Đinh Văn Giai muốn theo ta nhưng không tiện công nhiên ra hàng nên để n mật ước là sẽ giả vờ bị bắt sống. Vậy mai ra trận, hãy thầy Giai, mọi người phải nhanh chóng sẵn lại bắt Giai điệu về. Ai làm được việc ấy sẽ có thưởng to!



Không ai biết đó là diệu kế của Cầu. Bởi thế, quân sĩ của Giai cứ nghi ngờ chủ tướng mà ngã lòng; còn quân tướng của Cầu thì mừng rỡ, vừa giao chiến đã ào ào xông tới, hò hét đòi bắt sống Giai. Thế mạnh gáp trăm lần khi thường. Chốc lát, quân Giai tan vỡ hết. Ba con của tướng Đinh Văn Giai theo cha đánh Nguyễn Hữu Cầu thì một bị chém chết ngay tại trận, còn hai con khác phải liều chết che chở nên Giai mới thoát chết.

Chúa Trịnh thầy quan quân đánh mãi không thắng thì vừa tức giận, vừa thầy phục tài Nguyễn Hữu Cầu nên bụng cũng muốn thu phục. Bọn cận thầy là Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đĩnh biết ý chúa, bèn thầy:

- Cầu là tay kiệt kiệt. Có dđc hết binh lực mà tiếp tục đánh hấn cũng còn khó nhọc, chưa biết để n bao giờ mới trừ được. Nay thầy nên lấy chức tước mà chiêu dụ, cho Cầu được hưởng những ân

điền của triề u đình như Hoàng Phùng Cơ⁽¹¹⁾. Như vậy, vừa không tổn hại binh lực, vừa thêm được kẻ bê` tôi có tài, ấy là kẻ` hay hơn cả.

Chúa Trịnh ưng thuận, sai Nguyễn Phi Sáng làm trung sứ đê`n phong cho Nguyễn Hữu Câ`u chức Ninh Đông tướng quân, tước Hướng Nghĩa hâu; các bộ tướng của Câ`u đê`u tùy theo cấp bậc mà phong quan chức và thưởng cho nhiề u vàng bạc. Phi Sáng đê`n gặp Hữu Câ`u, Câ`u chưa quyề t. Các bộ tướng của Câ`u vô`n là dân nghèo bị bức bách, bầ`n cùng quá phải nổi lên chồ`ng lại; nay thầ y triề u đình chiêu dụ như thế` thì đắ c chí, cho là được nên có ý thuận theo. Chẳng ngờ, Phạm Đình Trọng từ lâu vẫn có ý thâm thù Nguyễn Hữu Câ`u, biế t tin ấy thì tức tồ`i bèn dâng tờ khai can ngăn chúa Trịnh. Rồ`i Trọng bắ t thầ`n đem kì binh bí mật lên tới đánh úp. Quân tướng của Câ`u đang đê` tai ngóng chuyện chiêu dụ, việc canh phòng do đầ y có phầ`n bê` trễ. Nay bị quân Trọng ô`ạt đánh lên thì thua to, tan hế t. Nguyễn Hữu Câ`u phải dẫn quân bản bộ cướp thuyề`n ra biển trồ`n vào Nghệ An. Đê`n nơi, lại bị bão, thuyề`n vỡ, Câ`u bơi giỏi nên thoát chề`t lên bờ được. Bắ y giờ, Trọng cũng dẫn đại quân hai đạo thủy bộ icip vào vây hãm. Thế` cùng lực kiệt, Câ`u đành bị Trọng bắ t ở chân núi Hoàng Mai (Nghệ An) đóng cũi sắ t giải về` kinh. Việc ấy là vào năm Tân Mùi (1751).

Trên đường đi, Nguyễn Hữu Câ`u vẫn ung dung làm bài thơ *Chim trong lò`ng* để` ngâm ngợi và để` ngụ chí lớn của mình:

...Mặc bay đông ngữ tây đàm

Chờ khi phong tiện dứt giàm vân lung

Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán

Phá vòng vây bạn vớic kim ô...⁽¹²⁾

Văn khí mạnh mẽ khác thường, xưa nay chưa có thơ nào hào hùng đến thế!

Hải Thượng Lãn Ông



Năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng thứ bốn mươi ba (1781). Ở Khương Đình, tây nam Thăng Long, có một ngôi nhà nhỏ khang trang, sạch sẽ. Nhà ấy của một người tên là Sự làm nghề bốc thuốc. Bạn Sự là Tổng Thuần thầy Sự là người hiếu đạo mới đem cho bộ *Tâm lĩnh*⁽¹³⁾. Sự mừng lắm, ngày đêm học tập, tay không rời sách, chẳng bao lâu nổi tiếng thầy thuốc giỏi ở kinh đô. Sự chỉ khao khát có một điều là được bái yết người viết bộ sách quý đó. Ngặt vì đường xa ngàn dặm, nhà còn mẹ già, không sao đi được, Sự bèn lập bàn thờ sớ ng vị tôn sư, sớm chiều hương khói để báo ơn Hải Thượng Lãn Ông.

CẬU CHIÊU BẢY THÀNH ÔNG LƯỜI

Vị danh y lừng lẫy cả một thời Lê Trung Hưng ấy là người thế nào? Ông tên thật là Lê Hữu Trác sinh năm 1720, quê làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, Trấn Hải Dương⁽¹⁴⁾. Nhà Trác mấy đời khoa bảng. Ông, cha, chú, bác, anh em sáu người đều đỗ tiến sĩ, làm

quan, có người đến tước quận công. Năm Trác lên mười, bố là quan Ngự sử Lê Hữu Mưu đưa lên học ở Thăng Long, ngầm mong cậu Chiêu Bấy nối nghiệp nhà.

Hồi ấy, Trác hay được cha dắt vào cấm thành. Lầu son gác tía trùng trùng, nhìn choáng cả mắt. Ngoài cung điện, lính tráng chầu chực, kiệu võng các quan qua lại như mả cửi. Vậy mà những năm sau, mỗi lần vào thăm cung vua, điện đài vẫn đầy nhưng ngoài điện trong triều vắng vẻ, cỏ mọc lên thê m. Trong khi đó, bên phủ chúa: cung gác nhà chúa, dinh Chánh Đường và Lục phiên⁽¹⁵⁾ ngày một san sát quanh co, toà ngang dãy dọc. Thị vệ trấn giữ cửa cung, quân lính canh gác dinh thự ngày đêm thay nhau xét hỏi những ai ra vào. Tiếng người giữ cửa truyền báo rộn ràng. Quan lại ở Thanh - Nghệ ra, ở nội trấn⁽¹⁶⁾ ngoại trấn⁽¹⁷⁾ về đều đến chầu, tấp nập như đi chợ. Tiếng xôn xao loang đãn khắp kinh thành:

- Nhà Chúa chuyên quyền lấn át. Nhà vua có nước mà không được dự, phải khoanh tay rũ áo ngồi trên ngai vàng.

Trong cung điện thì vua, chúa giành giật nhau bá quyền. Ngoài đường phố Thăng Long nhan nhản bọn “sinh đồ ba quan”⁽¹⁸⁾ xu thời chỉ biện bác lém lỉnh mấy câu học lỏm bọn “tri phủ mấy nghìn”⁽¹⁹⁾ cậy tiền mua danh, theo đòi hóng hót, chẳng ích gì cho người đời. Chúa Trịnh Giang mê say tửu sắc, bị bệnh sợ ánh sáng. Kinh thành cấm đèn đêm rất ngặt. Kế đến xảy ra nội biến trong vương phủ: anh em nhà chúa tranh đoạt nhau ngôi báu... Những việc ấy khiến Chiêu Bấy đang hăm hở tìm đường tiến thân bảng khoa cử dần dần sinh lòng ngao ngán. Lòng ngổn ngang bố i rói i, Chiêu Bấy đã kí thác vào thơ:

Sang Tần lòng những ngập ngừng

Tìm đường về Hán xem chừng không xong

Bể hồ` trôi giạt luông không

Cho người tráng chí cõi lòng như điên.

Năm Canh Thân (1740), Lê Hữu Mưu qua đời. Chiêu Bậy đưa linh cữu cha về an táng ở quê nhà. Hết hạn cư tang, Chiêu Bậy càng phân vân. Có người bảo:

- Bình lựa khắp nơi. Con trai thời loạn sao chịu giam mình già đời trong phòng sách?

Chiêu Bậy gật gù suy nghĩ:

- Mình đã mười năm đèn sách cũng chẳng thấy có gì đặc ý. Nay bốn phương náo động, đó chẳng phải là thời kẻ trượng phu mong mỏi hay sao!

Bèn già nhà lên đường tòng quân. Thời ấy, ở trấn Hải Dương có làng Mi Thử là quê bà Võ Thái phi, mẹ của chúa Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Con cháu trong làng ý thế nhà chúa bắt dân đi phu lấy đá về làm nhà từ đường. Tất cả bốn phủ thuộc trấn Hải Dương phải cung cấp người đi khiêng vác; hễ anh đi thì em mới được về. Nạn phu dịch rất nặng nề. Dân không thể kham được mới theo lời chiêu tập của con ông Nguyễn Mại là Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyền mà nổi dậy, ghép tre làm nón dẫu, vót nứa làm giáo, kéo nhau đi đốt phá các trấn ti trị sở, không ai kiềm chế nổi. Sau Tuyền, Cừ, Nguyễn Hữu Cầu - tục gọi là Quận He - lên làm thủ lĩnh. Dân theo càng đông có tới hàng vạn. Kinh đô và các trấn đều rung động. Quan quân có lẽn bắt được người trong đám chôn lại triều đình, tra hỏi:

- Nhà ngươi cũng là người đi học sao lại theo đảng nghịch?

Người ấy đáp:

- Đã lâu nay, trên thì nhà vua, nhà chúa nghi ngờ lẫn nhau ngấm ngấm tính chuyện chẳng hay, anh em nhà chúa tranh giành ngôi báu; dưới thì trăm quan chia bè kết đảng bợ đỡ xu nịnh để tha hồ mà đục khoét, các nhà quý tộc quý thế gia, các quan lại nha môn đua nhau sách nhiễu, bức bách muôn dân để mưu giàu có sung sướng, họ hàng được nhờ. Chính sự đê u đồ nát, danh phận không rõ ràng, còn nói chi đến chuyện thuận nghịch?

Nghe chuyện ấy, Chiêu Bẩy bất giác giật mình. Mấy năm nay, cảnh quan quân mọn có dẹp loạn để thả sức đô t phá cướp bóc... ngày nào Chiêu Bẩy cũng thấy. Cả một trấn Hải Dương bị tàn phá xơ xác. Ruộng đất hậu như thành rừng rậm. Giống gấu chó, lợn lòi ở đâu về đâu cả ngoài đường. Những người sống sót phải bóc vỏ cây, bắt chuột đồ ăn. Người người ngờ ngác, thương hại vô cùng. Chiêu Bẩy bỗng thấy tinh thần mệt mỏi rã rời. Nhiều đêm cứ trằn trọc không sao chợp mắt. Bấy giờ Hải quân công Phạm Đình Trọng cho người lại mời Chiêu Bẩy cùng hợp sức chống Nguyễn Hữu Cầu, hứa hẹn:

- Việc bái tướng phong hậu là ăn thua ở trận này.

Chiêu Bẩy không theo, bụng nghĩ:

- Ta há chịu đem mình bán rao nữa ư? Đáng giận cho ông trời bắt ta khó nhọc, nào được ích gì!

Bèn nhất định cởi giáp treo gươm, xem công danh như vật bỏ, về núi Hương Sơn (Hà Tĩnh) dựng lầu nuôi mẹ, không biết có phải vì thế Chiêu Bẩy đã nhận mình là Lãn Ông: ông Lười.

LƯỜI NHÁC VỚI CÔNG DANH

Từ ấy, Lãn Ông giầu tăm ảnh tiếng, chuyên tâm nghề thuốc chữa bệnh cứu giúp người đời làm vui, cho việc về với thiên

nhiên cây cỏ là thú. Bả́m đố́t ngón tay như thế đã ba mươi năm. Năm Lãn Ông ngoài sáu mươi tuổi bỗng có chỉ truyề`n của phủ chúa triệu về` kinh chữa bệnh cho Đông cung thế tử⁽²⁰⁾. Một anh học trò nơi thôn xóm bỗng nhiên tiế`ng tầm động đê`n tai chúa, bô`n bẻ nghe danh, theo lễ thường tình tá`t phải thấ`y tiề`n đờ` rá`c có triển vọng, mà mừng không xiể`t kể. Lãn Ông không thế. Đượ` tin, người cứ ngắ`n ngơ` canh cánh bên lòng; bụng cứ ân hận mãi:

- Sao mình đã đi ả`n mà chưa ả`n kín để cái danh hảo kia làm luy đê`n nông nổi này!

Bèn tìm cách nói lớt với quan thự` trầ`n⁽²¹⁾ nhờ viể`t hộ` tờ` khai dâng chúa, mượn có già` yế`u xin miễn về` kinh. Con cái thấ`y thê` sợ phải vạ to đê`u hể`t sức van nài. Mãi sau, Lãn Ông đành chịu đi...

Bước chân vào phủ chúa, Lãn Ông mới hay cái cảnh giàu sang của bậc vương giả. Quanh co hơn một dặm, đâu đâu cũng là lầu đài, đình, gác, cửa ngọc rèm châu long lanh chiế`u xuô`ng đáy nước, cao vút tận trời xanh. Hai bên đường toàn là những hoa thom cỏ lạ, những loài thú quý, những con khướu hay, chim đẹp hót vang bay nhảy. Từ dưới đấ`t bằ`ng nhô` lên một ngọn núi cao. Cây cỏ thụ toả bóng che râm mát. Một cái câ`u lan can bằ`ng đá hoa bắ`c ngang qua dòng nước uố`n quanh. Lãn Ông vừa đi vừa ngắ`m:

- Thực không khác gì một cảnh tiên!

Ngày ba bữa, chúa Trịnh Sâm ban cho cơm ngự⁽²²⁾ ả`n. Mâm vàng chén bạc, đờ` ả`n toàn là của ngon vật lạ. Lãn Ông vẫn nhấ`t định không chịu ở trong phủ chúa để chầ`u chực hầ`u hạ thuố`c thang, cứ nằ`ng nặc xin ra ở ngoài. Chánh đườ`ng Huy quận công⁽²³⁾ phục tầi Lãn Ông nên lầ`y lễ tiế`p đấi rá`c hậu, lưu lại nghỉ trong dinh người em và cử người phục dịch chu đầo. Lãn Ông nghĩ bụng:

- Mình đã không chịu lệ thuộc người ta thì mình phải kiên quyết chờ từ mới được. Bây giờ, mình phải tìm một nơi trọ ở ngoài dinh để được tự do và bạn bè đến chơi cho tiện.

Rô-i cô xin ra bả-ng được.

Hôm vào thăm bệnh thế tử về, người nhà Chánh đường ghé miệng vào tai Lãn Ông nói khẽ:

- Con xin mừng cụ! Thánh thượng đã chuẩn ban cho cụ hai mươi suất tùy hành quân⁽²⁴⁾, bổng lộc thì như quan hộ phiên câu kê⁽²⁵⁾. Ngày mai, cụ sẽ nghe truyền mệnh.

Lãn Ông thấy thế thở dài, thàm nghĩ:

- Được đề cử thế này thì người ta không tha mình đâu. Đã chịu mệnh thì sau này muốn từ chối cũng không được nữa. Chi bằng ta cáo ốm không vào. Bèn sai tiểu đồng mang thư nói với Quận hầu⁽²⁶⁾ nhờ thưa lại với Chánh đường: “Lãn tôi đêm qua cảm lạnh, đầu đau mình nóng, không thể vào chầu...”. Được ít hôm, Trịnh Sâm xuống chỉ triệu Lãn Ông phải vào cắt thuốc cho chúa. Lãn Ông vào, Sâm dùng thuốc thấy đỡ, truyền gọi đến khen:

- Ông chèn⁽²⁷⁾ của nhà người đã thanh thái, cử động đã nhẹ nhàng, dễ chịu, bụng đã thấy đói hơi muốn ăn.

Chánh đường tâu:

- Con vốn ốm bệnh nên lo kiếm thuốc, mời khắp các thầy. Khi con phụng mệnh vào Hoan Châu (Hà Tĩnh) thì gặp người này. Ông ta là kẻ quê mùa ăn nói vụng về nhưng về mặt hiểu sâu sắc y lý⁽²⁸⁾ thì tưởng thầy thuốc trong thiên hạ không ai hơn được!

Các quan chầu ở phủ chúa hôm ấy ai nấy đều mừng cho Lãn Ông. Duy Lãn Ông nghe Chánh đường râu vậ thì dựng cả tóc gáy: chuyê n này thì mắ c vào vòng, trời cứu cũng không thoát được!

Lãn Ông lui ra về điể m nghi. Quan Thạch Trung Hầ u từ trong cung cá m ra, vào điể m nói:

- Phụng chỉ⁽²⁹⁾ ra ban thưởng cho cụ đây.

Lãn Ông ngậy người cứ trăn trăn nhìn ngó. Chánh đường bực quá xắ ng giọng:

- Cụ quỳ xuô ng!

Lãn Ông quỳ xuô ng. Thạch Trung Hầ u xướng:

- Kính mừng: vắ ng lời thánh chỉ ban khen lão sư vào chầ u đố i đáp rõ ràng lại hiểu mạch. Nay ban cho một cái thái ngư. Lại sẽ ban áo mát áo á m để tiện khi vào chầ u.

Chánh đường bảo Lãn ông đứng dậy. Lãn Ông đứng dậy. Tưởng Lãn Ông biể t ý đứng lên lạy tạ, ngờ đầ u Lãn Ông chỉ đứng dậy rô i ÿ ra, Chánh đường đành bảo Thạch Trung hầ u:

- Xin bác chiế u lệ cho.

Lãn Ông hỏi nhỏ viên nội quan:

- “Chiế u lệ” là thê nào?

- “Chiế u lệ” là theo lệ. Phầ m được ban tứ thì mình phải lạy.

- “Thái ngư” là cái gì?

- “Ban cho một cái thái ngư” là ban cho mườ i quan tiê n.

Lãn Ông vỗ nhẽ, cứ bắ m bụng cười thầ m. Chánh đường biế t Lãn Ông không lắ y việc được ban lộc làm vinh nên đe khéo:

- Cụ phải về nhà ngay để sắ m sửa áo mũ sáng mai vào chầ u. Ban tứ⁽³⁰⁾ là việc quan trọng không thể coi thường. Nế u ngày mai vào chầ u mà còn như thế này thì tức là coi thường ân huệ của nhà vua. Tội đáng chề t đầ y!

Từ hôm lên kinh, khi ra vào phủ chúa dinh quan, Lãn Ông vẫn cứ mặc bộ quầ n áo vải tuề nh toàng của người thôn dã. Có lầ n thầ y cách ăn mặc lạ lùng, thị vệ đã toan giữ lại. Giờ được chúa Trịnh triệu vào ban thưởng, sợ Lãn Ông cứ thế nữa, Chánh đường là người tiế n cử tắ t bị vạ lây. Bởi thế, Chánh đường mới net trước. Lãn Ông biế t vậy, nghĩ thầ m:

- Ta vô n chẳng thiế t gì danh lợi. Nay búa rìu⁽³¹⁾ ở trước mặt, ta hãy tạm thời nhận rồ i sau sẽ vút đi, không muộn!

CHĂM CHỮ BỆNH CỨU NGƯỜI

Lãn Ông rời dinh em Chánh đường ra ở trọ bên ngoài chưa được nửa tháng mà quan lại công khanh đã nhiề u người biế t tiế ng. Kẻ đề n xin đơn, người nhờ chữa bệnh ngày đêm, xe ngựa kiệu võng đi lại rắ t ô n ào. Lãn Ông cũng phiề n lòng, nghĩ bụng:

- Lúc đầ u, mình cũng chỉ muố n kiể m đủ tiề n tiêu thôi. Không ngờ nay lại nhiề u gắ p má y lầ n. Nhưng công danh mình chẳng thiế t, nữa là cái lợi. Đã vậy thì hơi đầ u mà thù tiế p người ta.

Một lầ n, vì nể người bạn của anh, Lãn Ông đề n chữa bệnh cho viên đại thầ n làm Tham tụng tả binh. Bệnh đã nặng lại lâu ngày nên rắ t nguy kịch. Lãn Ông cố sức cứu chữa, mười phầ n đã giảm đề n ba bắ n. Nhưng viên quan đã nhiề u tuổi lại đa mang tửu sắ c,

khiến tính mệnh viên quan không sao cứu vãn nổi. Lãn Ông đành cáo từ mà than rằng:

- Có thuốc nào cứu chữa được số mạng các vị khanh tướng.

Rồi bảo với đám học trò đi theo mình:

- Những kẻ giàu sang khi vui, khi giận dữ thay đổi rất thất thường. Nếu ta tìm cái vinh ở nơi họ thì phần lớn chỉ mua lấy cái nhục.



Lại dặn đi dặn lại:

- Nghề làm thuốc không phải là nghề cáu danh lợi. Không nên thấy kẻ giàu sang quyền quý mà sốt sắng xu phụng để kiếm tiền tăng công. Chớ thấy người nghèo khó cô đơn mà không chịu hết lòng, sống chết mặc bay. Những người ăn ngon mặc đẹp không lo không có người đến chữa. Chứ những người ở nhà tranh vách nát không đủ sức đón thầy thuốc, nếu ta chăm lo đến họ một chút, họ sẽ có thêm tuổi thọ. Không được ngại đường xa mưa gió, không được sợ đêm hôm khuya khoắt. Hễ mời là đi, đã đến là chữa.

Ngoài việc cho thuê c, còn phải tùy sức mình mà trợ cấp tiền gạo cho họ nữa, vì có thuê c mà không có cơm thì cũng khó sống nổi. Có lo cho họ mọi mặt như thế mới đáng gọi là lương y⁽³²⁾.

Rồi Lãn Ông kể cho đám học trò nghe một chuyện cũ ở Hương Sơn...

Bấy giờ, một người dân chài tên là Thuộc có con gái mười ba tuổi mắc chứng đậu mùa. Người ấy mời Lãn Ông đến chữa. Lúc đầu, Lãn Ông không đề phòng là phát đậu. Thầy đưa bé sốt cao, mê man nói nhảm, Lãn Ông cắt bài thuốc hạ nhiệt. Nhưng nóng vẫn không lui, con sốt kéo dài liên miên. Lãn Ông ngày ngày đi lại thăm nom không hề trễ nải.

Sang ngày thứ sáu, buổi sáng, đã ngờ là chứng đậu. Đến tối, sốt đơ c đến xem, soi đèn quả là như vậy. Lúc đó, đưa bé bỗng thêm chứng chướng to bụng, đau tức. Sẵn thuốc mang theo, Lãn Ông bốc ngay một thang để giải biến chứng. Tối khuya, Lãn Ông mới rời thuyền dò dẫm về nhà. Vừa đặt mình nằm, chợp một lát, gà đã gáy ran. Lãn Ông vùng dậy xăm xăm tới thăm. Hôm ấy, trời nóng lắm. Đi bộ đến đã vất vả, thuyền của người dân chài ấy thì bé nhỏ ọp ẹp, lại phải che kín trong khoang để tránh gió cho con bệnh. Lãn Ông cứ phải luôn tay lau mồ hôi. Đứa bé mụn mọc dày như trứng tằm. Nhai, nuốt đứa bé đều kêu đau, kêu vương trong cổ họng. Mình nóng rất như lửa. Mặt đã hơi sưng. Nhìn đứa bé nằm thiếp đi mê mết, Lãn Ông càng vã mồ hôi, bất giác kêu lên:

- Sức đã suy kiệt lắm rồi! Cơ sự này khó mà qua nổi. Xin mời người khác may ra cứu vớt được chăng?

Lãn Ông ra về lòng nặng như chì. Còn vợ chônng nhà Thuộc thầy thế thì rụng rời chân tay. Nghĩ là thầy lang sợ nhà mình nghèo không trả được tiền thuốc nên không chịu hết lòng, vợ

chồng mới bảo nhau nhặt nhạnh tất cả đồ nghề đem cầm bán. Sắm sửa lễ vật chu tất, vợ chồng đội mâm đèn, trên có cả năm quan tiền dài. Hai người hít sức vật nài:

- Vợ chồng tôi vất vả mới được mụn con. Chẳng may cháu bị bệnh nặng. Chúng tôi là con nhà của ông, lại vì quá lo sợ nên sơ ý quên mất lễ nghĩa. Xin thầy rủ lòng thương nghĩ lại, ra tay cứu vớt. Vợ chồng tôi không dám quên ơn.

Lại vừa khóc vừa năn nỉ:

- Lễ bạc lòng thành, thầy giúp cho. Thầy không chữa, chúng tôi còn biết trông cậy vào đâu!

Đoạn, cứ để mâm lễ vật, đi giật lùi vái lạy mà ra. Trước cảnh tượng đó, Lãn Ông động lòng nghĩ ngợi:

- Ta đã từng thề với lòng mình phải dốc sức làm những việc phải, phải cứu giúp kẻ nghèo hèn hoạn nạn, để khi ngẩng lên trông trời, cúi xuống ngó đất không đến nỗi phải hổ thẹn. Người kia chính là kẻ đang tìm cái sống trong chỗ chết nên thật lòng nhờ cậy. Lẽ nào ta lại vô tình không chịu găng sức. Nghĩ vậy, Lãn Ông bèn sai trẻ gọi vợ chồng nhà Thuộc trở lại mà bảo:

- Không phải tôi khinh bác nghèo mà không giúp đỡ. Chỉ vì sức tôi không chịu nổi khó nhọc đó thôi. Trước kia, bác còn có bát ăn, tôi không chữa thì có thầy khác chữa. Nay, bác sa sút tất họ không chữa cho đâu. Thế thì tôi phải cố chữa vậy. Có điều bệnh cháu mười phần chết chắc tám. Phải không tiếc thuốc men, không nề vất vả, may ra nhờ âm đức của nhà bác, tôi mới cứu được cháu. Số tiền bác cầm đèn hãy mang về mua gạo củi.

Dứt lời, Lãn Ông thả p đuốc theo chân vợ chồng nhà Thuộc đến thuyên xem bệnh. Lúc ấy, đứa bé bụng chướng to hơn, họng

càng thây vướng đau. Lãn Ông suy tính rồi bôc thuốc cho uống. Hai ba hôm sau, đưa bé đi ngoài được, khỏi hẳn chướng bụng, họng cũng bớt đau.

Ngày thứ tư, đậu mọc đều chi chít toàn thân. Người vẫn sốt.

Ngày thứ bảy, các nốt đậu đã bắt đầu rụng. Sốt hạ dần.

Ngày thứ tám, mụn đã hơi vàng. Lúc này mùi đậu rất thối. Lãn Ông khám khỏi mừng thầm cho là khí độc đã ra hết. Bắt ngờ đưa bé bỗng lên cơn sốt rét, người run cầm cập. Rồi trên thỏ dưới tả. Đậu chuyển thể đảo áp trắng xám. Lãn Ông vội đầu suy tính:

- Quyết không phải là chứng đậu “quay quả” như sách đã dạy. Con bệnh nặng đã lâu, nhà lại nghèo, ít được tắm rửa nên sức kiệt mà sinh ra thể. Phải dùng thuốc bổ để tăng lực.

Quả nhiên biến chứng lui dần. Nhưng mấy ngày sau, đậu lại có chứng bệnh mới: không chịu bong vảy ở khu mặt. Lãn Ông tự tay khâu từng nốt đậu. Mụn ra hôi thối nồng nặc. Mỗi khi tới xem bệnh, Lãn Ông phải cởi hết quần áo để trên bờ, mình trần mà vào, lấy bông nút mũi, nín hơi như dân chài lặn dưới nước. Chữa chạy một mạch rồi ra ngay, khám mình mồ hôi nhễ nhại. Về nhà lại phải xông, phải tắm mới ăn uống được. Không những thế, phàm đầu đèn gạo củi nhà Thuộc nợ thiếu thốn, Lãn Ông đều đem tiền riêng thiếu đâu giúp đó. Tính ra từ khi phát bệnh đến khi khỏi hẳn trước sau một tháng bốn ngày; tiền thuốc, tiền trợ cấp bốn năm, mười quan, Lãn Ông cho hết...

Dứt câu chuyện, Lãn Ông bảo đảm học trò:

- Có công ít công ít của mà người ta được sống thế là tuy mất mà được, còn mong gì hơn thế nữa.

Tài nhảy của chàng Lía



Lía còn có tên là Doan, người ấp Gò Sặt, phủ Quy Nhơn, Bình Định. Bình Định vốn nổi danh là đất võ. Bởi thế, ngay thơ còn thơ, những khi người lớn tập đánh quyên đi roi múa gươm cười ngựa, Lía đều lân la đến học lỏm... Có người mê Lía, đem võ nghệ truyền cho. Lía có sức khỏe khác thường, lại có khiếu hơn người, nên học đâu nhớ đấy, mọi ngón roi đường quyên nhất nhất đều tinh thông. Mồ côi cha từ nhỏ, nhà nghèo, Lía phải đi ở cho người giàu có trong ấp. Ngày ngày, Lía đi chăn trâu, ra đến bãi là tụ tập trẻ chăn trâu lại, bày trò đánh trận để ôn luyện. Lũ trẻ đều phục tài, tôn làm tướng.

Một lần, chợt nhìn thấy con cá lóc⁽³³⁾ dưới khe nước thoắt cái đã quẩy mình nhảy vọt lên ruộng cao, Lía thích lắm, bụng bảo dạ:

- Con cá kia nhảy được cao thế, ta há chịu thua nó sao!

Từ hôm ấy, hễ đánh trâu ra đồng là Lía bỏ trâu đấy miệt mài tập nhảy. Lía đào một cái hố, đứng dưới đó nhún mình nhảy lên. Mới đầu, hố sâu chỉ đến đầu gối sau đến ngang lưng rồi sâu đến cổ, đến đầu. Lía còn tập nhảy qua rào dày cây cao. Cứ thế sau một năm, Lía thành tài, tường cao Lía vỗ đùi nhảy vọt qua, chớp

mắ t đã đứng trên mái nhà. Lía gọi miế ng võ á y là miế ng “cá lóc”. Khắ p vùng đê u trầ m trồ khen ngợi.

Một hôm, sau buổi tập luyện với chúng bạn, Lía cao hứng bảo:

- Ta giế t trâu làm lễ khao quân.

Cả bọn xanh mắ t nói:

- Chủ nó biế t thì nó đánh chề t. Vả lại, tiề n đâu mà đê n?

Lía vẫn quả quyề t:

- Nó lắ m trâu, mắ t một con có hê chi đố i với nó. Cứ bảo cộp vô là xong!

Sau, người chủ cũng phát giác ra chuyện á y. Lão chủ xót ruột vác gậy đuổi đánh Lía rồ i đê n tận nhà chửi mắ ng mẹ Lía thậm tệ, và bắ t đê n. Lía điên tiế t đánh lại rồ i bỏ trồ n sang vùng bên, lang thang đi ăn xin. Phải năm đó đói kém mắ t mùa, mẹ già ó m không có gì nuôi nắ ng. Lía thắ y bọn quyề n quý giàu có hoang phí coi thóc gạo như bùn, xem tiề n bạc như rác, Lía uắ t quá mới mò vào ăn trộm về nuôi mẹ. Việc bị lộ, mẹ Lía bị lũ người kia đê n nhà làm rắ y, sỉ nhục. Bà nghĩ giận thân giận đời, bệnh bỗng thêm nặng mà chề t. Lía căm hận, ngay đê m á y một mình một gậy đi đố t phá nhà cửa bọn quyề n quý giàu có rồ i bỏ làng trồ n biệt vào rừng. Ngày ngày, Lía cùng một số bạn nghèo kắ t nghĩa ra rình ở ven lộ, thắ y bọn con buôn hay xe ngựa các quan lại đi qua thì chẹn đường cướp lương thực, hàng hoá. Của cải cướp được, Lía giữ lại một phầ n, còn đem chia tá t cho dân đang đói khổ. Bởi thế, chỉ ít lâu sau người nghèo bỏ vào rừng theo Lía đông lắ m.

Bắ y giờ, ở vùng Truông Mây có người xướng nghĩa tụ tập nông phu cùng nhau đi đánh phá các phủ huyện, thanh thế rắ t to. Lía

bền kéo quân đến tụ nghĩa. Một hôm, thi đấu võ nghệ, Lía trở tài múa gươm đánh quyền, chạy nhảy như bay. Nghĩa quân phục lắm, tôn làm thủ lĩnh Truông Mây. Từ bây giờ, Lía ngày đêm luyện quân, sắm sửa vũ khí, lại sai đắp lũy thêm cao, rào chông thêm dày, sẵn sàng chống lại quân triều đình. Lía lại phát binh xuống núi đánh phá, lấy của nhà giàu về sung vào kho và chia cho dân chúng. Dân các vùng đều hưởng ứng, người theo có đến hàng vạn. Thanh thế nghĩa quân Truông Mây càng lẫy lừng, kinh động đến tận Thuận Hoá (Huế).

Chúa Nguyễn lo lắm, vội sai một đại tướng dẫn quân đến Truông Mây đánh dẹp. Lía nghe quân canh vào báo, điềm nhiên bảo:

- Có gì mà phải cuống lên! Bây lâu nay, ta vẫn tiếc là chưa được nên quân triều đình một trận nào cho ra trò. Giờ chúng dẫn xác đến đây, phải cho nhà chúa biết Lía này là tay anh hùng.

Nói đoạn, nai nịt gọn ghẽ rồi điềm lấy năm ngàn quân tức khắc xách gươm, nhảy lên ngựa đi ngay. Lía đi đường tắt vòng phía sau quân chúa Nguyễn đánh bọc hậu. Quân triều đình tưởng đã bao vây được quân Lía, chẳng dè chính mình lại bị bao vây thì hoảng hốt, tan vỡ hết. Viên tướng triều đình thấy thế uất quá, dẫn quân xông vào quyết tử chiến với Lía. Nghĩa quân hò reo cổ vũ chủ tướng. Lía càng hứng chí trở tài, đường gươm đi loang loáng, ngựa phóng như bay, khiến viên tướng luống cuống, phải đâm bậy một giáo mà chạy. Lía dẫn quân ào ào đuổi gáp, thế mạnh như nước vỡ bờ. Viên đại tướng khiếp hãi phải bỏ cả trăn thành và quân lính, một mình một ngựa trốn về kinh xin chịu tội. Chúa Nguyễn thấy y quần áo rách mướp, mặt cắt không còn hột máu thì vừa sợ vừa giận. Chúa đập bàn quát lớn:

- Quân thua, chém tướng, người còn vác mặt về đây làm gì!



Đoạn, thét võ sĩ lôi đi. Kê' đó, chúa Nguyễn truyề' n lệnh cho viên Đô đô' c thô' ng lĩnh mười vạn quân tinh nhuệ hoá tô' c đi ngay chiề' m lại trấ' n thành. Quân triề' u đình đông gấ' p mười lầ' n quân Lía nên ý thề' đánh bừa, tràn tới bỏ vây chặt. Lía đã má' y lầ' n độ sức với viên đô đô' c, nhưng quân tướng hắ' n đông quá, không sao phá được mà rút về` Truông Mây. Thấ' y thề' trẻ mục đô' ng hát rao:

Xập xè én liệng Truông Mây

Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

Lía càng số' t ruột, suy tính:

- Ta ra khỏi nơi này có gì là khó, hiề' m vì còn quân sĩ. Phải tìm cách sao để họ cùng thoát mới là diệu kê' .

Bỗng Lía gật đầ' u vỗ đùi, ra chiề' u đắ' c ý liề' n gọi tướng sĩ vào dặn dò:

- Chiề' u nay, ta sẽ cưỡi ngựa ra ngoài thành khiêu chiề' n, như cho quân chúng đổ xô lại theo ta. Nhân cơ hội ấy, các tướng kịp dẫn quân theo cửa sau bất ngờ cướp đường mà rút chạy.

Các tướng tỏ ý lo lắ' ng cho Lía, Lía ung dung nói:

- Ta đã có cách.

Quả nhiên, khi thầy Lía một mình một ngựa vọt ra ngoài thành quát mãng đòi đánh, viên đô đốc tướng Lía định bỏ mặc quân để tháo chạy thoát thân thì cả mừng, vội hô lính ào theo đuổi bắt, Lía chạy được một quãng xa, ánh chùng quân mình đã thoát khỏi trấn thành thì dừng lại. Quân triều đình đổ đến vây kín vòng trong vòng ngoài, tưởng như Lía có mọc cánh cũng không bay lọt. Bất ngờ, Lía vỗ tay dùng miệng “cá lóc”, chớp mắt đã nhảy vọt qua đầu quân chúa Nguyễn, truyền đi như bay, thoáng cái đã mất hút. Quân tướng triều đình đều xanh mắt, lác đầu lè lưỡi...

Khởi nghĩa Tây Sơn



Tổ tiên của anh em Nhạc, Huệ vốn người làng Thái Lão, huyện Hưng Nguyên, trấn Nghệ An thuộc làng Ngoài. Đời chúa Nguyễn Phúc Tần, có lần quân Nguyễn vượt Linh Giang (Sông Gianh) lần được bảy huyện và bắt nhiều cư dân đi khai khẩn ở Làng Trong. Tổ của anh em Nhạc, Huệ phiêu dạt vào Tây Sơn⁽³⁴⁾ là vì thế. Trải bốn đời, đến Nguyễn Phi Phúc thì nhà đã

khá giả. Phúc sinh được ba con trai là Nhạc, Lữ và Huệ. Thuở nhỏ, ba anh em đều được cha mẹ cho ăn học nên biết chữ nghĩa.

ÂP TÂY SƠN DỤNG CỜ, KHỞI NGHĨA

Thầy giáo dạy ba anh em Nhạc tên là Hiên. Ông không phải người trong vùng, mà mới di đến ấp Tây Sơn được mười năm, mở trường dạy học. Thầy ba anh em Nhạc tướng mạo phi thường, tính khí khác người, ông đem lòng yêu mến, hết lòng dạy dỗ. Ngoài sử sách văn học, ông lại dạy cả binh pháp võ nghệ. Từ miếu quyên đường đao đến phép dùng binh bày trận nhứt nhứt ông đem truyền hết. Trong ba anh em Nhạc - Lữ - Huệ, Huệ là trội hơn cả. Huệ, tên nhà vẫn gọi là Thom, tóc quăn, da sần, tiếng nói sang sảng như chuông, cặp mắt thư hùng sáng như chớp. Thông minh, nhanh nhẹn, điều gì thầy dạy chỉ một lần Huệ hiểu ngay. Tuy còn là anh học trò, Huệ đã sớm chú ý đến việc thế sự, lại hay quan tâm nhận xét con người. Thầy Hiên lắm khi phải thàm khen Huệ sớm có con mắt tinh đời, chí khí trù thiên hạ.

Một hôm, nhân chỉ có hai thầy trò, Huệ chợt hỏi thầy Hiên:

- Con thầy thầy lâu nay vẫn có điều gì không yên?

Thầy hỏi lại:

- Sao biết?

Huệ đáp:

- Ngoài những khi dạy học, truyền võ, những lúc nghỉ ngơi an nhàn cầm chén trà, thầy thường tư lự thờ dài. Lại có những đêm khuya, thức giấc vẫn thầy thầy trằn trọc không ngủ, nửa đêm bỗng trở dậy chong đèn suy nghĩ.

Ông giật mình, kéo Huệ lại gần bảo nhỏ:

- Ta có người bạn tên Trương Văn Hạnh, là bậc đại thần trong triều. Vừa rồi, gian thần Trương Phúc Loan lén lút tự ý phế lập⁽³⁵⁾, chém giết người trung, dùng kẻ xu nịnh, quyên thuế trùm khắp cả chúa. Lại tự xưng là “quốc phó”, quyết đoán hết mọi việc, mặc sức vợ vét, lính tráng mỗi năm phải nộp năm gánh dây mây nặng mới đủ cho Loan xâu tiền. Vàng bạc, châu báu... nhiều vô kể, mỗi khi đem phơi sáng rực đầy sân. Bạn ta giận lắm mới cùng các trung thần dâng biểu vạch tội. Loan biết chuyện, bắt bạn ta tống ngục. Ta sợ chày thành vạ lây, mới phải dời Thuận Hoá về đây nấu mình. Tuy giá u tấm ẩn tiếm nhưng lòng vẫn hướng về đám đầu xanh⁽³⁶⁾ mà giận lũ đại thần lộng hành rông rỡ, quan lại nha môn thì đua nhau làm giàu xa xỉ, coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, khiến cho kẻ nông phu nơi thôn cùng xóm vắng phải chịu hàng trăm thứ thuế. Trưng thu thì phiến hà gian lận, dân khôn đói vô cùng vì nạn một cổ hai tròng. Hiềm vì ta nay cũng đã về già, gò i mỗi chân chôn, thấy dân mình chìm đắm trong đám lửa hung bạo mà không biết trông vào ai để cứu vớt cho đời. Bởi thế, lòng buồn không yên.

Nói đoạn, ông ứa lệ cầm tay Huệ bảo:

- Trò Thom, ta xem con chí khí hơn người, tuy còn trẻ song có thể hiểu bụng ta. Con nên gắng sức!

Huệ cũng không cầm được nước mắt, lặng yên không nói, chắp tay lễ thầy lui ra.

Ít hôm sau, có người đôc trưng tên là Đặng về ấp Tây Sơn đôc thuế. Phải năm mất mùa đói kém, dân ấp khôn đói van lay. Đặng vẫn làm ngơ, tróc nã ráo riết, đánh đập tàn nhẫn. Có người già bị đòn đau quá, ngã gục xuống chết giắc. Huệ thấy thế nổi giận quát tướng:

- Đâm chết nó đi!

Dứt lời, cầm dao xông vào chém. Nhạc, Lữ cũng sấn tới. Đẳng chết hồn, co cẳng chạy như bay nên chỉ bị một nhát trúng vai, thoát chết. Dân chúng vỗ tay reo hò, náo động cả ấp.

Thầy Hiến biết chuyện, khen anh em Nhạc, Huệ.

- Thầy sự bất bình mà không bỏ qua thế mới gọi là kẻ anh hùng. Bấy lâu, ta vẫn ngẫm nghĩ về câu sấm “*Tây khởi nghĩa, Bắc thu công*”. Ta ngờ “*Tây*” chính là đất Tây Sơn ta. Nếu làm nên việc lớn thì chẳng những cứu được dân lành ở Nam Hà (Đàng Trong), mà đất Bắc Hà (Đàng Ngoài) kia khó gì không lấy được!

Được lời thầy bảo, anh em Nhạc Huệ càng vững tâm. Từ bữa ấy, cả ấp Tây Sơn rậm rịch, ngấm ngấm sửa soạn việc khởi binh.

Mùa xuân năm Tân Mão (1771), Nhạc, Huệ trưng một lá cờ đỏ dài hai mươi năm thước⁽³⁷⁾ ngay trên sân nhà, rồi chiêu tập những người nghèo trong ấp lại bảo:

- Bây giờ trong triều thì quyên thân Trương Phúc Loan lấn át cả chúa, tham tàn, bạo ngược hết mức; ở ngoài thì quan lớn quan nhỏ ra sức vơ vét, giàu sang, hoang phí vô cùng, bắt dân nghèo ta phải chịu thuế nặng sưu cao, hình phạt hà khắc. Lẽ nào ta chịu hãm mình mãi trong vòng tai vạ của chúng, phải cùng nhau đứng dậy, lấy của cải của bọn nhà giàu ấy mà chia cho dân nghèo ta chứ!



Mọi người đều reo hò khen phải, cùng vác gươm giáo gậy gộc đi ngay. Khi ấy, lũ xã trưởng hào mục ở Tây Sơn đang mê mải chè chén vui xuân, không hay biết gì cả. Nào ngờ cuộc vui chưa tàn, anh em Nhạc Huệ đã dẫn nghĩa quân ập đến, không tên nào chạy thoát.

Chiếm được ấp Tây Sơn, nghĩa quân tôn Nguyễn Nhạc làm minh chủ, gọi Nhạc là Chúa Tây Sơn. Anh em Nhạc, Huệ mới bàn kế đưa nghĩa quân ra đi lấy đất khác. Huệ bảo:

- Ở triều đình, nhiều người oán ghét bọn lũ n lớt chuyên quyền, muốn tôn phù hoàng tôn Phúc Dương. Ta mới khởi binh, sức còn non, thế còn yếu, nên giả cách theo đám ấy, ra lời hiệu triệu “đánh đổ Trương Phúc Loan, tôn phù hoàng tôn Dương” để nói bớt sức kiêu căng, lôi kéo thêm vây cánh. Dân chúng được ta lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo tất sẽ theo ta mỗi lúc một đông,

mỗi ngày một mạnh. Một hai năm nữa, ta có được vài vạn quân trong tay thì có sợ gì cái triề u đình nhà chúa thố i tha kia!

Nhạc, Lữ đê u khen phải bèn ra hịch Tây Sơn, có câu:

“Giận quố c phó ra lòng bội bạc nên Tây Sơn xưong nghĩa Câ n Vương. Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kéo đảng nghịch đặt mưu ngắ p ghé. Sau là tưới mưa dầ m khi hạn, kéo cùng dân ra khỏi chồ n lầ m than”.

Anh em Nhạc, Huệ sau đó chia nghĩa quân Tây Sơn thành những toán nhỏ du binh toả ra khắ p phủ Quy Nhơn truyề n hịch kẻ tội Trương Phúc Loan, đánh phá các trị sở quan lại và trang trại nhà giàu lắ y của phát cho dân nghèo. Bởi thế , người theo đông lắ m: người Thượng ở núi cao, người Kinh ở dưới xuôi, cả đám thổ hào đại phú Hoa thương đê u trương cờ đỏ, lũ lượt về với Tây Sơn. Chẳng bao lâu, Nhạc, Huệ đã có trong tay đạo quân đông tới vạn người, thanh thế lắ y lòng như sắ m dậy.

PHỦ QUY NHƠN MỘT ĐÊM ĐOẠT THÀNH

Tuầ n phủ Quy Nhơn Nguyễn Đắ c Tuyên nghe tin câ p báo thì rụng rời chân tay, vội cắ t binh đi kiề m chề , song không nổi. Tuyên lo lắ m, sợ chuyện Tây Sơn kinh động đé n triề u đình tá t Trương Phúc Loan không để yên, bèn yế t bảng khắ p nơi treo thưởng rá t hậu cho kẻ nào lắ y được đầ u hoặc bắ t số ng được Chúa Tây Sơn là Nguyễn Nhạc. Tuy vậy, Tuyên cũng sợ Nhạc, Huệ đánh trị sở Quy Nhơn nên ráo riề t đố c thúc quân lính cắ m chông cho dày, đắ p lũy cao thêm, lại xét hỏi rá t ngặt người ra vào thành, ngày đêm canh phòng cẩn mật. Bắ y giờ, quân khởi nghĩa đã chiế m được phầ n lớn phủ Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc mới họp tướng sĩ lại bàn cách đánh trị sở của Tuyên. Trầ n thành Quy Nhơn hào sâu lũy dày, kho đạn lương thực đầ y đủ. Lại thêm tuầ n phủ Đắ c Tuyên sợ bị đánh úp nên ra

sức tuân tra ngặt lắm. Mọi người đều thấy khó, bàn mãi vẫn chưa tìm ra kế vào thành. Bỗng một người đứng lên nói, tiếng vang như chuông đồng:

- Tôi có cách lấy thành mà không tốn một hòn tên mũi đạn. Chỉ sợ huynh trưởng không theo.

Mọi người đều nhìn xem đó là ai, thì ra Nguyễn Huệ. Nhạc mừng lắm, gật đầu bảo:

- Chú Thơm cứ nói xem.

Huệ nói:

- Đắc Tuyên muốn bắt huynh trưởng thì huynh trưởng cứ cho nó bắt. Ta sẽ tương kế tựu kế (38) mà lấy thành.

Mọi người còn phân vân chưa hiểu ra sao thì Huệ đã vẫy lại gã n bảo cứ thế, cứ thế. Ai nãy thích chí, vỗ tay nói:

- Hay lắm, hay lắm!

Mấy hôm sau, tuân phủ Đắc Tuyên đang nghị bàn với bọn tay chân ở phủ đường bỗng lính canh vào báo:

- Có người bắt được Nguyễn Nhạc xin vào lãnh thưởng.

Tuyên cả mừng mới cùng tả hữu kéo nhau lên mặt thành nhìn xuống thấy một toán hương binh áp tải cái cối lớn trong nhốt một người cổ đeo gông, chân tay bị cùm chặt. Vô tính đa nghi, Tuyên dòng dây cho người thân tín xuống nhận mặt. Biết đích là Chúa Tây Sơn, Tuyên mới hết ngờ, vội sai mở cổng thành hạ cầu cho vào và ra lệnh tổng giam chờ ngày xét xử. Tối hôm ấy, Tuyên đích thân cắt đặt canh gác. Xong Tuyên mở tiệc ăn mừng, chén chén mãi đến khuya.

Quá nửa đêm, trấ n phủ bỗng thấ y â m â m hỗn loạn, lửa cháy rục trời. Nguyễn Đắ c Tuyên choàng dậy, hô t hoảng chưa hiểu chuyện gì, thành linh, anh em Nhạc, Huệ như trên trời rơi xuô ng dẫn quân cảm tử sắ n đế n bắ t sớ ng. Quan quân trong thành thấ y thế đê u khiế p đắ m, tranh nhau ra hàng. Thì ra nghĩa quân có người làm nội ứng cùng với toán mặc giả làm hương binh, nửa đêm giế t hế t lính canh, phá cũi cho Nhạc, mở toang cổng thành. Quân Tây Sơn phục sẵn bên ngoài, theo Huệ ùa vào như đê vỡ. Thế là, theo kế của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn một đêm đoạt được thành Quy Nhơn. Năm â y, Huệ mười chín tuổi.

Hạ được thành Quy Nhơn, tiế ng tám Tây Sơn càng lừng lẫy. Thế mạnh như chẻ tre, quân Tây Sơn thừa thắ ng đánh gắ p. Phủ Quảng Ngãi mắ t, trấ n dinh Quảng Nam mắ t theo. Quan quân chúa Nguyễn đê u tan vỡ, chạy dài. Chỉ mắ y tháng sau, cả một vùng từ Quảng Nam đế n Bình Thuận lọt hế t về tay anh em Tây Sơn.

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút



Vua Xiêm là Chắ t Tri từ lâu đã có ý nhòm ngó đắ t Gia Định (Nam Bộ). Tháng Tư năm Nhâm Dầ n (1782), nhân khi chúa Nguyễn đang khố n đố n với Tây Sơn, Chắ t Tri sai tướng là Thát Xi Đa đem binh đánh lén, chiế m được Hà Tiên (Kiên Giang).

Năm sau (1783), Nguyễn Ánh lại bị Nguyễn Huệ đánh tan, phải chạy trốn ra biển. Tướng của Ánh là Quận Tiệp thoát chết ở trận Khúc Láng, theo đường núi mà chạy tạt qua Ai Lao, mò sang Xiêm La cầu cứu. Biết tin, Chhat Tri mừng lắm, hội hai vua kia⁽³⁹⁾ lại bàn.

Chhat Tri nói:

- Năm trước, ta đã lấy Hà Tiên, cũng định vào Gia Định nhưng chưa có dịp. Nay Tây Sơn lấn lướt, tướng của chúa Gia Định là Chu Văn Tiệp chạy sang khẩn cấp xin cứu. Chúa Nguyễn ở Gia Định đã suy yếu, sau này có cho cũng không chắc đã giữ được nước. Họ đã sang đây cầu viện, ta mượn tiếng dấy binh khôi phục họ, nhân thế cho quân đóng lại. Quân ta có đại nghĩa, ai dám không theo? Thế là vừa giữ cho chúa Nguyễn được còn, vừa lấy được cõi Gia Định, lợi cả hai đường, dịp may không nên bỏ lỡ!

Hai vua gật đầu khen phải.

Chhat Tri gọi Quận Tiệp vào vỗ về bảo viết thư cho chúa Nguyễn. Lại viết một bức thư riêng rồi sai sứ giả là Thát Xi Đa cùng cả đi. Tháng Ba năm Giáp Thìn (1784), Ánh đang phiêu dạt ở Hòn Sơn, được thư thì mừng lắm. Bèn dấy dục mấy bề tôi và vài chục lính sống sót từ Hòn Sơn đi thuyền sang Xiêm La. Đến Vọng Các (Băng Cốc), Ánh xin vào ra mắt, kể hết trước sau về việc long đong trong cơn gió bụi, vật nài vua Xiêm giúp quân để thu phục lại Gia Định. Vua Xiêm đón tiếp vô ơn vả, tìm lời an ủi. Chánh Vương Chhat Tri nói:

- Đó là trời chưa muốn cho dẹp xong nạn nước, thời cơ còn phải đợi, cho nên Tôn giá phải nhọc nhằn long đong. Nước tôi với quý quốc là chỗ láng giềng, trọng tình giao hiếu tôi há dám không hết sức! Chuyên này sẽ dấy quân giúp nhau.

Nhị vương Xô Xi cũng nói:

Năm xưa, khi giảng hoà với Thoại Ngọc Hân⁽⁴⁰⁾ ở Cao Miên đã nặng lời thề ước rằng hễ có hoạn nạn thì sẽ cứu nhau. Nay xin tình nguyện vì nhà chúa mà ra quân.

Ánh mừng rỡ nói:

- Nước tôi không thể tự mưu lấy công việc, mới phải đi gõ cửa ả cầu cứu, phiến đến đại binh. Tôi trộm nghĩ: việc binh quý ở mau chóng. Nay Nguyễn Huệ là tay lão luyện về trận mạc, đội quân rất mạnh của Huệ đã rút về Quy Nhơn. Đất Gia Định bỏ lại cho đảng là bọn Đa, Trăn coi giữ. Đa, Trăn là bọn nhút nhát không phải là tay đối địch với đại quân của nhà vua. Nhân lúc bất ngờ, dùng binh thật lớn, chỉ vét một mẻ lưới là xong. Huệ ở xa trở tay không kịp, tất phải chịu phép. Vậy xin các vua sớm định liệu, dịp may không nên bỏ lỡ!

Vua Xiêm đẹp lòng bèn ngoảnh lại gọi hai cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương ra lệnh sửa sang gáp. Chợt có tin cấp báo Miến Điện động binh ở biên giới, vua Xiêm phải ra trận. Chốt Tri phong Chiêu Tăng làm chủ soái, Chiêu Sương làm tướng tiên phong thống suất năm vạn hùng binh đưa Nguyễn Ánh về nước. Ánh cũng tập hợp đám tàn quân, dùng Quận Tiệp làm Bình Tây đại đô đốc cầm đầu quân Nguyễn. Lại cho con trai Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh làm tham tướng cùng theo về, để chiêu tập đảng giúp Ánh mưu đồ việc khôi phục.

Sửa soạn xong xuôi, Chiêu Tăng, Chiêu Sương chọn ngày mùng Chín tháng Sáu năm ấy làm lễ xuất binh. Đoạn, chia hai đạo rầm rộ trẩy quân. Ba vạn quân bộ, quân kỵ vượt qua Cao Miên vào kinh đô Nam Vang (Nông Pênh), bắt người Miên dẫn đường, đi dọc sông Hậu Giang, mà xuôi ng. Hai vạn quân thủy với ba trăm chiến thuyền, theo đường biển vào Kiến Giang (Rạch Giá)⁽⁴¹⁾. Hai quân thủy bộ hẹn hợp binh ở Trăn Giang (Cần Thơ).

Tháng Bảy mùa thu (1784), thủy quân Xiêm vào Kiển Giang. Ý thế đông, quân Xiêm ủa lên bộ đánh tràn. Quân Tây Sơn phải lui về Trá n Giang. Đô đốc Nguyễn Hoá đốc suất quân thủy bộ chia nhau đi giữ các nơi hiểm yếu để cự địch. Chẳng bao lâu, năm vạn quân Xiêm có quân của Ánh đi mở đường, đều họp nhau về Trá n Giang. Quân Tây Sơn chống giữ không nổi, lui vào thành cố thủ. Đại binh giặc kéo đến dưới thành, chia quân bủa vây bốn mặt, chia súng bắn lên. Đô đốc Hoá và quân Tây Sơn đều trở hết tài thao lược chiến đấu suốt ba ngày ba đêm. Sau thuốc đạn hết, đành phải bỏ Trá n Giang về giữ doanh Long Hồ (Vĩnh Long). Chiêu Tăng, Chiêu Sương thả quân vào thành giết bừa dân lành, vợ vét của cải. Thừa thế, bọn Tăng, Sương sau đó chia quân đi đánh chiếm Ba Xá c (Sóc Trăng), Sa Đéc (Vĩnh Long), Trà Ôn (Trà Vinh), Ba Lai (Bến Tre) rồi hội cả lại ở Trà Tân (Mỹ Tho)⁽⁴²⁾. Thế giặc mạnh lắm. Mấy ngàn quân Tây Sơn ở Gia Định⁽⁴³⁾ do phò mã Trương Văn Đa chỉ huy cuối cùng phải lui về giữ thành Mỹ Tho và Gia Định để bảo toàn quân lực, chờ đại binh.

Quân Xiêm thắng luôn mấy trận thì ngày càng kiêu rộng, đi đâu cũng cướp của giết người thả sức. Dân Gia Định oán giận đến xương tuỷ. Ánh rất lấy làm lo, ngựa mặt mà than:

- Muốn được nước phải được lòng dân. Trăm họ đều hờn oán, nước lấy sao được!

Tin cấp báo từ Gia Định về Quy Nhơn, Nguyễn Huệ giận lắm, họp tướng tá lại bảo:

- Ánh là kẻ đã chết. Bọn Xiêm tưởng có thể cứu sống được hắ n, mưu toan cướp đất Gia Định của ta. Lũ Tây dương⁽⁴⁴⁾ kia có đại bác tàu đồng ta còn đánh cho tan xác. Không biết bọn Xiêm sắm sửa được bao nhiêu binh mã, liệu có đủ sức đánh với ta một trận!

Tức thì, Nguyễn Huệ sai hội quân vượt biển kéo vào Gia Định. Lúc này, quân Xiêm đã chiếm miền Tây Giang (Tây Nam Bộ), đang từ Trà Tân sửa soạn đánh Tây Sơn ở thành Mỹ Tho, Gia Định. Cuối năm Giáp Thìn (đầu năm 1785), Nguyễn Huệ đến cảng Mỹ Tho. Ánh nghe tin, vội đến quân doanh của bọn Tăng, Sương nói:

- Huệ ở xa mới đến, quân tướng mỏi mệt, chân đứng chưa vững. Ta nên theo kế “*dĩ dật đãi lao*”⁽⁴⁵⁾ đem quân đánh úp, một trận chắc xong.

Chiêu Tăng đáp:

- Việc gì phải lật đật thế? Mỹ Tho, Gia Định như vật trong túi, thò tay vào lấy lúc nào chẳng được!

Vừa lúc, Nguyễn Huệ cho thủy quân từ thành Mỹ Tho đến khiêu chiến. Hai bên đánh nhau không lâu, quân Tây Sơn tỏ ra núng thế, phải lui. Tiếp đó, ngày ngày quân Tây Sơn theo nước thủy triều lên lại đem binh thuyền đến trước thành thách đánh, vẫn thấy thua.

Bọn Tăng, Sương từ khi vượt biển luôn rùng vào Gia Định đánh mấy trận đều có lợi; nay gặp tướng giỏi nhất của Tây Sơn là Nguyễn Huệ mà vẫn như vào chỗ không người thì dương dương tự đắc. Kế đó, lại nhận được lễ vật và thư xin giảng hòa của Nguyễn Huệ thì tin ngay nên càng kiêu căng coi thường. Nguyễn Ánh thấy vậy lo sợ, đến nói:

- Huệ là tay lão luyện trong nghệ trận mạc, hành binh quỷ quyết, mưu kế như thần. Quân của Huệ là đội quân mạnh như hùm sói, không dễ gì chịu thua ta. Tướng quân nên cẩn trọng.

Chiêu Tăng, Chiêu Sương đều cười:

- Nước ngài bị tai hoạ đã lâu nên mất cả thân khí, trông lừa hoá hổ, động tí là kinh sợ. Đợi ta tung lưới vét một mẻ là xong!

Đoạn, ra lệnh sửa soạn mọi mặt, chọn ngày mười tháng Chạp năm Ất y (20-1-1785), sẽ phát đại quân bắt ngờ đánh úp Nguyễn Huệ. Đến ngày chín rạng ngày mười, cả năm vạn quân Xiêm với mấy trăm chiến thuyền bí mật rời các căn cứ kiên cố ở Trà Tân lặng lẽ xuôi, hướng thành Mỹ Tho mà tiến. Gần đến Rạch Gầm thì gặp quân Tây Sơn. Bọn Tăng, Sương thúc quân tràn lên, đánh tới. Nguyễn Huệ đem binh cự lại. Hai bên đánh nhau to. Sau, bên Tây Sơn tỏ ra yếu thế, lui quân, vừa đánh vừa chạy. Thuyền bè lương thực, khí giới bỏ vương vãi. Quân Xiêm đuổi theo, tranh nhau cướp của, bỏ cả đội ngũ. Càng về sáng, thủy triều càng xuống nhanh. Chiến thuyền Xiêm - Nguyễn xuôi dòng đi bằng phẳng. Quân Tây Sơn có vẻ càng vội vã chạy gáp, dường như không còn bụng dạ nào chông chờ. Khỏi đoạn sông Rạch Gầm, quãng từ đó đến sông Xoài Mút, sông Ba Lai lăm cù lao giữa dòng, quanh co, địa thế hiểm trở. Toán quân Tây Sơn trước mặt bỗng mất hút. Chiêu Tăng, Chiêu Sương chợt tỉnh ngộ rụng rời chân tay, ngựa mất mà than:

- Ta trúng kế của Huệ mất rồi. Trời hại ta!

Chưa dứt lời, một tiếng pháo lệnh nổ vang trời. Pháo binh Tây Sơn mai phục ở cù lao Thới Sơn, Bản Thôn... và trên bờ sông Ba Lai thành linh bắn ra như mưa. Quân của Nguyễn Huệ ở đằng trước quay thuyền đánh quật lại. Quân thủy bộ tinh nhuệ do Nguyễn Huệ giầu sẵn ở đây tức thì bắn bê đổ ra vây đánh. Khí thế mạnh tựa núi Trường Sơn gieo xuống đầu giặc. Chiến thuyền Xiêm mờ mịt trong vòng khói lửa dữ dội, bị bắn vỡ, bắn cháy, cả mấy trăm chiến thuyền không thoát một chiến thuyền nào. Quân Xiêm - Nguyễn năm phần chết bốn; cả khúc sông, xác giặc ngổn ngang, chông gổ lên nhau mà chết, làm cho nước sông nghẽn không chảy được. Những đứa còn

sông không còn hồ`n vĩa: tướng bỏ quân, quân bỏ tướng, mạnh ai nãy chạy. Nguyễn Ánh từ đầ`u biế` t thê` nguy, cùng mấ`y tên bộ hạ nhảy vọt sang một chiế`c thuyề`n nhẹ, quay chèo mà trở`n về` sông Trà Luộc, Trấ`n Giang rồ`i về` Hà Tiên, theo đường biển thoát về` Xiêm La. Chiêu Tăng, Chiêu Sương cũng bỏ soái thuyề`n lợi lên bờ, nhờ một người Cao Miên dẫn đường chạy tạt vào rừng, đói khát phải nhịn, không dám dừng chân, chạy miế`t một mạch về` Vọng Các. Điem lại quân: ra đi năm vạn, chỉ một vạn về` được nhưng chẳng tên nào còn ra hồ`n người, mặt mũi vẫn xanh xám, tim đập chân run.

Từ á`y, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp.



Bày trận diệt giặc Thanh



RÚT LUI CHIẾ'N LƯỢC

Tháng Mười, năm Mậu Thân (11-1788), Tôn Sĩ Nghị thống suất hai chục vạn bộ binh, với lừa ngựa phu phen trước sau hai chục vạn nữa, chia làm bốn đạo kéo sang ta. Lúc sắp sửa kéo quân lên đường, Nghị dâng biểu mật tâu vua Thanh, đại khái nói: nhà Lê đã suy yếu, thiên triều nên mượn tiếng giúp đỡ nhân thể đóng quan quân lại đó, nhập An Nam vào bản đồ. Đó là khởi đầu bằng nghĩa, kế tục bằng lợi. Nghị lại đưa sang ta tờ hịch khoa trương đeo ấn Đại tướng quân cầm năm mươi vạn quân thẳng tới La Thành (Thăng Long) để vây bắt Tây Sơn. Thật ra, biết Nguyễn Huệ là bậc anh hùng lão luyện, giỏi việc cầm quân, ra Bắc vào Nam biến hoá như thần không ai lường biết được, quân Lê - Trịnh sợ Huệ hơn sợ sấm sét, trong bụng Nghị cũng e dè, mới họp tướng sĩ nói cho biết trước:

- Người Nam đánh trận hay dùng voi. Lớ i đó người phương Bắc ta không quen, nên dễ gặp phải ấ t đề u chạy trước để tránh. Quân Nam lại sợ trường về các “ô ng phun” lấ y đó làm thứ lợi hại. Lợi khí đó gọi là “hoả hổ”. Khi hai bên giáp nhau, họ dùng vật ấ y đó t cháy quầ n áo người ta khiế n người ta phải lui...

Rồ i Nghị trấ n an:

- Ta đã đem theo nhiều đại pháo tôi tân của Pháp, nhiều súng quá sơn. So với súng ống ấy của ta, họ còn kém xa lắm. Hễ thấy voi ra trận, ở xa thì bắn súng, ở gần thì đánh bằng dao và cung, khiến voi bị đau phải chạy. Ta cũng đã cho chế sẵn vài trăm “lá chắn” bằng da trâu sơn. Nếu gặp hỏa hổ của người Nam phun lửa, quân ta một tay lấy chắn đỡ lửa, một tay cầm gươm chém bừa, chắc họ phải lướt ngã!

Kể đó, Nghị cho truy quân.

Bấy giờ, quân Tây Sơn ở ngoài Bắc chỉ có dăm vạn. Giặc thì cậy quân đông súng tốt nên đánh tràn đi. Những kẻ bề tôi cũ của nhà Lê trước phải náu mình nín tiếng, nay nghe tin quân Thanh sang, đều u nguyền cổ mong tìm. Lại đi làm nội ứng cho giặc mà hòa vào nói phao cho thanh thế chúng to thêm để làm kinh động lòng người. Cho nên, Lại bộ Thị lang của Nguyễn Huệ là Ngô Thì Nhậm mới chủ trương tạm lui binh:

- Hãy truyền cho thủy quân chở các thuyền lương thuận gió giương buồm ra thẳng cửa biển, đến núi Biện Sơn mà đóng. Cho quân bộ chinh đồn khí giới, trống giông cờ mở, lui về giữ núi Tam Điệp⁽⁴⁶⁾. Hai mặt thủy bộ thông nhau, giữ lấy chỗ hiểm cho vững thế thủ rồi cho người chạy giặc bắt Chúa công. Thử coi quân Thanh đến thành (Thăng Long) khu xử việc vua Lê như thế nào, đợi Chúa công ra rồi sẽ đánh. Thế là ta bảo toàn quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên; cho chúng ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi chúng đi!

Đại tư mã Ngô Văn Sở nghe theo, cho rút quân về núi Tam Điệp ngày hai mươi tháng một năm ấy. Ngày hai mươi bốn, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đưa thư vào đến Phú Xuân⁽⁴⁷⁾ cáo cấp.

HOÀNG ĐẾ QUANG TRUNG

Bá c Bình Vương Nguyễn Huệ tiế p tin khẩn của Ngô Văn Sở thì giận lắ m cho gọi Nguyễn Văn Túyế t vào hỏi chuyện. Nghe nói lại về` thanh thế` của quân Thanh, Vương cười lớn:

- Lũ Ngô là cái thá gì! Chúng đé n đây chỉ để tự đi vào chỗ ché t. Việc gì mà phải cuô ng quýt làm vậy. Ta hãy làm lễ tá n tôn trọng thê đã.

Bèn sai đắ p đàn Nam Giao trên núi Ngự Bình. Ngày hôm sau, Vương tập hợp tướng sĩ thủy bộ các đạo, khí giới chỉnh tề, cờ giông trớ ng mở đé n lễ đàn làm lễ tế cáo trời đắ t. Vương lại sai ché áo cón mũ miện, xuô ng chiế u lên ngôi hoàng đé , lắ y niên hiệu là Quang Trung, Chiế u lên ngôi dụ rắ ng:

“Trẫm là người áo vải ở Tây Sơn, không có một thước đắ t, vô n không có chí làm vua. Chỉ vì lòng người chán ngán đời loạn, mong mới đượ vua hiề n để cứu đời yên dân; vì vậy, trẫm nghĩ phải tập hợp nghĩa binh, mặc áo toi, đi xe cỏ để mở mang núi rừng, giúp đỡ hoàng đái huynh rong ruổi việc nhung mã... cô t ý quét sạch loạn lạc, cứu vớt dân trong vòng nước lửa. Trẫm hai lâ n gây dựng họ Lê, thê mà tự quân họ Lê không biế t giữ xã tắ c, bỏ nước đi bôn vong. Sĩ dân Bá c Hà không hướng về` họ Lê mà chỉ trông mong vào trẫm...”



Làm lễ đăng quang xong, vua Quang Trung rời lễ đài bước luôn lên mình voi, tức khắc dẫn tướng sĩ vượt qua sông không ngoái lại nữa, nhằm hướng Bắc Hà tiến thẳng. Ngày hai mươi chín đến Nghệ An. Nhà vua cho hạ trại dừng chân mười ngày. Kế đó, sai đại tướng Hám Hồ hậu kíp tuyển binh. Trai tráng Nghệ An nô nức xin nhập ngũ, chỉ chỗ lát được hơn một vạn. Trước sau, quân đông tới trăm ngàn. Ngài rất đẹp lòng, đem số thân quân Thuận Hoá, Quảng Nam chia làm bốn doanh; tiền, hậu, tả, hữu; để số mới mộ ở Nghệ An làm đạo trung quân do ngài thân thống lĩnh. Rồi mở cuộc duyệt binh; mười vạn tinh binh quân nào doanh ấy, lại thêm

đội tượng binh hai trăm voi chiêng, quân đông chật đất, khí thế ngất trời. Ngài hỏi các quân:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta hiện đóng ở Thăng Long. Các người đã biết chưa?

Cả trăm ngàn người “dạ” ran âm âm như sấm. Ai nãy về giận bưng bưng, mắ m môi day lợi. Ngài nói:

- Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc nước nào cai trị nước ấy. Từ đời Hán đến nay, kẻ kia đã máy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải. Người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trung Nữ Vương, đời Tô ng có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nở ngờ i nhìn chúng làm điều tàn bạo nên đã thuận lòng người mà dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Minh đến đây, dân ta không đến nỗi khổ như hời nội thuộc ngày trước. Mọi việc lợi hại, được mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước.

Nay người Thanh lại sang đây mưu lấy nước ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương máy đời Tô ng, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Chỉ một trận, ta sẽ giết vài vạn tên, chuyện ấy không có gì là lạ.

Bớ chư quân! Hãy dốc lòng hết sức với ta để dựng công lớn!

Quân sĩ lại “dạ” ran như sấm, rung động cả hang núi. Rồi chiêng trống đồng thời vang rền. Hôm sau, Ngài hạ lệnh xuất quân. Tướng sĩ gặp đường ra Thanh Hoá.

Ngài trước sai Trầ `n Danh Bích chạy trạm đưa bức thư cho Tôn Sĩ Nghị giả vờ nói ra những lời nói, khiêm nhường, giải bày việc đem quân ra là để nhận lệnh của Nghị, chứ không có ý chố `ng lại, ngậ `m làm cho Nghị bớt nghi ngờ, thêm kiêu rông. Sau đó, Ngài mới hội các quân thủy bộ lại làm lễ thệ su⁽⁴⁸⁾ tại Thọ Hạc⁽⁴⁹⁾. Vua Quang Trung cười đầ `u voi chiế `n, tuồ `t gươm chỉ ra Bắ `c mà dụ bảo:

Đánh cho để dài tóc

Đánh cho để đen răng⁽⁵⁰⁾

Đánh cho nó tan thành xe pháo

Đánh cho nó mảnh giáp sạch không

Đánh cho nó biế `t nước Nam anh hùng là có chủ!

Tướng sĩ đầ `ng lòng xin thề ` rô `i tức khắ `c trắ `y quân ra Bắ `c. Quân đi hăm hở, khí thế ` oai hùng. Dọc đường, dân các làng nghe tin quân Ngài ruổi qua ai nắ `y bảo nhau đem lương thực đế `n giúp, xin cho chồ `ng con được cắ `p gươm cắ `m giáo theo chân dưới cờ. Ngài đầ `u vui vẻ thu nạp. Mọi người đầ `u hơn hở. Bắ `y giờ, dân xứ Thanh mới đặt ra câu hát:

Anh đi theo chúa Tây Sơn

Em về ` cày cuồ `c mà thương mẹ già.

Có lầ `n voi ngựa gặp sông Mã. Sông thì rộng, nước thì sâu, việc quân lại gắ `p. Bỗng có một người con gái đế `n trước hàng quân xung tên là Đỗ Quyên làm nghề ` chở đồ xin dẫn đường. Tướng quân đội tượng binh mừng lắ `m bèn đi theo. Đế `n khúc sông hẹp có nhiề `u bè tre gỗ, dân chín xã xung quanh đua nhau kéo đế `n bắ `c cầ `u phao đưa voi qua bờ. Kíp gặp đầ `i cao núi hiểm, Quyên lại dắ `t voi theo hẻm núi mà đi. Từ đây, mới gọi quấ `ng đường mòn nọ là Quèn Voi.

KẾ HOẠCH TAM ĐIỆP

Ngày hai mươi, tháng Chạp, năm Mậu Thân (15-1-1789) đại quân của vua Quang Trung ra đến núi Tam Điệp. Đại tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân ra lạy chào, gươm vác lên vai xin chịu tội. Vua nói:

- Các người theo ta làm việc binh đã lên đến chức tướng soái. Đốt mười một tuyên⁽⁵¹⁾ ta giao cho tất cả, lại cho tùy nghi làm việc. Vậy mà giặc đến, chưa đánh trận nào đã lui, mới nghe tiếng giặc đã chạy. Binh pháp nói rằng: “Quân thua chém tướng”. Tội các người đáng chết một vạn lần.

Song, ta nghĩ: các người đều là con nhà võ tướng, chỉ biết gặp giặc là đánh, không đủ tài tùy cơ ứng biến. Cho nên khi về Nam, ta để Ngô Thì Nhậm ở lại cộng sự với các người chính là lo sẵn chỗ đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa thuận. Thăng Long lại là một thành trở ngại trái có thể bị đánh bốn mặt. Năm trước, ta ra đánh đốt áy, quả nhiên chúa Trịnh không thể chống nổi. Chúng có áy đã rõ ràng.

Quân Thanh kéo sang. Các người biết chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng; lại chỉnh đốn hàng ngũ mà rút về giữ nơi hiểm yếu. Thế là trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến giặc kiên cố. Đó là một kế rất hay!

Vua Quang Trung gật đầu tỏ vẻ hài lòng, ngoảnh lại Ngô Thì Nhậm bảo:

- Khi ta mới nghe nói đã đoán là Ngô Thì Nhậm chủ trương. Sau, hỏi Văn Tuyền thì quả đúng như vậy.

Thì Nhậm lạy tạ hai lạy. Vua nói:

- Nay ta thân hành cầm quân ra đây, phương lược tiên đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng qua mười ngày là có thể đuổi được người Thanh. Nhưng, nghĩ họ là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận ắt lấy làm thẹn mà có báo thù. Như thế, việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải là phúc cho dân. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói cho thật khéo thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh.

Vua nhìn Nhậm vui vẻ mà rằng:

- Việc ấy phi Ngô Thì Nhậm không ai làm nổi!

Rồi Ngài tiếp:

- Đợi mười năm nữa, ta đủ thì giờ sửa sang, nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng nó!

Sở và Lân đều lạy và nói:

- Chúa thượng thật là lo xa. Chúng tôi ngu đần, không thể nghĩ tới chỗ đó.

Vua đẹp lòng, mới vỗ về:

- Các người làm như vậy cũng là bày mẹo như giặc. Thôi ta cho lấy công chuộc tội. Hãy ráng sức dốc lòng, khỏi phụ lòng ta trông cậy!

Chư tướng mừng rỡ đều vái lạy tạ ơn.

Ngày ba mươi tháng chạp âm lịch, nhà vua cho mở tiệc khao quân. Ngài bảo các tướng rằng:

- Nay ta hãy làm lễ ăn tết Nguyên đán trước. Tôi nay lên đường. Hẹn sang xuân ngày bảy vào thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn. Các người ghi nhớ lời ta xem có đúng thế không.

Các tướng đều chúc mừng. Vua tôi ung dung dự tiệc. Xong, nhà vua vẫy gọi Đô đốc Đông Lĩnh Hầu Đặng Tiên Đông đến bên dận:

- Người hãy điếm lấy một vạn tinh binh thuộc đạo tả doanh, chọn lấy năm chục voi chiến kíp phát đường mở lối vòng qua Sơn Nam⁽⁵²⁾ mà về Chương Đức⁽⁵³⁾. Người quê ở vùng ấy tất thông thuộc địa hình, qua làng Nhân Mục⁽⁵⁴⁾, lặng lẽ đến đồn quân Diễn Châu của Sâm Nghi Đô đốc ngầm mai phục sẵn.

Hễ thấy đại quân nổi lửa đánh đại đồn Ngọc Hồ thì nhất tề tràn tới.

Quay sang Đô đốc Bảo, vua nói:

- Người thì đốc suất năm chục voi chiến cùng một vạn tinh binh của đạo tả doanh cũng xuyên qua Sơn Nam theo đường Sơn Minh⁽⁵⁵⁾ ra làng Đại Áng⁽⁵⁶⁾. Trước hãy xem xét địa thế, bày sẵn thế trận, không được ầm ầm to tiếng sớm làm giặc kinh loạn. Chờ khi quân Thanh dẫn xác vào chỗ chết, bấy giờ mới tung quân ra mà chém giết.

Đoạn, vua ngoảnh lại hai Đô đốc Tuyết và Lộc cất đặt:

- Tôn Sĩ Nghị đóng đại bản doanh ở bãi cát giữa sông Nhị Hà, mà không dám vào ở trong thành Thăng Long là có ý nghi ngờ ta theo đường biển ngược dòng vào đánh úp như năm trước ta diệt Trịnh. Tương kế tựu kế, các người hãy thông lĩnh thủy sư, đem đạo hữu doanh vượt biển vào sông Lục Đầu, phô trương thanh thế, khiến cho hấn định ninh ta vào mặt đó nên giữ đại binh lại phòng ngừa mà xao nhãng mặt khác. Kế đó, Tuyết phải dẹp cho xong vùng Hải Dương để làm đạo tiếp ứng phía đông. Lộc không được ham đánh,

phải đi gáp lên thẳng các hạt Phượng Nhỡn, Lạng Giang, Yên Thế⁽⁵⁷⁾ để chặn đường về của chúng.

Các tướng đều vái lạy lĩnh mệnh, tức khắc dẫn quân lên đường. Quân tướng các doanh tả hữu được xuất chinh đều hơn hờ. Duy quân các doanh kia đến tới trừ tịch⁽⁵⁸⁾ vẫn chưa thấy nhà vua sai phái thì bèn chôn, chỉ sợ lỡ dịp lập công. Đại tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân và Hám Hồ hầu cũng đứng ngoài không yên, bèn rủ nhau đến dinh hành tại⁽⁵⁹⁾ khẩn khoản xin cho ra trận. Vua nói:

- Không phải ta quên các người. Chỉ sợ các người phụ lòng trông cậy của ta.

Cả bọn đều giật đầu kêu:

- Chúng tôi dẫu bất tài cũng thế quyết một trận tử chiến, chém đầu giặc lấy thành dâng Chúa thượng. Sai, xin chịu quân pháp.

Vua gật đầu bảo:

- Ấy là ta ước vậy, chứ các người vẫn là nanh vuốt của ta! Nay ta cho Sở, Lân làm tướng tiên phong đốc suất quân tiên doanh đi trước mở đường. Hám Hồ hầu thì đốc suất quân hậu doanh đi sau trợ chiến.

Các tướng mừng rỡ đứng dậy lạy tạ lui ra. Xong giao thừa, quân tướng ba doanh được lệnh rời Tam Điệp hộ giá lên đường ra Bắc. Ai nấy như mở cò trong bụng, hăm hờ đi ngay.

Chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa



THẾ TRẬN CỦA QUÂN GIẶC

Tôn Sĩ Nghị từ khi lừa binh vượt ải, luôn rùng lộn suốt ngày đêm nghỉ kéo thẳng một mạch tới Thăng Long, không bị đánh thua một trận nào. Xưa nay chưa có ai vào nước Nam dễ dàng như vậy. Bởi thế, Nghị càng kiêu căng lên mặt với bọn vua tôi Lê Chiêu Thống. Bọn này dựa vào Nghị, coi Nghị như bức tường thành và chỉ lo việc trả ân báo oán. Bê tôi theo Chiêu Thống đi trốn và rước Nghị về đều được phong thưởng rất hậu. Phàm kẻ nào trong nước theo Tây Sơn đều bị coi là nghịch thù, vua tôi đều đua nhau trả thù đến từng cái tơ sợi tóc. Còn quân Thanh được Nghị dung túng làm những việc bạo ngược: giữa chợ cướp giật tiền bạc, ban ngày bắt hiếp đàn bà, vua tôi Chiêu Thống đều quay mặt đi, không dám hé răng. Chiêu Thống lại ra lệnh cho các quan văn võ vơ vét của kho, sai các hào mục chia đi đốc thúc dân chúng nộp lương thực cho quân của Nghị. Bây giờ, mấy năm mất mùa đói kém, năm Ất (Mậu Thân, 1788) càng đói dữ. Nhân dân bị bức bách quá phải khóc mê u mà đóng góp thóc gạo. Đường tải lương đến chỗ quân Thanh thì xa, mà được đóng tiền bát gạo nào trả công, quân Thanh lại lột hết. Người người oán hận, ngấm nuôi lòng nghĩa, chỉ chờ dịp là cùng nhau hưởng ứng.

Hôm Nghị đến Thăng Long, Chiêu Thống xin vào hoàng cung trước sửa soạn rồi sang sông đón mời Nghị vào ở tại điện Kính Thiên ở trong thành. Nghị không ưng, bảo:

- Chỗ đó không phải là chỗ hành doanh của đại tướng. Đói với việc quân sẽ có nhiều điều bất tiện.

Bất tiện thế nào, Nghị không nói ra nhưng trong bụng Nghị rất ngại quân Tây Sơn có thể theo đường biển ngược dòng vào đánh úp và chặn mất đường về. Nghị mới truyền lệnh đặt đại bản doanh ở Tây Luông (gần Nhà hát Lớn, Hà Nội), phía bờ sông Nhị, lại cho bắc một cầu phao để tiện đường giao thông với bờ Bắc. Đại quân Thanh do Nghị thân thống lĩnh dựng trại san sát ở Bồ Đề (Gia Lâm), ở Bãi Giữa và bên bờ nam Nhị Hà. Khi ấy, ở trấn Hải Dương và ở Vị Hoàng trấn Sơn Nam đã có trấn tướng của Lê Chiêu Thống là Nguyễn Đạo và Hoàng Tô Nghĩa lĩnh quân bản đạo trấn giữ. Nghị cẩn thận phái một cánh quân lớn cùng quân Chiêu Thống chia nhau phòng giữ phía đông, ngăn thủy quân Tây Sơn. Phía tây đã có cánh quân Vân Nam - Quý Châu do đề đốc Ô Đại Kinh quản lĩnh cùng với quân của viên trấn thủ nhà Lê là Hoàng Phùng Tử đóng ở Sơn Tây để làm thanh viện. Duy còn mạn nam, Nghị cho là hiểm yếu hơn cả nên hết sức đề phòng. Nghị cử phó tướng tâm phúc của mình là Đề đốc Hứa Thế Hanh có tướng tiên phong Trang Sĩ Long và tướng tả dực Thương Duy Thăng giúp sức cầm vài vạn quân Lương Quảng lập đồn chông giữ. Các đồn đều có lũy cao, hào sâu, xung quanh đều cắm chông sắt, đặt địa lôi. Trong các đồn ấy, Ngọc Hồ là kiên cố hơn cả, đáng gọi là phen giậu của đại bản doanh. Từ kinh thành về phía nam sáu chục dặm, Nghị lại đặt các đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết, ở làng Nhật Tảo, ở làng Hạ Hồ, trước là làm tai mắt, sau là để cản bớt sức quân Tây Sơn. Nghị lại bắt Lê Chiêu Thống cho gọi trấn thủ Tây Sơn Hoàng Phùng Tử đem quân về nơi cùng cực của Sơn Nam đóng đồn ở Gián Khẩu làm

lá chắn phía trước. Nghị cũng đã tính đến việc Tây Sơn có thể từ Tam Điệp vòng phía tây qua Nho Quan, Chương Đức mà vào tây nam Thăng Long. Nhưng cho đường ấy bị bế tắc không đi được nữa, Nghị chỉ để tri phủ Diên Châu là Sâm Nghi Đô đem quân phủ ấy đến dựng trại phòng xa.

Ngày hai mươi ba tháng Chạp, nghe thám tử phi ngựa về cấp báo quân Tây Sơn đang ở Thanh Nghệ sửa soạn đánh Bắc Hà, Nghị thúc quân các đạo phải giữ chặt các nơi hiểm yếu, canh phòng cẩn mật; còn đại binh thì sớm chiều tập dượt chuẩn bị cự chiến. Bài binh bố trận đâu ra đấy, Nghị xoa tay yên trí. Thấy vua tôi Lê Chiêu Thống tỏ ý lo sợ, muốn xin Nghị phát quân đánh Tây Sơn gấp, Nghị cả cười mà rằng:

- Việc gì phải lật đật như thế? Chẳng qua cũng như lầy vật trong túi, lầy sớm được sớm, lầy muộn được muộn. Bây giờ sắp hết năm, đại quân đi xa cần được nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc còn gầy, ta hãy nuôi cho béo để chúng tự đến đây nộp thịt!

ĐÒN PHỦ ĐÀU HẠ HỒ

Đêm ba mươi Tết, quân Tây Sơn đến sông Gián. Vua Quang Trung gọi Sở, Lân lại bảo:

- Các người kịp dẫn quân tiên phong vượt sông Gián hạ đồn. Nhớ vây bắt khéo đừng để tên nào chạy thoát, kéo chúng phi báo cho nhau!

Sở, Lân cho quân ngấm tằm, ngựa tháo nhạc bí mật qua sông vây đánh quân Hoàng Phùng Tứ. Đồn Gián Khẩu vỡ, quân Phùng Tứ mất sạch. Thừa thắng, Sở, Lân được lệnh tràn lên đánh gấp. Quân Thanh ở các đồn Nguyệt Quyết, Nhật Tảo nghe tin đã mất vía, chưa đánh đã bỏ đồn chạy trốn. Sở, Lân tung kỵ binh ráo riết đuổi theo, đến Phú Xuyên bắt sông được hết, không sót tên nào. Bởi

vậy, quân Thanh ở các đồn Hạ Hồ i và Ngọc Hồ i đều không hay biết gì, vẫn vui đùa vào cuộc vui xuân. Nửa đêm ngày mùng Ba tết, vua Quang Trung dẫn trung quân đến làng Hạ Hồ i huyện Thường Tín. Ngài hạ lệnh cho hai quân doanh trung và tiền im lặng vây chặt bốn phía rồi sai bác loa truyền gọi:

- Bớ chư quân!

Tiếng “bớ” của hàng vạn quân vang như sét nổ tung vỡ trời. Quân Thanh trong đồn bây giờ mới bật dậy thì rụng rời chân tay. Tiếng loa dụ tiếp:

- Quân Thanh kia, ta đã điêu thiên binh vạn mã chẹn tuyệt đường rút chạy, chỉ khẽ động oai trời, đồn lũy bay sẽ thành đất bả ng, tướng quân bay nát như gỗ mục. Muốn sống phải mau cởi giáp ra hàng!

Giặc khiếp sợ, cuống quýt tranh nhau xin nộp vũ khí dâng đồn. Vua Quang Trung rất đẹp lòng, bèn ra lệnh cho đại binh dừng chân nghỉ lại ở Hạ Hồ i. Đoạn, Ngài gọi Sở, Lân đến truyền bảo thả một số quân Thanh cho về Ngọc Hồ i. Sở, Lân rất đổi kinh ngạc, đánh bạo can vua:

- Giặc ở Thăng Long đến nay có mắt như mù, có tai như điếc. Giờ tha cho, quân kia tất sẽ về căp báo. Chẳng hoá ra chúng đang mê ngủ, ta đến lay tỉnh dậy, e có điều bất lợi cho ta. Việc binh quý ở thần tốc, xin Chúa thượng cho chúng tôi tràn lên đánh tới, không để giặc kịp trở tay.

Vua cả cười nói:

- Phải. Biết ta ở đây, Nghị tất vội vã lo đỏi phó, mà không đề phòng các cánh quân tả hữu của ta. Đợi hôm nữa để bọn Đông, Bảo,

Tuyệt, Lộc kịp đến nơi ta đã cắt đặt, bây giờ sẽ cắt lưới, vét một mẻ là xong!

Sở, Lân đều phục xuống lạy. Vua sai lấy sáu chục tấm ván ghép liền ba tấm làm một. Tất cả được hai mươi bức chắn, lại dùng rơm dấp nước, bện vào rồi kén những lính khoẻ mạnh, cứ mười người giắt đoản đao cùng khiêng một bức đi trước, hai mươi quân mang khí giới theo sau. Quân lính đều trở sức luyện tập. Một bà cụ già trong làng Hạ Hồ ì thấy vậy thích lắm, suốt ngày nấu nước cho quân Vua.

Hôm ấy mộng Bôn Tết, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống ở trong kinh thành tuyệt nhiên không có tin tức báo đến. Vì vậy, trong mấy ngày tết, ai nấu chỉ mãi ăn uống rượu chè. Chợt thấy quân của Hứa Thế Hanh ở Ngọc Hồ ì về cấp báo: “Quan quân ở đồn Hạ Hồ ì bị quân Tây Sơn đánh úp, bắt hết cả. Ở đây cách đồn Ngọc Hồ ì không xa. Thế nào sớm tối cũng bị đánh tới”, Nghị sợ vã mồ hôi, luống cuống kêu lớn:

- Hấn là tướng trên trời rơi xuống, quân dưới đất chui lên, mới thần tốc vậy!

NGỌC HỒ Ì CHÔN XÁC GIẶC

Tôn Sĩ Nghị bèn tức khắc cử lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp và viên trấn tướng của Chiêu Thống là Phan Khải Đức dẫn quân đi tiếp ứng cho Hứa Thế Hanh. Lại sai hai mươi kỵ sĩ cận thần cùng đi với Nghiệp và dặn đi dặn lại:

- Nhớ phải luân phiên chạy ngựa về phi báo!

Ý Nghị chỉ lo có mặt đó.

Mờ sáng mờ ng Năm, vua Quang Trung đội mũ miện, mặc áo bào đỏ, lên mình voi đóc chiến, dẫn quân xông thẳng vào đồn Ngọc Hồ. Ngài lấy khăn vàng quấn cổ tỏ ý cho quân sĩ phải liều chết mà đánh, không được lui. Theo lệnh Ngài, một trăm voi chiến âm âm tràn tới. Bọn Hứa Thế Hanh vội xua đội kỵ binh lao ra chặn đánh. Thấy voi to lớn, ngựa hoảng sợ lồng lên, quân kỵ của giặc tranh nhau chạy. Biết thế nguy, quân trong đồn đem các súng đại bác của Pháp và súng quá sơn ra bắn dữ dội. Vua Quang Trung bèn ra lệnh cho đội tượng binh chia làm hai cánh đánh tạt sang hai bên. Đội cảm tử bảy giờ mới khiêng hai mươi tám lá chắn bện rom dấp nước dàn hàng ngang tiến vào trận đánh. Đạn trong đồn bắn ra không lại. Nhân có gió mùa đông bắc, quân Thanh hò nhau bắn hỏa mù. Lửa cháy, khói bốc, gió thổi hất về phía quân Tây Sơn mù mịt, cách nhau gang tấc không trông thấy gì. Giặc tưởng quân Tây Sơn sẽ rối loạn. Chẳng ngờ, họ vẫn xông vào. Thành linh, gió nam thổi, ngọn lửa tắt lại. Thành ra quân Thanh lại tự đốt mình. Thừa thế, quân Tây Sơn vào giáp lá cà. Họ quăng lá chắn xuống đất làm cầu vượt rào qua hào, rút đoản đao cùng với quân theo sau cầm gươm giáo tràn lên mà đâm chém. Quân các doanh ủa theo ôạt, đông chật đất, thế lực mãnh liệt như nước thủy triều dâng. Hỏa hổ của quân bộ tung cháy rực trời. Lại thêm các hỏa cầu lưu hoàng của các đội tượng binh đầu chít khăn đỏ từ trên mình voi ném xuống, càng đổ thêm lửa đốt cháy mọi vật, đốt cháy cả người. Quân Thanh không thể địch nổi, cuối cùng bỏ đồn Ngọc Hồ trốn chạy, giày xéo lên nhau mà chết. Bọn Hứa Thế Hanh, Trang Sĩ Long, Thương Duy Thăng đều mất mạng trong trận này. Những kẻ sống sót tất cả tìm đường chạy về Văn Điển. Đến địa phận làng Yên Duyên, bỗng thấy phía đê sông Hồng trước mặt, cờ đỏ cắm la liệt, quân Tây Sơn lơnhô đánh trống hò reo. Một tướng oai phong lẫm liệt cưỡi ngựa đưa đao xông tới thét lớn:

- Giặc Ngô kia, ta đang chờ bọn bay dẫn xác đến nộp mạng!

Té ra, từ hôm trước, đoán biế t giặc sẽ chạy đường này, vua Quang Trung đã ngậ m cho một cánh quân mai phục sẵn đón đầ u, giờ trở ra hò hét vang trời đòi đánh, khiế n giặc kinh hò n phải quay đầ u chạy về` phía tây, hướng Đầ m Mực thuộc làng Quỳnh Đô. Từ làng Đại Áng, tượng binh bộ binh do đô đố c Bảo đã đế n giấ u sẵn từ mấ y hôm trước tức thời tung ra, lừa giặc xuố ng Đầ m Mực mà giày xéo, chém chề t sạch. Tên nào số ng sót trở n vào làng đầ u bị dân làng do các cụ trong đội bạch đầ u quân đố c suấ t bắ t không thoát một mớ ng⁽⁶⁰⁾. Giặc ở đầ n Ngọc Hồ i thề là tan vỡ sạch. Dân chúng mừng rỡ đem cỗ bàn, bánh trái ngày tề t ra bày kín hai bên đường khao quân. Lại lập hương án viế t bớ n chữ “*Hậu lai kì tô*” nghĩa là: Vua đế n, dân được số ng lại. Vua Quang Trung vui về nói những lời vỗ về` khen ngợi và cho quân nhận bánh chung rô i tức khắ c lên đường vào Thăng Long.

NỘI RỒ NG LỬA ĐỒ NG ĐA

Đồ đố c Đặng Tiế n Đông từ khi lĩnh mệnh tiế n ra tây nam Thăng Long thì ngày đêm mải miế t không dám chậm trễ. Ngoài ải Tam Điệp toàn là đầ i núi cao hiểm. Voi thì to, súng thì lớn, việc quân lại gắ p, đồ đố c Đông phải ra sức rẫy khô i đá, phá cây rừng, gặ sông suố i phải tìm chỗ sông hẹp nước nông dò lố i mà đi. Đế n Yên Mô gặ khúc hiểm trở, người và voi ngựa đầ u đói mệt. May thay, một bà cụ không biế t ở đâu đế n dẫn vào một quán bên rừng cho ăn cháo. Sau, lại chồ ng gặ dắ t voi đi tắ t đường qua quèn núi. (Sự tích *Quán cháo Quèn Voi* vùng ấ y là như thề).

Từ Thiên Quan (Nho Quan) xuyên qua Chương Đức (Chương Mỹ) đế n Nhân Mực, đồ đố c Đặng Tiế n Đông đầ u được dân các làng bảo nhau ra bắ c câ u mở đường, lại giúp cả lương thực gạo củi cho người, cỏ ăn cho voi ngựa. Bởi thề , đường xa khó đi mà quân của đồ đố c vẫn vượt hế t. Mồ ng Bớ n Tề t thì đế n. Dân trong vùng mừng rỡ tắ p nậ p kéo đầ n xin ứng nghĩa. Đặng Tiế n Đông sai lầ y

cỏ khô rơm nõ bện thành hình con rồ`ng tằm sẵn dầ`u, sửa soạn đánh trận rồ`ng lửa. Cả chín xã đầ`u sôi nổi, chỉ chồ`c lát đã xong. Nhân lúc đêm tồ`i, Đông bí mật cho quân mình và dân ứng nghĩa phục sẵn xung quanh các trại quân Thanh.

Mờ sáng hôm sau, mồ`ng Năm Tề`t. Thầ`y hướng phía nam phía đầ`n Ngọc Hồ`i, pháo nổ ầ`m ầ`m, Đặng Tiề`n Đông cả mừng nói:



- Chúa thượng đã cho lệnh đánh rồ`i!

Bèn hạ lệnh các ngả nhầ`t loạt xông vào cùng đánh. Rồ`ng lửa tằm dầ`u bay lên, hỏa hổ và hoả câ`u lưu hoàng tung đầ`n. Các trại quân Điề`n Châu bắ`c lửa cháy rực trời. Quân Thanh bắ`t ngờ không kịp chồ`ng đỡ, bị chém giế`t không biế`t bao nhiêu mà kể. Tướng giặc là Sầ`m Nghi Đố`ng cùng quầ`n, chạy lên núi Ố`c sau chùa Bộc tự treo cổ lên cây đa mà chề`t.

Bầ`y giờ ở kinh thành, Tôn Sĩ Nghi đang nhầ`p nhồ`m ngóng tin đầ`n Ngọc Hồ`i. Chợt nghe hướng tây nam súng nổ ðùng ðùng. Nghi vội trèo lên thành cao để xem xét. Vừa lúc quân Điề`n Châu số`ng sót chạy về` cá`p báo:

- Đô`n Điề`n Châu đã vỡ, quan tri phủ ché`t rô`i! Quân Tây Sơn kéo đé`n cửa ô, chỉ chồ`c lát là vào thành.

Nghị không còn hô`n vĩa, tụt vọi xuô`ng, không kịp mặc áo giáp, ngựa không kịp đóng yên, cuô`ng cuô`ng dẫn một toán lính kị dưới trướng cắ`m cồ` chạy xuô`ng câ`u phao, trồ`n sang bờ bắ`c. Quân sĩ các dinh nghe tin thấy đé`u kinh khiế`p, nhồ`n nháo chạy theo, xô đẩy giày xéo lẫn nhau, ché`t nhiề`u lắ`m. Câ`u phao gãy. Hàng vạn người lặn cả xuô`ng nước, nước sông Nhị Hà không chảy được nữa.

Mẹ con Lê Chiêu Thồ`ng và lũ cận thầ`n ở trong điện không được báo nên chạy sau. Ra đé`n sông thì câ`u phao đã gãy, vọi tắ`t tả ngược lên Nghị Tầm cướp thuyề`n đánh cá của dân trồ`n sang bờ bên kia đuổi theo Nghị. Bắ`y giờ, quân Thanh chạy trên đường đông như chợ vỡ, cứ cắ`m đầ`u chạy suồ`t ngày đêm không dám nghỉ. Tôn Sĩ Nghị trong lúc đi gắ`p không kịp mang theo lương ăn, hai ngày hai đêm phải nhịn đói. Đé`n huyện Phượng Nhãn, người ngựa đé`u mệt, toan dừng chân nghỉ lắ`y sức thì phía trước, không biế`t quân Tây Sơn ở đâu hiện ra, trồ`ng giông cồ` mở, xông tới chẹn đường. Đi đầ`u là một voi chiế`n, trên bành phắ`p phối lá cờ đỏ, một tướng quân ngồ`i trên tuồ`t gươm, mắ`ng rắ`ng:

- Giặc Nghị kia, ta là Đô`đồ`c Lộc. Vâng lệnh Quang Trung hoàng đé` , đé`n đây chờ người đã má`y hôm nay rô`i. Muố`n số`ng hãy xuô`ng ngựa quy hàng!

- Không khéo ta bỏ mạng nơi này, trời hại ta!

Đoạn đánh liề`u tụt xuô`ng ngựa, trà trộn trong đám loạn quân, nhanh chân tạt vào rừng, trồ`n thoát, bỏ mặc quân lính bị bắ`t, bị giế`t. Bao nhiêu thứ của vua Thanh ban cho như sắ`c thư, cờ bài, quân á`n đé`u bị quân Tây Sơn bắ`t được hế`t, đem về`. Đô`đồ`c Lộc thắ`y Nghị trồ`n thì tung quân ráo riế`t đuổi theo. Nghị và bọn

quân hâu đua nhau mà chạy, mất bảy ngày đêm đói cơm khát nước, mới lần được đến ải Nam Quan.

Nghị ở Thăng Long chạy đi lúc mờ sáng mùng Năm tháng Giêng. Trưa hôm ấy, vua Quang Trung vào thành. Áo bào đỏ của Ngài sạm đen khói thuốc súng. Người kinh thành già trẻ mặt như hoa, ùa hé t ra đường mừng rỡ:

... Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến

Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh.

Vua Quang Trung với Văn Miếu



Văn Miếu ở phái tây nam thành Thăng Long được lập ra từ năm Canh Tuất (1070) đời vua Lý Thánh Tông. Sau Văn Miếu có nhà Thái Học (Quốc Tử Giám). Ở đây, từ năm Giáp Thìn (1484), vua Lê Thánh Tông sai dựng bia đá khắc tên những người đậu tiến sĩ, mỗi khoa một bia. Tám bia đầu tiên là bia các tiến sĩ đỗ khoa năm Nhâm Tuất (1442). Sau đó thành lệ. Đến đời Lê Mạt, chính sự đổ nát, trong nước loạn lạc, chẳng mấy ai nghĩ đến chuyện làm bia hoặc lo việc cắt đặt người nào chăm sóc coi giữ. Kịp đến khi Bắc Bình Vương ra Bắc diệt Trịnh năm Bính Ngọ (1786) và chúa Trịnh Tông phải cướp đường trốn chạy; lại đến năm Mậu Thân (1788), quân Thanh vào kinh thành rông rở, Bắc Bình Vương lên

ngôi Hoàng đế kéo quân ra một trận dẹp tan; vì thế, mấy năm liền, Thăng Long náo động dữ dội, Văn Miếu hoang tàn, văn bia đổ nát. Dân sở tại ở làng Văn Chương không đành lòng, bèn cậy người tìm đến cận thần của Hoàng đế Quang Trung là Tam Nông tiên sinh Hà Năng Ngôn nhờ viết tờ biểu xin dựng lại bia ở nhà Thái Học. Việc ấy là vào đầu năm Kỷ Dậu (1789). Tờ biểu viết bằng thơ nôm, có đoạn:

*Chúng tôi một lũ dân cây hái
Trái mùa sinh vào trại Văn Chương
Trong khi cày ruộng, cuốc nương
Vành ngoài trông vọng cung trường miếu vẫn
Có một thá⁽⁶¹⁾ bản khoãn trong dạ
Mượn thầy nho phô tả ra tờ
Dám mong lọt cửa quân cơ
Gió nam đưa tới dưới cờ ngài Quang Trung
... Bốn năm trước, giữa năm Bính Ngọ
Ngài đem quân ra thú Bắc Hà
Oai trời sấm sét thoáng qua
Cơ đồ họ Trịnh bỗng ra tro tàn
Bia tiên sĩ vô can vô tội,
Mà vạ lây vì nổi cháy thành
Bia thì đập đổ tung hoành*

Nhà bia thì đốt tan thành ra tro.

Có kẻ nói:

Tội ác ấy là do Trịnh Khải⁽⁶²⁾

Lúc sa cơ hẳn phải trốn xa

Dặn về thuê kẻ côn đồ

Phá bia tiên sĩ để cho bõ hờn.

Có kẻ nói:

... Hay chẳng quân lính nhà Ngài

Trong khi xung sát ra oai thị hùng

Bia tiên sĩ bỗng không mà đổ...

Chúng tôi chiêu lại hai lời ấy

Sự thực hư chưa thây rạch ròi

Song lẽ việc đã qua rồi

Chẳng chi bới móc tìm tòi uống công

Chỉ xin được Ngài thông vì nước

Dựng lại bia cùng nhà bia cho được y nguyên

Trước là giáo dục kẻ hiền

Sau là văn mạch⁽⁶³⁾ đời truyền dài lâu...

Nhà vua tuy là bậc đế vương nhưng vốn là nhà nông áo vải. Bởi thế, Ngài rất ham chuộng chữ nô. Khi cất quân ra Bắc năm

Bính Ngọ và Mậu Thân, phàm các hịch chiế' u và hịch dụ hế' t thảy đê' u bằ' ng tiế' ng nước ta cả. Khi dừng lại ở Nghệ An để tuyển quân, Ngài cũng tự tay viế' t thư bằ' ng chữ á' y gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiế' p để hỏi han việc nước.



Nhà vua lại vô' n có tư chấ' t thông minh, ngày bé đã nổi tiế' ng là người văn học. Phải lúc bô' n phương khói lửa, trăm họ rên xiế' t nên Ngài sớm bỏ bút nghiên, vác gươm cưỡi ngựa cứu vớt muôn dân. Bởi thế' , Ngài vẫn mê' n kẻ hiề' n tài, quý trọng việc học. Đấ' t Bắ' c Hà lắ' m bậc danh sĩ, Thăng Long lại có Văn Miế' u với nhà Thái Học. Trong bụng, Ngài rấ' t hâm mộ. Hiề' m vì nổi việc quân quô' c bê' bộn nên chưa có dịp viế' ng thăm. Biế' t Ngài là bậc đê' vương áo vải

mà chăm lo đê`n văn hiê`n nên tờ biểu dân trại Văn Chương mới
ngay thẳng tâu trình mà không sợ sâ`m sét búa rìu:

Kê` cửa Không sân Trình gang tâ`c

Đào tạo nên nhiê`u bậc anh tài

Một nề`n văn hiê`n lâu dài

Tiê`c thay chưa đưôc đón Ngài ngự thăm!

Quả nhiên, nhận đưôc tờ biểu, Ngài bèn tự tay phê dụ rằ`ng:

Thôi thôi thôi, việc đã rô`i

Trăm nghìn hãy cứ trách bô`i vào ta

Nay mai dọn lại nóc nhà

Bia nghè lại dựng trên toà muôn gian

Cơ đô` họ Trịnh đã tan

Việc này cũng đừng đổ oan cho thằ`ng Trịnh Khải!

Và hạ lệnh cho quan quân kíp xuấ`t ngay của kho tu bổ Văn
Miế`u, dựng lại văn bia. Bậc đê` vương mà xuô`ng chiế`u chỉ viế`t
lời dụ, phê bằ`ng tiê`ng Quô`c ngữ (chữ Nôm) như thế` quả là việc
hiế`m, xưa nay chưa từng có!

Nữ tướng Bùi Thị Xuân



Vua Quang Trung có một bề tôi thân tín, đó là Trầ n Quang Diệ u. Quang Diệ u có vợ tên là Bùi Thị Xuâ n người phủ Quy Nhõ n, thuộc Dinh Quảng Nam. Quê Xuâ n vô n nổi tiế ng là đấ t võ. Không những chỉ đàn ông trai tráng có tài nghề binh mà đàn bà con gái Bình Định cũng lấ m người hào kiệt. Bởi vậy, mới có câu truyề n rằ ng:

Ai về ` Bình Định mà coi

Đàn bà cũng biế t câ m roi đi quyề n.

Bùi Thị Xuâ n cũng là bậc hào kiệt như thế . Tướng Diệ u mế n tiế ng mới tìm đế n làm quen, sau lấ y làm vợ. Vợ chồ ng kính trọng nhau như khách, đươ ng thời đê u nức nở khen là chuyện đẹp. Trầ n Quang Diệ u theo vua Quang Trung đánh đõ ng dẹp bắ c, đi đâu cũng đem Bà cùng đi. Từ việc quân cơ mưu lược đế n việc câ m quyề n cai trị, Bà đê u trở sức tận tình, giúp chồ ng lập nhiề u công lớn. Trầ n Quang Diệ u càng đặc biệt yêu dấ u mà nhà vua cũng hế t lòng tin cậy.

Mùa thu năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung bị bệnh băng hà. Triề u Tây Sơn từ đó ngày một suy yế u. Nguyễn Ánh đượ c bọn Tây dương giúp rập, nhân thế đem đại quân vượt biển ra đánh úp, chiế m mấ t Quy Nhõ n. Lại sai Võ Tá nh và Ngô Tồ ng Chu cùng

thống suất máy vạn binh đã p thành lập đô n cô giữ bằ ng đượ. Quy Nhơn là đấ t căn bản của Tây Sơn, cho nên vua Cảnh Thịnh Quang Toàn (con Quang Trung) vội sai hai danh tướng bậc nhấ t là Thiế u phó Trầ n Quang Diệu và Tư đô` Vũ Văn Dũng lập tức gắ p đườ ng đem quân thủy bộ vào giành lại. Quang Diệu mới bảo vợ:

- Nay quân hùng tướng mạnh đã kéo cả vào Quy Nhơn, nế u quân Gia Định vượt biển ra xâm phạm, tấ t Phú Xuân không tránh khỏi nguy biế n. Nàng hãy ở lại kinh thành hộ giá, ngộ khi việc nước quan hệ, còn có người đỡ đầ n Chúa thượng.

Bùi Thị Xuân khóc mà vâng lời. Trầ n Quang Diệu liề n từ biệt vợ, dẫn quân bộ lên đườ ng hợp với quân thủy của Vũ Văn Dũng tiế n vào Quy Nhơn. Quân của Diệu, Dũng vây hãm ráo riế t, song bọn Tánh, Chu liề u mạng thúc quân cô thủ nên đánh liề n mấ y tháng vẫn không ngã ngũ. Nguyễn Ánh biế t đại quân Tây Sơn ở cả Quy Nhơn bèn dố c hế t quân thủy và hơn 1.000 chiế n thuyề n bấ t ngờ ra đánh lén Phú Xuân. Bùi Thị Xuân cùng với vua Quang Toàn và phò mã Trị ra sức chố ng cự, nhưng tình thế` mỗi lúc một bức bách. Xuân mới tâu vua:

- Thế` giặc quá mạnh. Xin Chúa thượng hãy tạm lui quân ra Bắ c Hà. Trước hãy hạ dụ vồ về` quân dân các trấ n, chỉnh đố n đội ngũ, sau sẽ gọi đại binh ở Quy Nhơn ra, hai mặt cùng đánh tấ t lấ y lại đượ thành.

Nhà vua nghe theo. Bắ y giờ là vào tháng Ba năm Tân Dậu (1801).

Năm sau, Trầ n Quang Diệu hạ đượ thành Quy Nhơn liề n kéo quân ra Phú Xuân. Bùi Thị Xuân cũng hộ giá vua Quang Toàn thống suất quân thủy bộ và tượng binh bớ n trấ n ở Bắ c Hà và Thanh Nghệ tiế n vào cùng đánh. Chẳng ngờ, quân Trầ n Quang Diệu bị chẹn lại, không qua đượ đèo Hải Vân. Nguyên từ năm trước, quân

Gia Định đã lo xa đặt đồn cả m trại rấ t kiên cố để phòng bị, nay lại liê u chệ t chố ng giữ. Trầ n Quang Diệu đành phải đem quân voi dọn núi mở đường đi sang biên giới Ai Lao, vòng ra Nghệ An hợp với quân Vua. Bắ y giờ, ba vạn quân nhà vua cũng đang bị quân Gia Định đóng tại hai lũy thành Trắ n Ninh và Đầ u Mâu ở sông Gianh (Quảng Bình) cản lại. Biế t đây là chỗ hiểm yế u, lâu nay Nguyễn Ánh đã thúc quân đắ p thành cao, đào hào sâu. Lại đặt nhiề u đại bác tồ i tân của người Tây dương giúp và sắ p sẵn gỗ đá trên mặt thành để cự chiế n. Bùi Thị Xuân bèn xin lĩnh năm nghìn quân tiế n lên công thành, để quân thủy vòng phía sau đánh tạt lại.



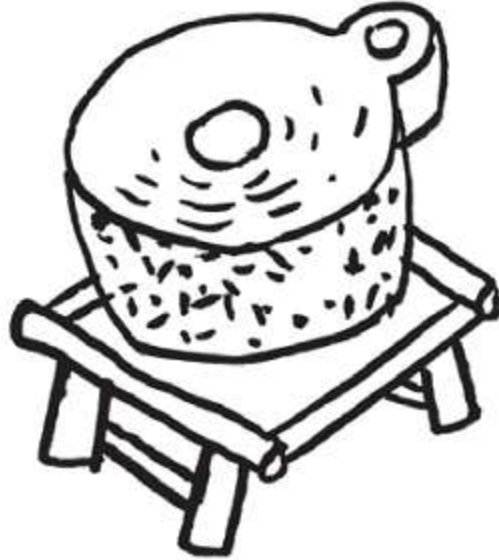
Từ trên thành cao, quân Gia Định bắ n súng đại bác xuồ ng â m â m. Quân Bùi Thị Xuân lâ y gỗ ván bện rơm dắ p nước làm khiên che, lăn xả vào chân thành bắ c thang leo lên. Quân Gia Định vội đổ đầ u sôi, tung chấ t cháy và lăn gỗ đá xuồ ng như mưa khiế n quân Bùi Thị Xuân thiệt hại to. Mắ y lâ n bám lên được mặt thành, sau đề u bị đánh lui, người ngựa chệ t nhiề u. Vua Quang Toàn lo lắ m,

có ý định rút quân. Bùi Thị Xuân nhất định không rời trận địa, cho người chạy đến can ngăn:

- Nước nhà còn mất là ở trận này. Bệ hạ chớ vì thầy bất lợi mà ngã lòng. Dầu chết cũng xin quyệt tử chiến!

Bà cười voi đi đầu, đốc thúc quân sĩ tràn lên đánh thành; từ sáng đến trưa vẫn trở sức chiến đấu, không hề mệt mỏi. Quân sĩ được chủ tướng cổ xúy đều dốc lòng hăng hái. Người trước ngã người sau vẫn điề m nhiên xông tới, không một ai lui cả. Đến chiều tối, quân trong thành Trấn Ninh, Đầu Mâu đã núng. Bất ngờ, tin cánh quân thủy binh đã bị quân Gia Định đánh tan bay đến, khiến quân Tây Sơn hoang mang tan vỡ. Bùi Thị Xuân ra sức chinh đốc, song không lại. Vua Quang Toản vội rút chạy ra Thăng Long, để Bùi Thị Xuân ở lại Nghệ An cản giặc và đợi hợp binh với chông. Chẳng dè, quân Gia Định thừa thắng đánh tràn. Quân ít thế nguy, Bà đành chịu sa vào tay giặc cùng với hai con. Trần Quang Diệu không kịp hội quân, sau cũng bị bắt nốt. Nguyễn Ánh điệu cả hai vợ chông và hai con bà về thành Phú Xuân hành hình để trả thù. Ánh cho giải hai vợ chông đến trước mặt kẻ tội “phản nghịch” rồi bắt phải lạy. Hai vợ chông không lạy. Ánh sai lính lấy hèo đánh vào khuỷu chân, níu tóc giập đầu xuống đất bắt lạy. Hai vợ chông vẫn nhất định không chịu. Ánh uất quá cho voi dữ ra giày xéo quật chết cả hai con Bà cho trông thấy, để ra uy. Lại lôi Trần Quang Diệu ra xẻo từng miếng thịt. Tình cảnh cực kỳ thảm thương, tàn bạo hết mức. Cho đến khi bị Ánh giết, trước sau, Bà vẫn ung dung, mặt không hề biến sắc. Bà mất đi, xa gần nghe chuyện trong lòng đều thương xót, ai cũng hết lời khen ngợi.

“Vua Ba Vành”



“**V**ua Ba Vành” tên thật là Phan Bá Vành người làng Minh Giám, trấn Sơn Nam hạ (Thái Bình). Nhà nghèo, bố mẹ mất sớm, thuở nhỏ Vành không có tiền ăn học, phải đi ở chăn bò cho chú. Tay Vành dài như tay vượn, hai bắp chân lông đen dày như lông gấu. Vành ăn khỏe hơn người, sức mạnh như voi, tính ngang tàng xông xáo. Mỗi khi đánh bò ra đồng, Vành họp các bạn trẻ chạy nhảy leo trèo, phóng lao ném đá, tập đánh trận giả. Quê Vành vốn là đất võ có lắm đồ vật lừng danh. Bởi thế, mới lớn lên, Vành đã nổi tiếng là tay võ nghệ cao cường. Vành vác củi đá ném qua tường cao nhẹ nhàng như ném gạch, võ tay giậm chân thoắt cái đã vọt lên nóc nhà. Đặc biệt, mọi người đều bái phục tài ném lao của Vành: đứng xa ngoài trăm bước, phóng lao vào đích, trăm mũi không sai lấy một!

Bấy giờ liền năm mất mùa, dân hơn trăm xã thôn thuộc trấn Sơn Nam hạ đói khổ, phải bỏ làng đi phiêu tán. Vành cũng ở trong đám ấy. Nạn phu phen thuế má đã nặng nề, bọn quan lại cường hào lại đua nhau đục khoét, hãm hại dân lành làm cho con cái thành mồ côi, vợ thành goá bụa, bố mẹ già mất nơi nương tựa, bơ vơ.

Dân khắp nơi cực quá kham không nổi, chỉ chờ cơ hội là rủ nhau chống lại quan quân. Phan Bá Vành là bậc hào kiệt, có chí khí bèn đứng lên phát cờ khởi nghĩa ở núi Voi Phục (nay thuộc Hải Phòng). Việc ấy là vào tháng Bảy năm Ất Dậu đời Minh Mạng thứ sáu (1825). Tương truyền, khi Bá Vành ra xưng nghĩa, trên trời có mọc ngôi sao chổi sáng lấp lánh. Dân chúng nhân đây mới đặt ra câu hát:

Trên trời có ông sao tua

Ở dưới hạ giới có vua Ba Vành

Người theo “vua Ba Vành” có đến hàng vạn.

Chấn chỉnh xong đội ngũ, “vua Ba Vành” dẫn một số quân bản bộ kéo về làng Minh Giám để chiêu tập thêm anh tài. Trưởng thôn Ba Lạt (Thái Bình) là Thủ ngự sứ Võ Đức Cát hay tin, vội ngược dòng sông đi thuyết phục về hợp sức. Theo về tụ nghĩa với Bá Vành còn có Chiêu Liễn, Chiêu Văn, những nho sĩ cùng quê, là người vừa có học thức lại có võ nghệ; có Nguyễn Hạnh tức Tổng Cấn là một võ tướng lấp lánh mưu nhiều mẹo; lại thêm hàng chục tướng tá võ nghệ là những đồ vật, những tay đánh khiên xuất chúng, nổi tiếng nhất trong đám ấy là Hai Đáng, Đô Hùm, Đô Hựu... Nhiều quan chức các tổng huyện trong vùng cùng nhiều nho gia như Lang Đình, Tú Ốc, Nho Phụng, Hải Hương, Tuân Tường, Tuân Nghi, Tự Tân, Chấn Diễn, Đôc Bồi... cũng lần lượt theo Bá Vành, đông lấp lánh. Bá Vành để Tổng Cấn làm Hữu quân ở lại lo việc tiếp tế, còn dẫn hết tướng tá nghĩa sĩ trở ra núi Voi làm lễ tế cờ. Xong, Bá Vành họp cả lại bàn việc xây dựng lực lượng. Chiêu Liễn nói:

- Dân đều hưởng ứng theo ta, hiềm một nỗi, bấy lâu đói khổ nên chẳng ai có đủ lương mà ăn, có đủ tiền mà sắm vũ khí. Tôi nghe nói ở làng Cát Già bên huyện Đông Quan trấn ta có nhà hào

phú là Tri Đạo. Được người giàu có ấy thuận giúp, thế lực ta mới chóng mạnh.

Bá Vành bảo:

- Đề ta đi!

Nói đoạn, dẫn hai tùy tướng tâm phúc lập tức lên đường sang Cát Già. Tri Đạo thấy Bá Vành đích thân đến quyên lương thực tiền bạc thì sợ uy, vội làm cơm thịnh soạn thiết đãi. Nhân bữa rượu, Đạo lựa lời:

- Tôi nghe danh võ nghệ tướng quân đã lâu, nên vẫn khao khát có phen được chiêm ngưỡng. Dịp may hiếm có nay gặp tướng quân, xin cho được thỏa lòng mong ước, tôi dầu hiến cả gia tài này cũng không tiếc.

Bá Vành cả cười, bảo:

- Được, ông bảo người nhà chặt ngay tre đực, đẽo cho ta một chục cái lao nhọn, mỗi cái dài ba thước⁽⁶⁴⁾ đem lại đây.

Rồi Bá Vành tiếp tục cầm bát uống cạn vò rượu và ăn hết nhẵn cả mâm cỗ đấy. Vừa lúc, người nhà Tri Đạo mang lao vào. Bá Vành vươn vai đứng dậy, cầm ngọn lao, quát lớn:

- Trông đây!

Cây lao phóng đi như mũi tên, bay qua một sân gạch rộng, một vườn rau dài, một cái áo lớn rồi cắm phập vào một thân cây chuối ở bờ ao bên kia. Bá Vành cầm lao phóng tiếp, chớp mắt cả mười ngọn lao đều cắm thành một hàng dọc cứ năm tá một⁽⁶⁵⁾ đều đặn, thẳng tắp trên thân cây chuối. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, Tri Đạo cũng xanh mặt phục tài, vội đem của cải lương thực nộp cho Bá Vành.

Lực lượng đã mạnh, vũ khí đã nhiều. Bá Vành dẫn quân theo đường biển về trấn giữ cửa sông Trà Lý (Thái Bình), phòng quân triều đình theo đường thủy vào đánh úp. Ít hôm sau, đến ngày giỗ bố, Bá Vành cùng mấy tướng tá kéo nhau về làng Ninh Giám làm giỗ. Tướng triều đình là Đặng Đình Miễn và Nguyễn Trung Diễn hay tin liền bí mật đem quân mai phục ở trại Đông Quan, thôn Phú Cốc (huyện Kiến Xương, Thái Bình), gần làng Minh Giám. Bá Vành không ngờ, vẫn ung dung cười ngửa đi tới. Bỗng có người nông phu từ dưới ruộng lên cản lại, nói nhỏ cho biết và báo:

- Quân chúng đông lắm. Tướng quân ít người, địch không lại. Xin quay về thôi!

Bá Vành dùng dùng nổi giận bèn rẽ ngựa vào làng. Dân đổ ra đón. Bá Vành sai chặt tre làm lao, đoạn, dẫn đám dân binh mới theo, thản nhiên tiến vào trại rêu đích tên bọn Miễn đòi đánh. Biết lộ trận, Đình Miễn và Trung Diễn đành đem quân ra ứng chiến. Bá Vành vung tay ném lao rào rào như mưa. Quân triều đình chết như ngã rạ. Đình Miễn và Trung Diễn vừa tránh được mấy ngọn lao chưa kịp hoàn hồn thì Bá Vành đã phi ngựa như bay sấn tới và bắt số ngựa kẹp nách quay về, ném xuống cho dân binh chém đầu. Quân triều đình khiếp vía tan vỡ hết. Từ bây giờ, tiếng tăm “vua Bá Vành” càng dậy lên như sấm; người theo về càng đông.



Tin hai tướng dưới quyề`n bị giế`t hại làm viên trấ`n thủ Sơn Nam hạ là phò mã Lê Mậu Cúc cả kinh, vôi thố`ng suấ`t đại quân thủy bộ trong trấ`n đi đánh dẹp. Cúc hùng hổ dẫn đại binh kéo đế`n căn cứ nghĩa quân ở Trà Lý. Bất` ngờ, gặp Phan Bá Vành đang dẫn một toán quân tuầ`n tiểu đi trên đê, Cúc cậy đông quân hô quân tràn tới. Bá Vành không chút sợ hãi, thúc ngựa xông vào, vung siêu đao đánh luôn. Chưa đầ`y ba hiệp, Cúc đã bị Bá Vành chém sạt vai ngã ngựa, may được tùy tướng là Đỗ Hào liề`u chề`t cứu thoát. Hôm sau, Bá Vành lại đem thuyề`n nhẹ đế`n khiêu chiế`n. Mậu Cúc sợ lắ`m, bụng muố`n lui binh. Đỗ Hào biế`t ý nói khích:

- Vành là giặc cỏ. Phò mã là danh tướng của triề`u đình. Nay giặc đế`n trước thành, lẽ nào mới hơi bị bất` lợi mà tướng quân lại bỏ qua không đánh, tôi e lũ tì tướng sẽ nhân đó mà chề` cười!

Cực chẳng đã, Cúc đành gượng dẫn thủy binh ra giao chiế`n. Bá Vành đánh thủy trận có vẻ kém nên sau đó phải chạy. Cúc cả mừng kéo binh thuyề`n đuổi theo. Đế`n khúc sông hẹp, phục binh của Bá Vành bất` ngờ đổ ra đánh úp. Cúc biế`t mắ`c mưu còn đang lúng

túng, Bá Vành đã cười thuyề n nhẹ ập tới, phóng một mũi lao giế t ché t tại trận. Quân Bá Vành thu được rấ t nhiề u thuyề n và lương thực vũ khí. Thanh thê nghĩa quân “vua Ba Vành” càng lừ lẫ. Sau đó, Bá Vành kéo quân ra sông Trà Lũ (huyện Xuân Trường, Nam Định) đào hào, đấ p lũy, khơi sông để tiện việc đi lại, phòng giữ. Bắ y giờ là vào tháng Hai năm Bính Tuấ t đời Minh Mạng thứ bảy (1826).

Tổng trấ n Bắ c Thành (Bắ c Bộ) là thượng thư Nguyễn Hữu Thận nghe tin dữ ở Sơn Nam hạ báo về thì hoảng sợ, vội sai thố ng ché Trương Phúc Đăng chỉ huy quân lực Bắ c Thành đem đại quân từ Hà Nội tiế n đánh. “Vua Ba Vành” cũng dẫn hế t binh lực ra đố i địch. Quân hai bên dàn trận, tiế ng trố ng nổi lên vang dậy. Trương Phúc Đăng cười ngựa múa côn xông ra. Phan Bá Vành vung siêu đao sắ n tới. Hai người quầ n thảo nhau, bụi bay mù trời, suố t từ sáng đế n tồ i mà không phân thắ ng bại. Hôm sau, Phúc Đăng lại dẫn quân giao chiế n nhưng vẫn không làm gì được Bá Vành. Đế n ngày thứ ba, Phúc Đăng vừa vào trận, nhân Bá Vành đang phi ngựa lao tới, bèn ném cả cây côn sắ t vào Bá Vành định bắ t ngờ hạ thủ. Chẳng dè, Bá Vành tránh được, nhưng ngựa bị trúng đầ u, hắ t Vành ngã xuố ng đấ t. Phúc Đăng cả mừng thúc ngựa bay tới bắ t số ng. Thành linh, Bá Vành bật dậy giật ngọn giáo của viên tuý tướng, gầ m lên giận dữ rồ i thẳng tay phóng trúng Đăng, xuyên qua ngực, ché t tươi. Quân triề u đình thắ y thố ng ché Trương Phúc Đăng tử trận thì như rắ n mắ t đầ u khiế p vĩa không dám ra mặt ứng chiế n. Nghĩa quân của Bá Vành mặc sức tung hoành khắ p một vùng đò ng bắ ng ven biển trấ n Sơn Nam hạ.

Tin thắ t trận đò n dập bay về Huế , vua Minh Mạng vội vã họp Viện Cơ mật để nghị bàn. Tổng trấ n Bắ c Thành lại tới tâ p sai thám tử chạy biểu hoả tồ c vào kinh xin cứu viện. Minh Mạng càng lo, bèn xuố ng chiế u cử Tiề n quân thố ng quản tiệp kinh thập cơ Phạm Văn Lý làm thố ng tướng, Hình bộ thị lang Tham hiệp Thanh Hoá là

Nguyễn Công Trứ làm tham tán quân vụ, cùng thủy quân Đô thống Phan Bá Hùng đem mười tám hải đạo binh thuyền chở đầy lính tinh nhuệ ở Thanh Nghệ ra Bắc cứu viện. Sau lại điêu thêm phó đô thống chế Tham hiệp Nghệ An là Nguyễn Văn Hiếu làm Sơn Nam kinh lược đại sứ, Hình bộ thượng thư Hoàng Kim Xán, Binh bộ thị lang Thân Văn Duy cùng làm tham biện kinh lược sự vụ cùng với phó tướng là Ngô Văn Vĩnh đem quân và súng từ Huế ra hợp sức với quân lực Bắc Thành của Tổng trấn Nguyễn Hữu Thân và Thống chế Trương Văn Minh cùng tiến đánh Bá Vành. Quân thủy bộ triều đình chia làm nhiều mũi hợp vây Trà Lũ. Bọn Phạm Văn Lý lại cho người đến mật ước với Trấn Thước bấy giờ đang theo dưới trướng “vua Ba Vành”. Thước nguyên là tri phủ Phủ Bo (nay là thị xã Thái Bình) vì yếu thế nên đã trá hàng nghĩa quân, lại đem con gái gả cho Bá Vành làm vợ. Nay nhân kế của bọn Lý Thước bảo con gái xui Bá Vành:

- Bấy lâu, tướng quân đánh đâu được đó. Nay quân triều đình đông nhưng vẫn là một lũ nhát gan, việc chi tướng quân vội nhọc lòng. Xin cứ để chúng dẫn xác đến đây, tướng quân ra tay cũng không muộn.

Bá Vành bị vợ mê hoặc thì trúng kế nghe theo, cứ đóng quân lại để chờ. Tướng sĩ thấy vậy xúm vào khuyên can:

- Giặc đã vào sâu rồi, xin đánh gấp ngay cho mỏng đi, không để chúng dày thêm. Để lâu nữa, tất không tránh khỏi tai họa.

Bá Vành nghe vợ vẫn làm ngơ không theo. Tướng sĩ chán nản, nhiều người bỏ đi. Đến khi Bá Vành tỉnh ngộ, quân bọn Lý đã quay dày đặc vòng trong vòng ngoài, con chim bay không lọt. Bá Vành biết thế nguy vội mở đường máu phá vây. Bọn Lý càng thúc quân thủ bộ liên tục chém tràn tới. Bởi thế, Bá Vành dũng khí có thừa, song đánh suốt một ngày vẫn không thoát. Quân sĩ bị chém, bị bắt gần

hết. Bá Vành bị thương nặng, may được viên bộ tướng nhân đêm tối đi ra ẩn nấp ở bãi sù vẹt ven biển. Sau thấy vết thương quá nặng, biết khó thoát, nhân gặp người làng Hoàn Nha đi qua, Bá Vành gọi lại bảo:

- Gọi cai tổng Lê Tuân con viên thuộc hạ của ta, bảo ra đón Bá Vành về mà lấy thưởng!

Cai tổng Lê Tuân nghe tin vội ra rước Bá Vành về nhà chữa chạy. Bá Vành gạt đi, sai đóng một cái cối lớn rồi tự ngõ vào trong cho Tuân và người nhà khiêng đi nộp quan quân triều đình. Giữa đường, “vua Ba Vành” ứa nước mắt giữa mặt lên trời than:

- Ta không nghe lời tướng sĩ nên đã thua chúng nó, lẽ nào lại chịu nhục! Nói đoạn, moi ruột tự vẫn chết. Việc ấy là vào năm Đinh Hợi đời Minh Mạng thứ tám (năm 1827).

Thánh Quát



Cao Bá Quát hiệu là Chu Thôn người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh⁽⁶⁶⁾, con một nhà nho nổi tiếng hay chữ và có đức độ. Họ Cao ở làng ấy vốn là họ lớn, người trong họ nô i đòi khoa bảng xuất thân; danh vọng nhất là Cao Bá Hiên làm đến Binh bộ thượng thư triều Lê kiêm chức Tham tụng (tể tướng) ở phủ chúa Trịnh.

Từ nhỏ, Quát đã thông minh sáng dạ, ăn nói đanh thép, điệu bộ hùng dũng, chí khí khác thường. Lên năm tuổi, cha đã cho học chữ. Quát học đâu nhớ đấy, lại thêm chữ viết đẹp như rồng bay phượng múa nên sớm nổi tiếng là thôn đồng. Mười tuổi, Quát có tài nhà ngọc phun châu, đặt bút là thành thơ. Càng lớn lên, Quát càng tỏ ra có khí phách ngang tàng, không chịu cúi đầu khuất phục cường quyền. Tương truyền, làng Quát có người lý trưởng cậy thế quan trên rất hống hách, lạm thu thuế của dân mà cả làng sợ uy không ai dám nói. Quát biết chuyện, tức lắm, nhân việc lý trưởng đứng ra thu thuế đả p đôi voi ở đình, bèn làm bài thơ đem đến dán. Thơ rằng:

Khen ai khéo khéo đả p đôi voi

Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi

Chỉ có cái kia sao chẳng thấy

Hay là thấy lý bót đi rồi!

Lý trưởng biết là Quát nói xỏ mình, song đành bả m bụng làm ngơ.

Một lần khác, nghe tin Minh Mạng lên ngôi vua và ra Bắc để nhận phong của vua Thanh, Quát cũng ra Hà Nội xem vua. Hôm đó, trời nắng quá, Quát thấy bức bối trong mình bèn cởi quần áo xuống Hồ Tây tắm. Bất ngờ Minh Mạng ngự chơi đến Trăn Võ.

Lính cận vệ dẹp đường phát hiện ra Quát dưới hồ` bèn gọi lên. Quát giả đồ sợ hãi không kịp mặc quần áo cứ thế` trầ`n như nhộng xin chịu trời. Vừa lúc, kiệu vua xịch đế`n. Minh Mạng thấ`y thế` cho là hỗn láo, vô lễ thì quở trách. Quát nói mình là học trò, thật tình không biế`t lô`i vua đi, xin vua tha tội. Vua bảo:

- Nế`u người là học trò, trẩm ra cho câu đố`i, đố`i được thì tha, bằ`ng không phải phạt chực roi.

Nhân thấ`y dưới hồ` có con cá lớn đuôi bắ`t cá bé, Minh Mạng tức cảnh đợc rằ`ng:

Nước trong leo lẻo, cá đớp cá.

Quát gãi đầ`u gãi tai xin vua tha tội mới dám đố`i. Minh Mạng thuận cho. Được lời, Quát đố`i luôn:

Trời nắ`ng chang chang, người trời người.

Minh Mạng biế`t mình hớ` để` Quát xấ`c xược, đánh đờ`ng vua với Quát, song trót hứa tha tội nên đành giả bộ thản nhiên khen hay rồ`i cho đi.

Quát học trường nào đầ`u được thầ`y yêu bạn quý. Cũng như Nguyễn Văn Siêu, ông nổi tiế`ng một thời ở Thăng Long, là bậc văn hay chữ tồ`t, học rộng biế`t nhiề`u. Người đời phục tài mới gọi là “thầ`n Siêu, thánh Quát”⁽⁶⁷⁾. Bọn quan đương thời thầ`y vậy ghen ghét, định bụng hể` Quát đi thi thì tìm cách bới móc đánh hỏng. Bởi thế`, năm Tân Mão đời Minh Mạng thứ mười hai (1831), Quát thi ở Thăng Long đậu cử nhân. Nhưng khi vào kinh thi hội, khảo quan chấ`m quyển thầ`y giọng văn mạnh mẽ ngang tàng khác thường thì bảo nhau:

- Quyển này hẳn là khẩu khí của Cao Bá Quát.

Bèn đánh hỏng. Mấy khoá sau, khảo quan vẫn dò ra quyển của Quát nên Quát vẫn không đậu. Quát bực tức bỏ về.

Năm Tân Sửu đời vua Thiệu Trị thứ nhất (1841), tổng đốc Bắc Ninh thấy Quát là người có tài mà chưa được dùng nên dâng biểu về kinh tiến cử. Thiệu Trị triệu Quát vào Huế nhưng chỉ cho làm chức quan nhỏ là Hành tẩu bộ Lễ. Lúc ấy Quát đã ngót bốn mươi tuổi. Được vào triều, Quát thấy rõ, vua quan đại thần rất một lũ ngu dốt lại kiêu căng hồ ng hách, không biết trọng người tài. Bởi thế, Quát càng thêm chán ghét, hay mượn lời châm chọc. Một hôm, vua Tự Đức hỏi Quát về việc học văn trong nước, kể từ quan đến thứ dân trăm họ. Biết Tự Đức vẫn hợm mình là ông vua hay chữ, Quát thản nhiên nói:

- Tâu bệ hạ, cứ như ý thần xét thì cả thiên hạ có bốn bề chữ. Bề hạ kể ra cũng chưa được một bề, nhưng thần cũng kính dâng bệ hạ cả bề; một bề thì đem chia cho nho sĩ trong nước, còn hai bề kia là phần của hạ thần!

Lại một hôm khác, vua Tự Đức nếm mê thấy mình đọc được hai câu thơ chữ nho nhưng mỗi câu lại chen vào hai chữ nôm. Vua lấy làm lạ mới đem kể lại và truyên bảo các quan chép thử chơi:

Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ

Dã ngoại đào hoa lả m tấ m khai.

(Nghĩa là: Trong vườn, chim oanh học nói, tiếng khê khà. Ngoài đồng, hoa đào đâm bông, nở lả m tấ m).

Vừa dứt lời đã thấy Quát quỳ xuống tâu:

- Tâu bệ hạ, hai câu đó không có gì lạ. Đó là hai câu tam tứ (thứ ba, thứ tư) của bài thơ thần đã được xem.

Vua bảo Quát đọc cho nghe. Quát ứng khẩu đọc ngay. Thật ra, Quát dựa vào hai câu thơ của vua mà ghép thêm sáu câu khác thành bài, trong có câu:

Khù khờ thi tứ đa nhân thức

Khệnh khạng tương lai vô n tú tài.

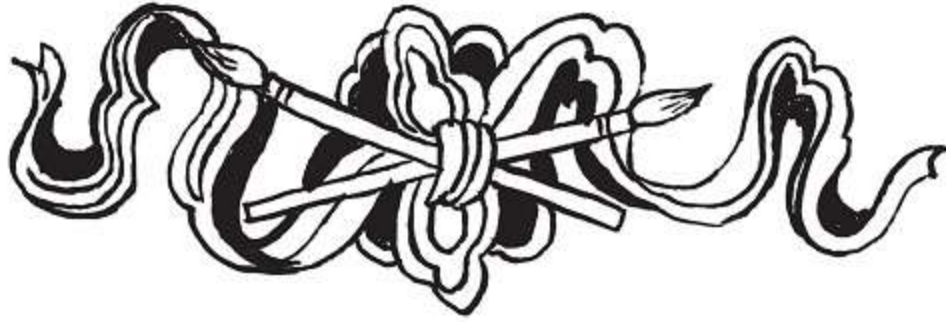
(Nghĩa là: Khù khờ không biết thơ ấy nhiều người biết. Lại còn khệnh khạng đem ra hỏi người tài).

Vua biết Quát có ý xược, song không thể bắt bẻ được, đành bỏ qua.

Một buổi chiều, không biết vì lẽ gì, hai viên đại thần cãi lộn với nhau sau đi đến xô xát đấm đá. Khi ấy, Quát cũng có mặt nhưng giả bộ không hay, bỏ mặc. Quan Ngự sử đem cả hai viên đại thần ra hạch tội. Việc đến tai vua, vua triệu Quát vào để làm nhân chứng. Quát vô n chẳng ưa gì lũ triều thần kia hợm hĩnh, tranh quyền tranh hành, đục khoét, nay được vua bảo khai thì khai. Chẳng biết hư thực thế nào, nhưng Quát tâu:

- Câu chuyện ra sao không rõ; hai bên cãi nhau rất to; bên này bảo bên kia: chó! Bên kia bảo bên này: chó! Hai bên đều là chó, cuối cùng thì dùng võ, thần thây nguy to vội co giò, thần chạy!

Các quan lớn nhỏ đều sạm mặt. Vì vậy, họ đem lòng thù oán Quát. Cho nên, mới làm quan vài năm, Quát mấy lần bị giáng. Sau, Quát bị đẩy khỏi kinh đưa ra Bắc, cho làm giáo thụ ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Việc ấy là vào năm Tân Hợi đời vua Tự Đức thứ tư (1851).



Bấ y giờ, gặp nạn dịch, dân chệ t hàng vạn không kịp chôn. Người nào số ng sót lại bị nạn quan lại cường hào đè nén, hà hiế p, vơ vét đế n cái tơ cái tóc nên ai nấ y đề u xơ xác. Quát là người có chí khí, thấ y dân tình khổ quá mà vua quan nhà Nguyễn đề u là một lũ bấ t tài vô hạnh, hại nước hại dân, nên cũng chán ghét. Bởi thế , nhận chức giáo thụ đượ một năm, đế n năm sau - Nhâm Tý (1852) - ông cáo quan bỏ về . Từ bấ y giờ, ông càng quyế t chí lập nghiệp. Ông đi khấ p vùng Hà Nội, Hà Đông, Hoà Bình, Sơn Tây, Bắ c Ninh, Bắ c Giang... chiêu tập nghĩa sĩ. Từ quan tước nho gia đế n binh lính nông phu nhiề u người đã hưởng ứng. Lại có quan lang người Mường là Đinh Công Mỹ, suấ t đội Sơn Tây người Thái là Bạch Công Trân cũng đem cả binh sĩ theo về . Đế n năm Giáp Dầ n (1854), thanh thế Cao Bá Quát đã lớn lấ m.

Giữa năm ấ y, tổng đố c Bắ c Ninh là Nguyễn Quố c Hoan nhận đượ tin cáo giác Cao Bá Quát đang ngắ m ngắ m hoạt động thì giạt mình, cá p báo về kinh. Tự Đức bèn xuố ng chiế u truyề n cho Nguyễn Quố c Hoan và tổng đố c Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình) là Lâm Duy Thiế p phải khẩn cá p tước nã bằ ng đượ Cao Bá Quát. Tự Đức còn treo giải cho ai bắ t số ng Quát thì thưởng năm trăm lạng bạc, nế u chém lấ y đầ u đem nộp thì thưởng ba trăm lạng với quan tước lục phẩm⁽⁶⁸⁾. Bọn Hoan, Thiế p sợ tội, một mặt tăng cường tuầ n tra canh phòng rấ t ngặt, mặt khác tung quân và thám tử truy

lùng khắp nơi, nhưng không thấy, chỉ thấy tình hình có vẻ dịu đi, im ắng. Tự Đức và bọn Hoan, Thiệp đã mừng, tưởng phía Quát sợ uy, không đánh đã vội tan.

Ngờ đâu, Quát đã bí mật kéo sang Sơn Tây. Bây giờ là vào mùa đông năm Giáp Dần (1854). Một ngàn nghĩa binh theo Quát họp nhau tại khu rừng Ngang, vùng Mỹ Lương (Hà Tây) làm lễ tế cờ. Lê Duy Cự, một người dòng dõi nhà Lê, được tôn làm minh chủ; Cao Bá Quát làm quốc sư; Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân, Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Văn Thục đều làm tướng. Sau lại có thêm Nguyễn Khặc Quyết đem một ngàn dân binh từ Bắc Ninh theo đường tắt kéo sang Mỹ Lương, kịp hội sư với nghĩa quân. Quốc sư Cao Bá Quát mừng lắm, mới họp tướng sĩ lại bảo:

- Bọn ta đều là người trong khoa giáp⁽⁶⁹⁾, binh nghiệp, chí khí có kém ai. Nay gặp phải đời vua hèn hạ, ngu dốt, khinh người như cỏ rác; quan thì tham tàn những nhiều khiếm dân khổ trăm đường, bởi thế bọn ta phải vào rừng núi nổi nghĩa binh như đức Cao Hoàng⁽⁷⁰⁾ xưa. Các ông nên gắng sức cho nghiệp lớn mau thành!

Nói đoạn, chia quân làm năm đạo giao cho năm tướng bí mật dẫn đi mai phục sẵn, hẹn đến giữa tháng mười thì nhất tề đánh chiếm các phủ thành Ứng Hoà, Thanh Oai, An Sơn (thuộc Quốc Oai)⁽⁷¹⁾, Vĩnh Tường, Tam Dương⁽⁷²⁾. Quát thì đóng ở Mỹ Lương để tiện đường tiếp viện. Tháng mười năm ấy, nghĩa binh thành lĩnh nổi lên đánh tới. Quân triều đình bị đánh úp bất ngờ nên thua to.

Tin dữ bay vào Huế. Tự Đức cả sợ, nửa đêm vội sai một bà y tướng tá điêu ngay hai ngàn rưỡi quân Thanh Nghệ đem súng thần công theo đường thủy gập đường ra Bắc ứng cứu. Lại khẩn truyền cho tổng trấn Bắc Thành phải dốc hết binh lực cùng đánh dẹp. Bởi thế, quân triều đình đông tới hàng vạn. Chúng ồ ạt tràn lên vây hãm cướp lại các phủ thành. Nghĩa binh chônng lại hăng lắm,

nhưng quân ít thế cô, ngày càng bất lợi. Tướng Nguyễn Khặc Quyết bị bắt sống. Các cánh quân khác cũng bị bắt, bị giết, tổn hại nhiều. Cuối cùng, quân triều đình đánh dồn vào An Sơn. Tình thế gặp lắm. Quốc sư họ Cao quyết định thân dẫn quân đi tiếp viện. Tướng sĩ có người can:

- Quốc sư đi chuyên này e trúng kế “điệu hổ li sơn” (nhử hổ ra khỏi hang) của giặc Xin Quốc sư tính lại đề lo chuyện lâu dài về sau.

Quát không nghe, khẳng khái nói:

- Ta đâu chết chứ không thể bỏ tướng sĩ trong cơn hoạn nạn!

Dứt lời, Quát nai nịt gọn ghẽ nhảy lên ngựa, lập tức dẫn quân bản bộ đi ngay. Mờ sáng hôm sau thì đến. Quát hô quân xông vào đánh luôn. Chẳng dè, viên suất đội triều đình là Đinh Thế Quang được tin mật báo, ngầm đem pháo thủ phục sẵn đón đường, bất ngờ bắn như đổ đạn vào Quát, Quát trúng đạn tử trận. Cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương sau đó cũng tan dần, nhưng người đời vẫn không quên lời truyền tụng về chí khí và văn tài của Thánh Quát.

Vợ Ba Cai Vàng



Bà tên thật là Lê Thị Miên. Cha là nhà nho nghèo, giỏi võ, có chí khí nên không chịu ra làm quan với triều Nguyễn. Ông ở nhà mở trường dạy học. Sau nghe có nho sĩ Cao Bá Quát nổi dậy ở Sơn Tây, ông liền bỏ trường theo về dưới cờ của Quát.

Miên là con gái. Nhưng từ bé thầy Miên không chịu ai ức hiếp, có chí khí như mình nên ông rất thương yêu, mới đem võ nghệ truyền cho. Sau khi ông mất, triều đình Nguyễn truy nã vợ con ông để khép tội. Mãi đến khi về huyện Phượng Nhãn, tỉnh Bắc Ninh nương náu ở nhà một người cai tổng⁽⁷³⁾, tục gọi là Cai Tổng Vàng hay Cai Vàng, gia đình Miên mới tạm yên. Bởi thế, Miên càng nung nấu chí phục thù.

Cai Vàng tên thật là Nguyễn Văn Thịnh người làng Sơn Đình, tổng Hoàng Vân⁽⁷⁴⁾, huyện Phượng Nhãn. Tuy làm cai tổng nhưng Cai Vàng không giống bọn hương lý kì hào khác. Ông đã không hà lạm những nhiễu, lại còn tìm cách che chở cho dân chúng khỏi bị quan lại đè nén, dung nạp những người bị quy là phản nghịch chỉ vì chống lại

triều đình thối nát. Một lần, quan huyện tạ sự xây cất công đường, sức về tổng ông bắt cung đồ n phu để đi xây nhà riêng cho quan. Phải năm mốt mùa, dân đói khổ nay phải ăn rau cháo đi khiêng đá vác gỗ, cực quá kham không nổi, dân bỏ trốn hết. Quan nghi là ông xúi giục, mới cho nha lại về khiển trách. Ông tức giận mắ ng luôn:

- Con chim khi cùng thì mổ, con thú hết đường phải cắn. Dân chết đói đầy đường, kẻ sống sót phải hái rau bắt chuột để ăn thì còn sức đâu mà phục dịch, tất nhiên chẳng đợi ai xui cũng phải bỏ trốn. Sao lại về hỏi ta? Từ xưa đến giờ, có bậc cha mẹ nào của dân⁽⁷⁵⁾ tội tệ thế không?

Nói đoạn đuổi đi. Bởi thế, dân trong vùng đều kính trọng mệnh tiêng Cai Vàng. Quan trên thấy ông ngang ngạnh bướng bỉnh thì đem lòng thù ghét. Nay có kẻ phát giác về việc ông chứa chấp đảng nghịch là mẹ con cô Miên, quan huyện nhân cơ đó hạ trát bắt Cai Vàng tống ngục. Ông vượt trại giam trốn về. Cảm phục về tài đức và chí khí của ông, Miên thuận kết duyên với ông làm vợ ba. Liên đó, ông họp vợ con bạn bè thân cận lại ước hỏi:

- Sớm muộn thế nào quan quân cũng kéo về tróc nã. Chẳng lẽ ta lại bó tay chịu chết sao?

Bà Miên hăm hở nói:

- Cây muôn lạng gió chẳng dừng. Đã đến nước này tất không thể nín được. Tức nòng súng, súng nổ, có gì mà ngại! Xin chàng kíp dựng cờ khởi nghĩa diệt hết lũ vua quan tàn ác, giúp đời cứu dân cho tỏ mặt nam nhi. Thiếp dù phận gái hèn mọn cũng quyết cùng chàng một phen chọc trời khuấy nước.

Các bạn Cai Vàng là Lý Hạnh, Lý Cận... đều tán thưởng lời Miên. Cai Vàng cả mừng bèn chiêu tập nghĩa quân, cùng nhau mưu việc lớn.

Dân chúng trong vùng biể t tin đê u hưởng ứng; người theo đông lắ m. Bắ y giờ là vào tháng Ba năm Nhâm Tuấ t đời vua Tự Đức thứ mười lăm (1862).

Triề u đình Nguyễn nghe tin cáo câ p vội ra lệnh cho tổng đố c hai tỉnh Bắ c Ninh và Thái Nguyên cùng với tri phủ Lạng Giang đem quân hợp thành ba mũi cùng tiế n đánh. Bà Miên bàn với chồ ng:

- Quân Thái Nguyên ở xa tới chậm, vả lại chẳng phải việc tỉnh â y, tá t sẽ trùng trình nghe ngóng. Quân Bắ c Ninh ở gầ n, lại sợ mang tội nế u không kiề m chề đượ ta, nên sẽ vội vã thúc quân tiế n gắ p. Đánh tan quân Bắ c Ninh thì chẳng những quân Thái Nguyên không dám về , mà tri phủ Lạng Giang cũng vỡ mật bay hô n co lại.

Cai Vàng khen phải, cùng bà Miên dẫn quân sĩ đi mai phục. Quân Bắ c Ninh bị đánh bắ t ngờ, tan vỡ hế t. Viên lãnh binh chỉ huy chưa kịp xoay sở, vợ ba Cai Vàng đã phi ngựa như bay vung đôi song kiề m sắ n tới, chớp mắ t chém chề t ngay tại trận. Sau trận â y, quả nhiên quân Thái Nguyên vội vã rút về . Tri phủ Lạng Giang đang rục rịch ra quân nghe tin dữ thì hế t hô n. Lại thắ y báo vợ ba Cai Vàng sắ p kéo binh tràn tới vây đánh, nửa đêm viên tri phủ vội bỏ thành trở n chạy.

Chiề m đượ Lạng Giang, vợ ba Cai Vàng lại bàn với chồ ng:

- Đấ t Văn Giang, Hung Yên liề n năm lụt lội đói khô, dân cực quá không chịu nổi đê u muồ n ứng nghĩa. Nay tôi xin kéo quân sang chiề m huyện â y cứu vớt người nghèo, cho binh lực ta thêm lớn, lại tiện đường thông ra biển phòng khi dùng đê n sau này.

Nói đoạn, bà hội quân tướng lại mà rắ ng:

- Làm trai rong ruổi chiề n trường cho thoả chí tung hoành â y là chí khí của kẻ anh hùng. Chuyề n này phát binh đi xa, ai là kẻ yế u

hèn không dám xa vợ xa con thì cho lui về với gia đình. Còn ai muốn giúp đời cứu dân quyết chí lập công để tiếng thơm đến muôn thuở thì hãy chớ chình hàng ngũ, mau theo ta giết sạch lũ quan quân triều đình tàn ác, lập nghiệp lớn!

Tướng sĩ đề u hưởng ứng, “dạ” rầm trời. Kế đó, bà tức khắc cưỡi quân nhảy lên ngựa dẫn đi ngay. Quân vợ ba Cai Vàng đi đến đâu, quân triều đình Nguyễn tan rã đến đấy. Người xin đi theo ngày thêm đông, thanh thế lớn lắm. Sắp đánh Văn Giang, chợt nghe tin quân triều đình từ Bắc Ninh kéo lên vây Lạng Giang, bà giận tròn xeo đôi mắt nói:

- Quân khôn khiếp thấy ta đi vắng định mò đến làm càn. Rồi ta sẽ cho chúng nó một trận!



Dứt lời, bà lập tức kéo quân đi suốt đêm về Lạng Giang. Mở sáng hôm sau thì đến, bà cưỡi ngựa múa tít đôi song kiếm xông vào đánh ngay. Thấy bà bất ngờ xuất hiện, quân tướng triều đình tưởng như tướng trên trời rơi xuống thì khiếp vía, tan vỡ hết. Chưa ngóai con giận, bà liền dẫn quân thừa thắng đánh tràn xuống trấn thành Bắc Ninh. Quân triều đình địch không nổi phải đóng chặt cửa thành liền chết cô thủ và cho thám tử nửa đêm lên về kinh cáo cấp xin giải vây. Vua Tự Đức vội sai bọn Phan Đình

Tuyên, Tôn Thất Huệ đem quân Thanh Nghệ đi đường biển ra Bắc cứu viện. Lại truyền chỉ cho trấn tướng hai tỉnh Hà Nội, Sơn Tây cùng sắp sẵn chiến thuyền đem thủy binh theo đường sông lên hợp tiến. Quân bộ do Hoàng Thanh Khả cũng rầm rộ đổ tới, đông lắm. Bởi thế, quân của bà ba Cai Vàng bị quân thủy bộ nhà Nguyễn

vây chặt vòng trong vòng ngoài. Bấy giờ là vào tháng Năm năm Nhâm Tuất (1862).

Khán bắ n tên lửa làm hiệu cho quân trong thành Bắ c Ninh đánh ra. Quân Nguyễn tiế p viện từ bắ n phía đánh vào. Nghĩa quân bắ t lợi, thiệt hại nhiề u, phải lui về Đắ p Cầ u. Quân Nguyễn ý thề đông, lại vừa đánh trận đầ u đã thắ ng nên sinh ra kiêu rông, xem nghĩa quân không ra gì. Bà Ba biế t vậy bèn đem quân đեն khiêu chiế n rô i giả vờ thua chạy. Viên Bắ c chánh và Ngự sử tướng thực, cả mừng vội thúc ngựa đđuổi theo định bắ t số ng. Đեն làng Đạ i Đồ ng (Thuận Thành, Bắ c Ninh), quân mai phục đổ ra vây đánh, bà Ba cũng quay ngựa đánh quặ t lại, chém chề t ngay hai viên quan nọ. Quân triề u đình lại một phen nữa khiế p vĩa nên không một cánh quân nào còn bụng dạ muố n đánh. Nhân thề đó, bà Ba ruổi binh về vây thành Bắ c Ninh lâ n thứ hai. Việc ấy là vào tháng chín cùng năm Nhâm Tuất.

Quân giữ thành Bắ c Ninh giờ đông hơn nên nghĩa quân đánh liề n mắ y tháng vẫn chưa hạ đượ c. Vợ chồ ng Cai Vàng họp tướng tá lại bàn kế :

- Bắ c Ninh thành cao lũy dày, sức người khó đánh. Nay ta nên đắ p đầ t chặn ngang dòng sông, chờ nước lên thật cao thì tháo nước cho chảy vào thành. Túc nước thì thành nào chẳng vỡ!

Mọi người đề u khen phải. Tướng sĩ và dân xã quanh vùng nô nức kéo nhau đi đắ p đập ngăn sông. Biế t thề nguy, quân trong thành ngày đêm bắ c súng rình bắ n chủ soái để nghĩa quân mắ t người thồ ng lĩnh. Cai Vàng vô tình vẫn ung dung cưỡi ngựa đi xem xét thề trận, chẳng may trúng đạn tử thương. Bà Ba đượ c tin thì vật mình thương khóc đoạn gặ t nước mắ t ra lệnh giấ u kín không cho phát tang để yên lòng quân sĩ. Bà thay chồ ng tiế p tục chỉ huy việc thi hành kế thuyế trận, quyế t hạ thành Bắ c Ninh để trả thù. Đe đập

đã p xong, ngay tở i hỏm ấ y, bà cho tháo nước. Thác nước đổ vào làm sập cửa lỏ thành. Quân bà thừa thế tràn tới. Hai bên hỗn chiến dữ dội suốt từ tở i đế n nửa đêm. Sau, quân trong thành địch không lại, đề u tan vỡ chạy trốn hết. Bà Ba cười ngửa đuổ theo bắt số ng viên lãnh binh chỉ huy thành Bắ c Ninh cắ p nách quay về . Bà cùng tướng sĩ lập đàn tế , đem viên tướng triề u đình đô t thay nế n làm ma cho chồ ng.

Thù chồ ng đã trả nhưng thế quân triề u đình Nguyễn còn mạnh, có đánh nữa cũng chỉ tổn hại mà việc lớn cũng không thành, bà ba Cai Vàng mới hội tướng sĩ lại bảo:

- Nay chủ soái đã mắ t, thời thế chưa thuận tiện. Vậy mọi người hãy tạm lui về nhà, chờ dịp tở t hãy hay.

Tướng sĩ đề u gạt nước mắ t từ biệt. Còn lại hơn ba trăm nghĩa sĩ nhắ t định xin theo, nên đã cùng bà bí mật kéo lên rừng, sau đi đâu không ai biế t. Duy dân trong vùng thì vẫn truyề n tụng hát về cho nhau nghe:

Khen cho trí lự đàn bà

Bắ c Ninh tài tướng vợ ba Cai Vàng.

NGHÌN XUA VĂN HIẾN

TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập : TRẦN NHẬT MỸ

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIỆP

Sửa bài : HOÀI THU

In 2.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm

Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/796-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 138/QĐKĐ kí ngày 24/4/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2013.

Bộ sách **Nghìn xưa văn hiến** gồm 3 tập, kể chuyện lịch sử nước nhà, kể chuyện truyền thống dân tộc. Từ khi dựng nước cho đến nay, dân tộc ta - đất nước ta đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử. Những năm tháng sống, chiến đấu, lao động dưng cảm và vẻ vang của tổ tiên ta từ nghìn xưa khiến chúng ta biết mấy tự hào. Tìm hiểu lịch sử để kể tục xứng đáng hơn với những con người lịch sử từ buổi đầu dựng nước, giữ nước thời kì vua Hùng, qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... đến thời đại Hồ Chí Minh, đưa đất nước Việt Nam tiến nhanh hơn trên dòng năm tháng.

www.nxbkimdong.com.vn - www.facebook.com/nxbkimdong



8 935036 657251

TEM



6131306750003
Giá : 48.000đ

1. Trong tiếng Trung Quốc, uống giấm có nghĩa là ghen tuông. Ý của câu này là có ghen cũng chỉ ghen suông, chẳng được tích sự gì.

1. Giàu ngang một nước, thích việc thiện, ưa cho người.

1. Đây là bài 'Thanh Minh' của thi nhân Đỗ Mục đời Đường: Thời tiết Thanh Minh, mưa lất phất. Người đi trên đường muốn tê tái hồn Xin hỏi quán rượu ở đâu có Mục đồng chỉ Hạnh Hoa thôn ở đằng xa.

1. Bảy đốt ngón tay tính từ đầu xuống, đây là điểm yếu nhất của rắn độc

1. Còn tên là Lệ Trúc, Ban Trúc, tương truyền, khi vua Thuấn đánh rợ Tam Miêu chết trận, hai người vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh đã ngồi khóc bên bờ sông, lệ thấm vào thân trúc tạo nên những vết lốm đốm, từ đó mà sinh ra giống trúc này.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: Quyển 27, trang 288-289.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: Quyển 27, trang 339-341.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid. Những tư liệu này không được phân loại nên chúng tôi không thể ghi mã số.

Công hàm của đại sứ Tây Ban Nha tại Paris gửi Quốc vụ khanh Tây Ban Nha, đề ngày 4/12/1857.

Trích một công hàm đề ngày 24/11/1858 của đại sứ Tây Ban Nha tại Paris gửi Bộ trưởng Ngoại giao tại Madrid.

“Đông Dương - Kỷ niệm du lịch và chiến dịch (1858-1860)”, Henri de Ponchalon, Paris, 1896, trang 146.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, trang 475-531.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, trang 475-531.

Aniceta Ramos y Charco Villasenor “Los espanoles en la expedicion de Cochinchia”, Madrid 1943.

Le Roi Très Catholique, tức vua Tây Ban Nha. Còn Đức vua rất kính chúa, Le Roi Très Chrétien, tức vua Pháp. Chử Catholique chỉ mặt tổ chức, tín

điều. Chữ Chrétien chỉ mặt tình cảm - Lời người dịch (LND).

Vợ Napoléon III - LND.

Công khố quốc gia, Paris, loạt BB4, tập 777.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Về tường thuật cuộc viễn chinh của Tây Ban Nha và những cuộc thương lượng của Palanca, xem tác phẩm của Carlos Palanca Gutierrez “Resena historia de la expedición de Cochinchina” - Carthagène, 1869.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Lưu trữ Bộ Hải quân, Paris - SH, bìa 81.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

“Thư từ quan hệ từ Nam kỳ”: tập I, trang 130-147. Lưu trữ Bộ Ngoại giao, Paris.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: tập 28, trang 85.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: tập 28, trang 89-90.

Carlos Palanca Gutierrez, “Historica de la expedición de Cochinchina” (Tóm tắt sử lược về cuộc viễn chinh Nam Kỳ), Carthagena 1869.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: tập 28, trang 151-154.

Phạm Văn Sơn dẫn trong bài “Nguyên nhân sâu xa của những cuộc nổi loạn dưới thời Tự Đức”, tạp chí Sử Địa, Sài Gòn 1966, trang 93.

Chính vào ngày Canh Dần, tháng 2 Tháng (Thần?) Võ, năm thứ nhất (16/2/1069), nước Việt Nam bắt đầu tiến quân bình Nam và cũng là bắt đầu cuộc Nam tiến. Từ ngày Lê Hoàn lên ngôi vua (980), những đánh phá và cướp bóc luôn luôn xảy ra quấy nhiễu người dân Việt Nam ở vùng biên giới phía Nam. Nhưng ngày hôm đó vua Lê Thánh Tông mới quyết định gửi một đạo quân viễn chinh trừng phạt kẻ vừa thích phá rối, vừa gây ra chiến sự ở biên cương ấy. Vua Rudravarman III (Chế Củ) bị bại trận, bỏ kinh thành chạy trốn, nhưng chẳng bao lâu bị quân của vua Lý Thánh Tông, do Lý Thường Kiệt chỉ huy, đuổi theo và bắt sống. Để được tha, Chế Củ đành cắt dâng cho Đại Việt ba châu phía bắc, mà năm 1069 người Đại Việt đã đặt thành ba tỉnh: Địa Lý, Bố Chánh và Ma Linh (Theo sách “Cương mục chính biên” thì vị trí của Bố Chánh là ở các huyện Bố Trạch, Bình Chánh và Minh Chánh, tức phủ Quảng Trạch và huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình hiện nay. Còn Ma Linh, tức là hai huyện Gio Linh và Vĩnh Linh, phía Bắc tỉnh Quảng Trị ngày nay). Từ đó về sau, suốt năm thế kỷ, hai bên luôn có những lần xuất quân trừng phạt, trả thù lẫn nhau... Đô thị tan hoang, đất đai bị thiêu cháy, những người chiến thắng đã trải qua nhiều vất vả, khó khăn mới xây dựng được xóm làng dân cư đông đúc. Bởi vậy mà từng gia đình, từng thôn xã, những bà con bạn hữu của các tù binh bị bắt trong các cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn được ân xá, cùng với những công chức, quân nhân chịu trách nhiệm quản lý họ, đã bị dẫn đi đày ải trên bước đường Nam tiến đó. Bởi các chúa Nguyễn, ngay từ khi bình định được đất Thuận Hóa, gần vùng giáp ranh, đã có ý định tạo cho mình một hậu phương có khả năng, giúp đỡ họ trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù phương Bắc - tức quân Trịnh. Họ bèn khai thác mảnh đất hoang hóa rộng lớn ở phía Nam. Cuộc Nam tiến này không chỉ là cuộc Nam tiến của những người nông dân và người lính, nó còn là cuộc Nam tiến của các sĩ phu, các dân phiến loạn, của tất cả những người bị cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này, cũng như những thiên tai, làm cho cả non sông suy tàn điêu đứng ấy, khích lệ lia bỏ

quê hương làng mạc, chọn con đường ra đi, nhằm tự tay mình xây dựng lại, cùng mình làm chủ số phận của mình. Và cũng chính nhờ những người dân lưu đày này đã ra đi, mang theo cả bài vị thành hoàng và lò hương tiên tổ ấy, mà nước Việt Nam đã mở rộng thêm bờ cõi phía Nam và có được sự thống nhất dân tộc. Kết quả của công phu lao động và sự chiến đấu kiên trì. Về sau, khoảng cuối thế kỷ XVII, khi mảnh đất cuối cùng của vùng Chămpa cũ là Bình Thuận mất nốt và trước mắt mở ra cả một vùng châu thổ rộng lớn của sông Cửu Long, thì người Việt Nam chẳng ngần ngại đón tiếp những người tị nạn chính trị, những người Tàu chạy trốn sự thống trị của Mãn Thanh, do Dương Ngạn Dịch, Trần Xuyên, Mạc Cửu lãnh đạo, dù có phải tìm cách đồng hóa họ sau này, với sự ủng hộ của thời gian, bằng một pháp chế khôn ngoan. Cuộc Nam tiến đó là sự nghiệp của các chúa Nguyễn. Ngay từ 1671, quân Nguyễn đóng quân tại Sài Gòn. Cái tên Nam Hà được Nguyễn Hoàng đặt cho vùng đất Thuận Hóa (từ Quảng Bình vào tận phía Nam). Nếu như các chúa Nguyễn đều có ưu điểm là đã khai khẩn đất đai miền Nam, thì chính Nguyễn Phước Khoát (1738-1765) là người hoàn tất cuộc Nam tiến bằng cách khai phá vùng đất vô chủ của phương Nam, như trước ông ta, Nguyễn Phước Nguyên (1613-1639) đã có công củng cố Thuận Hóa trong quá trình chiến tranh với quân Trịnh. Năm 1744, Nguyễn Phước Khoát tự phong mình làm vua dưới cái tên là Võ Vương. Từ đây, ông từ chối không chịu nhận sự thụ phong từ vua Lê nữa. Ông tổ chức lại đất nước, chia làm 12 “đình”. Bộ phận những đất cũ, từ Chính Dinh (Phú Xuân) đến Bình Thuận, lại chia nhỏ ra thành 9 đình. Bộ phận đất mới chiếm của Chân Lạp thì làm thành 3 “đình”: Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định), Long Hồ (Vĩnh Long) và trấn Hà Tiên. Năm 1753, ông lập ra “đạo” Trường đồn (Mỹ Tho, Cao Lãnh). Năm 1755, nhận Tâm Bồn và Lôi Lấp, tức Trà Vinh (Vĩnh Bình), Ba Thác (Bassac, Sóc Trăng), Tân Phong Long (vùng bắc Bassac). Sau cùng, năm 1759, ông thiết lập 5 “đạo”: Đông Khẩu Đạo (Sa Đéc), Trâu Châu Đạo (Cù Lao Giêng), Châu Đốc Đạo, Kiên Giang và Long Xuyên Đạo. Nếu nhà Nguyễn đã có thể thống nhất giang sơn, căn bản là nhờ việc mở mang bờ cõi, khẩn hoang đất đai, mở

mang buôn bán và phát triển nền canh tác quốc gia, dần dần biến miền Nam thành một xứ sở giàu có hơn.

Đô đốc Reveillère dẫn, “Revue Indochinoise” (Tạp chí Đông Dương) từ ngày 9/6/1902.

Cuộc thi tiến sĩ đầu tiên được mở năm 1075, dưới triều đại nhà Lý (1009-1225). Dưới triều Lê (1428-1788) có lệ “Vinh quy bái tổ”. Lệ này xuất hiện lần đầu năm 1466, do sáng kiến của vua Lê Thánh Tông (1460-1497) nhằm tô điểm cho các cuộc thi cử có tính chất oai nghiêm vinh hạnh và nhất là khuyến khích các sĩ tử thi tài. Vì vậy có những người đỗ tiến sĩ được dự lễ xướng danh thật hết sức long trọng, tên tuổi họ được ghi vào bảng vàng treo trước cung điện nhà vua; họ được nhận, từ chính tay nhà vua, một bộ lễ phục (mũ, đai, áo) và được vua đãi yến tiệc. Ba người đỗ đầu kỳ thi tiến sĩ được ban: - Học vị Trạng nguyên - tức Đệ nhất tiến sĩ, một học vị cực kỳ hiếm có. - Bảng nhãn - tức Đệ nhị tiến sĩ. - Thám hoa - tức Đệ tam tiến sĩ. Cuộc thi tiến sĩ năm 1442 (do Nguyễn Trãi làm chủ khảo - LND) đã khánh thành một bia đá dành cho một kỳ thi tiến sĩ. Người ta ghi lên bia: một bản tóm tắt về kỳ thi, có bình chú bằng chữ Hán và chữ Nôm, tiếp theo là bảng danh sách các người thi đỗ. Bia thứ nhất là của kỳ thi đời Lê Thái Tông (1442); bia cuối cùng là của kỳ thi đời Lê Hiến Tông (1779), trong thời gian 337 năm, đã có 110 cuộc thi với 3 năm một kỳ. Độ ba mươi tám bia ấy đã bị mất đi trong những buổi thăng trầm của lịch sử. Những tấm bia ấy đều tập trung trong khu Văn Miếu, Hà Nội, hai bên bờ một hồ vuông, Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng trời).

F. Chesneaux “Contribution à l’histoire de la nation Vietnamienne”, Paris 1955, trang 115.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 27, trang 426-434 và quyển 28, trang 85-88.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 85-88.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 85-88.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 85-88.

Lưu trữ quốc gia, Paris. BB4, quyển 769.

Tài liệu ngoại giao Tây Ban Nha, Madrid.

Nhà thơ Pháp đứng đầu chánh phủ lâm thời của Pháp năm 1848.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 403-404.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 403-404.

Chesneaux dẫn, “Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam” (Contribution à l’histoire de la nation Vietnamienne), trang 115.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 28, trang 453-453.

Nơi tắm biển nổi tiếng ở vịnh Gascogne, bờ biển Tây nam nước Pháp.

Lời tựa của Rieunier cho cuốn sách của P.Vial “Những năm đầu của Nam kỳ thuộc địa Pháp” (Les Premières années de la Cochinchine, colonie Francaise, Paris, 1876), trang 12.

Napoléon III từng mơ ước thiết lập tại Trung Mỹ một đế quốc Thiên Chúa giáo rộng lớn. Năm 1867, ông can thiệp vào những cuộc loạn ly rối ren ở Mêhicô. Với ông, cuộc viễn chinh này là “tư tưởng lớn của triều đại”. Ba năm sau, ông áp đặt làm Hoàng đế người Mêhicô, đại công tước Maximilien de’ Autriche, em của Francois-Joseph. Nhưng dân nước Mêhicô nổi dậy, dưới sự chỉ đạo của Benito Juarez và tiến hành một cuộc chiến tranh du kích trường kỳ chống quân Pháp. Napoléon III bị “tổ ong vò vẽ Mêhicô” ấy đẩy vào thế nan giải, phải lui quân, bỏ rơi Maximilien, bị Juarez bắt và xử bắn ngày 19/6/1867. Chính là tham vọng của vợ đã đẩy Maximilien nhận ngôi vua Mêhicô và dẫn thân đại dột vào cuộc phiêu lưu này. Người vợ khốn khổ đã cố hết sức cứu chồng nhưng vô hiệu, đã hóa điên sau khi chồng bị xử tử.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 46-48.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 105.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 106.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 112

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 135-138.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 270-272.

Ông Cuverville và ông Duval.

Georges Taboulet, “La Geste Francaise en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 523.

Georges Taboulet, “La Geste Française en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 544.

Georges Taboulet, “La Geste Française en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 545.

Georges Taboulet, “La Geste Française en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 547.

Georges Taboulet, “La Geste Française en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 512.

Lưu trữ trung ương của Đông Dương, trang 8, 11 - số 51.

Lưu trữ trung ương của Đông Dương, trang 24, 11-số 51

Georges Taboulet, “La Geste Française en Indochine” (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 516.

Sông Gange: tức sông Hằng. Con sông gắn liền với đời sống tâm linh của người Ấn Độ (BT)

Ch.Gosselin dẫn trong “Đế quốc An Nam”, Paris 1940.

Trong lễ Hiến Phù long trọng tổ chức tại Tôn Miếu hoàng cung, ngày đăng quang, dưới niên hiệu Gia Long, Nguyễn Phước Ánh ra lệnh khai quật thi hài anh em Tây Sơn, Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ đem tán thành bột và tung theo gió bay. Riêng các sọ đầu được giữ lại trong ngục thất, giam giữ trong những cái vò.

Nguyễn Hoàng, năm 1559, đã được phong làm trấn thủ Thuận Hóa (vùng Huế, Thừa Thiên) sau một cuộc tranh giành quyền lực tại triều đình nhà Lê. Sự phong chức này, thực ra là một hình thức cách ly chính trị, nó mở đường cho một cuộc chiến tranh huynh đệ kéo dài hai thế kỷ, đồng thời dọn đường cho một sự mở rộng lãnh thổ Việt Nam về phía Nam.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 142.

Sau trận đầu hàng ở Sedan, ngày 20/9/1870, Hoàng gia Pháp dời đến Chislehurst, tại nước Anh. Napoléon III mất tại đó năm 1873; và thi hài của Thái tử, bị giết năm 1879 tại Zouland cũng được an táng tại đó.

Théophile Gauthier, “Một cuộc viếng thăm Bá tước Bismarck”, tạp chí Paris 15/8/1903 trang 763-792.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 211

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 67-72.

Lưu trữ trung ương Đông Dương BII, S42

J.Dupuis, “Nguồn gốc vấn đề Bắc kỳ”, trang 107.

Lung Chang dẫn trong “Nước Trung Hoa ở buổi bình minh thế kỷ XX”, Paris 1962, trang 13.

“Đại Nam chính biên liệt truyện”, quyển 30, trang 416 và lưu trữ gia đình họ Vũ, do Vũ Vĩnh Thứ, cháu ba đời của Vũ Văn Dũng, phổ biến vào năm Tự Đức thứ 20 (1870), và xuất bản trên báo “Trung Bắc chủ nhật” số Tết Quý Mùi (1943), trang 20, 21, 28. Quang Trung Hoàng đế (niên hiệu của Nguyễn Huệ) sau một cơn giận dữ quá mạnh mà mất đột ngột ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792).

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 151.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 155-157.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 160-161.

J.Dupuis, sách đã dẫn, trang 120.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 219-237.

Lưu trữ trung ương Đông Dương T.I, B223.

Đăng lại do Taboulet “Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương”: tập 2, trang 699-701.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 346-349.

Hippolyte Gautier, “Người Pháp ở Bắc kỳ”, Paris 1884, trang 150.

Jean Marquet và Jean Norel, “Pháp xâm chiếm Bắc kỳ II (1873-1874)”, Sài Gòn, 1936, tập 2, trang 42-43.

J. Dupuis, sách đã dẫn, trang 103.

Do Millot dẫn, “Bắc kỳ”, Paris 1888.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 32, trang 53-58.

Do Taboulet dẫn, sách đã dẫn, trang 680-681.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 284-291.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 328-332.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 332.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 352.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 371.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 381.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 31, trang 318-321.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 32, trang 24.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 32, trang 36-39.

Jean Marquet và J.Novel ghi lại, tác phẩm đã dẫn: quyển 1, trang 139.

H.Brunschwicg dẫn trang “Chế độ thực dân Pháp”.

Dupré xin cho Garnier thăng chức thiếu tá hải quân ngày 21/11/1873, ngày hăn ta chiếm thành Hà Nội, nhưng nội các Broglie từ chối không truy thưởng thăng chức cho hăn, như ông Đô đốc xin. Vợ góa của Garnier cũng đã khó khăn mới xin được một khoản trợ cấp. Trong giới quan chức, người ta kể chuyện về Francis Garnier như “một gã phiêu lưu ồn ào và nguy hiểm, một tên lính vô kỷ luật”. Tháng 12/1875, khi hài cốt của Francis Garnier được chôn tại Sài Gòn, ông Đô đốc cầm quyền Dupré đi tới mức độ cấm các sĩ quan không cho đi đám tang của hăn.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 32, trang 70.

Do Taboulet ghi lại, sách đã dẫn, quyển 2, trang 731-733.

Công báo nước Cộng hòa Pháp ngày 4/8/1874.

J.Marquet và J.Novel trích “Pháp chiếm đóng Bắc kỳ (1873-1874)”: quyển I, trang 80-82.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 373-376.

Dưới triều đại Hoàng đế Càn Long, Trung Quốc có sáu Bộ hợp lệ và tồn tại hàng trăm năm nay: Công vụ, Tài chính, Lễ nghi, Tư pháp, Chiến tranh và Công chánh. Ngoài ra còn có những Bộ đặc biệt như, Bộ các lãnh thổ lệ thuộc phụ trách những vấn đề liên quan đến Mông Cổ và Tây Tạng, còn bộ Lễ nghi, phụ trách những quan hệ với các quốc gia lệ thuộc. Trong quan hệ với các nước ngoài, những chánh phủ toàn quyền của Tche-Li (?) và của Lưỡng Quảng được trao những quyền hạn rộng lớn. Chỉ sau khi ký các hiệp ước Bắc Kinh với Anh và Pháp, năm 1860, thì Cung Thân vương cùng với hai đại thần chánh phủ, Kouei-Leang(?) và Wen-Siang(?), mới đệ trình vua Hiến Tông (1850-1861) ngày 13/1/1861, một tờ biểu đề nghị thành lập một Bộ chuyên môn phụ trách các vấn đề thương mại và ngoại giao với các cường quốc phương Tây. Bộ mới được thành lập ngày 20/1/1861, mang tên

là “Tổng lý các quốc thông thương sự vụ nha môn”, viết tắt là “Tổng lý Nha môn”. Đây là tiền đề của Bộ Ngoại giao Trung Quốc. Trong các giới chức Trung Quốc, bộ này thường được là “Dinh Thự” (Phòng Phiên dịch) hay là “Tổng Thự” (Phòng Trung tâm). Tổng lý Nha môn chính thức mở cửa ngày 11/3/1861. Nó do một Thân vương làm chủ tịch. Trong thời gian tồn tại, nó trải qua hai vị chủ tịch: Cung Thân vương, từ 1861-1884; Khánh Thân vương, từ 1884-1891. Các vụ trưởng và phó vụ trưởng các bộ, quan chức cấp cao, thường xuyên được cử đến Tổng lý Nha môn để thành lập Hội đồng và tham gia vào những cuộc thảo luận của hội đồng. Họ nhận các chức “Bộ trưởng” của Tổng lý Nha môn. Tổng lý Nha môn gồm có năm bộ: Vụ nước Nga (kể cả các vấn đề Nhật Bản); Vụ nước Anh (kể cả các vấn đề Áo-Hung); Vụ Hoa Kỳ (kể cả các vấn đề Đức, Ý, Pérou, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch và Bồ Đào Nha); Vụ phòng vệ vùng biển (tiền thân của Bộ Hải quân Trung Quốc).

“Cuốn sách vàng”, phần I, “Các sự kiện Bắc kỳ”, trang 36-38.

“Cuốn sách vàng”, phần I, “Các sự kiện Bắc kỳ”, trang 46-48.

Không nên nhầm lẫn “sĩ phu”, hay kẻ sĩ với “quan”. Tất cả các “quan” đều là kẻ sĩ, nhưng kẻ sĩ có thể không dự các “kỳ thi làm quan”, nó cho phép người ta tiến thân vào con đường “hoạn lộ”. Những sĩ phu yêu nước có theo đuổi các kỳ thi nhưng từ chối chức quan. Những kỳ thi tuyển làm quan được thiết lập từ 1075, nhưng chưa bao giờ có những sự thay đổi đáng kể, mặc dầu năm 1915 Pháp có áp đặt một cuộc cải cách bắt buộc.

Sau Cách mạng 1945 thì đổi lại là Mục Nam Quan, rồi Hữu Nghị Quan.

“Cuốn sách vàng”, phần I, “Các sự kiện Bắc kỳ”, trang 60.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 3, trang 33-34...

“Cuốn sách vàng”, phần I, “Các sự kiện Bắc kỳ”, trang 61

“Cuốn sách vàng”, phần I, “Các sự kiện Bắc kỳ”, trang 76.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 34, trang 408-411.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 35, trang 128-129.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 35, trang 135-136.

Thủ khoa: đỗ đầu Cử nhân trong kỳ thi Hội ba năm một lần.

Ch. Gosselin dẫn, “Nước An Nam” .

Ngân hàng Đông Dương lúc mới đầu được hưởng chế độ ngân hàng phát hành, chức năng mà nó thực hiện tại Nam kỳ trước tiên, rồi lại toàn bộ các xứ Đông Dương, cũng như tại Nouvelle-Calédonie, tại các cơ quan của Pháp tại Ấn Độ, ở châu Đại dương, và ở bờ biển Somalie thuộc Pháp. Cùng một lúc, nó đầu tư vào việc khai thác thuộc địa đã được đội quân lính thủy đánh bộ chinh phục. Các công ty than đá Bắc kỳ, Thủy điện Đông Dương, Rượu bia và nước đá, Cao su (bên cạnh công ty Rivaud), Xi măng, Công chánh, Rượu, Nickel của Nouvelle-Calédonie, tín dụng ruộng đất... cái danh sách các công ty cặp từng ngăn ví của nó thật sự là một cái “thế giới kinh tế thu nhỏ”. Vượt ra ngoài cả khuôn khổ những lãnh thổ mang cờ Pháp, Ngân hàng Đông Dương mở rộng mạng lưới của nó ra trên một bộ phận lớn khu vực Đông Nam Á trực tiếp hoặc qua con đường vòng của chi nhánh nó là Ngân hàng Pháp - Trung sau này, trở thành Ngân hàng Thương mại Pháp với các đại lý ở Hồng Kông, Tokyo, Singapour, Bangkok, Kuala-Lumpur. Về sau nó mở rộng ảnh hưởng sang tận châu Mỹ Latinh, châu Bắc Phi và vùng Cận Đông. Giữa hai cuộc Đại chiến Thế giới 1914-1918, 1939-1940, các hoạt động của nó vẫn tiếp tục phát triển. Thế chiến II sắp mang lại cho Ngân hàng Đông Dương những đảo lộn sâu sắc trong hoạt động của nó. Năm 1947, đặc quyền phát hành giấy bạc của nó bị thu hồi, bây giờ thì nó mang một quy chế hỗn hợp: quy chế một ngân hàng hải ngoại và một ngân hàng kinh doanh tại chính quốc. Sau sự thay đổi tính chất đó lại tiếp theo một sự cải tổ sâu sắc hơn, trong và sau cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954). Ngân hàng chuyển dần về nước phần cơ bản của tiền mặt Đông Dương để đầu tư trở lại trong bất động sản (tín dụng đất đai và nhà cửa), tín dụng giải pháp trung gian, công ty đầu tư hoặc xí nghiệp công nghiệp. Phần lời của nó ở Đông Nam Á, đã rơi từ 90% trước 1930, xuống 4% năm 1972, làm lợi cho châu Âu (60-65%), cho châu Mỹ (20%) và châu Phi (10%). Đầu năm 1972, các chi nhánh Ngân hàng Đông Dương hay các xí nghiệp mà nó kiểm soát tại Việt Nam là: Ngân hàng Công thương - Nông nghiệp; Ngân hàng Thương mại Pháp (Ngân hàng Pháp - Trung trước đây); Ngân hàng Pháp Châu Á; Công ty Đông Dương các đồn điền cao su; Cao su Đồng Nai; Công ty Cao nguyên Đông Dương (CEXO);

Công ry Đông Dương Lâm nghiệp Diêm; Công ty nạo vét và công chính Pháp; Nhà máy Bia và nước đá Đông Dương; Công ty đầu tư chính quốc và hải ngoại (SIMER), tức Công ty Vận tải đường sông Nam kỳ cũ (trụ sở tại Djibcuti) kiểm soát ở Việt Nam, những công ty sau đây: Nhà máy thuốc lá Đông Dương (MIC); Thuốc lá Việt Nam (Công ty phát triển trồng thuốc lá tại Việt Nam); Công trường và hiện trường hợp nhất Đông Dương (CARIC); Ngân hàng Đông Dương còn kiểm soát: Công ty Citroen Vietnam; Công ty Roussel-Vietnam; Công ty oxy và axetylen Viễn Đông; Công ty SOFICAL. Tháng 6/1972, sau khi đã nắm quyền kiểm soát Ngân hàng Đông Dương (52%), cơ quan tài chính Suez sẽ dần dần thôn tính hết cả Ngân hàng Đông Dương. Vậy là chấm dứt giai đoạn hai của một “cuộc phiêu lưu” đã bắt đầu cách đây non một thế kỷ.

Paul Doumer, “L’Indochine française, Souvenirs” trang 84-86.

Le Myre de Vilers, “Questions diplomatiques et coloniales” (Những vấn đề ngoại giao và thuộc địa), trang 134.

G. Taboulet dẫn, Sđd trang 606-607.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 35, trang 168-195. và 180-181.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 36, trang 262-263 và 295.

“Cuốn sách vàng”, phần I, trang 148-149.

“Cuốn sách vàng”, phần I, trang 195.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 36, trang 205.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 36, trang 323.

Thượng thư (Bộ trưởng) có hai cố vấn, gọi là “tham tri” (hữu tham tri và tả tham tri) và hai trợ tá cố vấn, gọi là “thị lang” (hữu thị lang và tả thị lang) và một bí thư gọi lại “biện lý”.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 131-135

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 36, trang 302-303.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 36, trang 390-394.

“Cuốn sách vàng”, phần I, trang 195.

Sau khi cuộc nổi dậy, thể hiện ý chí đánh đuổi kẻ thống trị ngoại bang này thất bại, Quốc hội Pháp quyết định nhượng 100.000 ha đất cho người Alsace và Lorraine. Tại Alger, người ta xoay xở, định đòi những đám dân

nổi loạn, tiền bạc và đất đai. Rốt cuộc, người ta đã cướp mất của họ, với danh nghĩa là chiến phí hoặc là tiền chuộc ra tù, 446.406 ha đất trong đó có 301.516 ha đất canh tác và 54.461 ha đất trồng trọt. Những người nổi loạn phải trả tất cả 64.739 francs vàng, tức 70% vốn của họ và 85 francs vàng cho mỗi đầu người.

Từ “kanak” có nghĩa là “người”, gốc ở từ vùng Hawaii qua ngôn ngữ “Pidgin-English (tiếng Anh nói, ở các thuộc địa cũ), được Pháp hóa thành từ “Canaque”. Người Pháp dùng từ Canaque với cái nghĩa khinh bỉ đối với người Mélanésie, trước khi người Mélanésie “đòi” lại từ này, với tất cả niềm tự hào vào khoảng năm 1965. Người Canaques thuộc về một nền văn minh cũ đã xuất hiện tại vùng Thái Bình Dương từ 3.000 năm trước. Cuộc nổi dậy năm 1878 của người Canaques là do chính sách cướp đoạt đất đai của bọn thực dân Pháp được chánh phủ thuộc địa khuyến khích. Chế độ thực dân đã dẫn họ đến bên bờ vực thẳm của sự diệt chủng; năm 1887 có 49.000 người Canaques, năm 1901 chỉ còn lại trên 27.000 người. Cuộc nổi dậy cuối cùng của người Canaques vào cuối thế kỷ XIX đã bị đàn áp dã man, ít nhất có 1.000 người chết về phía quân Canaques và khoảng 200 người về phía bọn thực dân. Quân Pháp chỉ có thể thắng nổi lãnh tụ của cuộc nổi dậy là Atai, mà những người thuộc phái độc lập ngày này vẫn tưởng niệm, nhờ sự chi viện của bộ tộc Canaquea tại Canala. Cái đầu của Atai đã “kết thúc” trong một lọ formon tại Viện bảo tàng Con người ở Paris. Lá cờ Pháp được kéo lên trên đất Tân-Calédonie, ngày 24/9/1853. Người Canaques, chỉ đến năm 1952, mới được quyền tuyển cử. Trong thực tế, người Canaques bị cấm cửa trường tiểu học cho đến năm 1945, bị cấm cửa trường trung học cho đến năm 1957; đầu năm 1968, mới có những học sinh đậu bằng tú tài. Người Canaques đầu tiên tốt nghiệp trường đại học trở lại đảo quê hương năm 1972. Năm 1984, trong 100 người dân Calédonie chỉ có 9 người Canaques đậu tú tài, điều này giải thích tại sao hoàn toàn không có một tầng lớp ưu tú của người Canaques. Trong số 10 người lao động thì có 5 nông dân, 4 công nhân hoặc viên chức và 1 kỹ thuật viên hoặc cán bộ. (Le Monde, ngày 19/12/1984, trang 7).

Chúng tôi để chú thích ở đoạn này do sách gốc bị mất để lưu ý độc giả.
(BT)

Như trên. (BT)

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 37, trang 181-187.

Món nợ Việt Nam đối với Tây Ban Nha là một triệu đồng, từ Hiệp ước 1874 đã trả 258.747 đô la 77 xu với chi tiết như sau: - Trả năm 1876: 18.018 đô la 50 xu tại Paris. - Trả năm 1877: 82.684 đô la 50 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1878: 65.584 đô la 53 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1879: 28.370 đô la 19 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1880: 64.090 đô la 73 xu tại Sài Gòn. (Theo “Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 24)

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 202-204.

André Masson, “Thư từ chính trị của đại tá Henri Rivière ở Bắc kỳ”, Hà Nội 1953, trang 1.

Viện sĩ Viện Hàn lâm Văn học Pháp.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 150-151.

Semallé, “Bốn năm ở Bắc Kinh” (1880-1884), Paris 1933, trang 154.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 34, trang 420. Chỉ đến năm 1861, vua Tự Đức mới ra lệnh cho mỗi tỉnh phải chọn các thanh niên tuyển vào quân đội. Năm 1865, nhà vua mở các kỳ thi quân sự nhằm tuyển chọn những cán bộ chỉ huy. Mỗi “đội” gồm 50 lính, chỉ có 5 người được trang bị loại súng trường rất cổ, bắn phải châm lửa vào ngòi.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 180.

A.Millot, “Trung gian những người tìm kiếm và những kẻ tò mò”, 20/6/1894.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 202.

“Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)”: chương 26, trang 10.

“Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)”: chương 27, trang 10.

“Lý Hồng Chương toàn tập”: quyển 12, trang 44.

“Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)”: chương 27, trang 20-22.

“Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)”: chương 28, trang 14-15.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 38, trang 325.

“Cuốn sách vàng”: phần I, trang 269-270.

“Bản sao của Tổng lý Nha môn gửi cho phái đoàn triều đình Trung Quốc tại Paris về những vấn đề liên quan đến Việt Nam”, Văn kiện ngoại giao Trung Quốc của phái đoàn triều đình Trung Quốc tại Paris.

A.Masson dẫn, “Thư từ chính trị của đại tá Henri Rivière tại Bắc kỳ”, Hà Nội 1933, trang 131-132.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, trang 30-33.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 39, trang 363-364.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 39, trang 365.

Maurice Reclus, “Jules Ferry”, trang 291 và 306.

Tác giả của nhiều cuốn sách viễn tưởng hấp dẫn như “Hai vạn dặm dưới đáy biển”, “Những đứa con của đại úy Grant”, “Một thành phố nổi”, “Một đại úy 15 tuổi”, v.v...

Henry Cordier, “Lịch sử các quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với các cường quốc phương Tây”: quyển 2, trang 362-363.

De Semallé, “Bốn năm tại Bắc Kinh” (1880-1884), trang 107-108.

“Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Kouang-Siu)”: chương 28, trang 14-15.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 39, trang 365.

“Lính lê dương” (Légion Etrangère) do vua Louis Philipe (1830-1848) lập ra năm 1831, gồm có lính tình nguyện, nhiều quốc tịch ngoại quốc khác nhau, không cần phải là Pháp, mà phần đông là những thành phần bất hảo, ở trong xứ họ thường bị kết án mà họ bỏ trốn đi được, sung vào quân đội này của Pháp. Đội này này sĩ quan Pháp chỉ huy. Trong lúc ở Việt Nam (1945-1954) họ có tiếng là hung ác nhất và dã man nhất. Họ đã đánh nhiều trận: Crimée (1855), Ý Đại Lợi (1859), Thế chiến I (1914-1918), Thế chiến II (1940-1945), Đông Dương (1945-1954) và Algerie (1954-1962).

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, trang 197.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 41, trang 236.

Gosselin dẫn, “Nước An Nam”.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 41, trang 236.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, trang 53-54.

Dục Đức, Chánh Mông, Dương Thiện là tên các cung điện, nơi các ông Hoàng thân ấy học (Dục Đức Đường, Chánh Mông Đường, Dương Thiện Đường). Khi các Hoàng thân này chưa lên ngôi, người ta dùng những cái tên đó để gọi họ (theo phong tục Việt Nam, người ta thường gọi tước hiệu thay tên húy, nhất là đối với hàng vua chúa).

Mệ Mến và Mệ Triu là những cái tên dùng lúc còn vị thành niên (Mệ, tiếng Huế có nghĩa là Bà, lại để chỉ các ông hoàng). Minh Mạng có những 170 người con. Vì lo lắng đến sự phân biệt dòng họ nhà vua với dân thường, ông ta đặt một cái tước hiệu riêng cho 20 thế hệ kế tiếp mình. Những cái tước hiệu đó là tên chỉ một đức tính, hoặc một phẩm chất đặc thù của mỗi thế hệ thân vương. Hai mươi tính ngữ này được ghi vào những tờ giấy bằng vàng, làm thành cuốn “sổ hộ tịch” của triều đình hoàng gia Huế, và được trình bày dưới hình thức một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, trong đó mỗi chữ dùng làm “tên đệm” cho hậu duệ của mình: Miên Hồng (Hường) Ứng Bửu Vĩnh Bảo Quý Định Long Tường Hiền Năng Kham Kế Thuật Thế Thoại Quốc Gia Xương.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, trang 201-203.

Tức Nguyễn Phúc Hồng Dật, tước phong ban đầu là Lãng Quốc công, lên ngôi lấy niên hiệu là Hiệp Hòa. Ông được truy phong là Văn Lãng Quận vương. (BT)

Theo tập quán, cửa giữa chỉ dành riêng cho vua (cửa Ngọ Môn).

Danh hiệu dùng để chỉ những người nổi tiếng về học vấn và đức độ.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 41, trang 381.

G.Gervais dẫn, “Cuộc chinh phục Bắc kỳ”, trang 90-95.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, trang 283.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, trang 319.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 57, trang 12 và 15.

Văn kiện ngoại giao Pháp - Iere Série - No 24, note 2, trang 50.

“Lý Hồng Chương toàn tập”: quyển 33, chương 33, trang 15 và 16.

Văn kiện ngoại giao Trung Quốc: chương 33, trang 15-16.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, trang 65-66.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 21, trang 21.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 41, trang 41.
Vladimir Potremkine, “Lịch sử ngoại giao”, tập 2.
Henri Cordier, “Lịch sử các quan hệ ngoại giao Trung Quốc với các cường quốc phương Tây”, tập 2, trang 395-396.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập II, trang 100-101.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập II, trang 113-115.
“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 41, trang 197-199.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập V, số 80, trang 89.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập V, số 80, trang 97-99.
Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 101, trang 112.
Henri Cordier dẫn, sđd, tập 2, trang 411-412,
Văn kiện ngoại giao Pháp.

211 phiếu thuận và 7 phiếu chống khi biểu quyết khoản chi phí 9 triệu francs; 215 phiếu thuận và 6 phiếu chống khi biểu quyết kinh phí 20 triệu francs.

Các nhà văn đã phản ứng như thế nào trước sự bành trướng thuộc địa Pháp ở châu Phi và Viễn Đông? Từ khối lượng khá lớn những cuốn tiểu thuyết xuất bản từ năm 1870 đến 1914, người ta thấy thoát ra hai thái độ. Một bên là sự bàng quan, thậm chí sự coi thường; một bên là sự say sưa đối với một sự nghiệp tỏ ra có khả năng đánh thức dậy những nguồn nghị lực của đất nước. Trong loại thứ nhất, có thể xếp những cuốn sách vừa có tính chất đại chúng, vừa rời rạc, như “Tartarin de Tarascon” (Alphonse Daudet), “Bel Ami” (Guy de Maupassant) và “Cuốn tiểu thuyết của một người lính Spahi” (Spahi, kỵ binh Bắc Phi, do Pháp tổ chức), của Pierre Loti, v.v.. nó còn cho chúng ta thấy các thuộc địa dưới những ngày đen tối. Như vậy, Maupassant và Daudet thi nhau tố cáo những tệ nạn xấu xa của một chính sách thực dân thông thường, luôn luôn rời rạc và chẳng bao giờ là vô tư. “Mẫu chuyện Maroc” trong “Bel Ami” rõ ràng là ám chỉ những mảnh khoe chính trị - tài chính trong vấn đề Tunisie, do Jules Ferry chủ trương. Nhân

vật tiểu thuyết trong tác phẩm này là anh lính Pháp viễn chinh, mà sự hiện diện trong nhiều trường hợp chẳng qua chỉ là cái cớ để người ta bóc trần cái thế giới thuộc địa bẩn thỉu, trong đó sống chung với nhau, trên một bối cảnh cơ cực đói nghèo của người bản xứ, cả một hệ động vật thoái hóa, và những gã phiêu lưu đến thời mạt vận. Vào cuối thế kỷ XIX, một trào lưu tiểu thuyết khác bắt đầu, từ Jules Verne đến Melchior de Vogue, ngược lại, cổ thối phòng lên những lợi ích của chế độ thực dân. Sự nghiệp của các tiểu thuyết gia, ít nhiều, là đệ tử của Nietzsche, Michelet, và Maurras, đều diễn đạt một ý thức hệ ý chí của chủ nghĩa, mà mục đích là cung cấp một chút đền bù cho nỗi cay đắng quân sự năm 1870, và tạo ra, trong những thuộc địa có sức mạnh “tái sinh”, một nòi giống sĩ quan và nhân viên cai trị mới, gặp thời, là có thể lật đổ chế độ Cộng hòa bỉ ổi và đáng khinh. “Le Voyage du Centurion” (Cuộc du lịch của viên đội trưởng đội quân 100 người), của Ernest Psichari, hoặc “Les morts qui parlent” (Người chết biết nói) của Melchior de Vogue, đưa lên sân khấu những sĩ quan thể hiện những đức tính tốt đẹp của người đàn ông, lòng dũng cảm và tinh thần hành động. Bẩm sinh mang khí chất người chỉ huy, những con người đó luôn luôn bị ám ảnh bởi sự suy tàn của chính quốc, đều ý thức sâu sắc văn minh thực sự, và tất cả họ đều dựa vào một thứ thần bí đế quốc chủ nghĩa: Gelliémi và Lyautey là những người mẫu mực của họ. Văn học tiểu thuyết Pháp giai đoạn 1870-1914 không phản ánh được gì nhiều về châu Phi và Đông Dương. Nhưng cái “giọng điệu” của thứ văn học đó lại phản ánh khá đậm nét, tâm lý của các nhà văn hiện đại. Dù xuất thân từ đâu, thì tất cả đều mang một tư tưởng bàng quan như nhau đối với những dân tộc bản xứ, nhân vật vắng mặt lớn nhất của nền văn học. Thuộc địa này, rất mâu thuẫn, là người dân thuộc địa. Trong mọi trường hợp, đời sống của họ chỉ thành hình dưới con mắt người da trắng, mà cái nhân quan một chiều. Sự tái diễn những từ ngữ vay mượn ở ngôn ngữ động vật học, sự vận dụng lặp đi lặp lại, tính từ “simiesque” (như khỉ), hoặc là các ẩn dụ hình động vật, để miêu tả người dân thuộc địa, khi cần, vẫn có thể là một bằng chứng cụ thể về mức độ phi phân tích hóa, mà các chứng nhân của cuốn lịch sử biên niên thuyết ấy đã đạt tới. Những tác phẩm dành riêng cho giai đoạn thuộc địa

của Pháp vẫn giữ một tính chất huyền thoại. Quả thực, ở đó, mọi sự diễn ra như thể các tiểu thuyết gia đều đã nhìn thấy châu Phi, hoặc Đông Dương, qua màn ảnh méo mó của sự giáo dục văn học của họ. Với quyết tâm bằng bất cứ giá nào tìm lại cho kỳ được cái thế giới miêu tả trong “Một mùa hè trên đất Sahara” (L'été au Sahara) của Eugène Fromentin, hoặc trong “Salammbô” của Gustave Flaubert, họ đã phản ứng lại nỗi tuyệt vọng của chính mình khi tiếp xúc với một thực tế hoàn toàn khác biệt, hoặc bằng cách chế nhạo, hoặc bằng cách sao lại, và lý tưởng hóa đi, những thứ sáo cũ tầm thường tệ hại nhất của một thứ chủ nghĩa hưởng ngoại, kiểu “quảng cáo của nhà ga Lyon”, như Paul Morand gọi.

Pierre Loti (1850-1923): Nhà văn Pháp, tác giả nhiều tiểu thuyết nổi tiếng, như “Pêcheurs”, “Madame Chrysanthème”...

Tứ trụ triều đình: Bốn quan nhất phẩm, theo thứ tự quan trọng là: Cần Chánh, Văn Minh, Võ Hiến, Đông Các.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, chương 341.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, chương 344

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, chương 14.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, chương 15.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 40, chương 16

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 42, chương 110.

Strasbourg và Metz là hai thành phố ở Đông bắc nước Pháp, bị Đức thôn tính trong cuộc chiến tranh Đức - Pháp năm 1870. Mãi cho đến năm 1918 mới được trả lại cho Pháp, sau khi Đức bị thua trận trong Thế chiến I (1914-1918)

Trong chiến tranh Đức - Pháp 1870, quân Pháp đại bại và đầu hàng tại Sedan.

Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 75, chương 375-402. Các bản tường trình khác: chương 405, 425, 444 và 456.

Charles Meyer, “Cuộc sống thường ngày của người Pháp tại Đông Dương (1860-1910)”, Hachette, Paris, chương 240, 241, 242, và 232, 233.

Không phải vô cớ mà năm 1960, Pandit Nehru, thủ tướng Ấn Độ, đã ký quyết định cấm các giáo sĩ Kitô giáo vào đất Ấn. Tháng 2/1964, Thống chế

Ibrahim Abboud, Tổng thống Soudan, đã trục xuất khỏi Soudan tất cả giáo sĩ và nữ tu nước ngoài vì họ đã tham gia vào âm mưu lật đổ chính quyền mới được thiết lập tại Soudan. Cũng cùng lý do đó, năm 1963, Tổng thống Cộng hòa Guinée, Sékou Touré, đã trục xuất Giám mục địa phận Conacry, Pháp. Nhiều quốc gia châu Phi đã kịch liệt chống lại sự can thiệp vào nội bộ đất nước họ của các giáo sĩ ngoại quốc. Các nhà đương cuộc Tchad, Haute-Volta, République Centre-Africaine (Trung Phi) đã trục xuất nhiều giáo sĩ Kitô, cũng vì lẽ ấy. Tháng 1/1970, sau khi chấm dứt cuộc chiến tranh ly khai Biafra, tướng Gowon, người đứng đầu chính phủ Lagos, đã trục xuất 30 giáo sĩ nước ngoài. Tháng 12/1972, Somalie đã đóng cửa tất cả các hội truyền giáo Gia-tô, tất cả các công việc truyền giáo, cùng trục xuất tất cả các giáo sĩ, linh mục và nữ tu. Tháng 12/1973, Israel trục xuất tất cả giáo sĩ Gia-tô giáo, bị tố cáo là đã xúi giục, lôi kéo người khác theo đạo, họ bị coi là những phần tử “bất hảo” và hoạt động của họ bị cấm. Từ ngày Christopher Columbus đặt chân lên đất châu Mỹ, năm 1492, nối gót theo các giáo sĩ Tây Ban Nha để “truyền đức tin” Kitô giáo, đến ngày hôm nay, hầu hết văn minh, văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc bản xứ (Indiens) các nước châu Mỹ này đều hoàn toàn bị tiêu diệt, các dân tộc bị diệt chủng (génocide), tài sản bị cướp giạt. Họ phá tan tất cả những vết tích văn minh của các dân tộc bốn xứ này đã để lại. Những của cải quý báu, vàng bạc, bị quân Tây Ban Nha cướp giạt. Họ chở về nước họ từng đoàn thuyền. Vàng rất nhiều, họ đúc lại thành các pho tượng để thờ trong các nhà thờ lớn của họ ở Tây Ban Nha, mà hiện nay vẫn còn. Văn hóa, ngôn ngữ đều bị thủ tiêu. Hiện nay, ngôn ngữ các dân tộc bốn xứ này là ngôn ngữ Tây Ban Nha (Espagnol), ở Brésil thì ngôn ngữ Bồ Đào Nha (Portugais). Giữa những năm 1500 TCN và 1500 SCN, suốt dọc theo dãy núi Andes, ở Nam Mỹ, có rất nhiều văn minh đã phát hiện: văn minh Mohica, Chavin, Nasca, Paracas, Viscus, Huari, Lambayeque, Chimi, Incas... Chỉ văn minh Incas này, vô phước được “diễm phúc” đương đầu với quân chinh phục Tây Ban Nha và bị họ tiêu diệt. Những văn minh này có một điểm chung là họ thờ phượng vàng, mà theo nhận thức vũ trụ của họ, vàng giữ một địa vị quan trọng: chính nhờ vàng mà đất đai được nảy nở. Vàng là một loại kim khí dành

riêng cho dâng thiêng liêng và việc sử dụng nó dành cho các vua chúa và các sư sãi. Đoàn quân Tây Ban Nha, vào thế kỷ XVI, đã đổ bộ lên phía Tây của Nam Mỹ không quan niệm như dân Incas nhận thức sự huyền bí này của vàng. Mục đích của họ là đi tìm nguyên liệu mới, quý báu. Không tìm thấy các gia vị, họ gặp vàng bạc. Nhân danh Thiên Chúa giáo đem “truyền bá đức tin và văn minh cho bọn man rợ và diệt trừ tà đạo”, các giáo sĩ Tây Ban Nha hợp sức với quân viễn chinh của họ cướp đoạt những tượng vàng mà dân Inca thờ phụng dâng thiêng liêng của họ, chạm trổ rất mỹ thuật, đem bỏ cả vào lò lửa để đúc, thô sơ và ra thành nén. Theo những sử gia thời chinh phục Tây Ban Nha, vua Inca Atahualpa bị bắt giam ở Cajamarca năm 1532, muốn được quân Tây Ban Nha trả tự do, vua phải trả một số nợ to để chuộc mình. Trong khắp cả nước, những vật báu bằng vàng và bằng bạc được thu góp lại, tập trung lại và quân Tây Ban Nha đưa vào chín lò lửa để đúc ra thành nén. Lửa cháy suốt bốn tháng trời không ngừng. Mặc dầu đã giữ đúng lời hứa đối với kẻ chiếm đóng, sau khi đưa vàng cho họ, vua Atahualpa vẫn bị quân Tây Ban Nha xử tử.

Ngoài ra số vàng bạc nói trên và việc cướp bóc vợ vệt thành Cuzo, quân Tây Ban Nha còn cướp thêm 8 tấn vàng và 60 tấn bạc để đem về “mẫu quốc”. Trước khi Cortès đem quân qua chiếm đóng (1519-1525) và biến nước Mễ thành một trong các thuộc địa giàu có nhất của Tây Ban Nha, nước Mễ là một nước có nền văn minh cao quý hùng hậu ngang hàng với Ai Cập (Egypte). Ở nước này, dân tộc Tolteques (thế kỷ V TCN đến 1225) là một dân tộc rất văn minh, với những vết tích lịch sử vĩ đại ở Teolhuacan, Tula; dân tộc Maya (từ thế kỷ VII đến thế kỷ VIII), với vết tích lịch sử ở Copan, Quirigua, Palenque, Chichen-Itza, Mayapan, Uxmal; dân tộc Mixtèques-Zapotiques, ở bán đảo Yucatan và Milta, Monte-Alban... Văn minh, đền đài của các dân tộc bản xứ này đều bị Tây Ban Nha, trong suốt thời kỳ chiếm đóng, quét sạch, san bằng. Sau một thời gian kháng chiến giải phóng dân tộc đẫm máu để giành lại độc lập (1810-1820), chế độ Cộng hòa được tuyên bố năm 1823, nước Mễ lại phải đương đầu với một loạt chiến sự: với Pháp (1828 và 1861); với Mỹ, bị Mỹ xâm chiếm Texas (1846), Nouveau Mexique và California (1848) và giữ luôn cho đến nay.

Dân tộc Toltèques, Maya lần lượt bị diệt chủng và nhường chỗ cho dân da trắng Tây Ban Nha và lai Tây Ban Nha. Hiện nay, non một triệu dân Maya còn sống sót ở vùng cực Nam nước Mỹ. Đất đai, tài sản của họ bị các điền chủ da trắng Tây Ban Nha, dựa quyền thế, tước đoạt; họ trở thành tá điền, làm công nhân trở lại cho các chủ mới này, chính trên đất đai của họ ngày trước. Họ rất nghèo khổ cùng cực. Ngày 1/1/1994, đám dân Maya này thuộc tiểu ban Chiapas (miền Nam nước Mỹ) đã từ lâu ngầm ngầm tổ chức, bùng nổi dậy. Họ tuyên bố nối lại sự nghiệp cách mạng 1910 của hai nhà cách mạng nổi tiếng của nước Mỹ là Pancho Villa và Emiliano Zapata. Quân đội của họ, “Quân đội Zapatiste giải phóng dân tộc”, chủ trương chống lại sự đàn áp, diệt chủng mà những người nghèo da đen (peones indiers) như họ, là nạn nhân. Để kỷ niệm 500 năm ngày Christopher Columbus đặt chân đến châu Mỹ, năm 1992, Giáo hoàng Jean-Paul III đến thăm nước Mỹ để đánh dấu các giáo sĩ đạo Gia-tô đã đem đức tin đến truyền bá cho các nước Nam Mỹ này. Trước khi tiếp đón Giáo hoàng tại đất nước mình, tổng thống Mỹ, Carlos Salinas de Gortari, yêu cầu Giáo hoàng thừa dịp này, nhân danh Thiên Chúa giáo, nên xin lỗi dân tộc Mỹ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ, đã dùng đạo Gia-tô tiêu diệt văn minh, văn hóa, dân tộc họ, suốt 500 năm qua. Giáo hoàng Jean-Paul III từ chối đề nghị này của tổng thống Mỹ, không chịu xin lỗi dân tộc Mỹ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ. Nên khi đặt chân xuống đất Mỹ, năm 1992, tổng thống Carlos Salinas de Gortari đón tiếp Giáo hoàng trong một bầu không khí thờ ơ lãnh đạm, theo phép lịch sự và chỉ “Chào ông” mà thôi. Qua năm sau, 1993, trên đường đi Mỹ, Jean - Paul III tỏ ý muốn ghé trở lại Mỹ để xin lỗi dân tộc Mỹ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ về những hành động xưa kia của các giáo sĩ Thiên Chúa giáo đã làm thiệt hại không ít đến họ. Lần này, tổng thống Mỹ nhận tiếp Giáo hoàng và “Chào Thánh cha” (Saint Père). Dự luận quốc tế buộc Giáo hội Thiên Chúa giáo phải thành tâm xin lỗi bản xứ hay gốc châu Phi về những tội lỗi họ đã làm do những kẻ đi chiếm thuộc địa và những giáo sĩ Kitô của “đợt đầu đi truyền bá đạo” (Première évangélisation) của họ sang châu Mỹ. Một đoàn quan trọng các giám mục Brésil, được sự hưởng ứng của các giám mục Guatémala và Bolivie, công bố một bản thỉnh

cầu, yêu cầu một “cuộc lễ đền tội” (célébration de pénitence), mở rộng cho tất cả các giám mục và các dân tộc da đen và dân tộc bản xứ, tại một địa điểm tượng trưng nhất: nhà thờ lớn Saint Domingue, địa phận Ki tô giáo đầu tiên mà Giáo hoàng đã lập ra tại châu Mỹ (Le Monde, 21/10/1992). Từ ngày lên nhậm chức Giáo hoàng đến cuối năm 1993, trong 15 năm, Jean-Paul III đã 61 lần rời nước Ý và đi viếng thăm 108 nước, nghĩa là quá trên nửa số các nước trên thế giới. Ông ta sang châu Phi 10 lần (thăm 36 nước), sang châu Mỹ 9 lần (thăm tất cả các nước, trừ Cuba), sang Ba Lan (Pologne) 4 lần, quê của Jean-Paul II và sang Pháp. (Le Monde, 18/10/1993)

Phong trào này bắt nguồn từ những võ sĩ yêu nước, biểu hiện tinh thần quốc gia Trung Quốc bài ngoại, chống Kitô giáo và thiên về chế độ quân chủ. Đây là phản ứng của chủ nghĩa bảo thủ Trung Quốc trước hiểm họa xâm lấn các thế lực ngoại bang. Thoạt tiên, phong trào bài ngoại xuất phát từ một tổ chức bí mật ở Chan-Tong, là một phong trào chống thể chế quân chủ, mặc dầu mục tiêu này không được minh xác công khai. Sau khi người cầm đầu phong trào bị bắt xử tử, các thành viên của “Tổ chức võ sĩ bài ngoại, công bình và hòa hợp”, đã nêu lên khẩu hiệu chống người ngoại quốc và ủng hộ chế độ quân chủ. Phong trào của họ mau chóng trở thành một phong trào đại chúng trong tỉnh Tche-Li. Vào năm 1900, đường lối tuyên truyền của phong trào quần chúng này đặc biệt chú trọng vào những vụ việc có tính chất tôn giáo xảy ra giữa Trung Quốc và cường quốc phương Tây. Vụ sát hại linh mục Chapdelaire, một nhà truyền giáo trong tỉnh Kouang-si (Quảng Tây) mà nhiệm sở của ông ta trong nội địa Trung Quốc và hoàn toàn bất hợp pháp, đã tạo cho người Pháp có lý do để liên kết với Anh quốc trong việc gửi một đạo quân viễn chinh đến Trung Quốc năm 1857. Điều khoản 13 của Hiệp ước Thiên Tân ký kết giữa Trung Quốc và nước Pháp năm 1858, công nhận sự thờ cúng đạo Kitô tại Trung Quốc. Do Thỏa ước Pháp - Trung ký kết tại Bắc Kinh vào năm 1860, Trung Quốc đã công nhận các cơ sở tôn giáo và từ thiện của người Công giáo đã bị tịch thu trong thời kỳ ngược đãi những tín đồ Kitô giáo, sẽ được hoàn trả lại cho chủ sở hữu, qua trung gian của vị công sứ Pháp tại Trung Quốc. Từ điều

khoản này, các nhà truyền giáo, làm thông dịch cho nam tước Gros, đại sứ Pháp tại Trung Quốc và với sự không hay biết của vị này, đã tự tiện thêm vào đoạn tiếp sau vào bản văn tiếng Trung Quốc: "...Ngoài ra còn cho phép các nhà truyền giáo Pháp thuê, mua đất đai trong các tỉnh và dựng lên các nhà cửa, tùy theo sở thích". Vì rằng chỉ có văn bản tiếng Pháp của hiệp ước mới có giá trị thực tế, điều khoản này được đưa vào một cách không chính đáng, đương nhiên là không có giá trị. Nhưng mặc dầu vậy, việc này không ngăn cản các nhà truyền giáo và các chánh phủ nối tiếp nhau ở Pháp từ 1860, dựa vào và thi hành điều khoản thêm vào ấy. (Paul Boell, "Các hội truyền giáo Ki tô tại Trung Quốc và đường lối chính trị của Pháp tại Viễn Đông", Paris, 1899) Mặc dầu "đoạn thêm vào" này của hiệp ước không có căn bản pháp lý nhưng Trung Quốc không có phương tiện để dựa vào lợi thế về việc giải thích đúng đắn hiệp ước này. Sau cùng, họ buộc phải chấp nhận điều đó như một sự việc đã rồi. Trung Quốc mong muốn trước hết là tránh không để các nhà truyền giáo xâm nhập sâu vào trong nội địa rồi dẫn đến việc cho họ hưởng chế độ quyền trị ngoại (dành cho các nhà ngoại giao). Nếu Trung Quốc dung thứ điều này thì một ngày nào đó các nhà thờ Kitô giáo sẽ trở thành "một quốc gia trong một quốc gia". Tại Trung Quốc, các nhà truyền giáo hành xử như tại một nước bị chiếm đóng, họ có thái độ hung hăng đối với các nhà chức trách nhà nước và dân chúng địa phương. Họ đã không chịu khếp theo luật lệ và tập quán Trung Quốc, mà những đòi hỏi của họ về các đặc quyền được minh định trong các hiệp ước và về sự can thiệp của chánh phủ họ vào những việc có tính chất tôn giáo, đã tạo nên những vấn đề hệ trọng cho chánh phủ Trung Quốc. Chánh phủ này nhìn thấy sự truyền bá Kitô giáo là một hiểm họa có thể gây nên sự tan rã của xã hội Khổng giáo và làm lung lay nền tảng của triều đại. Nóng lòng tìm kiếm ra vài lý do để mở rộng xâm nhập thêm nữa vào Trung Quốc, để buộc chánh phủ Bắc Kinh chịu các nhượng bộ, các đặc quyền, đất đai cho thuê mướn, hay chỉ đơn thuần vì lý do uy thế mà thôi, các cường quốc ngoại bang sẵn sàng can thiệp vào những vụ việc có tính chất tôn giáo. Vừa đòi hỏi sự can thiệp của các cường quốc ngoại bang, nhà truyền giáo đưa ra các yêu sách về bồi thường ngày càng lớn, nhằm ngăn ngừa sự tái diễn các vụ

rắc rối. Từ ngày 14/10/1899, linh mục Chanès bị giết tại Pak-Toung (của tỉnh Quảng Đông) cùng với tín đồ Kitô giáo người Trung Quốc. Nước Pháp, qua trung gian của Flayelle, quản lý tòa lãnh sự Pháp tại Canton (Quảng Đông) đòi toàn quyền Lưỡng Quảng những khoản bồi thường. Vụ này được dàn xếp sau khi Trung Quốc chấp nhận nhượng địa Kouang-Tcheo-Wan (Quảng Châu Loan) cho Pháp và trả tiền bồi thường là 80.000 lượng. Ngày 11/12/1899, Delbrouck, nhà truyền giáo người Bỉ bị giết trong tỉnh Hou-Pei.

Qua sự dàn xếp được ký kết ngày 12/7/1899 của Dautremere, lãnh sự Pháp tại Hankeou (Hán Khẩu), người Trung Quốc chịu trả 10.000 lượng tiền bồi thường và 44.5000 lượng cho việc tái thiết các nhà thờ và viện mồ côi, (Henri Cordier, “Lịch sử các mối liên lạc của Trung Quốc với các cường quốc Tây phương”, tập 3, chương 463-464, Paris, 1902) Tiếp theo sau việc dàn xếp về vụ ám hại nhà truyền giáo Bertholet, trong tỉnh Kouang-Si (Quảng Tây) mà người Trung Quốc phải chịu, ngoài các điều kiện khác, nhượng đường hỏa xa cho Pháp, Alexandre Ular viết về vụ việc này như sau: “Không còn hồ nghi gì nữa, rõ ràng chính các giáo hội truyền giáo là nguyên nhân đích thực và chủ yếu nhất đã gây ra phong trào bài ngoại tại Trung Quốc, một phong trào mà người ta quy một cách dễ dàng cái tính khí cố hữu của người Trung Quốc, cũng biểu hiện như là sự căm thù sâu xa, nhưng chính đáng, của người bị xâm lược chống lại kẻ đi xâm lược, cũng như đầy tình cảm dành cho người Trung Quốc và bao nhiêu là ác cảm đối với người phương Tây”. (Alexandre Ular, “Một đế quốc Nga-Trung”, chương 167-168, Paris 1903) Năm 1900, Trung Quốc là một quốc gia tàn lụi. Các nhà truyền giáo, các công dân của nước phương Tây hành xử tại Trung Quốc như kẻ chiến thắng. Thời điểm chia năm xẻ bảy nước Trung Quốc đã đến. Dựa vào lý xung đột giữa những tín đồ Kitô giáo và các người theo phong trào bài ngoại ở Trung Quốc, các chính khách của những cường quốc phương Tây tìm cách thỏa thuận với nhau về sự phân chia quyền lợi của họ sắp tới tại Trung Quốc và dành cho mình, một mảnh đất của lãnh thổ Trung Quốc, theo thỏa thích của mình. Chính sách ngoại giao của các cường quốc này đối với Trung Quốc ngày càng tỏ ra thô bạo. Để trả

thù cho cái chết của Kettler, công sứ Đức tại Bắc Kinh, một đạo quân quốc tế 14.000 người (Nhật, Nga, Anh, Pháp, Mỹ, Áo, Ý, Đức) tiến quân về Bắc Kinh ngày 4/8/1900 và cướp phá thủ đô Trung Quốc ngày 13/8/1900. Trong một bài diễn văn, đọc ngày 27/7/1900 để tiễn đưa quân sĩ Đức lên tàu tại Bremerhaven đi Trung Quốc, vua Guillaume II tuyên bố: “Không ân huệ! Không bắt tù binh! Đã nghìn năm, người ‘Hung’ của vua Attila nổi danh trong lịch sử và truyền thuyết. Cho nên các người phải áp đặt tại Trung Quốc và cho nghìn năm danh tiếng của nước Đức một cách thế nào để không bao giờ có thể có một người Trung Quốc dám nhìn một người Đức một cách khinh bỉ.” (Báo Weser Zeitung, Bremen, 1900, dẫn chứng bởi Hosea Ballou Morse, “Quan hệ quốc tế của đế quốc Trung Quốc”, tập II, London 1919) Tháng 8 và 9/1900, quân lính Anh, Pháp, Đức, Nhật, đổ bộ lên Shanghai (Thượng Hải). Tien-tsin (Thiên Tân) bị chiếm đóng vào tháng 11-12/1900 rồi bị phân chia thành các nhượng địa giữa Nga, Bỉ, Ý, Áo, Hung, Pháp, Nhật, Mỹ, Anh. Ngày 24/12/1900, Trung Quốc chấp nhận tối hậu thư (ngày 22/12/1900) của các công sứ ngoại quốc tại Bắc Kinh, yêu cầu gửi tới Berlin một phái bộ đặc mệnh để tỏ lòng hối tiếc về việc ám hại Kettler, để trình bày hình phạt những người Trung Quốc phạm tội, để trả tiền bồi thường (450 triệu lượng, trên số 462.550.614 lượng được yêu cầu). Trong phần kết luận về chuyện này, George Nye Stieger viết như sau: “... chính thái độ ngạo mạn và khinh miệt của các nhà ngoại giao nước ngoài đối với chính phủ Trung Quốc, sự không thông hiểu phong trào bài ngoại mà các nhà ngoại giao này xem như là một phong trào nổi dậy, đã làm thảm họa mùa hè 1900 trở thành biến cố không tránh được. Phần trách nhiệm phải quy cho các cường quốc phương Tây và cho những người đại diện chính thức và không chính thức của họ tại Trung Quốc.” (George Nye Stieger, “Trung Quốc và Tây phương, nguồn gốc và sự phát triển của phong trào bài ngoại”, New Haven, 1927, chương 276-277.) 50 năm sau, Trung Quốc bừng thức dậy và họ đã quét sạch tất cả mọi sự chiếm đóng ngoại bang trên lãnh thổ của họ và tìm lại niềm hãnh diện quốc gia mà nhiều lần bị chà đạp. Hai sắc lệnh được ký vào ngày 31/1/1994 bởi Lý Bằng, thủ tướng chính phủ Trung Quốc, công bố và có hiệu lực vào ngày 6/2/1994,

cấm mọi hoạt động tôn giáo, xuất xứ từ ngoại quốc, tại Trung Quốc. Người ngoại quốc không được phép “thiết lập những tổ chức có tính chất tôn giáo, mở các trường học, các trung tâm tôn giáo nhằm tuyên mộ tín đồ, để chỉ định các giáo sư dạy về tôn giáo. Mọi hoạt động tín đồ mới trong quần chúng Trung Quốc đều bị nghiêm cấm triệt để.” (Le Monde, ngày 8/2/1994).

Dãy núi cao ngăn cách hai nước Tây Ban Nha và Pháp.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 81, chương 131-136.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 41, chương 376-377.

Về phương diện ngôn ngữ, dân Việt Nam dùng tiếng Hán như một ngôn ngữ bác học, nhưng tiếng Nôm vẫn là tiếng nói hằng ngày của dân chúng. Tiếng Hán được phiên âm bằng những chữ mà những người Việt Nam có học (kẻ sĩ) vẫn đọc theo cách phát âm “Hán” hoặc “Đường”. Từ chữ Hán, người Việt Nam đã sáng chế ra một cách viết mang tính chất, vừa ngữ âm, vừa ngữ nghĩa học cho phép họ ghi chép bằng chính ngôn ngữ của mình. Hệ thống này gọi là chữ Nôm (caractères démotiques), đối lập với chữ Hán, gọi là “chữ Nho” (chữ của kẻ sĩ). Cách phiên âm của nó là ghi âm của một tiếng Nôm bằng cách thêm một chữ Hán, có âm gần giống như một từ tiếng Việt vào chữ Hán, mang ý nghĩa của từ tiếng Nôm đó. Trong văn học, người dùng “chữ Nôm” đầu tiên là Hàn Thuyên, từ 1257.

Adolphe Delvaux dẫn, “Quân Pháp đánh chiếm thành Huế” (Bulletin des amis du Vieux Hué), Avril-Juin 1920, trang 270.

Người ta cũng có nói rằng, khi đến Kim Long, Tường đã bí mật đi vào nhà thờ để nói chuyện với Giám mục Caspar.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 47, trang 121.

Tướng Prudhomme, nổi tiếng hơn với bí danh “Tướng X” với cuốn sách của ông ta: “Nước An Nam từ 5/7/1885 đến 4/4/1886”, Paris 1901.

Về sự kiện đốt cháy cung điện Mùa hè ở Bắc Kinh, Arnaud d’Antin de Vaillac viết trong cuốn “Phổ Nghi - Hoàng đế cuối cùng của Trung Quốc”, NXB France Empire, 1900, trang 57-58: “...Đại sứ toàn quyền Anh, Lord Elgin, ra lệnh đốt cung điện Mùa hè, mệnh lệnh đó không ngăn cản việc thành lập một tiểu ban Anh-Pháp, do tướng Janin chủ tọa, lựa chọn một số vật quý để gửi cho Nữ hoàng Victoria và cho Napoléon III. Gửi cho

Napoléon III: - 2 chiếc gậy chỉ huy bằng vàng khối và ngọc thạch màu lục. 1 bộ trang phục Hoàng đế gồm: một áo lụa dát vàng, một áo giáp lưới bằng thép, một áo dài khác bằng lụa màu vàng đính khung vàng và viền ngọc, một chiếc mũ bằng vàng và thép trên đỉnh có mũi nhọn dài bằng thép. - 1 ngai chùa bằng đồng mạ vàng và chạm trổ đẹp. - 2 con nghê bằng đồng mạ vàng, mỗi con nặng 400kg. - 2 bức màn mảnh, nhiều nhẫn đeo tay, vòng cổ, những chiếc ly có chân, những bức sơn mài “và hàng ngàn thứ lạ mắt”. “Một số các đồ vật ấy ngày nay vẫn còn nằm tại cung điện Fontainebleau. Trước khi đốt, quân lính thi nhau cướp phá, liên tục hai ngày ròng. Chúng đã tìm thấy vô số những đồ trang sức, những hộp đựng thuốc, hộp đựng kẹo bằng vàng, bát đĩa và những áo quần trang phục lộng lẫy mà chúng mặc luôn vào người. Thật là một hội giả trang thú vị. Họ tha hồ đùa giỡn thỏa thuê với những bộ người máy mà các vua chúa phương Tây tặng cho các ‘Hoàng đế Trung Quốc’. Chi tiết ấy chẳng lấy gì làm chói lọi mà một chứng nhân, bá tước Hérison, sĩ quan hầu cận của tướng Cousin-Montauban, nhấn mạnh trong cuốn ‘Nhật ký của một thông dịch viên tại Trung Quốc’: ‘... Đêm thứ hai của chúng tôi tại cung điện Mùa hè thật không thể nào chịu được: nó điên dại, nó quay cuồng đến chóng cả mặt. Mỗi một tên lính đều có ‘con chim, cái hộp âm nhạc, cái đồng hồ báo thức và con thỏ nhà’ của mình. Thật là một hội chuông reo đồng loạt.’ Và một chứng nhân khác (Lucy): ‘Người ta đã phân phát cả một kho bạc cho lính, khoảng 90 francs mỗi người. Nhưng đối với chúng, con số đó nghĩa lý gì so với giá trị những cái chúng nó đã cướp được bằng vàng, bằng bạc, bằng bảo vật. Một tên lính bán một lúc 60 chiếc đồng hồ giá 2 đồng/chiếc và là loại đồng hồ cực kỳ hiếm! Người ta còn mang về từng bao tải chất đầy đồ nữ trang và vòng cổ bằng san hô, những hòn ngọc xinh xắn và còn nữa.... Khi đội quân lên đường đi Bắc Kinh, thì cả một quang cảnh đặc biệt bất thường hiện ra trước mắt mọi người: trên 300 chiếc xe chở nguyên chiến lợi phẩm’”.

Jean Chesneaux dẫn, “Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam” (Contribution à l’Histoires de la Nation Vietnamienne), trang 134.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 74, trang 141-142.

Nguyễn Hữu Độ, cháu nội Nguyễn Hữu Luân (Võ quan phục vụ dưới thời Gia Long, đã sang Pháp cùng với Giám mục Adran năm 1787) và là con của Nguyễn Hữu Huy (Võ quan). Ông ta có 9 con trai và 8 con gái, trong số đó có Nguyễn Thị..., lấy Đồng Khánh ngày 16/2/1886. - Nguyễn Hữu Ti, chồng của công chúa Ngọc Lam, là chị em với Khải Định. - Nguyễn Hữu Khánh, chồng của công chúa Tân Phong, chị em của Thành Thái. - Nguyễn Hữu Thị Nga, vợ vua Thành Thái, năm 1895.

Gosselin dẫn, “Nước An Nam”.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 60, trang 88.

G. Taboulet dẫn, “Chiến công của Pháp tại Đông Dương”: quyển II, trang 865.

5 tháng sau, Đồng Khánh kết duyên với con gái thứ hai của Nguyễn Hữu Độ, lúc này mới 16 tuổi.

Vợ của vua Thiệu Trị.

Bảo quốc Công: là tước vị cao nhất trong năm tước vị quý tộc phong kiến cho các quan đại thần có nhiều công trạng. Từ Gia Long trở đi, tức Đồng Khánh, các tướng De Courcy, Warner và Prudhomme; hai người đầu được phong là Đại quốc Công, người thứ ba là Quận công.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 70, trang 357.

Theo luật pháp Việt Nam, ba cái án徒刑 phạt (sau khi tội nhân đã chết) được coi như nhục nhã hơn án tử hình là: bêu đầu, thiêu xương và đánh mộ.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 58, trang 233-234.

Văn kiện ngoại giao Trung Quốc: chương 61, trang 23-26.

Được phong Lãnh binh vì đã có công lao “phản quốc”, Ngọc được lần lượt cử đi các tỉnh khác nhau nhằm làm nhiệm vụ mới của mình. Đi đâu hãn cũng chỉ gặp sự khinh bỉ và sự thờ ơ, lãnh đạm của quan lại và nhân dân. Cuối cùng hãn phải trở về Thanh Lãng (Hà Tĩnh), làng quê của hãn. Chiều ngày 24/12/1893, Ngọc, chỉ huy đồn Thanh Lãng đang say rượu và đang hút thuốc phiện một cách yên tĩnh, thì đồn của hãn bị nghĩa quân Phan Đình Phùng tấn công. Hãn vội vàng ra tìm cách kháng cự thì một phát đạn hất ngã xuống. Lập tức người ta chặt lấy đầu hãn, bêu ngay trước cửa túp lều mà hãn đã phản bội, bắt nộp vua Hàm Nghi cho Pháp.

Bị giam giữ tại Algérie, ông kết hôn năm 1904; vợ ông là một cô gái Pháp, con của ông chánh án Tòa án Alger; là Laloy và sinh được ba người con: hai gái và một trai là Nữ Hoàng thân Như Mai; nữ Công tước De La Besse - tên chồng và Hoàng thân Minh Đức. Hàm Nghi mất tại Alger năm 1944, hưởng thọ 73 tuổi, sau 55 năm bị lưu đày. Thi hài của ông được mai táng tại nghĩa trang El Bier, tại Alger. Ngôi nhà mà Hàm Nghi đã ở, biệt thự “Gia Long”, nằm trên vùng đồi Alger, tại El Biar. Sau ngày Alger độc lập, ngôi nhà bị trưng dụng để chuyển thành nơi ở của đại sứ Liên Xô. Các con của vua Hàm Nghi phải rút về Pháp và di cốt của ông cũng được chuyển về đó. Bà Như Mai, người con gái đầu lòng của vua Hàm Nghi, là người con gái kỹ sư đầu tiên đậu đầu ra trường Canh nông quốc gia Grignon. Người em gái kế, sau khi học y khoa đại học, cưới Công tước De La Besse. Người em út, Hoàng thân Minh Đức, sau Thế chiến II, ở trong quân đội Pháp với cấp thiếu tá. Trong lúc ông đóng quân (Pháp) tại bờ hồ Constanx vùng chiếm đóng Pháp, sau khi Đức thua trận, ông được lệnh đưa đi Việt Nam để đánh giặc trong hàng ngũ quân Pháp. Ông từ chối, không chịu đi sang Việt Nam, ông tuyên bố với chánh phủ Pháp rằng: “Ông không thể cầm súng bắn lại đồng bào ông. Nếu chánh phủ Pháp muốn đưa ông ra tòa án binh thì cứ đưa. Ông không chịu đi qua Việt Nam đánh giặc cho Pháp, chống lại Việt Nam.” Chuyện này do một sĩ quan Pháp, đồng đội của ông Minh Đức lúc ấy, sau này giúp việc cho Bộ Ngoại giao Pháp, lên cấp đại sứ, ông Jean De Latour Dejean, bạn thân của tác giả, kể lại cho tác giả nghe. Tác giả cũng được bà Như Mai tiếp đón niềm nở, nhiều lần và kể cho tác giả nghe về đời sống của vua Hàm Nghi trong những ngày nhà vua ở Alger và cho xem những hình ảnh về gia đình.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 74, trang 46.

Ch. Gosselin trích dẫn, “Nước An Nam”.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 73, trang 63-64.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 73, trang 311 và 331

1 lượng = 37,75 gram và 1 nén = 377 gram.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 74.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 74, trang 30-31.

Tàu “Comète” đến Sài Gòn, vua Hàm Nghi được chuyển sang tàu “Biên Hòa” để đi qua Algérie.

Ở đây là Nguyễn Trọng Hiệp.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 74.

Moral, “Tài chính Bắc kỳ”, tạp chí Đông Dương, 1909.

Paul Doumer, “Đông Pháp”, trang 313.

Mặc dầu việc tách biệt quốc gia và nhà thờ được biểu quyết vào năm 1905 và áp dụng tại Pháp, đạo luật này không bao giờ được công bố và áp dụng tại Việt Nam. Trong những năm 1923, 1926, 1920, 1930, 1931, các Hội truyền giáo Gia-tô đã được chánh phủ bảo hộ nhiều lần nhượng đất, chưa kể những đất đai công cộng mà một số thống đốc và quan chính hành chánh Pháp, do thành kính cá nhân đã biếu tặng cho các hội truyền giáo. Theo ước lượng chính thức, năm 1939, các ruộng đất của các hội truyền giáo nước ngoài gồm trên 5 triệu đô la, tức là 50 triệu francs. Mức ước lượng ấy vẫn còn thấp hơn nhiều so với thực tế. Nó chưa bao gồm hết tất cả các đất ruộng thuộc về nhà thờ, bởi nó loại ra ngoài những tài sản của các xứ đạo và những pháp nhân thuộc nhà thờ có quyền sở hữu. Tài sản của các hội truyền giáo Tây Ban Nha cũng khá đồ sộ. Nói chung ở Việt Nam, các hội truyền giáo là những người chủ sở hữu ruộng đất lớn nhất dưới thời thuộc địa.

Đồng tiền đầu tiên của Việt Nam có từ thế kỷ thứ X. Quốc gia Việt Nam đã quy định tỷ giá tiền tệ, đã sáng lập ra tiền giấy năm 1396, thống nhất đo lường năm 1664. * Bổ sung ý kiến trên: Mỗi triều đại nước ta thường đúc mỗi loại tiền riêng như Thái Bình hưng bảo thời Đinh, đúc năm 970; Thiên Phúc trấn bảo thời Tiền Lê. Hoặc thời Hồ Quý Ly cho sử dụng tiền giấy Thông Bảo hội sao thay cho tiền kim loại bấy giờ. Tuy nhiên, loại tiền giấy không được dân chúng ủng hộ, vì dễ rách nát, không bảo đảm bằng tiền kim loại (BT).

1 livres Anh bằng 1/2 kg.

1 once Anh = 20,35 gram; 1 once Pháp = 30,6 gram.

Tổ chức lại việc buôn bán thuốc phiện, năm 1899, Doumer cho xây dựng tại Sài Gòn một nhà máy tinh lọc thuốc phiện hiện đại, công suất vạn năng.

Ông ta cho hiệu chỉnh một hỗn hợp cháy rất mau, do đó thúc đẩy người hút tiêu thụ nhiều thuốc hơn bình thường, Năm 1918 có tất cả 1.512 tiệm hút và 3.098 người bán lẻ thuốc phiện. Giữa năm 1894 và 1901, thu nhập về các ty thuốc phiện đã có một bước nhảy vọt. Năm 1894: 3.783.734 đô-la, tức 10.102.570 francs; năm 1898: 5.343.366 đô-la, tức 12.930.945 francs; năm 1901: 6.290.000 đô-la, tức 15.785.000 francs. Chính Doumer đã hãnh diện tuyên bố rằng qua bốn năm nhiệm kỳ của ông ta, những cải cách nói trên đã làm tăng lên 50% số lời do thuốc phiện mang lại; những số lời về thuốc phiện này chiếm trên 1/3 tổng số thu nhập toàn thuộc địa. (Paul Doumer, “Tình hình Đông Dương” (1897-1901), trang 163).

Dưới sự đô hộ của Pháp, họ cấm triệt để không cho người Việt Nam được nói đến chữ “Việt Nam” và “người Nam”. Ai vi phạm sẽ bị bỏ tù, vì họ cho là “làm cách mạng” chống Pháp. Hai cái tên gọi ấy hoàn toàn bị loại bỏ ra ngoài những cuốn sách sử học và những văn kiện chính thức. Người Việt Nam bị gọi bằng những cái tên: “Annamite” (người An Nam), “Indigène” (người bản xứ), “Indochinois” (người Đông Dương). Ở nhà trường, người ta dạy cho họ rằng tổ tiên của họ là người “Gaulois” (người nước Gaule, tức nước Pháp cũ). Trong chương trình tiểu học dưới thời kỳ Pháp thuộc, học sinh Việt Nam học lịch sử nước Pháp rất kỹ và lịch sử Việt Nam viết theo quan điểm thực dân.

Dưới đây là tóm lược lịch sử sự thống nhất của dân tộc Việt Nam: Người Việt Nam nói về việc dựng nước của mình vào năm 2879 TCN. Về nguồn gốc mà nói, chắc chắn những người Việt Nam là con cháu người “Lạc Việt”, một dân tộc miền Bắc, hình như vẫn luôn luôn sống tại vùng châu thổ Bắc Bộ Việt Nam ngày nay, mà vật tổ (totem) là “con Rồng”. Qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, dân tộc này vẫn luôn luôn mang tên dân tộc “Việt”. Các thế kỷ hòa bình và hạnh phúc đã trôi qua trước khi đất nước họ bị quân Tàu chinh phục. Việt Nam đã phải chịu đựng một chính sách đồng hóa thật sự suốt mười thế kỷ, dưới sự đô hộ của Tàu. Sau đó, người Việt Nam tiến dần về phía Nam Trung Bộ ngày nay, rồi khai phá cả miền châu thổ rộng lớn của sông Cửu Long còn hoang vu, mở rộng bờ cõi gấp ba lần so với diện tích ban đầu. Trước những điều kiện như vậy, Việt Nam đã làm

thế nào để tạo cho mình được một sự thống nhất và giữ vững được sự độc đáo của nó? Ngay từ thế kỷ thứ V TCN, Trung Quốc đã xâm lược Việt Nam. Nhưng ngay từ thế kỷ thứ I CN, năm 40, người Việt Nam đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo của hai chị em Bà Trưng là Trưng Trắc và Trưng Nhị và quân Tàu đã bị đuổi ra ngoài bờ cõi. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi này, hoàng đế Trung Quốc phái tướng Mã Viện sang Việt Nam để “lập lại trật tự”, có nghĩa là lập lại sự chiếm đóng của quân Tàu. Mã Viện đã hoàn thành nhiệm vụ của ông ta và Việt Nam lại rơi vào tay thống trị của Trung Quốc trong mười thế kỷ. Trong khoảng thời gian này, nhiều cuộc khởi nghĩa đã xảy ra nhưng đều bị đàn áp. Và phải đợi đến thế kỷ X mới chấm dứt được nền đô hộ của Tàu. Với chiến thắng Bạch Đằng oanh liệt, Ngô Quyền đuổi được quân Tàu ra khỏi nước và lập nên triều đại đầu tiên của đất nước, năm 938. Qua cái đêm trường của lịch sử Việt Nam ấy, người Việt Nam đã học tập theo con đường Nho giáo. Thoạt tiên, người Việt Nam biết dùng lưỡi cày kim loại và súc vật để kéo cày, chữ viết, lễ nghi... Sau đó, Việt Nam có nền tảng chính trị mới, một hệ thống hành chính hoàn thiện và một bộ máy quân sự có hiệu lực. Và cứ như vậy, dần sâu vào con đường Nho giáo, nước Việt Nam đã biến hóa nhanh chóng và bỏ xa các bộ tộc và các dân tộc khác của bán đảo Đông Dương. Như vậy, trước khi đi bình định miền Trung bộ ngày nay (1069) và mở rộng bờ cõi về phương Nam, Việt Nam đã là một dân tộc có tổ chức khá vững vàng, có một nền văn hóa tiên tiến.

Paul Doumer, “Đông Pháp”, trang 86-87.

Chẳng hạn năm 1899, trên số 11.000.000 của quỹ lương trả cho các công chức Pháp và Nam (không kể quân đội), riêng các công chức Pháp lãnh 7.500.000 đồng. Năm 1906, tiền lương của họ thu hút hết 1.343.000 đồng/1.735.000 đồng của ngân sách bưu điện, tức 75%. Năm 1913, trên một quỹ lương 1.000.000 đồng thì 13.000.000 đồng vào tay người Pháp. Những bản danh sách hội viên “Francsmacons” công bố tại Vichy năm 1940-1941 chỉ ra rằng: dưới nền Đệ tam Cộng hòa, những chức vị quan trọng ở các nước thuộc địa là dành cho những người đỡ đầu của những nhân vật có quyền thế. Khoảng 11.000 người Pháp chiếm đỉnh cao của kim

tự tháp quyền lực ở Việt Nam, ví dụ năm 1937. Số liệu thống kê năm đó cho thấy: những công chức có quyền, những người thuộc ngạch những “người quản lý các công sở dân sự của Đông Dương” (quan cai trị): 450; công chính: 567 (trong đó có 166 kỹ sư); y tế: 313 (trong đó có 139 y-bác sĩ); giáo dục: 590 (trong đó một phần lớn nằm trong các trường học Pháp). Ngược lại, con số nhân viên các cơ quan hải quan (723), của kho bạc, an ninh - cảnh sát, rất cao.

“Colons” (trong bản Pháp văn): cái danh từ chung loại ấy, chỉ một cách chưa thật đầy đủ lắm, những người châu Âu thu nhập nhờ kinh tế của đất nước (những người trồng trọt, buôn bán, kỹ nghệ, nhân viên thương mại...) Ngày 9/1/1968, trong một buổi phát thanh vô tuyến truyền hình Pháp nhằm giới thiệu một cuốn sách mới về Georges Clémenceau, đề cập đến tính ưu đẳng của chủng tộc da trắng trên các chủng tộc khác, được Jules Ferry ca ngợi và chủ trương, nhà sử học kiêm ngoại giao, Philippe Erlanger, đã tuyên bố rằng: “Clémenceau lật đổ Jules Ferry sớm đi một năm thì cuộc chiến tranh hiện nay của Việt Nam [Pháp-Việt, 1945-1954] đã có thể tránh được không xảy ra.”

Tuy chữ Nho và chữ Nôm rất phức tạp, việc học hành vẫn đi sâu vào tận các làng mạc Việt Nam xa xôi hẻo lánh. Pierre Pasquier, đồng lý các cơ quan dân sự Đông Dương (quan cai trị), rồi sau làm toàn quyền, với 37 năm ở xứ này, đã viết: “Rất ít người thất học, kể cả trong nông thôn dân khổ sở bất hạnh cũng vẫn có những người biết đọc, viết vài trăm chữ.” (P.

Pasquier, “Nước An Nam ngày xưa”, Paris 1907, trang 166) Một toàn quyền Đông Dương khác, Lanessan (1891) có ghi: “Có rất ít nước, kể cả những nước văn minh mà việc học được coi trọng cho bằng ở An Nam. Có thể nói không một làng An Nam nào là không có trường học của nó.”

(Lanessa, “Đông Pháp, tìm hiểu về chính trị và hành chánh”, Paris, Alcan, 1889, trang 230) Lanessan có nói thêm: “Mỗi cuộc thi cử tại An Nam tập hợp đến mười, mười hai nghìn thí sinh, để chọn ra khoảng 60 cử nhân và trên dưới 120 tú tài.” (Lanessan, “Đạo đức học của các nhà hiền triết Trung Quốc, trích từ các sách vở cổ điển của Trung Quốc và An Nam”, Paris, Alcan, 1896, trang 5) Sau khi chế độ thuộc địa được thiết lập tại Việt Nam,

trong thời kỳ Thế chiến I (1914-1918), các kỳ thi cử nhân và tiến sĩ bị bỏ, trước tiên ở Bắc Bộ (1915) rồi ở Trung Quốc (1918) Rất lâu, trước khi người Pháp đến, người Việt Nam đã có một nền học riêng và các trường đại học riêng của mình. Thật vậy, cách đây trên 900 năm, năm 1070, thành Thăng Long (tức Hà Nội ngày nay) đã chứng kiến hoạt động của trường đại học đầu tiên của nó, 30 năm trước, trường Đại học Bologne (Ý Đại Lợi) và 80 năm trước trường Đại học Paris Sorbonne (Pháp). Chính là dưới triều đại nhà Lý (1009-1225) mà Văn Miếu được sửa sang lại và biến thành một trường học. Trước là Thái tử con vua, sau đó là con cái của các đại thần, và chẳng bao lâu thì cả những nho sinh xuất sắc đều được vào học trường học đầu tiên đó. Trường học này đã trở thành trường Đại học Văn chương và Khoa học, mang tên “Quốc tử Giám” – tức “Trường Quốc học dành cho các con của hoàng gia”. Một trong những “Quốc tử” lỗi lạc nhất là tướng Lý Thường Kiệt, người đã chiến thắng oanh liệt quân xâm lược nhà Tống, Trung Quốc, ở cuối thế kỷ thứ X. Ngày nay, ngôi trường ấy đã trở thành “Văn Miếu”. Người ta còn thấy bia bằng đá, khắc bằng chữ Hán tên tuổi những người thi đậu khoa Tiến sĩ. Cái không khí hoan hỉ bao trùm trên lĩnh vực chính phủ và tài chính Pháp sau cuộc chiến tranh 1914-1918, đặc biệt rõ nét trong các giới thực dân Đông Dương. Những nguồn tư bản chính quốc, bị cái tỷ suất lời của đồng bạc Đông Dương thu hút, đã xô nhau đổ sang Việt Nam. Do mức độ mau chóng của sự phát triển tư bản chủ nghĩa đó mà nhiều vấn đề mới được đặt ra ở Đông Dương. Trong những vấn đề này, giáo dục, bây giờ mang một ý nghĩa cụ thể thiết thực hơn. Người ta thấy rõ rằng cần phải bảo đảm cho những công ty thuộc địa, cũng như bản thân chính phủ, một số tối thiểu cán bộ cấp dưới và một số nhân lực có chất lượng. Trong một thông tư liên bộ ngày 10/10/1920, Albert Sarraut tuyên bố: “Giáo dục cần phải có kết quả trước tiên là nâng cao giá trị của nền sản xuất thuộc địa... Ngoài ra nó phải chọn ra, từ trong đám dân lao động, một bộ phận ưu tú và đào tạo họ thành những hợp tác, kiểm soát viên, hoặc đốc công (...) Có một nguyên tắc nền tảng chung và cơ bản cho sự nghiệp giáo dục của chúng ta: là nền giáo dục bản xứ, trước hết, phải có tính chất thực tiễn và hiện thực. Trước tiên, cần phải nghĩ đến khía cạnh

kinh tế của việc giáo dục quần chúng, và chính là phải nhằm mục đích cơ bản này mà tập trung cố gắng chúng ta phát triển rộng rãi một nền giáo dục tiểu học, kỹ thuật và chuyên nghiệp.” (Albert trích dẫn, “Đông Dương hôm qua và hôm nay”.) Chính là phát từ căn cứ này mà chánh phủ thuộc địa Pháp, từ đây đặt nền tảng cho “ngôi trường của Pháp ở Việt Nam”. Tiếp theo sơ cấp học ba năm, bằng chữ Quốc ngữ, là cấp tiểu học nữa, vừa bằng chữ Quốc ngữ, vừa bằng tiếng Pháp, để cho học sinh độ tuổi 14 dự một kỳ thi lấy chứng chỉ học lực; trong kỳ thi này, mọi môn thi đều bằng tiếng Pháp. Có chứng chỉ rồi, học sinh học bốn năm nữa để lấy bằng “Cao đẳng tiểu học”.

Một nền giáo dục “trung học bản xứ” với chương trình nặng hơn chương trình tú tài Pháp rất nhiều, chào đón cậu học sinh tốt nghiệp cao đẳng tiểu học để đưa cậu qua, năm học đến bằng “tú tài bản xứ” – bởi vì học sinh Việt Nam không được nhận vào các trường “Pháp” thật sự và không thể học để thi lấy bằng “tú tài Pháp” được. Một giáo sư người Pháp trường Pétrus Ký ở Sài Gòn, ông Mignon, gọi chương trình tú tài bản xứ là “một sự nhồi sọ thực sự và một chính sách ngu dân có tính toán của chánh phủ thuộc địa Pháp”. Ở tất cả các cấp học đều có một giới hạn tuổi mà người học sinh không thể vượt qua nếu muốn được tiếp tục học. Quá giới hạn tuổi thì phải loại ra khỏi trường. Trường Đại học Đông Dương, được Albert Sarraut (Toàn quyền từ 1914-1918) lập trở lại sau sự thí nghiệm không thành công của Paul Beau (Toàn quyền từ 1902-1908). Trong ý thức của cả hai vị toàn quyền, chỉ nhằm đào tạo những nhân viên hạ ngạch trong ngành y tế, ngành dưng, sư phạm, pháp lý, canh nông, công chính. Việc giảng dạy khoa học và kỹ thuật hiện đại hoàn toàn không có. Sự thâm nhập của nền giáo dục Pháp chỉ có lợi ích cho một tầng lớp trên của xã hội Việt Nam, xã hội thị thành. Cho mãi đến 1938, trước ngày xảy ra cuộc chiến tranh 1939-1940, trong toàn cõi Đông Dương (Lào, Campuchia, Việt Nam) trên một dân số suýt 35 triệu người, cuốn “Danh bạ thống kê Đông Dương” ghi rõ: 1 trường Khải Định (Huế), trường Pétrus Ký (Sài Gòn), 6 trường cao đẳng tiểu học. Ngoài danh sách ấy, cần phải kể thêm hai trường trung học Pháp (trường Albert Sarraut – Hà Nội và trường Chasseloup Laubat – Sài Gòn);

trong đó một số ít học sinh Việt Nam, con em tầng lớp đặc quyền (có quốc tịch Pháp) theo học bên cạnh những bạn học người Pháp, để thi bằng “Tú tài chính quốc”, cho phép họ cũng như các bạn Pháp của họ, sang Pháp học các trường đại học – bởi vì bằng “Tú tài bản xứ”, mặc dù cũng mang cái tên lừa bịp. “Tú tài” vẫn không cho phép thí sinh tốt nghiệp được vào Đại học Pháp, kể cả những thí sinh đậu xuất sắc nhất. Trong những điều kiện như vậy, rất hiếm hoi là những người Việt Nam có thể đạt tới trình độ cao học, ở Pháp, Ngay cả khi họ đạt được thì họ cũng mau chóng bị thất vọng, một khi đặt chân trở về quê hương, bởi vì chỉ cần đơn cử một nhân chứng: một kỹ sư tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Paris (Ecole Polytechnique) thì ra trường không bằng hạng với các bạn Pháp, chỉ được hưởng một mức lương tháng không bằng 1/3 lương tháng của một tên gác cổng người Ấn Độ của trường Pétrus Ký ở Sài Gòn. Đến đây, chúng tôi xin mở ngoặc. Chúng tôi được biết có hai nhà kỹ sư trường Bách Khoa đầu tiên của Việt Nam, ở trong trường hợp này, là ông Nguyễn Ngọc Bích và ông Hoàng Xuân Hãn. Hai ông đều là bạn thân của tác giả. Và chúng ta cũng hiểu vì sao Hoàng thân Lào, Souphanouvong, đã đỗ đạt cao, ra trường Kỹ sư Cầu cống, Pháp (Ecole des Ponts et Chaussées, Paris) khi về nước, đặt dưới quyền một kỹ sư người Pháp, đậu ra một trường kỹ sư hạng dưới của Pháp, Hoàng thân Souphanouvong chọn theo kháng chiến hơn là ở giúp việc cho Pháp. Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích cũng đã chọn con đường này khi kháng chiến vừa bùng nổ trong Nam, mà những người kháng chiến ở Nam Bộ đều biết. Chính kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích đã phá hủy những cầu cống trong Nam, làm cản trở việc tiến binh của quân đội Pháp, trong những đầu tiên tấn công của họ để chiếm miền Nam. Trước 1945, trường tiểu học không nhận quá 900.000 học sinh, trường trung học 4.000, trường Đại học Hà Nội, 1500, trong đó chỉ có 76% sinh viên là người Việt, Campuchia và Lào. Nạn mù chữ còn ngự trị trên 80% dân số.

Ngày 13/8/1945, Pháp đem quân lực trở lại xâm chiếm Việt Nam để đặt lại nền thống trị. Ngày 23/9/1945, dân miền Nam đứng dậy, trước tiên và một mình quyết tâm ngăn cản ý đồ xâm lược của Pháp. Một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc bắt đầu. Sau tám năm chiến tranh và Điện Biên Phủ thất

thủ (7/5/1954), chánh phủ Pháp “giao ban” cho chánh phủ Mỹ và ngày 11/5/1954 đã ký tại Paris với Quốc vụ khanh Foster Dulles một hiệp định để tiếp tục chiến tranh tại Việt Nam. Hiệp định 11/5/1954 mà Pháp vừa ký với Mỹ đánh dấu, đối với nước Pháp, sự cáo chung của nền thống trị Pháp trên xứ thuộc địa cũ của mình. Bình luận về Hiệp định này, Cyril Schulzberger, trưởng phòng châu Âu của tờ “Thời báo New York” viết rằng: “Cuộc đấu tranh chính trị giữa Mỹ và Pháp, ở thủ đô miền Nam Việt Nam đã mang lại những hậu quả nặng nề cho Pháp hơn là thất bại Điện Biên Phủ. Bởi vì cuộc đấu tranh này đã hoàn toàn loại trừ nước Pháp ra khỏi miền Nam Việt Nam - tức là vị trí cuối cùng của họ trên đất Đông Dương - cũng như trận Điện Biên Phủ, đối với Pháp, là sự mất đi vĩnh viễn miền Bắc Việt Nam.” (E.N Dzelepy dẫn, “Sự thật về cuộc chiến tranh ở Việt Nam”, trang 130).

Chailley Bert, “Di cư đàn bà qua thuộc địa”, Paris, 1897.

Charles Meyer, “Cuộc sống hằng ngày của người Pháp ở Đông Dương (1860-1910)”, Hachette, Paris, 1985.

Constantin là hoàng đế La Mã (306-337). Một hôm nằm chiêm bao thấy Chúa Jésus với dòng chữ “In hoc signo Vinces” (Hãy chiến thắng với dấu hiệu này). Ông ta đã làm theo như vậy và đã chiến thắng. Sau đó, ông theo đạo và trở thành hoàng đế bảo vệ chúa Kitô. Thành phố Constantinople (Stanboul, hay Istanbul ngày nay trên eo biển Bosphore của xứ Turpie) có nghĩa là thành phố của Constantin.

Clovis là vua người Frans (Pháp) (481-511), cũng như Constantin, đã theo đạo và đã mở rộng bờ cõi nước Pháp từ sông Loire đến tận sông Rhine. Trích trong một bài viết đăng trên tạp chí “Thời hiện đại”, 1953, trang 2274-2275, được dẫn lại trong “Truyền thống và cách mạng Việt Nam”, NXB Anthropos, Paris, 1971. Jean-Raoul Clémetin, “Thái độ chính trị của các tổ chức Công giáo ở Việt Nam”, trang 108-134.

Người ta thường đặt những bước đầu của Cải cách (tôn giáo) vào năm 1517, khi 95 luận điểm của Martin Luther được công bố. Vị tu sĩ dòng Augustin sinh năm 1483, khi thời kỳ Trung cổ đã nhường bước cho thời kỳ Đại Phục hưng và cho chủ nghĩa nhân đạo, với Erasme và Thomas Moore.

Với sự phát hiện ra máy in và châu Mỹ, thế giới bước vào kỷ nguyên cận đại. Nhà thờ Công giáo, cùng lúc này bị xói mòn đi bởi hàng trăm thứ điểm nhục, dường như đang bị ngưng đọng và đang bị phong tỏa. Vị tu sĩ người Đức cảm thấy bị nhục mạ trước việc mua bán các việc “xá tội”. Nhưng sự nổi loạn của ông còn sâu sắc hơn thế nhiều. Theo ông, sự cứu rỗi linh hồn của con người duy nhất là do có lòng tin ở chúa Jésus-Christ chứ không do những sự nghiệp, những hành vi và công trạng của các tín đồ. Chỉ tiếng ơn thiêng liêng của Chúa cứu rỗi chúng ta. Tất nhiên những luận điểm của ông khiến La Mã nổi giận. Nhưng Luther đã lấy Thánh Kinh để chống lại quyền lực của Vatican và khẳng định tiếp rằng nguồn gốc duy nhất của hiểu biết là một mình Kinh Thánh. Trung thành với luận lý của mình, ông ta khẳng định cái giáo chức phổ cập rửa tội người lớn, mà bác bỏ cái giáo chức tế lễ của các linh mục. Đệ tử của Luther, Philippe Melanchthon cụ thể hóa cái tín điều mới này ra bằng lời, trong cuốn “Lời thú tội Augsburg” (1530). Học thuyết Luther lan truyền mau chóng trong các quốc gia nói tiếng Đức, bằng cách căn cứ trên nguyên lý “đất nào, tôn giáo ấy” (cujus regio, ejus religio) - tôn giáo của nhà vua quy định tôn giáo của dân chúng. Cuộc Cải cách đã lan rộng khắp Trung Âu, rồi sang cả châu Mỹ. Sau đó, nó lan truyền sang Pháp cho đến tận cung đình nhà vua (sự kiện Placards). Tuy nhiên, chính là dưới một hình thức mới mà nó sắp sửa chinh phục cả một phần đất nước - với học thuyết Calvin Luther là một tu sĩ Đức. Calvin là một người thế tục, trình độ uyên thâm, đào tạo tại trường Đại học Sorbonne. Là người Công giáo, ông theo phái Cải cách năm 1533. Luther tranh đấu một mình, Calvin tranh đấu có tổ chức. Nhan đề tác phẩm của ông, tác phẩm đầu tiên xuất bản bằng tiếng Pháp, là cả một chương trình: “Tổ chức của đạo Kitô”. Trong khi điều quan tâm căn bản của Luther là “làm thế nào để được cứu rỗi về linh hồn” thì với Calvin vấn đề là biết được “tạ ơn Thiên Chúa bằng cách nào”.

Có những điểm dị biệt nữa. Như vậy ở Calvin, hệ thống tổ chức giám mục được thay thế bằng hội nghị tôn giáo, trong đó có cả người thế tục lẫn mục sư nắm quyền hành. Thường chính là những người theo thuyết Calvin mang danh nghĩa là những người Cải cách. Họ phát triển mau chóng và

rộng rãi và rộng rãi khắp các nước Pháp, Thụy Sĩ, Hà Lan, Anh và Mỹ. Người ta ước lượng vào lúc xảy ra vụ “Saint Barthelemy” (1572) đã có đến sáu triệu người Pháp, tức 1/3 dân số đã theo Tân giáo (Calvinisme). Cùng thời kỳ ấy, Anh giáo cũng ra đời trong những điều kiện rất đặc biệt. Vua nước Anh, Henry VIII, năm 1520, được tặng danh hiệu “Người bảo vệ đức tin” vì đã bác bỏ những luận điểm của Luther, thì năm 1533, đã bỏ Catherine d’Aragon để kết hôn với Anne Boleyn. Giáo hoàng Clément VII khước từ, không cho vua ly hôn thì Henry VIII đã “khước từ” luôn quyền lực của Giáo hoàng. Cuộc xung đột ấy đã mau chóng trở nên căng thẳng, Henry VIII cho lên đoạn đầu đài tất cả những ai chống lại mình, trong số đó có Hồng y giáo chủ Fisher, rồi cựu thủ tướng Thomas Moore... Và dưới ảnh hưởng của Giám mục Canterbury, Thomas Crammer là người theo học thuyết Luther, nhà vua đã đi theo phía tôn giáo Cải cách. Tuy vậy, Anh giáo vẫn mang dấu ấn Gia-tô sâu sắc hơn các phong trào “chống đối” (gọi là Tin Lành). Với thời gian, những “nhà thờ gốc” của Anh giáo làm nảy sinh vô số những nhà thờ khác: giáo phái “épiscopaliennne”, giáo phái “méthodis”... Theo nguyên bản cất giữ tại “Phòng Hiệp ước” của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Văn kiện này được viết ra và ký tự tay Giám mục Adran và cất giữ, cùng một lúc với Hiệp ước 28/11/1787, tại “Phòng Hiệp ước” của Bộ Ngoại giao, Pháp.

Theo nguyên bản cất giữ tại “Phòng Hiệp ước” của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 29, trang 119-134.

Theo nguyên bản cất giữ tại “Phòng Hiệp ước” của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Chữ “An Nam” trong bản tiếng Pháp và chữ “Đại Nam” trong bản tiếng Hán của Việt Nam.

Chúng tôi không tìm thấy dấu vết của bản thỏa ước này ở đâu cả, cả ở “Phòng Hiệp ước” và kho lưu trữ của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris cũng không. Nguồn “Vấn đề Bắc kỳ”, trang 411-415.

Điều 21: Trong sách gốc bị thiếu. (BT)

Theo nguyên bản cất giữ tại “Phòng Hiệp ước” của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

“Vấn đề Bắc Kỳ”: trang 416-417.

“Hồi ký và tư liệu châu Á”: quyển 73, trang 343-344.

Người Pháp gọi là Cochinchine.

Dân tộc Nhật Bản (hiện nay gọi là Nhật Bản) hình thành do sự hội nhập của hai đợt xâm lược liên tiếp. Những người xâm lược đợt đầu, từ Mông Cổ đến, qua đường Triều Tiên, những người xâm lược đợt hai nguồn gốc từ Việt Nam, hoặc miền Nam Trung Quốc, đổ bộ vào các bờ biển phía nam của quần đảo Nhật Bản, theo hải lưu Kuroshivo. Vào những thế kỷ đầu Công nguyên, các thị tộc này, thường thường đặt dưới quyền của những vị “nữ hoàng”, được sách sử ký Trung Quốc, đời Tây Hán (thế kỷ I-II), gán cho đủ thứ quyền năng thần thông, đã chiếm miền Nam của hòn đảo lớn nhất, và ở đó đã xuất hiện một chính quyền trung ương, trên đồng bằng Yamato (về sau là tên của đất nước mới này). Thuyết này, một thời gian dài, bị phán quyết là tà giáo, vì nó nói ngược lại sang thế luận Thần đạo (Shinto) và nguồn gốc thần thánh của người Nhật Bản, hiện nay, được xác nhận thêm bởi những cuộc khai quật khảo cổ, theo đuổi từ khi đệ nhị thế chiến kết thúc, ở hải đảo Kyushu và Honshu. (“Voyage vers le Japon des Ainous”, “Le Monde Aujourd’hui”, 9-10/9/1984)

Hai thuật ngữ “monde” và “univers” chỉ thế giới về mặt địa lý và thế giới về mặt kinh tế...

Raymond Cartier, “Paris Match”, số 322, ngày 28/5 – 4/6/1955.

Tác phẩm dành cho khách đến xem cuộc triển lãm về thuộc địa năm 1931.

Đông Dương: tiếng Pháp là Indochine, nguyên nghĩa là Ấn Độ Trung Quốc. Indochine là từ do nhà địa lý học Conrad Malt-brun (sinh ở Đan Mạch năm 1775, là người sáng lập Hội Địa lý, năm 1821) tạo thành.

G. Clappier, “Le Tonkin d’aujourd’hui”, báo “Bosphore egyptien”, 1885.

Năm Điều lộ I (679), dưới đời nhà Đường, người Trung Quốc đổi “Giao Châu Đô đốc phủ” thành “An Nam đô hộ phủ”.

Vasco de Gama: sinh năm 1460 (?) tại Bồ Đào Nha và mất năm 1524 tại Ấn Độ. Ông được xem là nhà thám hiểm, nhà hàng hải thành công nhất châu

Âu của Kỷ nguyên Khám phá (BT)

Công ty Ấn Độ: thành lập dưới thời Nhiếp chính do John Law, do động cơ tài chính thúc đẩy hơn là động cơ thuộc địa.

Thực ra ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ là dòng dõi Hồ và có chung một ông tổ với Hồ Quý Ly (1400-1407), người dưới thời Trần đã tiến hành một cuộc Cách mạng dân tộc. Tổ tiên các anh em Tây Sơn, Hồ Hưng Dật, gốc ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Hồ Hưng Dật di cư sang Việt Nam từ thời kỳ Ngũ Đế (907-960) Trung Quốc và định cư trước tiên ở vùng Nghệ An, làng Bảo Đột, huyện Quỳnh Lưu, rồi dời ra Thanh Hóa. Trong công cuộc “Nam tiến” do các chúa Nguyễn tổ chức hồi thế kỷ XVI, ba anh em định cư tại ấp Tây Sơn (nên gọi là anh em Tây Sơn), làng Cửu An, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Cha của họ là Hồ Phi Phúc. Theo “Việt Nam sử lược” (Trần Trọng Kim), ba anh em đã chọn họ Nguyễn là họ đấng mẹ để cuộc khởi nghĩa của họ dễ tranh thủ được cảm tình của người miền Nam, vì miền Nam là lãnh thổ chúa Nguyễn.

Trước khi người Pháp tới, Sài Gòn (vật cồng miền Tây) chỉ riêng thành phố những người khách (Trung Quốc). Những người khách này gọi nó là Tài-Ngồn hoặc Tề-Ngồn (Đề Ngạn). Hiện chính là thành phố Chợ Lớn khoảng 6 km.

Nguyễn Phước Dương và Nguyễn Phước Thuần đã bị Nguyễn Huệ giết tháng 10/1777 (Đinh Dậu) tại chùa Kim Chuông. Chùa này ở Sài Gòn, đường Cống Quỳnh (1974), trong khung trại lính O-Ma cũ (dưới thời Pháp chiếm đóng).

Theo “Quốc Sử quán triều Nguyễn” (lịch sử biên niên gia đình họ Nguyễn) ông thủy tổ gia đình họ Nguyễn là Nguyễn Bặc – người giữ một chức vị quan trọng ở triều Đinh. Nhưng chỉ từ một ông tổ xa là Nguyễn Kim (sinh năm 1468) thì lịch sử gia đình họ Nguyễn mới được ghi vào trong lịch sử Việt Nam. Từ Nguyễn Bặc đến Nguyễn Kim có 13 đời. Nguyễn Kim có 3 người con. Con trai thứ hai là Nguyễn Hoàng, sinh năm 1525. Nhờ có sự can thiệp của chị là Ngọc Bửu, vợ của Trịnh Kiểm, lúc này làm chức quản lý hoàng cung bên cạnh vua Lê Anh Tôn, mà Nguyễn Hoàng được bổ nhiệm, năm 1558, làm Tổng trấn xứ Thanh Hóa. Năm 1613, Nguyễn

Hoàng chọn “Huế” (có nghĩa là hòa hợp) để đặt kinh đô. Ông mất năm 89 tuổi. Kế vị ông là con trai thứ sáu: 4 người con đầu đã chết, người thứ năm làm quan ở đất Bắc. Người kế vị sinh năm 1563. Khi có mang, mẹ ông cũng họ Nguyễn, một đêm chiêm bao thấy một người trao cho bà một tờ giấy viết dày đặc chữ PHƯỚC, có nghĩa là Hạnh phúc. Sáng thức dậy thì bà sinh con trai. Bà chọn chữ PHƯỚC đặt tên cho con, nhưng bà nghĩ rằng: “Nếu ta chọn chữ này làm tên riêng cho con ta, thì chỉ duy nhất một mình nó mang tên này trong gia đình. Nhưng nếu ta dùng chữ Phước làm tên đệm, giữa họ và tên riêng, thì một vạn con cháu ta sẽ có thể cùng dùng tên ấy; như vậy, sẽ có những một vạn ‘hạnh phúc’ cho dòng họ nhà ta.” Chính là từ đó mà những người hoàng phái đều mang họ Nguyễn Phước. Các con cháu của Nguyễn Hoàng: - Nguyễn Hoàng (1558-1613); - Chúa Sãi (Sãi Vương) Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635); - Chúa Thượng (Thượng Vương) Nguyễn Phước Lan (1635-1648); - Chúa Hiền (Hiền Vương) Nguyễn Phước Tần (1648-1687); - Chúa Nghĩa (Nghĩa Vương) Nguyễn Phước Thái (1687-1691); - Chúa Minh (Minh Vương) Nguyễn Phước Chu (1691-1725); - Chúa Ninh (Ninh Vương) Nguyễn Phước Chú (1725-1738) - Võ Vương Nguyễn Phước Khoát (1738-1765) - Định Vương Nguyễn Phước Thuận (1765-1777) - Gia Long Nguyễn Phước Ánh (1802-1820)

Gia Long, niên hiệu của Nguyễn Phước Ánh (1802-1820)
Nguyễn Hữu Luân, võ quan bậc 3, hạng nhất, cầm binh vệ úy; ông nội của Nguyễn Hữu Độ - nhạc phụ của Đồng Khánh và Thành Thái.

“Hồi ký và tài liệu Á châu”: quyển 19, trang 101-103. Lưu trữ của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Xem toàn văn bản Hiệp ước trong phần Phụ lục.

Văn bản Hiệp ước và lời tuyên bố được cất giữ tại Phòng Hiệp ước của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Thư từ công văn tổng hợp của Nam kỳ: Quyển VII, trang 607 và tiếp theo. Lưu trữ quốc gia, tại Paris.

“Triều đình Tây Ban Nha”: Tập 624. Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Thư từ và công văn tổng hợp của Nam kỳ: tập VIII, trang 510-511.

“Hồi ký và tư liệu Á châu”: Quyển 21, trang 64.

Người Việt Nam gọi Nhà thờ Sài Gòn là “Nhà thờ Nhà nước”. Nhà thờ lớn này, đối với đường Catinat, cũng tương tự như Khải hoàn Môn (Arc de Triomphe), đối với đại lộ Champs Elysées, ở Paris.

Đường chính Sài Gòn, đường Catinat dưới thời Pháp thuộc, đổi tên là “Tự do” từ ngày Việt Nam độc lập, ngày nay là đường Đồng Khởi.

Năm 1954, Ngô Đình Diệm dựng lên, cũng tại chỗ này, một tượng Đức bà Maria làm tại Rome theo đơn đặt hàng đặc biệt, ngày nay vẫn còn.

Chiến tranh nha phiến tại Trung Quốc (1834-1842) William Jardines, người Scotland, mệnh danh là “chuột già đầu sắt”, được triều đình nhà vua Anh ban cho cái quyền “đầu độc” cả một đất nước, với cái chất mà người Trung Quốc gọi là “bùn ngoại quốc”, để làm giàu cho triều đình Anh và cho Hong Kong. Ngày 03/06/1839, Cao ủy Hoàng đế Trung Quốc là Liu Zexu ra lệnh đốt tàu giữa quảng trường công cộng, gần Quảng Đông, cả một tàu nha phiến để cảnh cáo cho những cường quốc phương Tây bán nha phiến tại Trung Quốc rằng triều đình Mãn Thanh từ đây sẽ kiên quyết buộc họ phải tôn trọng đặc biệt đạo luật buôn bán ma túy. Không cần thêm lý do nào khác, Lãnh sự Anh là Charles Elliot lập tức gửi về Luân Đôn một bản báo cáo yêu cầu chuẩn bị một cuộc can thiệp vũ trang của Anh thực sự xảy ra vào tháng 6/1840.

tấm lòng

đáy lòng

hay thầu kê, tiếng Hoa giọng Triều Châu: người chủ như chủ tiệm, chủ ô điếm

dụng cụ đan bằng tre cắm ngang dòng nước để bắt cá
rù quển, thu hút

lái xe

(tiếng Pháp escharpe): khăn quàng vai hay băng choàng vai của quan chức lớn như băng chaongf của vua chúa.

bạn gái, bồ, nhân tình

to lớn

Không bao giờ

cách câu cá nóc ở nơi không có chướng ngại

người giúp việc

biết điều đúng

Nơi máng áo

Hiệu rượu Martel, rượu mạnh

nước cốt ngọt, khi uống pha nhiều nước.

Mặc kệ

Tờ chia tài sản.

phiếu, giấy nợ

(cent) giấy bạc một trăm đồng

Vừa ký vừa nói

thúng nhỏ, quả gạo: thúng nhỏ đựng gạo, quả may: thúng đựng dụng cụ may vá.

dụng cụ bằng tre, dùng đập đồ ăn trên bàn.

Ly dị

(giọng Triều Châu: i-a) noa, anh ấy.

(Chetty) là tên một giòng họ lớn mà cũng là tên một hiệp hội lớn của Ấn Độ. Chà Chetty hay Chà Xã tri ở Việt Nam là những người Ấn độ nổi tiếng cho ăn lời cắt cổ

Toa rập

1. Mong sao nước mưa đều hóa rượu, chỉ hận kiếp này đã không còn là người nữa.

1. Khổng tước: Chim công.

2. Trong tiếng Trung có câu chửi Mẹ mày, từ “bạn chọn ngựa” có thể hiểu tương tự như Mã mày (Mạ mày).

3. Nguyên văn: “Tri danh bất cụ”, nghĩa gốc là bạn đã biết tôi là ai rồi. Ở đây Vinh An chơi chữ.

4. Tên các ca sĩ, nhạc sĩ Đài Loan.

5. Trong tiếng Trung, hai cái tên này phát âm giống nhau.

1. Adrenalin: Một loại hormone do tuyến thượng thận tiết ra, có tác dụng kích thích.

2. Pitcher: Cầu thủ ném bóng trong môn bóng chày.

3. Safe: Cú ném an toàn trong bóng chày, trong đó cầu thủ đánh bóng (batter) chạy về Gôn một (Base 1) một cách an toàn.

1. Điển tích Bá Vương biệt Cơ: Hạng Vũ (Sở bá vương) bị quân Hán của Lưu Bang vây ở Cai Hạ, đêm đến cảm thán làm bài thơ “Cai Hạ ca” trong đó có câu “Lực bạt núi khí trùm trời”, vợ ông là Ngu Cơ múa kiếm hoà nhịp ở bên cạnh rồi tự sát.

2. GGY: Tiếng lóng trong ngôn ngữ Đài Loan, nghĩa là “lèm bèm”, chữ G trong tiếng Anh phát âm giống với chữ Cơ (Ji) trong tiếng Trung. Chữ “biệt” phát âm giống chữ “đừng”. Ở đây sử dụng lối đồng âm.

1. MIT (Massachusetts Institute of Technology): Học viện công nghệ Massachusetts, là học viện khoa học của Mỹ nổi tiếng trên toàn thế giới.

2. Vô dục tắc cương: Câu nói trong Kinh Phật, tức là khi không có dục vọng, ham muốn gì thì con người tất sẽ cương nghị, chính trực, không có gì để sợ.

3. Nguyên văn “削凯子” – “tước khái tử”: tiếng lóng trong ngôn ngữ Đài Loan, chỉ người con trai luôn bị người con gái bắt phải chi trả mọi chi phí trong mỗi quan hệ yêu đương.

4. Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là thêm một lần nữa.

1. Saint Seiya (Áo giáp vàng): Tên một bộ truyện tranh của Nhật Bản về các chiến binh Thánh đấu sĩ.

1. San nhiên lệ hạ: Nước mắt như mưa, từ San nhiên (san ran) và từ San Lam (san lan) phát âm hơi giống nhau.

2. Từ “vỏ bánh sủi cảo” trong tiếng Trung là 包皮, còn có nghĩa là “bao quy đầu”.

1. Chô-mô-lung-ma: Tên gọi khác của đỉnh Everest, trong tiếng Nepal có nghĩa là “mẹ của tuyết”.

2. Phiên âm tiếng Trung của từ Martini là Mã Đình Ni.

1. Chữ Nhất (一) và chữ Đại (大) trong tiếng Trung kết hợp với nhau thành chữ Thiên (天).

2. Thiên tác chi hợp: Ông trời tác thành – duyên trời ban.

3. Hàn Tín: Người nước Sở, khi còn trẻ ở ngoài chợ bị lão hàng thịt làm nhục, bắt chui qua háng, mọi người đều cho ông là người hèn hạ. Sau ông

bỏ Sở theo Hán, được Lưu Bang trọng dụng, trở thành danh tướng.

4. Ngũ Tử Tư: Tên thật là Ngũ Viên, vốn là người nước Sở. Sở Vương lúc bấy giờ nghe lời xiểm nịnh của gian thần, lập mưu bắt ba cha con trung thần là Ngũ Xa, Ngũ Thương và Ngũ Viên. Ngũ Xa và con trai cả Ngũ Thương vị giết chết, Ngũ Viên trốn thoát bèn chạy trốn sang nước Ngô, giúp công tử Quảng lên ngôi Ngô Vương. Chín năm sau Ngũ Viên cùng quân Ngô quay lại chinh phạt nước Sở, quật mộ Sở Vương để trả thù.

5. Trương Nghi: Thuyết khách nổi tiếng thời Đông Chu, ông là người nước Ngụy và có bạn đồng môn là Tô Tần. Tô Tần trong lúc đề xướng thuyết hợp tung thì lo lắng nước Tần sẽ đánh Triệu khiến thuyết của ông ta không thành công. Ông ta liền mời Trương Nghi sang Triệu, đồng thời cho Trương Nghi ăn uống đạm bạc và mắng nhiếc Trương Nghi như người dưới.

Trương Nghi tức giận bỏ sang Tần, Tô Tần lúc này đồng thời cử người theo giúp đỡ Trương Nghi. Đến lúc Trương Nghi được vua Tần tin nhiệm rồi thì người giúp đỡ mới nói hết sự thật. Trương Nghi than rằng “Than ôi? Thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân.”, sau đó ông cố ý khiến nước Tần đánh Hàn, Sở thay vì nước Triệu.

6. Tiết Bình Quý - Vương Bảo Xuyến: Vương Bảo Xuyến là tiểu thư nhà giàu có, ném tú cầu kén chồng trúng vào người cùng đinh là Tiết Bình Quý. Nàng bất chấp sự ngăn cản của cha, gả cho Bình Quý nên bị đuổi khỏi nhà, hai vợ chồng vào hang sinh sống. Tiết Bình Quý đi lính bị người của cha Bảo Xuyến hãm hại, đuổi sang quân Tây Lương, nhờ cơ duyên nên được công chúa Tây Lương lấy làm phò mã, giữ lại Tây Lương mười tám năm. Mười tám năm sau Tiết Bình Quý về lại được Trung Nguyên, gặp lại Vương Bảo Xuyến vẫn sống trong hang lạnh chờ chồng.

7. Tứ đại phát minh của Trung Hoa cổ: La bàn, thuốc súng, nghề làm giấy và nghề in.

(1). Theo tài liệu của Thanh Thiên sư tìm được ở vùng Tây Bắc nước ta.

2. Một loại cây miền núi cao như cây trầu, có quả dầu, ăn được.

3. Khau Luông (núi To) nay ở x. Đức Long, huyện Hoà An, Cao Bằng.

(4). Thuộc xã Bế Triều, huyện Hoà An, Cao Bằng.

(5). Xương cốt người vợ còn tìm thấy ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Kéo Lèng, huyện Gia Bình, tỉnh Lạng Sơn.

(1). Nay là xã Hiền Lương, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ. Ở đó có đền thờ Âu Cơ.

(2). Nay là xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

(3). Nay là Núi Sút, đứng giữa ba huyện Thanh Ba, Đoan Hùng và Phù Ninh (Phú Thọ).

(4). Nay là núi Thảm, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

(5). Nay là Ao Châu, huyện Hạ Hoà, Phú Thọ.

(6). Nay là xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

(7). Phượng Hoàng là một loài chim, con đực gọi là phượng, con cái gọi là hoàng.

(8). Nay là núi Nghĩa, trên có đền Hùng và mộ tổ.

(9). Đó là quả đồi đất đỏ thuộc xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, Phú Thọ. Bị nước xói mòn, khi mưa to, nhìn xa, dòng chảy đỏ tựa máu.

(10). TCN: Trước Công nguyên.

(11). Chín núi và chín chúa Mường đó ở quanh vùng Cao Bằng, Bắc Thái ngày nay.

(12). Nay trên đường Bắc Cạn - Cao Bằng có sườn núi cao, dốc gọi là dốc Tống Lăn tức là dốc Trống Lăn

(13). Nay gọi là Tổng Quảng thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hoà An, Cao Bằng. Giữa Phiêng Pha và Tống Chúp cách nhau khoảng 20km. “Nà” tiếng Tày, nghĩa là ruộng.

(14). Tống Chúp có nghĩa là cánh đồng nón.

(15). Chạ là chữ cổ chỉ làng. Chạ Chủ là tên cổ của làng Cổ Loa bây giờ.

(16). Sông Hồng.

(17). Khớp với các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu ở miền Nam Trung Quốc ngày nay.

(18). Ý nói quanh năm đi đánh giặc.

(19). Theo Việt Điện U Linh, Lĩnh Nam Chích Quái và Truyền thuyết vùng Chèm.

(20). Theo bản sự tích của ông Nồi còn giữ được ở thôn Vĩnh Thanh và truyền thuyết địa phương.

(1). Nhân viên.

(2). Lệ nhà Hán, cuối năm, thái thú không về triều đình tâu bày công việc năm qua ở quận mình cai trị, thì chỉ cử một nhân viên đem sớ (báo cáo) của mình về dâng vua. Nhân viên đó gọi là kế lại (viên lại đại diện thái thú).

(3). Sau Công nguyên.

(4). Lý Bí làm chức Giám quân (trông coi quân sĩ) ở quận Cửu Đức (Hà Tĩnh).

(5). Vạn Xuân: Vạn mùa xuân, có nghĩa mong muốn đất nước bền vững lâu dài.

(6). Sống lâu hàng vạn năm, cũng có ý nghĩa muốn vững chắc bền lâu.

(7). Một trong ba chức quan đứng đầu triều đình bấy giờ.

(8). Nay là chùa Trấn Quốc bên bờ Hồ Tây (Hà Nội).

(9). Một chức quan trong triều Vạn Xuân.

(10). Nay là bãi ngô, cạnh đền thờ Phùng Hưng.

(11). Nay gọi là “vũng Hùm”, phía trước đền thờ Ngô Quyền ở thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm.

(12). Tương truyền hàng duối xế bên phải đền Ngô Quyền ở thôn Cam Lâm là nơi Phùng Hưng buộc đoàn ngựa chiến.

(1). Muôn tuổi, muôn năm.

(1). Chăn.

(2). Đến nay, Lệ Mật vẫn nổi tiếng là làng giỏi bắt rắn và có truyền thống về đông y dược.

(3). Bốn công trình nghệ thuật lớn bằng kim khí: tượng Di Lạc (Quỳnh Lâm, Đông Triều) bằng đồng cao 6 trượng do thiềm sư Không Lộ dựng; tháp Báo Thiên: chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh (Nam Định). Tháp Báo Thiên cao quá, tầng đỉnh lại bằng đồng nên hay bị sét đánh. Năm 1426, giặc Minh bị vây khốn trong thành Đông Quan đã phá tháp lấy đồng đúc khí giới chống cự lại nghĩa quân Lam Sơn.

(4). Chùa Một Cột nằm trong khu chùa Diên Hựu. Tên Chùa Một Cột sau này mới gọi.

- (5). Tức múa chạy đàn.
- (6). Ngôi vườn ở phía tây cấm thành Thăng Long đời Lý.
- (7). Ý nói: theo dấu vết lề lối xây dựng chùa đời Lý Thánh Tông, có thêm ý mới của Lý Nhân Tông mà chữa lại chùa đẹp hơn trước.
- (8). “Chiếu” là ao hình vuông.
- (9). Toà điện lợp ngói sứ tráng men xanh, khảo cổ học đã phát hiện được loại ngói này ở gần chùa.
- (10). Tức là tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát.
- (11). Ao hình tròn
12. Ngói lưu li là ngói sứ.
- (13). Lý Thái Tổ trước khi lên ngôi vua là tướng Điện tiền chỉ huy sứ.
- (1). Liêu là một nước ở vùng Tây Bắc, Trung Quốc. Bấy giờ là nước mạnh uy hiếp Tống.
- (2). Ý nói nước Liêu.
- (3). Chỉ nước ta.
- (4). Hai danh tướng nhà Hán nhiều lần đi đánh Hung Nô.
- (5). Một thứ pháo thăng thiên.
- (6). Lệnh vua về việc đánh Giao Chi.
- (7). Thứ cung bắn một phát được nhiều tên.
- (8). Chỉ Thăng Long.
- (9). Khoảng 16-17 km
- (10). Đều giỏi.
- (11). Người cùng làm quan.
- (12). Những chức quan rất to trong triều.
- (13). Giường của vua có chạm rồng.
- (14). Chỉ vua đã mất.
- (1). Làm giả lệnh vua.
- (2). Chức tôn kính, xem như bậc cha của vua, của nước.
- (3). Một vị chức trong làng.
- (4). Khúc sông Cà Lồ trên đường quốc lộ số 2 ngày nay.
- (5). Khúc sông Hồng chảy qua xã Mạn Trù, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- (6). Nến làm bằng sáp ong trắng.
- (7). Chỉ vua Trần.
- (8). Nghĩa là “chạy vào đất Tống”, ý nói nên hàng Tống, dựa Tống chống Mông.
- (9). Nay là xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- (10). Người có công giúp vua mở nước, dựng nên cơ nghiệp một triều đại mới.
- (11). Thuộc vùng Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- (12). Tức Ngột Lương Hợp Thai hoặc Cốt Đãi Ngột Lang trong bài Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn.
- (13). Chỉ vua Trần Thái Tông.
- (14). Thuộc Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.
- (15). Họp triều đình.
- (16). Khoảng chùa Quán Sứ bây giờ.
- (17). Xưa có nhánh chảy vòng đến phường Kim Cồ ở phố Đường Thành bây giờ.
- (18). Bây giờ, Thánh Tông đã lên ngôi nhưng mọi việc ngoại giao với Mông Cổ như tiếp sứ, nhận thư và trả lời đều do Thượng hoàng Thái Tông làm cả.
- (19). Thái Tông vin vào chiếu thư của Hốt Tất Liệt năm 1261. Bây giờ vì Hốt Tất Liệt phải dồn sức vào cuộc nội chiến với em là A Ríc Bu Kê (A Lý Bất Kha) để tranh ngôi, nên tạm nhân nhượng với nước Đại Việt.
- (20). Hồi Hột nay gọi là người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương. Âm mưu của Hốt Tất Liệt là muốn qua những lái buôn Hồi Hột buôn bán ở Đại Việt, để dò xét tình hình nước ta. Cho nên, vua Trần mới cấm dân ta giao dịch với họ và nói thác vạ, để phá âm mưu gián điệp đó của địch.
- (21). Tê giác và voi.
- (22). Trần làm quan Triều liệt đại phu.
- (23). Chỉ Hốt Tất Liệt.
- (24). Còn gọi là Sài Xuân.
- (25). Năm 1279, Hốt Tất Liệt đ. thôn tính xong Nam Tống, hoàn thành việc xâm lược Trung Quốc nên càng lấn tới. Biết vua Trần bấy lâu nay vẫn đối

phó, không chịu thật lòng quy phục, lần này Hốt Tất Liệt gửi chiếu thư ngang ngược yêu sách để kiểm soát động binh.

(26). Sài Thung nói vậy thắt buộc. Thực ra, vua Tống bị quân Nguyên Mông bắt về Đại Đô (Bắc Kinh) chứ không phải tự đến.

(27). Ý nói nhân dân cả nước Đại Việt phản đối, không để vua đi.

(28). Sản vật riêng có ở nước ta.

(28). Cửa lớn ở kinh thành, chỉ nơi vua ở.

(30). Nói chuyện về đạo.

(31). Sông Lục Đầu, Chí Linh, Hải Dương.

(32). Thuyền lớn có tầng cao.

(33). Tước hiệu của Trần Quốc Toản.

(34). Chưa đến tuổi thành niên (18 tuổi).

(35). Chỉ Trần Thái Tông.

(36). Phá giặc mạnh, báo ơn vua.

(37). Bảo vệ vua.

(38). Ở đoạn sông Hồng nối với sông Luộc.

(39) Thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

(40). Gần bãi Thiên Mộc, huyện Khoái Châu, Hưng Yên

(41). Thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội.

(42). Dùng để gọi vua cha đời Trần.

(43). Xin mời các cụ vào điện.

(44). Ý nói đến cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất (1258).

(45). Đó là sáu yêu sách của nhà Nguyên đòi: vua ta phải thân sang châu; cho con em sang Nguyên làm con tin; nộp bản thống kê dân số; chịu nhận binh dịch; nộp phú thuế và để nhà Nguyên đặt quan giám sát cai quản, gọi là Đạt Lỗ Hoa Xích.

(46). Giết giặc Mông Cổ xâm lược.

(47). Vì nghĩa quên thân, báo đền ơn nước.

(48). Chỉ quân Đại Việt

(49). Chỉ quân Nguyên Mông.

(50). Chỉ quân Nguyên Mông.

(51). Chỉ quân dân Đại Việt.

- (52). Chỉ quân Nguyên Mông.
- (53). Chỉ quân kị binh nổi tiếng của Nguyên Mông.
- (53). Chỉ Trần Quốc Tuấn.
- (53). Nay thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh và huyện Đông Anh, Hà Nội.
- (56). Ý nói: Trong số những quan lại bình thường không ngờ lại có người tài, đáng quý.
- (57). Trung với vua, với nước; căm phẫn bọn xâm lược.
- (58). Người có chức quyền, gần vua.
- (59). Ý nói: Sao không sợ hãi xin đến gặp bàn.
- (60). Ăn cướp, phi nghĩa.
- (61). Tức chiếu Hốt Tất Liệt gửi năm 1261.
- (62). Chỉ Trần Nam vương Thoát Hoan
- (63). Nhân kế của địch mà thi hành kế của mình.
- (65). Kẻ trộm.
- (66). Vua hiền.
- (66). Tỉnh Nam Định.
- (67). Hay còn gọi là bãi Đà Mạc bên sông Hồng ở Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay.
- (68). Vùng biên giới thuộc huyện Văn Uyên và Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
- (69). Người hầu hạ trong nhà.
- (70). Thuộc huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ngày nay.
- (71). Thuộc huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày nay
- (72). Thật ra, biết bị chặn đầu, Trần Nhật Duật đã bỏ thuyền lên bộ, vòng về Bạch Hạc (Việt Trì), rồi vượt qua vùng các dân tộc thiểu số mà rút về chỗ vua Trần đóng quân.
- (73). Chỉ nhân dân ta.
- (74). Vùng phố Hàng Buồm, phố Chợ Gạo hiện nay ở Hà Nội.
- (75). Chỉ quân Đại Việt thời Trần.
- (76). Đồ dùng cần thiết cho việc quân.
- (77). Cửa Hàm Tử thuộc xã Hàm Tử bên sông Hồng, nay thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

- (78). Nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội.
- (79). Mất không giữ được.
- (80). Phàn tiếp đã từng theo Ngột Lương Hợp Thai xâm lược và bị đánh bại trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất năm 1258; còn Ô Mã Nhi thì hút chết trong cuộc kháng chiến lần thứ hai của ta.
- (81). Lý Hằng, Lý Quán bị ta bắn chết năm 1285.
- (82). Nay thuộc Hải Dương.
- (83). Cửa sông Đuống.
84. Móng Cái
- (85). Cửa Lục, Hồng Gai, Quảng Ninh.
- (86). Vân Hải, nay thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- (87). Mũi Ngọc, Móng Cái.
- (88). Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- (89). Độ vài ki-lô-mét.
- (90). Trong “Bài phú sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu.
- (91). Khoảng 16-17 mét.
- (92). Ngô Quyền và Lê Hoàn
- (93). Thuyền chỉ huy.
- (94). Phú Sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu.
- (95). Đã nói ở bài Giải phóng Thăng Long. Trong trận, Đại Mang Đô, Ô Mã Nhi và Trương Hiến kị vớ được chiếc thuyền nhẹ, nhanh chân chèo ra biển, thoát chết.
- (96). Không biết gì.
- (97). Trần Quốc Tuấn là tác giả của bài Hịch tướng sĩ nổi tiếng và các tác phẩm Bình thư yếu lược, Vạn kiếp tông bí truyền thư...
- (98). Làm vương ở đất An Sinh, nay thuộc Đông Triều, Quảng Ninh.
- (99). Ý nói cướp ngôi vua.
- (100). Cảng Cửa Ông ở Quảng Ninh hiện còn đền Ông. “Ông” chính là Trần Quốc Tảng.
- (101). Theo xe vua để bảo vệ.
- (102). Một nhánh sông Thái Bình giáp giới Kiến An, Thái Bình.

- (103). Hầu là tước cao thứ hai trong chức tước phong kiến, sau tước vương công.
- (104). Chỉ nước ta thời nhà Đinh, nhà Lê.
- (105). Chỉ nước Tống.
- (106). Xem bài: Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.
- (107). Ý nói: Tướng tài, nổi danh được cũng là nhờ ở những người thân tín một lòng giúp sức. Nếu không, cũng đành chịu, không làm nên việc lớn.
- (108). Thi đấu.
- (109). Quân tướng gắn bó với nhau như cha con một nhà.
- (110). Gia Cát Lượng Khổng Minh.
- (1). Ông ngoại Nguyễn Trãi.
 - (2). Cửa vua.
 - (3). Người đi ăn làm nghề hái củi.
 - (4). Chỉ Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương.
 - (5). Các vua phong kiến Trung Quốc xưa thường tự coi mình là vua trời, đứng đầu các vua trong thiên hạ.
 - (6). Coi việc dân chính và tài chính.
 - (7). Tiếng gọi tôn kính, chỉ Bùi Bá Kỳ.
 - (8). Thượng sách: Kế hay nhất; trung sách: kế bình thường; hạ sách: kế kém nhất.
 - (9). Ý nói: Sẵn sàng theo giúp Bá Kỳ đấu tranh với nhà Minh lập lại vua Trần.
 - (10). Hà Nội ngày nay.
 - (11). Chế ngự.
 - (12). Chúa sáng.
 - (13). Phép tắc quy định của triều Trần.
 - (14). Ý nói: Vua làm thơ ca ngợi chuyến đi khó khăn nguy hiểm của Nguyễn Biểu. Nhưng tin Nguyễn Biểu vốn là người có chí khí, trung nghĩa, nên mong Nguyễn Biểu sẽ làm tròn sứ mệnh để lưu danh muôn thuở.
 - (15). Ý đáp: Lĩnh lời vua ban, Nguyễn Biểu quyết giữ vững lòng trung nghĩa. Chỉ sợ không đủ tài thuyết phục giặc, chứ Biểu không ngại gian truân, nguy hiểm.

- (16). Người của nước kẻ thù.
- (17). Ý nói: Biểu đã được nếm đủ thức ăn ngon vật lạ, nhưng còn thua xa món cỗ đầu người này. Dám ăn thứ cỗ khác thường ấy, Biểu có thua gì Phàn Khoái, một danh tướng của Hán Cao Tổ.
- (18). Thanh Hoá ngày nay.
- (19). Khách thân trong nhà.
- (20). Đơn vị đo lường cổ, bằng 4 mét.
- (21). Thời cơ.
- (22). Chi Lê Lợi.
- (23). Tướng của nhà Hán (Trung Quốc) nhận giả làm Hán Cao Tổ cho đối phương bắt để giải vây.
- (24). Đơn vị dưới cấp huyện (ở miền núi).
- (25). Ăn nói xúc phạm đến người trên.
- (26). Ba thứ thịt trâu (hoặc bò), lợn, dê.
- (27). Quan bị tội cách chức nhưng vẫn cho đánh trận lập công chuộc tội.
- (28). Ngọc Sơn, Chương Mỹ (Hà Nội).
- (29). Thuộc Thanh Oai, Hà Nội.
- (30). Thuộc Thanh Oai, Hà Nội.
- (31). Đô đốc Thái Phúc trấn thủ thành Nghệ An theo lời thuyết phục của Nguyễn Trãi đã cùng các tướng giữ thành đem quân ra hàng.
- (32). Chi viện binh giặc.
- (33). Ngụy quan.
- (34). Chi viện binh giặc.
- (35). Trước đó do tình thế hiểm nghèo, Vương Thông đã bắt buộc phải nhận lui quân.
- (36). Phương Chính, Mã Kỳ.
- (37). Đánh vào lòng người.
- (38). Để dễ giảng hoà với nhà Minh, Lê Lợi lập Trần Cảo, một người tự xưng là con cháu nhà Trần lên làm vua và xin vua Minh phong vương cho Cảo.
- (39). Tên nước ta do phong kiến phương Bắc đặt.
- (39). Đẹp giặc Ngô.

- (40). Vườn không nhà trống.
- (42). Chức quan kiểm sát tối cao.
- (43). Quan trong triều đình.
- (44). Phương kế đánh dẹp giặc Ngô.
- (45). Chỉ việc Giản Định đế Trần Quý giết danh tướng Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.
- (46). Chức quan đầu triều.
- (47). Một chức quan văn cao cấp.
- (48). Đòi tiền đút lót mới giải quyết công việc.
- (49). Chức quan của Nguyễn Trãi.
- (50). Ao công.
- (51). Chùa.
- (52). Lo.
- (53). Ý nói đêm nào cũng thức đến sáng.
- (54). Di chúc.
- (55). Bắc đạo bấy giờ gồm Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên.
- (56). Sau lên ngôi vua, tức Lê Thánh Tông (1460 - 1497).
- (57). Bấy giờ, nước ta chia thành năm đạo (khu vực hành chính).
- (58). Mắc bệnh nặng chết.
- (59). Nơi triều đình xử án.
- (1). Nhện mệnh lệnh Lê Thái Tổ phù giúp Lê Thái Tông.
- (2). Cơ quan coi việc xét xử.
- (3). Hai ông vua nổi tiếng hiền đức của Trung Quốc cổ xưa.
- (4). Vợ thứ của Lê Thái Tổ, dì của Thái Tông.
- (5). - Đất được dùng lâu dài, cha truyền con nối.
- (6). Lương Thế Vinh rất thông thạo về hát tuồng hát chèo, đã viết sách Hý phường phá tục khảo cứu về nghệ thuật ấy. Thánh Tông cũng đã sai ông cùng với Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận chế định ra các lễ nhạc của triều đình.
- (7). Lê Hiến Tông (1497 - 1504).
- (8). Lê Túc Tông (6 - 1505).
- (9). Người thân thích bên ngoại.

- (10). Nhà thờ họ.
- (11). Cơ người làng Vạn Cốc, phủ Tam Đái trước cũng chống lại chúa Trịnh, sau về hàng được làm quan to.
- (12). Ý nói: Mặc cho chúng tay khua môi múa mép, nói nọ nói kia, ta chờ cơ hội thuận tiện sẽ phá tung dây xích đang trói buộc ta mà tung cánh bay vút tận tầng cao vũ trụ, làm bạn với mặt trời.
- (13). Hải Thượng y tôn tâm lĩnh hay Lãn Ông tâm lĩnh: Bộ sách thuốc nổi tiếng của Lê Hữu Trác gồm 66 quyển, viết trong 30 năm.
- (14). Nay là xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên.
- (15). Sáu cơ quan do chúa Trịnh đặt ra để nắm hết quyền của sáu bộ bên vua Lê.
- (16). Bốn trấn ở bốn phía bao quanh Thăng Long; Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc.
- (17). Gồm các trấn: An Quảng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Tuyên Quang.
- (18). Đồ đạc do nộp ba quan tiền.
- (19). Được làm tri phủ do nộp tiền sung vào công quỹ.
- (20). Con trai của chúa sẽ nối ngôi.
- (21). Viên phó quan giúp việc quan đầu trấn (tinh).
- (22). Cơm vua.
- (23). Viên quan có thế lực nhất của chúa Trịnh Sâm.
- (24). Cho 20 người để hầu hạ khi đi đường.
- (25). Chức quan to đời hậu Lê.
- (26). Con trai Quận Huy.
- (27). Kiêng tiếng “thuốc” nên gọi chệch là “chè”.
- (28). Lí lẽ về nghề thuốc.
- (29). Theo lệnh chúa.
- (30). Ân thưởng của vua chúa.
- (31). Quyền thế vua chúa đe dọa.
- (32). Thầy thuốc có lương tâm.
- (33). Một loài như cá quả, cá chuối ngoài Bắc.
- (34). Thuộc phủ Quy Nhơn bấy giờ, nay thuộc Bình Định.

- (35). Bắt Nguyễn Phúc Luân tổng ngục, lập Nguyễn Phúc Thuần làm chúa.
- (36). Chỉ dân chúng.
- (37). Mỗi thước (đơn vị đo lường cũ) bằng 0,40m.
- (38). Nhân kế của địch mà làm kế của ta.
- (39). Bấy giờ, ở Xiêm La (Thái Lan) ngoài Chánh Vương (Vua Nhất) - còn gọi là Phật Vương, có Xô Xi là Nhị vương (Vua Nhì) và Ma Lặc là Tam Vương (Vua Ba).
- (40). Năm 1781, vua Xiêm đem quân xâm lược Cao Miên (Căm Pu Chia). Vua Cao Miên cầu cứu. Ánh sai Thoại Ngọc Hầu đem quân sang. Sau, Xiêm có nội biến bèn giảng hoà với nhau, cùng rút quân về.
- (41). Nay thuộc tỉnh Kiên Giang.
- (42). Nay thuộc tỉnh Tiền Giang.
- (43). Nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh.
- (44). Chỉ bọn Pháp đánh thuê giúp Nguyễn Ánh.
- (45). Lấy quân nghỉ ngơi sung sức đánh quân đi xa mệt nhọc.
- (46). Giáp giới Thanh Hoá và Ninh Bình ngày nay.
- (47). Huế.
- (48). Lễ thề quyết tâm đánh giặc.
- (49). Nay là thị xã Thanh Hoá.
- (50). Ý nói bảo toàn được nền độc lập và truyền thống văn hoá của dân tộc.
- (51). Còn gọi là “trấn”, như đơn vị cấp tỉnh ngày nay.
- (52). Hà Nam ngày nay.
53. Thuộc Hà Nội ngày nay
54. Thuộc Hà Nội ngày nay.
55. Thuộc Hà Nội ngày nay.
56. Thuộc Hà Nội ngày nay.
- (57). Bắc Giang ngày nay.
- (58). Tối ba mươi Tết.
- (59). Nơi vua ở, ngoài hoàng cung.
- (60). Các cụ làng Đại Áng sau được vua Quang Trung cho làm lễ thượng thọ và miễn trừ mọi đóng góp từ năm mươi năm tuổi.
- (61). Điều.

- (62). Chúa Trịnh Tông.
- (63). Nền văn hoá dân tộc.
- (64). Khoảng 1,2 mét.
- (65). Một tấc khoảng 20 cen-ti-mét.
- (66). Nay thuộc Hà Nội.
- (67). Nguyễn Văn Siêu cũng lừng danh về văn học nhưng hơn Quát mười tuổi.
- (68). Bậc thứ sáu trong hệ thống chín bậc chức tước của phong kiến.
- (69). Ý nói đã từng học hành đỗ đạt.
- (70). Chỉ Lê Lợi.
- (71). Nay thuộc Hà Nội.
- (72). Thuộc Vĩnh Phúc.
- (73). Người cầm đầu một tổng, đơn vị hành chính dưới cấp huyện, trên cấp xã.
- (74). Tục gọi là tổng Vàng.
- (75). Xưa quan văn tự xưng là cha mẹ của dân.
- Phấn phát: Hăng hái mà xuất phát. (BT)
- Tức Lào Cai ngày nay. (BT)
- Vinh diệu: Rực rỡ, vẻ vang. (BT)
- Vấn tâm: Tự hỏi lòng mình. (BT)
- Định kiến: Cái ý nghĩ đã có sẵn từ trước. (BT)
- Thanh giá: Danh giá, sự thể lớn. (BT)
- Kẻ sĩ thà chịu chết chứ không bao giờ chịu nhục. (BT)
- Nguyên huân: Người có công trạng lớn. (BT)
- Bợn: Làm xấu, làm ô uế, làm lụy đến. (BT)
- Tạm dịch: Giàu sang không dâm, nghèo hèn không đổi, quyền uy không thể khuất phục. (BT)
- Ở phần đầu cuốn sách ghi là làng Phượng Dực, tổng Phượng Dực. Tuy nhiên trong nội dung của bài điều văn, khi thì ghi là xã Phượng Vũ, khi lại ghi là làng Phượng Vũ... Nếu xét theo đơn vị hành chính ngày nay thì Nguyễn Văn Vĩnh sinh tại làng Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. (BT)

Phan Chu Trinh.

Ngô Đức Kế.

Bão phụ: Ấp ủ tài năng rắp đem thi thố với đời. (BT)

Chặt chĩa: nghĩa như chặt chẽ. (BT)

Phiên âm tiếng Pháp Police: Cảnh sát. (BT)

Phiên âm tiếng Pháp Coolie: Phu khuân vác. (BT)

Lý Nhỡ là một trong các bút hiệu của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Tân Nam Tử: một trong các bút hiệu của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Chế báng: Chế nhạo, nhạo báng, chê bai. (BT)

Tức trường, trường học. (BT)

Gián hoặc: Có lẽ chãng, họa chãng. (BT)

Giăng hoa như trắng hoa: Tình yêu hời hợt của những kẻ lăng lơ. (BT)

Con yểng: Loài chim lông đen mượt, hai tai có vết vàng, mỏ đỏ, bắt chước tiếng người được. (BT)

Phiên âm: Vật hữu bản mặt, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ. Câu này trích trong sách Đại học, một trong Tứ thư (Đại học, Luận ngữ, Mạnh Tử, Trung dung) của Nho giáo.

Bị mất một số đoạn.

Bị mất một số đoạn.

Bị mất mấy chữ.

Chữ ký tắt của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Quốc ngữ tân thức. (BT)

Đáng lẽ phải là d hay gi thì đúng hơn. (BT)

Tiếng An Nam vào chương trình trung học Đại Pháp. La langue Annamite au programme du Baccalauréat en Français, nhân đó có bài tiếng An Nam của Nguyễn Văn Vĩnh.

Châu Áo tức châu Úc. (BT)

(1) bảng Anh bằng 100 pence

(2) Blink(Trong chớp mắt) đã được Alpha Books chọn dịch và xuất bản.

(14) Tinh thần lạnh mạnh trong thân thể tráng kiện.

(15) Martin Lukes: nhân vật hài nổi tiếng trong phim Who Move My Blackberry. Ricky Gervais: diễn viên hài nổi tiếng.

(16) Jame Dayson: nhà thiết kế, kỹ sư người Anh, người phát minh ra máy hút bụi. Warrent Buffett: tỷ phú, nhà đầu tư lớn nhất mọi thời đại. Steve Jobs: Giám đốc điều hành của Apple. Steven Spielberg: đạo diễn nổi tiếng, ông chủ hãng phim DreamWorks và Paramount. Tiger Wood: tay golf số một thế giới.

(3) John Maynard Keynes (1883-1946): Nhà kinh tế học người Anh, là người khai sinh ra kinh tế học vĩ mô hiện đại.

(4) Giáo sư, tác giả chuyên về lĩnh vực tư duy, đặc biệt là phương pháp tư duy định hướng.

(5) Những quy tắc trong công việc, sách đã được Alpha Books chọn dịch và xuất bản.

(6) Arturo Toscanini (1867 – 1957): Nhạc trưởng người Ý nổi tiếng thế giới.

(7) Thứ Hai, ngày 19 tháng 10 năm 1987 đã đi vào lịch sử nước Mỹ, ngày hoang mang cực độ của ngành tài chính Mỹ. Chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 22,6% – mức giảm kỷ lục trong lịch sử thị trường tài chính. Hậu quả của nó không chỉ trong phạm vi nước Mỹ (phá vỡ thị trường tài chính và gây khủng hoảng cho ngành bảo hiểm và tiết kiệm – cho vay ở Mỹ) mà còn lan rộng ra phạm vi toàn cầu.

(8) 1 dặm \approx 1.61km

(9) Get Carter: bộ phim lấy bối cảnh ở vùng Đông Bắc nước Anh (ND)

(10) Là loại thuốc chống nếp nhăn có nguồn gốc từ ngoại độc tố do vi khuẩn yếm khí clostridium botulium sinh ra.

(11) Là những loại sản phẩm thông dụng và rẻ ở Mỹ.

(12) Ca sĩ, nhà tổ chức của sự kiện âm nhạc lớn nhất năm 2005 Live 8, ông được trao Giải thưởng hòa bình vì nỗ lực chống đói nghèo.

(13) Tên một môn thể thao.

1. Trong tiếng Trung, vương bát nghĩa là con rùa, con ba ba, hay tên khốn kiếp, hàm ý miệt thị.

2. Trương điếc.

1\.. Bốn câu đầu trong bài 'Kinh loạn ly hậu thiên ân lưu Dạ Lang ức cựu du thư hoài tặng Giang Hạ Vi thái thủ Lương Tế' (Sau cơn ly loạn được ơn trời

cho lưu lạc đến đất Dạ Lang nhớ bạn cũ gửi tặng thái thú Giang Hạ Vi Lương Tế) của Lý Bạch.

1\ Bài thơ 'Ký Vương Ốc Sơn Mạnh Đại Dung' (Gửi Mạnh Đại Dung ở núi Vương Ốc) của Lý Bạch.

2\ Tư Mã Quang (1019-1086) tự Quân Thực, hiệu Vũ Tấu, sử gia đời Tống, đã từng làm đến chức thừa tướng. Có giai thoại kể rằng, hồi nhỏ, Tư Mã Quang đã đập bể lu nước để cứu bạn bị ngã vào trong đó.

Table of Contents

Phần 8 Triều Trần đổ nát Núi Lam Sơn dựng cờ cứu nước

Sớ chém bảy người

Bức thư vạ lời

Gác thù riêng báo đền nước

Ăn cỗ đầu người

Truyền thuyết về chiếc gươm thần của Lê Lợi

Núi Lam Sơn dậy nghĩa

Lê Lai liều mình cứu chúa

Chuyện ông Hầu, Bà Hầu

Múa hát đuổi được giặc

Tay không cũng đoạt thành

Chiến thắng Tốt Động, Chúc Động

Giải phóng Đông Quan

Chiến thắng Chi Lăng, Xương Giang

Nguyễn Trãi

Phần 9 Phong kiến suy tàn Tây Sơn diệt thù trong giặc ngoài

Quan nhỏ khí tiết lớn

Trạng Lường

Trạng Trình

Quận He

Hải Thượng Lãn Ông

Tài nhảy của chàng Lía

Khởi nghĩa Tây Sơn

Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút

Bày trận diệt giặc Thanh

Chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa

Vua Quang Trung với Văn Miếu

Nữ tướng Bùi Thị Xuân

“Vua Ba Vành”
Thánh Quát
Vợ Ba Cai Vàng